

Tác Giả và Tác Phẩm

Phùng Cung (I)

Tiểu sử

(Xem *Vài hàng về tác giả*)

Tác phẩm

(Xem *Vài hàng về tác giả*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả I & II - 2

Con ngựa già của chúa Trịnh - 4

Phùng Cung, thơ và người - Nam Dao – 8

Mộ phách - 14

Những bài thơ hay trong tập Xem Đêm – Nguyễn Hữu Đang – 36

Dạ ký – 47

Phụ đính I:

Thơ Phùng Cung – Nguyễn Đình Toàn - 60

Nguyễn Hữu Đang và Phùng Cung – Tô Hoài - 62

Phùng Cung, ai liêu tảo mộ chiều nay – Thụy Khuê - 64

Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chí – Tường Năng Tiến - 73

Phùng Cung trong tôi – Ngô Minh - 77

Gặp Phùng Cung trong Hoả Lò – Nguyễn Chí Thiện - 42

Phụ đính II:

Phùng Cung – Thụy Khuê – 96

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả I



Nhà văn Phùng Cung sinh năm 1928 tại Vĩnh Yên. Ông tham gia “cách mạng” từ năm 17 tuổi (1945), đã hăng say đi kháng chiến chống Pháp, lên chiến khu Việt Bắc, mãi đến năm 1954 mới cùng với cơ quan Hội Văn Nghệ trở về Hà Nội.

Hồi năm 1956, ông có viết bài cho báo Nhân Văn của ông Phan Khôi và ông Nguyễn Hữu Đang.

Truyện *Con ngựa già của chú Trịnh* đăng trong báo Nhân Văn số 4, tháng 10 năm 1956 đã đánh dấu một khúc quanh trong cuộc đời và văn nghiệp của Phùng Cung: từ đó về sau, ông bị tù đày và vùi dập cho đến cuối đời. Mặc dù không “được”

đem ra xử như Nguyễn Hữu Đang, Thụy An và Trần Thiếu Bảo, nhưng ông đã bị đày hơn 12 năm trong các trại tù khét tiếng độc ác của chế độ Cộng Sản như Hỏa Lò, Bất Bạt, Phong Quang...

Chính lúc ở trại Phong Quang, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã gặp nhà văn Phùng Cung và có lần Nguyễn Chí Thiện hỏi Phùng Cung: “Anh có hối hận vì theo Đảng kháng chiến chống Pháp không?” Phùng Cung trả lời ngay lập tức: “Theo Đảng thì hối hận, kháng chiến chống Pháp thì không”.

Từ ngày nhận ra chân tướng của Đảng CSVN và bản chất của chế độ, Phùng Cung đã ly khai với chế độ, thà cất giấu những sáng tác của mình chứ không bẻ cong ngòi bút mà viết những điều sai với sự thật, trái với lương tâm. Vì thế, Phùng Cung đã để lại trên 12 truyện ngắn chưa được xuất bản trong nước. Tập thơ *Xem Đêm* được xuất bản trong nước vào năm 1995 chỉ gồm các bài thơ cho phép đăng sau khi đã bị kiểm duyệt kỹ. Còn tập thơ *Trắng Ngực* được sáng tác trong tù (1960-1972), chưa bao giờ được công khai ra mắt độc giả.

Phùng Cung mất ngày 9 tháng Năm 1997.

Vài hàng về tác giả II

Wikipedia

Phùng Cung (1928 - 1997) là nhà thơ, nhà văn Việt Nam thế kỷ 20. Ông tham gia phong trào nhân văn giai phẩm tại miền Bắc vào những năm 1955 - 1957. Sau đó ông bị bắt giam 12 năm trong các nhà tù Hỏa Lò, Bất Bất, Yên Bái, Phong Quang...

Tác phẩm khiến ông rơi vào vòng lao lý là: Con ngựa già của Chúa Trịnh và Dạ Ký, ngụ ý đả kích những văn nghệ sĩ bề cong ngồi bút, không dám nói thật tiếng nói của mình, *bị lưu đầy trong cối tung hô*.

Tiểu sử

Phùng Cung: sinh ngày 18 tháng 7 năm 1928 tại Vĩnh Yên. Năm 1945, ông tham gia kháng chiến. Năm 1949, địch trấn áp dữ dội vùng kháng chiến, ông phải rút lên Chiến khu Việt Bắc và tham gia công tác văn nghệ ở đó. Năm 1954, ông về sống tại Hà Nội và vẫn hoạt động văn nghệ cho đến khi bị bắt giam vào năm 1961.

Năm 1973, ông được phóng thích. Tuy nhiên vẫn bị quản thúc và theo dõi. Sau khi được phóng thích, ông sinh sống bằng nghề làm đing và vẫn âm thầm làm thơ. Tập thơ "Xem Đêm" của ông được nhà nước cho phép xuất bản vào năm 1995. Sinh thời, trong những năm tháng gian khó sau khi mãn hạn tù, ông là người anh kết nghĩa thân thiết của nhà thơ Phùng Quán.

Ngày 28, tháng 04, năm 1997, ông qua đời tại bệnh viện Saint Paul

Tác phẩm

- Con ngựa già của Chúa Trịnh (truyện ngắn)
- Dạ Ký (truyện ngắn)
- Mộ Phách (truyện ngắn)
- Kép Nghề (truyện ngắn)
- Chiếc mũ lông(truyện ngắn)
- Quán thổi (truyện ngắn)
- Xem Đêm (thơ)
- Phùng Cung - truyện và thơ

Bài thơ tiêu biểu

Chiều cun cút

Áo song chàng

Nón lá

Phối về quê

Dệt dạt tối ngày khoai dáy

Lúc thành thơ

Quần vận khẩu bò

Rong ruổi chốn rau dưa

Tôi gỡ rối

Khe khẽ ê a

Chiều cun cút

Con ngựa già của chúa Trịnh

Phương-Lộ là một làng nhỏ hẻo lánh, nằm lọt trong một thung lũng phía Nam chân núi Tản, cách chợ Đan-Lâm chừng bấy dặm. Từ Đan-Lâm vào Phương-Lộ, trên con đường đất mòn, ngoằn ngoèo men theo dòng suối; phải qua một chiếc cầu bằng đá vắt ngang suối, bên cạnh một ngôi đền nhỏ. Trong làng có lão già ho. Nông, hai đời chuyên nghề buôn ngựa ông cụ sinh ra lão ngày trước là mã-phu của triều Trần; khi mãn lính, trở về làng làm nghề buôn ngựa. Năm mươi bốn tuổi, lão đã theo cha ra chợ Đan-Lâm học nghề. Lớn lên, lão đã nổi tiếng khắp vùng về môn xem tướng ngựa.

Lão Nông có con ngựa trắng, mình kim, lông trắng như bông, lại lấp lánh như có nạm kim-cương, nên lão đặt tên nó là Kim-Bông. Lão thường khoe con ngựa này lão tìm mua được từ lúc nó chưa phát nha ở tận miền Nước-Hai. Lão đã từng đi nhiều nơi mà chưa thấy có con nào tướng phách toàn-mỹ như nó; có sức vượt hàng nghìn dặm với cái thể "cao đầu phóng vĩ" của nòi ngựa chiến.

Từ khi con Kim-bông bắc yên, ngày ngày lão cưỡi nó đi các nơi để buôn ngựa. Hàng năm những cuộc đua ngựa miền này, không cuộc đua nào vắng lão. Không cuộc đua nào con Kim-Bông không đoạt giải nhất. Từ đó tiếng con ngựa hay, mỗi ngày được truyền rộng ra khắp nơi và lọt đến tai chúa Trịnh.

Thuở ấy chúa Trịnh đang cần tuyển-mộ một đoàn kỵ-binh để bìnhđịnh đất nước, nên liền ủy một viên quan hầu-cận, tìm đến tận nơi hỏi mua.

Lão nông tuy luyến tiếc con Kim-Bông, nhưng nghĩ đến cái tài của nó lão sẵn sàng trao lại cho viên quan mà rằng : "Con ngựa của bầnđân thuộc loại quý mã, là vật, nhưng nó hiểu tiếng người. Bấy lâu nay nó sống với bầnđân ở nơi sơn-lâm hẻo lánh này, ăn cỏ núi, uống nước suối, tài nó có mà không được dùng, thật lòng bầnđân cũng tiếc cho đời nó lắm ! Nay chúa-công lại cho vời nó về chốn triềuđình để dùng nó xông pha chiến trận, bầnđân cũng được hả dạ vì đã làm vừa ý con quý mã và cũng bỏ công nuôi nấng tập luyện". Lão Nông miệng nói tay trao cương cho viên quan. Con Kim-Bông cũng đồng hai tai gật gật cái đầu như biết mình sắp được từ giã cảnh sơn lâm hiu quạnh, để về vùng vẫy chốn kinh-thành.

Trên đường về, viên-quan hết lời khen ngợi con quý mã; Kim-Bông phi như gió, giả lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn-tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng-Long.

Viên quan vào tàu với chúa Trịnh, hấn tả lại tướng phách cùng nước bay, nước kiệu của con ngựa. Chúa Trịnh lấy làm toại nguyện, và truyền cho các tướng tá chọn ngày mở hội đua để kén ngựa chiến.

Một buổi sáng, trên các ngã đường, nhânđân các vùng lân-cận nghe tin, lũ lượt đổ về xem như nước chảy. Hàng nghìn ngựa tốt từ các nơi đem về được sắp hàng tề chỉnh bên cạnh những kỵ binh nai nịt gọn gàng. Con Kim-Bông ngơ ngác trước quang cảnh mới lạ, lòng nó rộn ràng, mắt nó đăm đăm nhìn thẳng phía cuối đua trường : như để dương oai với đồng loại, nó nín hơi, tốp bụng, cất tiếng hí dài, lanh lảnh nghe sồn óc. Người kỵ binh đứng bên cạnh, bỗng né sang một bên, lao đao tưởng ngã. Bọn ngựa trở mắt nhìn Kim-Bông và cũng cất tiếng hí theo.

Sau ba hồi trống lệnh, các kỵ binh lên yên, ra roi, bắt đầu rời vạch. Đoàn ngựa lồng lên trong bụi lốc mịt mù, những miếng đất bắn ra tứ phía như mưa rào, nhânđân reo hò vang dậy. Chỉ trong chớp mắt, con Kim-Bông đã vượt lên hàng đầu, vừa hí, vượt lên, chân trước khoắm lại như móc sắt, đuôi bay như giải phurôn, tưởng như chân nó không hề chạm đất. ở phía xa người ta nhìn nó

chỉ còn thấy một bóng trắng lấp lánh, oằn lên, oằn xuống như một con rồng trắng uốn khúc. Nó bay tới phía nào là tiếng reo hò phía ấy vang lên không ngớt. Hàng loạt ngựa thấy sức mình không sánh kịp con Kim-Bông, bỏ dở cuộc đua, đứng dừng cả lại, hí hí nhìn theo cái bóng trắng nhỏ dần .. trong bụi nắng lòa của kinh-thành. Khi dứt hồi trống, con Kim-Bông dừng lại, tai nó ù đi vì tiếng reo hò ca ngợi của xung quanh, nó càng nức lòng, chân nó dậm xuống đất cồm cộp như muốn bay thêm hàng nghìn vòng nữa mới phỉ sức.

Khi tiếng trống lệnh chuyển sang phi nước kiệu, con Kim-Bông rời vạch một cái, là bốn chân nó bẫm liền trên mặt đất như guồng nước, tiếng chân võ rồn rã như mõ đồ hồi, đuôi trải ra trắng như một dòng nước chảy sôi. Nó chạy hết một vòng mà trên lưng nó một kỵ binh bưng một bát nước đầy, bát nước không sánh ra ngoài một giọt.

Lúc này nó thấy tất cả đua trường đều hướng nhìn về nó, trầm trở ca ngợi tài nó. Nó lại hí lên một tiếng thật dài kêu hãnh.

Sau cuộc đua này, nó được cả đua trường tặng danh là "Bạch long Thiên-ly-mã" và chọn làm mẫu mực để luyện tập cho cả đoàn ngựa chiến của triều đình. Cho nên chẳng bao lâu các đồng loại của nó cũng trở thành những chiến-mã lành nghề. Và từ đó nó cùng bày ngựa chiến xông pha chiến trận, trải nhiều trận vào sanh ra tử. Nó nhớ nhất là trận quân chiến bên bờ sông Gianh. Thế địch mạnh, quân địch đã thất vòng quanh nó, nhiều đồng loại nó đã phơi thây. Nó gắng hết sức mạnh, vùng lên như hổ đói, phá vỡ vòng vây, hạ thủ tướng địch, giành toàn thắng. Sau trận này, nó được chúa Trịnh chọn làm mã lệnh và được vào ở trong phủ Chúa.

Chúa Trịnh truyền cho quân lính, xây một chiếc hồ bán nguyệt, phía Nam vườn Thượng-uyển, để làm chỗ tắm cho mã lệnh, và cử hai mươi mã-phu ngày ngày trong nom săn sóc ngựa quý của Chúa.

Lần đầu tiên con "Thiên-ly" đặt chân tới Hoàng-cung. Trước mặt nó toàn những lâu đài nguy nga tráng lệ, trông phía nào cũng thấy vàng son chói lọi. Dưới chân nó toàn những đá xanh nhẵn bóng. Những cảnh vật mới lạ khiến nó sợ hãi. Nó bắt đầu mơ ước những cảnh sống khi còn ở bên ngoài cung cấm : "ôi chao ! Còn đâu những buổi sáng ta cùng đồng loại trên đua trường hàng vạn người ca ngợi tài ba ? Với cái sức khỏe bay hàng nghìn dặm, với cái thể "cao đầu phóng vĩ" hùng dũng như ta, đã bao phen xông pha trận tuyến, đời ta tù túng như thế này thì ta sống sao được ? Sao Chúa không cho ta được đem tài ra vùng vẫy trên chiến trường ? Hay Chúa đã quên ta là kẻ có tài ?".

Con Thiên-ly được vào ngự hãn trong mã đài ngày ngày chỉ ăn và tắm. Mỗi buổi chiều nó phải đứng một chỗ để dăm bảy mã phu mang kéo tia từng sợi mao, vuốt ve từng chiếc lông đuôi. Nó càng cảm thấy bận bịu, tù túng. Nó bắt đầu mơ ước những cảnh sống khi còn ở bên ngoài cung cấm : "ôi chao ! Còn đâu những buổi sáng ta cùng đồng loại trên đua trường hàng vạn người ca ngợi tài ba ? Với cái sức khỏe bay hàng nghìn dặm, với cái thể "cao đầu phóng vĩ" hùng dũng như ta, đã bao phen xông pha trận tuyến, đời ta tù túng như thế này thì ta sống sao được ? Sao Chúa không cho ta được đem tài ra vùng vẫy trên chiến trường ? Hay Chúa đã quên ta là kẻ có tài ?".

Một buổi sáng, nó đang đứng trong Mãđài, hai con mắt dăm dăm vọng ra ngoài bức thành cao ngất, nó bỗng thấy một mã-phu nai nịt gọn ghẽ, khác ngày thường, đến giắt nó ra đứng dưới mái hiên, phía tả hành lang. Nó sững sốt, tưởng phen này lại được xông trận. Một mã-phu khác trải lên lưng nó một tấm gấm điều, xung quanh thêu kim tuyến. Nó ngoái cổ lại, bỗng thấy mình đẹp như phượng hoàng. Hai mã-phu nữa mang đến đằng sau nó một vật gì vuông vắn giống như một nhà lầu, gấm vóc xanh đỏ phủ quanh. Một mã-phu nữa mang cương đóng vào gáy nó. Bộ cương quý giá và đẹp dễ làm sao ? Đời nó chưa từng thấy. Hàm thiếc bằng bạc : hai đầu nạm vàng sáng lóe. Nó sung sướng gục đầu xuống nạp hàm thiếc một cách ngoan ngoãn. Khi mã-phu buông tay : lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng hai cái lá đa che ngang hai bên mắt khiến nó chỉ có thể nhìn

thẳng phía trước mà thôi. Rồi một mã-phu đẩy nó lùi lại, đứng giữa hai càng gỗ sơn son thếp vàng. ủa lạ quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này ? Ta sẽ làm gì đây ? Nó rung mình, thấy hãnh diện như được sống một kiếp sống khác, sung sướng hơn trước.

Bồng dựng hai càng gỗ dúi mạnh một cái, cổ nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngốc được lên thì giây cương đã ghìim thẳng. Nó cất bước thấy nặng; cái nặng quái gỡ, như bóp nghẹt lấy cổ, có lúc bênh bồng nhẹ đi một chút, nhưng rồi gáy nó càng như lún xuống. Nó phải cố lấy gân bốn bó mới giữ được cái thế đứng đường bệ. Rồi bồng có một ngọn roi da quất nhẹ vào mông, nó cảm cổ đi. Khi nghe tiếng bánh xe nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho chúa.

Nó gục đầu xuống lùi thúi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt nó lơ lơ nhìn thẳng, mỗi mệ, chán ngán.

Nhưng chẳng bao lâu, những chậu thóc trộn mật vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quân-tử vừa thơm vừa ròn sậm sứt đã cùng những buồn tủi sầu muộn, cùng những ước mơ trôi qua ruột, tống ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên-lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa cho đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên-lý-mã.

Trong những buổi chiều nó thấy hàng trăm đôi hia, ủng và đủ các loại ống quần, tà áo, văn có, võ có, lướt đi lướt lại trước mắt, nó càng thấy chức vị nó to tát ghê gớm ! Chốn thâm nghiêm cung cấm nào mà chân nó không bước tới ? Có việc quốc-sự triềuđình nào vắng mặt nó ? Nó đi đến đâu cũng thấy người chấp tay khấu đầu tung-hô Vạn-tuế. Đờn nó quả là đã sang một bước đường hiển hách, hơn tất cả những lúc oai-phong chiếm giải đầu trên các trường đua.

Một buổi chiều, trên cổng thành đã nổi trống thu không, mặt trời đã khuất hẳn mái lầu tây, mặt hồ đã gợn lên một màu đỏ nhạt của giáng chiều, nó sung sướng kéo Chúa cùng Bà Phi đi ngoạn cảnh. Đi chẳng cần đến đâu, nó được đôi lúc thôngđông đứng lại, soi bóng dưới nước. Chà ! mắt nhìn mặt, ta uy nghi lộng lẫy đến thế này ư ? Kia hai lá đa che mặt ta có khác gì hai cánh mũ của vị đại thần ? Hai càng gỗ khác gì tay ngai ngày ngày Chúa vẫn ngự ! Phải chăng giờ đã an bài cho số phận ta ! Nó càng nhìn càng thấy bóng nó dưới nước to ra, to mãi, uy nghi trong sắc nước lẫn sắc trời.

Nó đang say sưa ngắm bóng bồng giây cương lại giật mạnh. Mép nó găng thẳng ra, nó lại bắt đầu cất bước. Xe tới đầu vườn thượng-uyển, có lệnh dừng lại. Tức thì hai bên tay ngai dìm mạnh cổ nó xuống rồi lại bênh lên nhẹ bồng. Nó vừa ngóc đầu lên thì một luồng gió mát, lướt đưa vào lỗ mũi nó những hương thơm ngào ngạt của muôn hoa. Nó phồng hai cánh mũi hơn mặt lên thì gấu xiêm màu thiên-thanh của Bà Phi phát nhẹ qua mặt nó. Nó cảm thấy một vị thơm đậm đậm. Nó đưa mắt nhìn theo chỉ thấy từ ngang lưng trở xuống của Chúa và Bà Phi. Gió hồ lồng vào vạt áo Chúa và giải xiêm Bà Phi, làm căng phồng lên và đú đờn múa may trước mặt nó. Nó cảmđđộng, đứng ngẩn ra, hai mắt dương thao láo : "Chà ! Thật là ngoạn mục ! ôi ! Giời đã ban cho ta đôi nhãn ngọc để riêng ta được nhìn những vưu-vật của trần-gian, ta đội ơn Trời" .

Càng nhìn theo càng thấy ngoạn mục, nó càng thấy hối hận với những sự việc ngày trước. Nó dậm chân xuống đất cộp cộp mắt nó nhắm lại, đầu nó đập vào hai càng xe như để nhận lấy một hình phạt xứng đáng với tội lỗi của mình. Vừa đập đầu vừa kể tội : "Tội thứ nhất là khi chưa vào phủ ? Chúa ta đã để cho Chúa và Bà Phi phải vất vả khó nhọc biết chừng nào ! Tội thứ hai : Sao ta dám đem một việc nhỏ bé tầm thường so sánh với chức mã lệnh đáng tôn kính của Chúa đã ban cho như thế chẳng phải trước đây ta đã phụ ơn Chúa hay sao ? Tội ta thật là đáng phan thân mới phải. Nếu ta chỉ nghĩ đến cuộc đời phóng khoáng, chỉ nghĩ đến những lúc cùng đồng loại đua tranh, thì lấy ai để cùng Chúa gánh vác giang-sơn, làm cho trăm họ được an-cư lạc-nghiệp ! Ỗn hưởng lộc Chúa, sức ta ngày một cường tráng, thì cái vượt hàng ngàn dặm đối với ta còn gì

đáng kể ". (Đoạn này miêu tả thú tội và ăn năn trong các lớp chỉnh-huấn).

Sống một cuộc đời lạng lẽ trong phủ ? Chúa, bằng sự kiêu hãnh với chức mã lệnh, chẳng bao lâu trên bờm, mao con Thiên-ly đã trồi lên một lớp lông vàng sòe. Trước mãđài nó đã nhìn thấy những cây cảnh bao lần đổi lá. Nhưng nó không biết đời nó đã chuyển dần về già. Tài nó cũng đã mòn mỏi. Nó vẫn tưởng nó còn sức chạy dư ngàn dặm.

Có một buổi sáng, nó được kéo xe đê ? Chúa cùng Bà Phi ra ngoạn cảnh ngoại thành. Từ ngày vào phủ ? Chúa, lần đầu nó được đi ra ngoài. Nó ước ao được thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ ? Chúa, bon bon trên con đường đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trước, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ như tự hỏi : " Làm sao con đường này ngày xưa rộng mà nay nhỏ bé như thế này ! ". Đi được một quãng nó nhìn lên phía trên, lại dừng lại tự hỏi : " ô hay, ngôi chùa kia, ngày xưa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà bây giờ lại nhỏ bằng con đường ta đang đi là nghĩa làm sao ? ". Tất cả những cảnh vật trước mắt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một con đường thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến màu gò xanh cũng chỉ thu nhỏ lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn được một chiều.

... Xe đi mãi. Lúc gần đến một thao trường, nó bỗng nghe tiếng hí của đồng loại. Tự dưng nó hớn hờ : " Chắc các chú em bao lâu không gặp ta, sẽ khấu đầu chúc tụng ". Vừa nghĩ nó vừa cất nhanh bước. Xe vừa tới thì đồng loại nó cũng nhảy bổ đến trước mặt nó, miệng hí chân cất tiền, cất hậu như chệ bai nước đi và tướng mạo của nó. Nó tím gan, hí lên một tiếng như để quở mắng : " Bọn nhãi kia, tội các chú đáng chết đầu làm lệnh ! Các chú không biết ta là ai ư ? Đã quên tài của anh đấy rồi sao ? ". Tất cả đồng loại nó, nghe cả rằng, và í í lại trong cổ : " Chúng tôi biết bác lắm, biết bác ngày xưa là kẻ có tài nhưng bây giờ chúng em nhìn qua đã thấy bật cười về tài của bác. Thôi bác ạ ! Đừng khoe tài nữa, chúng em đây ngại bác không rời được khỏi cái xe của Chúa ! Rồi ra thì thóc kia trộn mặt ai ăn ? ".

Con Thiên-ly uất lên, muốn thoát khỏi xe xông thẳng ra ngoài để tở sức, nhưng trên xe lại dật cương. Nó bực lắm nhưng cũng phải cầm đầu đi. Vừa đi vừa nghĩ : " Những kẻ ngu si hèn mạt kia, ở đời này bay chỉ nhìn có một chiều. Bây không biết được ta làm đây để mấy kẻ đã làm được ! Sức bay được mấy nả mà vội kiêu ngạo, bay chạy được vài dặm đã phờ mao sều dài. Rồi đây ta sẽ cho bay biết tài ba ! ".

Và hình ảnh một trường đua gió lộng, bụi cuốn, cờ bay, bỗng hiện ra, như thách thức. Con Thiên-ly-mã vẫn tin mình còn đủ sức phi lên hàng đầu.

Sự đời biến đổi. Sau đó ít lâu, chúa Trịnh được tin nhiều tướng tá thua trận ở bên bờ sông Gianh. Chúa định thân chinh đi, nên truyền cho viên tướng trông coi về kỵ binh mang mã lệnh ra đua trường để ôn dượt trước khi xung trận. Viên tướng liền cúi đầu tâu lại : " Muô n tâu Chúa-công, hiện nay trong triềuđình thiếu gì ngựa chiến có dư sức vượt hàng nghìn dặm, và đã từng dục trên dưới một trăm trận. Xin chúa-công để tiểu tướng được chọn dâng một con mã chiến có sức khỏe vào bực nhất. Còn như con mã-lệnh, cứ nên để nó k éo xe; vì từ khi đem nó vào phủ ? Chúa, nó ăn thì nhiều, lại không hề luyện tập, tài nó ắt không được như trước. Nếu chúa-công dùng con mã lệnh để ra trận, tiểu tướng áy náy lắm ! ".

Nghe tâu trình, chúa Trịnh cũng thấy viên tướng là có lý, nhưng chúa vẫn còn tin ở tài con mã lệnh, Chúa bèn hạ lệnh cho mang con mã lệnh ra tở sức cùng các chiến mã khác để tiện bề kén chọn.

Con Thiên-ly-mã được dịp rời phủ ? Chúa ra đua trường. Hai cái lá đa đã được cất đi. Nó bàng

hoàng nhìn giời, nhìn đất, mắt nó hoa hoa, đầu nó choáng váng. Cảnh vật như quay chong chóng, cây như mọc ngược, núi như đổ xuống. Vừa gặp đồng loại một cái, nó cố đóng hai tai tóp bụng lại lấy hơi hí một tiếng để dương oai. Nhưng tiếng hí của nó vừa ré lên thì cụt lủn như vật gì nút lấy mồm. Các đồng loại của nó cũng nhe răng ra cười rồi cùng cất tiếng hí làm cho nó càng uất. Không chờ tiếng trống lệnh, nó đã lồng lên, tức thì các đồng loại của nó cũng bỏ rạch vượt theo. Tiếng trống liên hồi, con Thiên-ly càng cắm cổ chạy. Nó đã tưởng mình thắng cuộc, nó đắc chí ngoáy đầu lại thì bọn ngựa chiến đã tới sát đằng sau. Chỉ trong chớp mắt nó bị tụt lại. Không chịu, nó càng lồng lên. Bỗng nó thấy nhói một cái ở trong ngang bụng như bị một nhát gươm chém mạnh nó ngã vật xuống, vùi đầu trong bụi lốc của đàn ngựa bay qua, nó biết là đứt ruột, không thể sống được. Nó gắng mở to hai mắt, rên lên một tiếng như nói rằng : " Tiếng tam lừng lẫy của ta chỉ có thể chết ở chiến-trường. Nhưng, than ôi ! Bãi cỏ này cũng là bãi chiến-trường, chết thế này cũng là chết vì giang-sơn, vì Chúa !" .

Trước hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tàn, ngóc đầu lên cao, co co hai chân trước, thẳng thẳng hai chân sau, chùng như để cố giữ lấy cái thế "cao đầu phong vĩ".

Hà-nội 10-1956

Phùng Cung, thơ và người

Nam Dao

Kính viếng Phùng Cung và Phùng Hà Phủ

Năm 14 tuổi, tôi đọc Con Ngựa già của Chúa Trịnh. Đọc lén vì bản thảo nằm trong một cái tủ cha tôi khóa kỹ, thỉnh thoảng mở ra rồi thận trọng nhét vào một cái hồ sơ trên có đề chữ mật. Chữ này đầy mãnh lực, hấp dẫn đến nỗi quên ăn quên chơi ngay ở tuổi tôi đang lớn. Tôi đánh được chìa, mở tủ lấy hồ sơ, leo lên trần nhà. Ghé vào những khoảng sáng hắt qua kèo cột, tôi say sưa đọc, mồ hôi nhễ nhại trong cái hừng hực nóng của mùa hè Sài Gòn đỏ lửa. Năm sau, cụ Hoàng văn Chí in Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc. Tôi lại đọc lại, lần này đang hoang đọc. Nhưng tôi chưa thật hiểu thế nào là ẩn dụ, tuy bụng vẫn quặn thắt đau cái nỗi đau của con ngựa chiến đứt ruột chạy vòng cuối, cái vòng khốn nạn của thứ định mệnh oái oăm.

Lần đầu tôi đọc Phùng Cung khi ông ta vừa 30 tuổi. Về Cải Cách Ruộng Đất, ông Võ Nguyên Giáp đã công khai nhận sai sót, và như một hình thức kỷ luật, ông Trường Chinh thôi chức Tổng Bí Thư Đảng Lao Động. Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm đã yên ắng. Tuy thế, người ta vẫn xử lý nội bộ, định tội, bắt đi "thực tế", bỏ tù và vô hiệu hóa những người dám đòi lại quyền lãnh đạo văn chương-nghệ thuật về tay chính những kẻ làm văn chương-nghệ thuật mà không chịu uốn cong ngòi bút phục vụ những tiêu chí thuần chính trị, những khẩu hiệu vô hồn, những ý đồ được khôn khéo che đậy bằng thứ ngôn từ uốn éo như rắn hổ mang chui ra từ những chiếc lồng khi nghe tiếng kèn phù thủy. Năm sau, tình hình miền Nam sôi sục. Những người tập kết xoắn xang tung hô khẩu hiệu giải phóng miền Nam, bộ xe-pháo Duẩn-Thọ phát cờ, trong khi mâu thuẫn giữa Trung Quốc mao-ít và Liên Xô xét-lại đã hóa ra công khai. Với miền Nam, giải phóng thế nào đây? Chiến tranh cách mạng kiểu Bắc Kinh hay vận động chính trị trong bối cảnh chung sống hòa bình Mốt-cơ-va? Đột nhiên, cái gọi là «xét lại chống Đảng» được xì xào như một mối nguy cơ, và nhân đây đâm thân Tàu tiếp tục cuộc «chính đốn tổ chức» đã phải bỏ lưng chùng trong đợt sửa sai Cải Cách Ruộng Đất. Những mối thâm thù lại có cơ tác quái, và mọi thứ bạo lực từ những động cơ ngu muội tỏ hồng bằng bạo lực Cách Mạng được xử dụng nhằm thanh trừng nội bộ, xoán chiếm quyền lực mông muội. Tiểu tư sản-trí thức thành thị- cái anh tạch tạch sè- thỉnh linh thành đối tượng đấu

tranh của giai cấp nông dân (được nâng cấp thành liên minh công-nông). Vào năm 1961, người ta bắt Phùng Cung khi chị Thoa- vợ anh- có 2 đứa con còn cấp nách.

Tại sao?

Hơn bốn mươi năm sau khi đọc Con Ngựa già của Chúa Trịnh, đầu tôi vẫn cứ một câu tại sao? Phùng Cung xưa phụ trách nhà in, không “chính trị” như Nguyễn Hữu Đang, uy tín như Phan Khôi, và cũng không là chiến tướng như những Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán... Trừ Đang và Thụy An, tất cả đều đi thực tế, một cách cải tạo không phải là gay gắt nhất. Sau thực tế thì về Hà Nội nhưng bị treo bút, cô lập. Khổ nhất là bị cô lập, không ai dám “dây với hủi”, kể cả những người trong gia đình!

Năm 1999, tôi có dịp hỏi một nhân chứng ruột thịt của Phùng Cung. Con anh, là Phùng hà Phủ, đến thăm tôi vào dịp Giáng Sinh. Phủ kể, “...thời Cải Cách Ruộng Đất, ông nội cháu lo vì có thể bị qui là địa chủ cường hào, và quả là sau ông bị đấu tố rồi đưa lên giam trên Thái Nguyên. Bố cháu lên thăm, nhưng đến nơi thì mộ ông cháu mới đắp, trên chỉ có một ngọn sắn lá đã héo để đánh dấu, đất còn ướt...”. Phủ châm thuốc lá, rít một hơi, thở dài “thế mà trước đó bố cháu cứ tin rằng có một bầy con đi kháng chiến thì sẽ chẳng đến nỗi nào!”. Nói qua quít để an ủi, tôi bâng quơ “chắc ông ấy hận lắm...”. Cờn thanh củi cho cháy bùng lên trong lò sưởi, Phủ khe khẽ lắc đầu. Lát sau, Phủ trầm ngâm “Bố cháu hận thì không, nhưng buồn thì có. Buồn đến độ bố cháu chẳng còn muốn gặp ai...Sau, bố cháu kể, oan thì có oan, sai thì có sai, nhưng thời đó chuyện ấy đầy rẫy, cải cách rồi sửa sai...”. Nghe Phủ thì thào, tôi thốt nhiên chột dạ. Tôi nhớ đến lời những lãnh tụ nhân nhũ, cứ vừa làm vừa học, rút kinh nghiệm, hễ thấy sai thì sửa. Trời ơi, nhưng sai mà gây ra án mạng, cướp sống những cuộc đời vui vào ba tác đất oan khiến mất rồi thì sửa làm sao? Nhưng sai mà phá tan nát cái cấu trúc cơ bản làng xã, kích thích lòng tham lam và hận thù khiến nhân nghĩa lộn lạo, thì sửa làm sao?

Sửa thế nào được khi những con rắn giáo ba đầu sáu tay lẩn vào ước mơ và dùng ngôn từ để ngọc đầu nhe răng phun nọc!

Phùng Cung chỉ buồn? Anh tiếp tục công tác trong cơ quan hội Văn Nghệ. Đến khi Nhân Văn ra đời, anh đợi đến số 4, tháng 10, năm 1956 mới đưa in Con Ngựa già của Chúa Trịnh. “Thế thì 5 năm sau, tức vào năm 1961, người ta lại bắt bố cháu đi tù? Và tù liền 12 năm? Tại sao?” Phủ không trả lời, chỉ thở dài. Nhưng sao tôi nghe đâu đây như có tiếng ngựa hí? Không, ở xứ này giờ đây là mùa Đông, ngoài trời lạnh -20 độ C, nước chỉ dăm phút là đóng đá. Gió rít lên, lửa trong lò sưởi chập chờn, tuyết bay bám vào cửa kính vẽ mờ hồ những đoá hoa trước lúc hóa băng.

Tại sao?

Lại tiếng ngựa, nó hí, vó đạp lộp cộp xuống mặt đất co cứng. Con Kim Bông chẳng? Chắc nó đang “cao đầu phóng vĩ”, cái thế con Thiên lý mã lệnh xông xáo trận mạc ven sông Gianh. Mà nào đâu sông Gianh, nay hòa bình lập lại rồi. Đây là Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Như vậy thì Kim Bông đang hàm ân thánh đế, ở mã đài, để bọn mã phu dẫm bầy đứa chả bờm tĩa lông. Rồi một ngày:

“...khi mã phu buông tay; lạ lùng lắm, nó thấy hai vật gì to bằng cái lá đa che ngang hai bên mắt, khiến nó có thể nhìn thẳng phía trước mà thôi. Rồi mã phu đẩy nó lùi lại, đứng vào giữa hai càng

gỗ sơn son thếp vàng. Ủa lạ quá chừng, những cái gì mà đẹp thế này? Ta sẽ làm gì đây? Nó rùng mình, thấy hãnh diện như được sống một kiếp sống khác, sung sướng hơn trước.

Bỗng dưng hai càng gỗ dúi mạnh một cái, cổ nó bệt xuống, miệng nó gần chạm đất, nó vừa ngóc được thì dây cương đã ghì thẳng. Nó cất bước thấy nặng; cái nặng quái gở, như bóp nghẹt lấy cổ, có lúc bênh bồng nhẹ đi một chút nhưng rồi gáy nó càng như lún xuống... Khi nghe tiếng bánh xe nghiền trên mặt đá, nó mới biết là nó đang kéo xe cho Chúa.

Nó gục đầu xuống lúi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt lơ lơ nhìn thẳng, mỗi một, chán ngán...”

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh)

Phủ tiếp, giọng trầm hẳn xuống, Bố cháu ra tù khi hai anh em cháu đầu mười một, mười hai. Một hôm, cả nhà cháu đi bộ trên lề phố Trần Hưng Đạo, khúc gần Bà Triệu, thì có tiếng gọi, Cung ơi, Cung. Mọi người quay lại. Bác Dần đứng lề bên kia vẫy. Bố cháu chưa kịp phản ứng thì mẹ cháu giằng lấy tay, miệng van vỉ, em lậy anh, đi thôi... Em và các con đã khổ lắm rồi... Đi thôi, anh ơi! Ra tù, bố cháu cách ly với bạn bè, chỉ chuyện áo cơm cũng đã khổ sở. Đập đình, rồi làm bánh. Và khi có việc thì nê, mợc... Thế mà công an họ cứ đến “làm việc”, không bỏ tinh thần đến độ mẹ cháu bảo thà là ở trong tù còn hơn...

Tại sao? Hay là...

“ Nó gục đầu xuống lúi thủi kéo chiếc xe qua sân, hai mắt lơ lơ nhìn thẳng, mỗi một, chán ngán. Nhưng chẳng bao lâu, những chậu thóc trộn mật vừa ngọt vừa bùi, những bó lá trúc quân tử vừa thơm vừa dòn sậm sực đã cùng những buồn tủi sâu muộn, cùng những ước mơ trôi qua ruột, tống ra ngoài trả lại cho quá khứ. Con thiên lý dần dần quen với chức vị. Nó thấy mình phải phò Chúa đến hơi thở cuối cùng mới xứng danh Thiên lý mã” *(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh)*.

Chức vị nào trong Hội? Hội Nhà Văn hay liên hiệp hội Văn Học Nghệ Thuật? Ông Nguyễn đình Thi? Hay là ông Tố Hữu? Hay cả hai. Hoặc lại ông Tô Hoài, con để mèn phiêu lưu nó phình to hơn chính người ông, như Phùng Cung từng nhắc lại sau này trong một truyện ngắn? Tôi không biết. Và nay, có những người đã nằm xuống. Nghĩa tử là nghĩa tận. Tôi chép bài thơ Bụi sao rơi, rất Phùng Cung, gửi viếng họ:

Đèn bên sông
Hay bụi – sao rơi
Mà hiu hắt cơ hồ muốn tắt
Có phải bóng hình người
Đã khuất
Mộng công hầu chưa đạt
Nay lại lần về mượn cửa
tái sinh.

Con bão tuyết đêm qua đánh tan những đám mây khiến sáng dậy mặt trời nở ra rực rỡ. Dưới ánh nắng tươi vàng, hai chú cháu đi dạo trên những con đường tuyết phủ trắng tinh, chưa một vết chân, chưa có gì thừa thãi, dấu một lời, dấu một hơi thở. Chúng tôi bước trong giấc mơ nguyên thủy, khi lời nói còn âm điệu tiếng chim ban sơ. Phủ ngừng chân, buột miệng “...tiếc là bố cháu chưa gặp chú!”. Chép miệng, tôi ngân ngữ, duyên phận cả. Phủ kể, bố cháu một hôm nắm tay cháu, cao hứng đọc thơ cho cháu nghe. Bố bảo họ Phùng nhà ta chẳng có gì, chỉ có cái này, tay

đưa cháu một tập bản thảo, toàn chữ là chữ. Cháu còn ngờ ngác thì bố cháu đập tay lên vai, cười, "...có cái này là có đóng góp cho đời...Con phải biết hãnh diện! "

Tôi nói, Phũ nhớ, đọc một bài đi. Phũ rưng rưng :

*...mồ hôi Mẹ
Tháng ngày đăm đăm nhỏ giọt
Con nín giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người*

Tôi lặng đi, lần đầu nhớ một người chưa gặp.

Lát sau, nhìn Phũ, máu mũi của cái con người ấy, tôi thành thực "...Chú gặp bố cháu rồi đấy. Gặp ở cái thế Đứng. Đứng dậy làm người". Vừa dứt lời, tôi ứa nước mắt. Vâng, dấu nước mắt là cái chẳng một ai dám tưởng mình có thừa!

*

Vào đầu thập niên 80 tôi có hỏi nhưng không một ai biết gì ngoài Con Ngựa già của Chúa Trịnh. Như vậy, chẳng phải những Truyện Ngắn viết từ 56 đến 59 nhưng không phổ biến đã là cái đây Phùng Cung vào cảnh tù tội. Thế thì Tại sao? Nói đến chức vị thôi, làm sao có thể gây thâm thù đến độ đay đọa nhau đến thế? Bỗng đâu tiếng chân ngựa lại chậm rãi lộp cộp. Có phải vẫn Kim Bông, con ngựa Mã lệnh mang danh Thiên lý nay kéo xe...

"...Từ ngày vào phủ Chúa, lần đầu nó được đi ra ngoài. Nó ao ước thăm cảnh cũ. Xe ra khỏi phủ Chúa, bon bon trên con đường đất rộng thênh thang. Nhìn thẳng phía trước, nó lấy làm lạ, nó kêu í í trong cổ như tự hỏi " Làm sao con đường này ngày xưa rộng mà nay nhỏ bé như thế này!" Đi được một quãng nó nhìn lên phía trên, lại đứng tự hỏi : " Ổ hay, ngôi chùa kia, ngày xưa rõ ràng nằm bên cạnh một quả đồi lớn, mà bây giờ quả đồi lại nhỏ bằng con đường ta đi là nghĩa làm sao? " Tất cả những cảnh vật trước mắt nó đều nhỏ lại, và thẳng tắp. Nó nhìn cánh đồng, cánh đồng cũng chỉ là một đường thẳng. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến màu giời xanh cũng chỉ thu lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho nó nhìn được một chiều.

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh).

Anh Cung, chịu anh! Quả đồi cũng thẳng, màu trời xanh cũng thẳng nốt, và tất cả đều nhỏ bé lại bằng con đường ta đi. Anh nói thế là chậm nọc rồi, và lại nói gần năm mươi năm trước như một lời tiên tri, ở thời điểm có kẻ lu loa rất "khoa học" là có sức người sỏi đá cũng thành cơm!

Ồi cái thân trâu ngựa! Kim Bông hỏi Kim Bông! Con ngựa chiến đi kéo xe, " trước hơi thở cuối cùng, nó lấy hết sức tàn, ngóc đầu lên cao, co co hai chân trước, thẳng thẳng hai chân sau, chùng như cổ để giữ lấy cái thế "cao đầu phóng vĩ" . "

(Trích Con Ngựa già của Chúa Trịnh).

Cái thế đó còn gọi là cái thế có kẻ ao ước làm một tên hát rong, un chantre, mà Tố Hữu kể cho Phùng Quán nghe vào lúc thất thế cuối đời. Chantre, là kiểu Văn Cao gọi Trịnh Công Sơn. Và đến nay tôi vẫn chưa hình dung ra nổi sự tương đồng giữa Sơn và nguyên Ủy viên Bộ Chính Trị ĐCSVN Tố Hữu. Ô hay, tôi ơi, đừng tuyệt vọng!

Đến giữa những năm 90 người ta mới biết có Xem Đêm, và câu chuyện cảm động : Nguyễn Hữu Đang mang hết tiền dành dụm chắt bóp cùng Phùng Quán tìm cách in thơ Phùng Cung. Phủ nói, cháu có tâm nguyện in cho bố cháu một tuyển tập. Dẫu có đọc, nhưng đọc chút ít, tôi khuyên, thơ không cần nhiều, nhưng phải hay. Một đời thơ chỉ 5,10 bài là đủ. Phải đến khi Phủ chuyển cho tôi, tôi mới biết dòng thơ Phùng Cung có cái chất long lanh của những hạt sương đọng trên cánh lá non xanh một sáng tinh mơ của vạt vật. Mời nhau cùng nghe:

Lá súng lát mặt ao
đốm ngọc
Con sộp phàm vô hảo
Bóng hoa lay
Lá tre rụng
Nhuộm hoàng hôn đỏ gạch
Tiếng cuốc bèo da diết
Gọi Ngày Mai

Đó con sộp là con gì? Tôi mở Từ Điển Tiếng Việt do Trung Tâm Ngôn Ngữ ở Hà Nội in năm 1992, nguyên Chủ Tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Phạm Văn Đồng có viết tay trân trọng giới thiệu, là quyển từ điển đầu tiên ở nước ta do một tập thể cán bộ ngôn ngữ học biên soạn trên cơ sở tư liệu tương đối đầy đủ. Tra xem sao :

Sộp t (kng.) Sang, tỏ ra nhiều tiền và hào phóng. Khách sộp, Vợ được món sộp.

Thế thì con sộp là cái quái gì? Từ điển im như hén. Vậy xin mách, sộp, danh từ, là một loại cá sống trong ao. Còn phàm. Để thôi. Con Mực phàm ăn vỏ hào cục xương. Nhà thơ phàm danh vô hảo những con chữ trống trơn. Thế mà sao Nhà Nước ta không mời Phùng Cung vào làm Từ Điển nhỉ?

Nhưng thôi, cho tôi quay về với thơ, không chơi trò chiết tự nữa. Đầu tiên, phải kể cái kho chữ Phùng Cung. Chữ thôn dã, nhưng anh nâng lên thành một vẻ đẹp hồn nhiên, chẳng khác cái duyên thâm không tô son điểm phấn, mà sao nét cười quanh vành nón cứ vấn vít lòng ai. Xin kể : Đêm về khuya. Trăng ngả màu thiên lý. Tiếng gọi đò. Căng chỉ sang sông . Hay là Gió bạc cánh. Chưa hết vòng kim cổ. Làng cách làng. Từng quăng – phong dao. Hoặc Chó sủa làng xa. Sủa hơn xóc ốc. Sáo diều ai hót – gió ven sông. Quay lại cấu trúc thơ, dẫu câu có cắt ra 3 hay 4 chữ, ta vẫn dễ dàng nhận ra gốc gác Đường thi. Nhưng trong thơ Phùng Cung, ngôn ngữ và hình ảnh thuần ca dao, nâng cái đẹp chân quê lên mức hết sức trang trọng với mặt ao đốm ngọc, hoàng hôn đỏ gạch. Và không chỉ có cái đẹp hình thức, nhà thơ đột nhiên để tiếng cuốc bèo da diết gọi Ngày Mai nói thay cho lòng mình, tức là chuyển đi cái nội dung mà thơ hay văn, bất kể hình thức nào, cũng cần có để sống còn với thời gian.

Anh Cung, tiếng cuốc trong thơ anh chắc cũng đau đầu cái nỗi đau con quốc quốc của Bà Huyện Thanh Quan. Nhưng chỗ tụ lửa trong tâm hồn anh, tôi đồ, vẫn là Ngày Mai anh viết hoa. Và anh vẫy gọi. Da diết gọi.

Nhưng Ngày Mai ở đâu? Và bao giờ, hờ anh?

Lần cuối về Hà Nội, tôi đến thăm anh Hoàng Cầm và báo tin Phùng hà Phủ đã qua đời. Phủ đi làm về, ghé quán bia với bạn, bỗng ngật người đi hôn mê, đưa vào cấp cứu nhưng không qua được bàn tay tử thần. Rủ nhau xuống chia buồn với chị Thoa, nhưng mấy ngày sau anh Cầm lại bị ngã gãy xương chậu, nằm bẹp. Thế là chịu. Thôi thì cứ ngày ngày đến chia sẻ với anh Cầm, mong anh có được chút niềm vui trong những ngày nằm bệnh. Chuyện trò, anh lại kể. Con người Phùng Cung là một con người của những thái cực. Xưa, Trần Dần nhận biết anh ấy là loại tử vì đạo, im lặng thì có nhưng đấu hàng thì không. Một vai, anh ấy âm thầm gánh cái nặng của anh em, giọng “kiêm thảo” vẫn cứ ngoan cố lừng lợ, đúng là theo kiểu cao đầu phóng vĩ của một con ngựa chiến không chịu thành gia súc cho nhà Chúa. Khi anh ấy bị đưa đi quản thúc trên Bất Bạt, chị Thoa lên thăm nuôi, nhưng anh ấy nhất định không nhận chị Thoa là vợ, không cho nhìn mặt, trả lại tiếp tế và khăng khăng một mực là mình không còn liên hệ gì với thế giới bên ngoài. Lần đầu, chị khóc suốt暮. Đành về, rồi ít lâu sau chị lại lên. Anh Cung vẫn thế. Quản giáo vắn, lý lịch anh khai là đã kết hôn, thế là khai man. Anh đáp, thời ấy Đảng không đồng ý cho tôi lấy vì cô ấy thuộc giai cấp phong kiến, mà tôi thì mê mẩn, mất lập trường giai cấp. Nay tôi tỉnh ngộ, nhận có chung sống ngày trước, nhưng từ bây giờ tôi xin chấp hành... Thế thì anh lợi dụng hủ hóa, thêm một tội, quản giáo gằn giọng. Ừ thì thêm một tội. Thêm một chữ mười tôi cũng chịu... Chị Thoa lại về, để tiếp tế lại chia chác cho anh em tù. Và chị cứ lên. Anh tiếp tục ruồng rẫy. Ba lần, bốn lần... Tôi thờ dài, có lẽ là anh Cung mong chị quên anh ấy đi, chứ đã mang cái án miện là phản động, là chống Đảng, bởi bác lãnh đạo như anh ấy thì biết ngày nào ra! Vả lại, chị Thoa khi ấy còn trẻ... Anh Cầm chép miệng, chắc vậy! Nhưng chị Thoa vẫn cứ đều đặn lên thăm nuôi, cho đến một ngày, hơn hai năm sau, hai vợ chồng mới lại nhìn lại nhau... Và chị Thoa sống cảnh chia ly như vậy suốt 12 năm đằng đẳng!

Tại sao? Tôi muốn hỏi lại, một lần cuối, tại sao? Đọc Xem Đêm, tôi nói với anh Cầm, tôi chưa hề thấy Phùng Cung mang thù hận vào thơ. Anh buồn và xót xa. Nhưng anh vẫn nhân hậu. Anh vẫn trong trẻo. Thậm chí độ lượng. Anh Cầm giơ tay xoa mặt, mắt đờ đẫn nhìn vào khoảng không choãi về phía nơi quá khứ còn nương náu. Tại sao ư? Đó là câu chuyện của những con ngựa cung đình. Chúng không thể để dẫm con ngựa chiến tồn tại để phủ nhận chính chúng. Còn Vua Chúa, thói thường là họ yên tâm với những con ngựa đã thuần, leo lên lưng, ra roi, nắm bõm và chờ tiếng hí đã rập khuôn rập mẫu. Nhưng có hoạn nạn, anh Cầm cao giọng, thì Cung nó mới có thơ hay như vậy! Anh cười, thế là bội thu đấy. Anh tiếp tục cười, nhưng tôi nghe có gì như tiếng nắc ừng ực...

Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, thực lòng tôi chưa bao giờ quan tâm đến cái thuyết Tài Mệnh tương đố, bảo Cung có tài nên trời xanh ghen với má hồng đánh ghen. Tôi cho rằng Phùng Cung trả giá chẳng phải vì anh thâm thù chuyện cha anh bị đấu tố mà hóa ra “chống phá Cách Mạng”. Tôi tin Phùng Cung trả giá chỉ vì anh níu giọt mồ hôi Mẹ, đứng dậy Làm Người. Và ở cái tư thế làm người, anh không muốn nhìn một chiều kiểu con ngựa cung đình có hai chiếc lá chắn che mắt, chỉ thấy con đường ta đi nhỏ bé trước mặt, thẳng tắp cho đến độ màu xanh da trời cũng thẳng. Vì thế, anh không đành tâm để Vua Chúa cười lên lưng khiến anh làm con ngựa tôi đòi. Anh chẳng thể cuống cuống nhai danh vọng trộn với thóc và mật ngọt trước khi chạy những vòng đua nịnh hót. Và anh lại chẳng như Hữu Loan xuôi ra Thanh Hóa, như Nguyên Hồng bỏ lên Bắc Giang, đi cho khuất mắt những con ngựa cung đình rập rành bóng lộc. Anh sờ sờ ở Hà Nội, nơi ngựa cung đình nhờn nhờn nhưng chưa an tâm. Đợi dịp, chúng xúm lại, hóa thân thành giống biết sửa biết cắn và biết đẩy anh vào cái thân phận tội đồ.

Trong tù, anh chỉ còn thơ. Và trăng.
Trăng qua song sắt
Trăng thăm ngục

Bỗng ta chợt tỉnh
Sững sờ
Trên vai áo tù
Trắng vá lụa
Ngày xưa ơi!
Xa mãi đến bao giờ.

Ra tù sau 12 năm, giam ở Hỏa Lò, rồi Bát Bạt, Yên Bình, Phong Quang, anh còn gia đình. Và bé bạn. Và nhất là anh có một Di cảo Thơ-Văn anh đã dặn dò Phủ "...Có cái này là có đóng góp cho đời...Con phải biết hãnh diện!"

Không phải chỉ có Phủ hãnh diện, những ai theo gót anh cũng hãnh diện, anh Cung ạ! Cuốn sách Phùng Cung 11 Truyện Ngắn Tập thơ Trắng Ngực Thơ Xem Đêm được in và phát hành ở hải ngoại chẳng phải là cách tưởng niệm anh, một nhà văn ở cái nghĩa đúng nhất, hay sao.

Mộ phách

- Ông ơi! ồ tiếng gọi thì to ồ cái thằng mặt dày sang làm gì đấy? ồ tiếng hỏi thì nhỏ dần.

Bà Khuê vợ ông Tư Chấn vừa từ chợ Phùng về đến lối rẽ đầu bờ ao, nhìn thấy người mà bà không ưa, từ sân nhà bà qua lối bờ ruộng khoai sọ nhà thím Vượng đi tắt lên thẳng gốc gạo đầu xóm. Ông Tư Chấn, đang bận tay phía sau nhà, ông quàng về đứng đầu hỏi lại:

- Ai? Thằng mặt dày nào? - Vừa hỏi ông Tư Chấn vừa nhăn nhó nhìn vợ.

Bà Khuê tuy vẫn còn bực, nhưng lại tủm tỉm pha trò:

- Thằng nào ăn béo thì mặt dày! Nó đến hỏi gì nhà này?

- À thằng Đáng con nhà Thước; bà nói gì mà nặng lời thế!

Ông Tư Chấn vốn dịu dàng, nói chuyện với bất kỳ ai ông cũng cười cười xã giao ồ tính bẩm sinh, tính gia truyền, thói quen nghề nghiệp tạo thành. Từ lâu nay; nhất là từ sau Cải Cách, ông ít khi đi đâu, ít nói, gần như lù đù, nhút nhát; vợ ông cũng thấy thế. Ông nói thằng Đáng vừa qua đây, nó đi họp xã, tiện rẽ vào hỏi thăm xem thằng Thuyên nhà này, từ bữa trở về đơn vị, đã thư từ gì về chưa? Hai thằng vừa là bạn học với nhau, vả lại cũng còn là anh em nội, ngoại. Ông không muốn vợ nói nặng như vậy; chả gì nó cũng đang là cán bộ, lỡ nó nghe tiếng lại nghĩ nhà mình thế nọ, thế kia, thêm phiền. Ông cũng cứ bần khoản chưa rõ vì sao mà vợ ông có ác cảm với thằng Đáng; và ông vẫn khuyên vợ không nên thế. Chưa dứt lời khuyên của chồng, bà Khuê đã gạt đi, bực bội nói là ông không đi họp, ông không biết. Từ sau Cải Cách, nó được vào Đảng; nhất là từ khi làm ủy viên ủy ban xã; úi chà! gặp ai nó cũng vác cái mặt lên, ra điều ta đây cán bộ. Ngay những lần họp thôn, họp xóm, nhìn thấy bà nó có thêm mở miệng chào một lời, bà còn nhận xét: xem ý, ngay mẹ nó cũng đang lên mặt... Bạn bè, họ hàng gì lúc này! Một sự bực bội vừa có có. Nó được hình thành trong bối cảnh cần sự đoàn kết, cần sự chia rẽ! Bà Khuê từ một người nhanh nhẩu, vui tính, hiền dịu, dần dần trở nên kị cẩu, có lúc nặng lời, thậm chí tục tĩu, nghĩ lại và tự thấy ngượng ngùng. Cái môi trường sinh sống nó quan trọng thật! Nó nhẹ nhàng vẫn đi, vẫn lại, biến đổi, phân hóa, nó kiểm dẫu chìm, dẫu nổi giai cấp lên chỗ dễ tìm thấy, lên mặt từ già lão đến trẻ thơ!

Hai vợ chồng tư Chấn hề va vào cái việc nhỏ nhỏ, na ná như hôm nay, ông cũng nói, bà cũng nói nhưng cuối cùng ông lại mở rộng lỗ tai để tính để bà giót vào những điều bực bội. Ông chỉ gật gật đầu “Ra thế đấy” ó Nhưng ông chẳng muốn để vào bụng làm gì. Từ sau Cải Cách đến giờ, ông đã tự khép bớt lỗ tai, xung quanh người ta cho là ông nghễnh ngãng. Vợ ông vẫn hay cười nói vui là ông giả nghễnh ngãng để trốn hạp, đùn cho vợ phải cáng đáng những việc tổ, xóm. Ông công nhận, lấy tiếng cười thay lời nói; vợ chồng kể là già, vui vẻ, nương nhường nhau. Năm nay ông Tư Chấn mới năm mốt, hơn vợ sáu tuổi. Từ ngày bị gãy nghề thì hai cái tên kép Chấn, đào Khuê cũng gãy theo! Hai người đội chung danh “ông bà Tư Chấn” hoặc “vợ chồng Tư Chấn” hoặc “nhà Chấn”, gọn thế thôi.

Cái tên làng Vân Cốc quê ông bây giờ nghe nó xa xôi lắm! Ngày trước, biết tên Vân Cốc là biết đến họ Thắm nhà ông. Biết họ Thắm là biết đến nghề ca trù nổi tiếng lâu đời. Khi cái tên Vân Cốc được đổi thành Toàn Thắng ó Toàn Thắng lên ngôi son! Tất cả những cái gì trước nó đều được quét sạch; hưởng hồ là họ Thắm với ca trù. Hai vợ chồng lấy làm thương lắm! Thăng thốt nhớ lại, tựa hồ nhớ lại một bản án bắt lương với bao nhiêu tiền sự mà đều do tiếng đàn, tiếng phách gây nên; nếu không muốn nói rõ tội danh là kéo lùi, thì cũng là ghim chân của bước đi lịch sử! tất cả đã được ghi rõ trong sổ đen của thời điểm! tất cả đã được treo, bêu lủng lẳng trên giá xử giáo của dư luận! Những gì được mệnh danh là xấu xa, mà cứ âm thầm nuối tiếc, có khác gì đưa đầu vào bẫy ó đại đột nương này thì ắt là số mệnh, là “Nghệp”.

Vợ chồng kép Chấn, đào Khuê lặng buồn, trần trở thàm kín, nuối tiếc ó không phải là sự thất thoát lưng cơm, manh áo, mà là sự đổi thay từ dáng dấp đến vẻ mặt, đến lời ăn tiếng nói của cả vợ chồng. Tư Chấn rầu rĩ thương nghề, thương vợ mà không một lời phàn nàn ra miệng. Còn đâu cái hình hài mảnh mai, uyển chuyển! Còn đâu cái nhìn lặng lẽ u huyền trên nụ cười duyên dáng quay đi đúng lúc. Còn đâu cái giọng ngọc trong trẻo khi cất tiếng nói dây tơ dạo một khổ sông đầu! Lòng thương cảm như một ly rượu uống chung ó nài ép, nhường nhau, im lặng ó nói lên bao điều sau, trước e lệ từ tiền duyên. Tất cả phải chấp nhận như một sự mất cắp giữa chợ. Thời gian đang tiếp tay câu thúc nặng nề, như một khối đá học liền phiến không thể san gánh khổ sai mà phải cùng ghé vai ề cổ chung đòn khênh chẳng biết đến bao giờ! Cô đào Khuê họ Triệu ó bà Tư Chấn ó của hôm nay, đang thoi thóp với những hoài niệm ó từ lúc chập chững hưởng nghề, được bà ngoại nắm tay xóc dùi tập đập phách buổi đầu dạo khúc “gửi thư”. Đất Ái Vũ quê mẹ của đào Khuê cũng nằm trong vùng bão tố. Từ Vân Cốc đến Ái Vũ, khoảng cách có bao xa, đều kè hai bên tả, hữu ngạn sông Hồng. Tiếng sáo diều hóc gió bên này, bên kia còn nghe rõ. Bà Tư Chấn ngậm ngùi cái cảnh hai quê hôm nay, chỉ còn là mờ hôi và nắng cháy, cách trở biên biệt... Những hồi tưởng đều nghiêm nhiên tự mình quản thúc ngặt nghèo!

Còn ai mà chia sẻ? Đất Ái Vũ cũng như đất Vân Cốc một thời năm, sáu cây đàn đáy so dây, tản đi bao ngã. Cách mạng vùng lên; giặc tràn về lập bốt; cách mạng trở về chiếm lại. Tình nguyện và không tình nguyện, bao tay đàn đã chuyển sang cầm súng. Du kích và nguy quân đã nhằm vào mặt nhau mà nhả đạn! Khuyên nhủ, dụ dỗ và cưỡng bức, họ hàng, thậm chí ruột thịt reo hò cầm lửa đốt lẫn nhau. Và những cây đàn đáy đã biến thành nạn nhân của khói lửa. Chỉ nói riêng làng Vân Cốc; những tay đàn họ Thắm thù địch của hôm nay đã cùng nằm sâu dưới lòng đất. Chỉ còn mỗi mình Tư Chấn đương nhiên thay mặt nghề nghiệp họ Thắm hứng lấy mọi điều sau thời khói lửa. ó Tình nguyện run tay ký vào bản án khai tử và bản giao kèo, truy nã tận cùng cái nghề nghiệp ca trù! Xấu lắm! Xấu đến ngàn năm chưa hết xấu! lời khẳng định của bàn tay dựng xây hạnh phúc; giải phóng mọi gông xiềng; san bằng mọi lỗi lôm bất công cho hôm nay và cho muôn đời sau!

Những ngày đất chuyển: giảm tô ó cải cách ó tiêu diệt ó lột xác ó tái sinh.

Hai vợ chồng đào Khuê, kếp Chản trước bà con thôn xóm; trước mặt đội cải cách ở người đang cầm trong tay sinh mệnh mọi người. Tiếng đàn, tiếng hát được cạo bỏ từ một đêm học tập ở như một tín đồ đạo Phật được nhận lễ phát tóc trước đèn hương Tam Bảo. Nét mặt kếp Chản ngỡ ngác, sợ hãi, tựa kẻ gian dân bị cạo nhẵn tóc, nhẵn lông mày! Từ đấy, nếu ai còn lỡ miệng nhắc đến hai tiếng đào, kếp thì bản thân vợ chồng Tư Chản đều cúi đầu lang lang; mà kẻ lỡ miệng cũng cảm thấy mình như tông phạm chính sách. Hai vợ chồng Tư Chản được học tập, được giáo dục, được xác định chỗ đứng, bước đi trong thôn xóm, trong cả cuộc đời, mà bước đầu lằm chằm từ đây ở Trung nông lớp dưới ở Tiểu tư sản nông thôn ở cũng nhẹ nhàng trong thành phần giai cấp nhưng lại rất nặng cân. Học tập, học tập và học tập, hai vợ chồng phải thấy được, phải tự nói lên được cái bản cáo trạng ở tự thuật ở về mình, về những người lớp trước mình đàn, phách giao du... Chẳng phải phong kiến, quan lại, không có nợ máu, không có chiếm hữu bóc lột. Nhưng cái nghề ca trù, đàn hát chỉ để làm vui cho bọn quan lại, lý hào, bọn bóc lột ở kiếm miếng cơm, manh áo là nhờ ăn theo lũ ăn bám mồ hôi nước mắt, xương máu của bà con nông dân lao động. Có buổi bà Tư Chản tỏ ý né tránh ít nhiều lời chân lý nặng nề; yếu ớt biện hộ: tiếng đàn, tiếng hát cũng còn để kính thờ nơi đền, phủ tôn nghiêm nhà thần nhà thánh... Lời ngoan cố được chặn lại, gây một chuỗi cười tập thể. Một bài học phụ của chính khóa cho vợ chồng Tư Chản củng cố thêm: Thần nào? Thánh nào? Đền, phủ nào? Tóm lại chỉ là mê tín, dị đoan nhảm nhí, do bàn tay kẻ bóc lột bày đặt, mà kẻ tiếp tay cho chúng vẫn hôn mê. Hai vợ chồng Tư Chản giật mình bừng tỉnh. Vậy là từ nay cái nghề ca trù càn rỡ đông dài phải tự tay đào sâu, chôn chặt, không để nắm mồ, không luyến tiếc. Mai một sẽ tạo cho mình một suy nghĩ mới, một thói quen mới, một cách làm ăn mới ở lột xác, đổi đời.

Ngoài một sào vườn nguyên cư, vợ chồng Tư Chản được nhận thêm nửa sào ruộng ở ruộng của chùa bót lại ở để được đổ thêm mồ hôi, tự cải tạo bản thân để cùng đội ngũ nông dân lao động nhíp bước trên con đường mới vinh quang!

Những lời vàng ngọc của thời điểm vàng ngọc, vợ chồng Tư Chản bước đầu thấm nhuần, vẫn còn rất lo lắng; trong đội ngũ vẫn còn để một khoảng cách vì vợ chồng chân yếu, tay mềm, lại quá nặng căn leo đẹo theo không kịp ở Biết đến bao giờ cho kịp ở Tuổi đời có hạn, thời gian không chờ đợi.

Hai vợ chồng Tư Chản còn ngỡ ngác trước một không gian quá mới. Vẫn lũy tre làng, vẫn đường đi, lối lại này, vẫn cái ao nhỏ trước nhà này, cả đến nếp nhà bánh tẻ ba gian, chính tay vợ chồng tạo nên; cái tổ ấm đã sinh hai con; một gái, một trai cũng đều trở thành lạ lẫm. Tư Chản đã bói được một điều may, ông rí rả với vợ: “Hai đứa trẻ nhà mình chưa bén sâu đàn phách!” Cái dự định của vợ chồng từ lúc mang thai con Nhiều, thằng Thuyên nay quả là một điều đại đột ở xảy chân xéo vào hiểm họa khó lường! Nếu không thì làm sao chúng được nhẹ bước trong đội ngũ mới, có chẳng chúng chỉ bị ảnh hưởng trong cái nôi xuất thân Tiểu tư sản nông thôn.

Mỗi lần thấy chồng nhảm nháp cái điều may mắn ngẫu nhiên, vợ ông lại nhơm nhớm nước mắt. Cái thói quen của giọng ngọc ở khi may mắn cũng có nước mắt. Nước mắt đa cảm chảy ba bốn chiều trong tuyến lệ bẩm sinh. Phút lặng trầm ấy, Tư Chản chỉ thở dài; vậy mà dần dần được nhiễm ít nhiều thói quen mới.

Nhiều, đứa con gái đầu, đã sớm được đứng trong đội ngũ thanh niên xung phong, đã thoát ly, đã lấy chồng, cưới theo đời sống mới, đã bận con và nay đang làm ruộng tại quê chồng tận Mai Lĩnh ở Hoà Bình; mỗi năm cũng đôi lần qua thăm cha mẹ; thường là về vào mùa dưa.

Thằng Thuyên, con trai độc nhất, khi nó mới biết lẫy, ông đã nắm ngấm bàn tay của nó và lấy làm mãn nguyện. Ngón tay dài, ắt hẳn dài hơn ngón tay bố, mai này nhẹ nhàng nhón, vuốt dây tơ...

Thời thế đổi thay, bối cảnh đã tạo cho nó nhìn cây đàn đáy gia truyền như nhìn vào cây sung, cây ổi. Năm ngoái thằng Thuyên đã được đi bộ đội, tự hào, hãnh diện trong quân binh tiên phong. Thằng con trai cầm súng thay đàn cũng là một điều mừng của hai vợ chồng Tư Chấn; nhưng cũng không phải đã hủy cái ám ảnh buông đàn, cầm súng của mấy người họ Thẩm ngày trước! Thằng Thuyên đang đóng tại Cao Bằng. Mấy tiếng “Nước non Cao Bằng” nó chập chờn của lời ru từ miệng cô đào Khuê rót vào tai thằng Thuyên ngày nào như là một dự báo xa xôi, cách trở, đẹp và buồn... Nhớ con, bà Tư Chấn nhớ đến những ngày bé, ăm nhiều hơn nhớ đến một người lính hôm nay.

Con cái ở xa, nhà vắng lắm! Sân, hiên mưa cây rêu xanh. Lá cây xung quanh nhận giờ chung cuộc, cây gió gửi thân ở Vườn, sân nơi đây, một nghĩa trang lá rụng! Ở Thần thánh có khi còn nhầm, hưởng hồ chiếc lá! Nhà có người mà như hoang vắng từ lâu. Hai vợ chồng lúi húi quanh vườn, bới đất, lật cỏ, luống rau, hốc bí. Sự vắng lặng này có chịu trách nhiệm gì không? Nhịp đàn tiếng phách, lời ca đã được tập thể chứng kiến đào sâu chôn chặt; hai vợ chồng lại lén lút bới lên để nhận mặt ở linh hồn, hồi tưởng ở Hai tâm hồn yếu đuối, níu lấy hồi tưởng làm nơi ẩn náu, làm gối, gối đầu trong canh khuya cho đến ngày tắt bóng.

Hai vợ chồng chẳng muốn đi đâu, cũng chẳng muốn ai đến nhà, chỉ thỉnh thoảng tiếp người đưa thư của con trai từ đơn vị gửi về. Chợ búa loanh quanh, hoặc bán mớ rau, hoặc mua tí thức ăn; dầu thấp, mắm muối đã có vợ đảm nhiệm. May thay xung quanh bà con ngày càng gán thêm cho Tư Chấn chẳng những nghề ngỗng; cái gì cũng ngờ, điều gì cũng ngần ngại. Trong sổ sách nhân khẩu, đã được ghi nhận là một gia đình đang tiến bộ ở Con gái thanh niên xung phong, con trai bộ đội ở gia đình quân nhân cách mạng ở Nét son đang tìm lối vào nhà! Người dẫn đường chỉ lối lại là cháu họ. Nhưng bà Chấn bằng mặt mà không bằng lòng với Đảng. Hai vợ chồng Tư Chấn chẳng chịu hiểu sâu, đó là trách nhiệm được trên giao cứ xắn vào nhà giúp đỡ giáo dục, diu dặt để gia đình khỏi sa chân vết cũ ở quyết đào tận gốc tróc tận rễ nghề ca trù.

Đảng thật lòng, tận tình; sự thăm hỏi bị ngộ nhận là dòm ngó. Lời chì, tiếng bác may cũng chưa đến tai cán bộ; giả dụ có nghe tiếng thì cũng là điều tất yếu, cũng sẵn sàng nghe đi. Vì một sự hiểu lầm không lớn mà bà Chấn thấy mình xấu tính với riêng hẳn; biết vậy mà bà chưa sửa được.

Cả hai vợ chồng đã quên đi mẩu chuyện đời đã nhiều lần nghe kể: Một người đóng vai lính trên chiếu chèo, đang cấp áo hầu vua, bỗng nhìn thấy một người bà con trong đám người xem mà lại cất tiếng chào để tỏ lòng tôn ái thì tích diễn sẽ ra sao? Nhớ nhặng là một nhẽ, phường hội đánh giá; miếng cơm manh áo sẽ ra sao? Vậy mà đang trong buổi họp, đường đường là một cán bộ ở đã được định nhiệm ở đại diện cho cả ba lực lượng: Đảng, Chính Quyền, Quốc Hội, thì dẫu có cố tình thất thố, đáng được thể tất, thì lại bị gom nhặt để thành oán trách. Thành ra lòng tốt của Đảng bị khước từ. Đáng nạn nhân của tinh thần tích cực đương kim!

Nghề ca trù tưởng như đã đủ thời gian cải táng. Một cây đàn đáy gia truyền đã nằm ngủ từ lâu. Đàn này của cụ kếp thân sinh của Tư Chấn để lại. Cụ kếp Điều đã thành người thiên cổ; khi cụ kếp chọn gỗ, thuê thợ Kim Sa đóng cây đàn này lúc Tư Chấn mới tám tuổi. Đáy đàn bằng gỗ dâu vàng, cần đàn bằng gỗ xằng chun, trục vận bằng gỗ sưa. Phần trên của đáy đàn, hai khoá gỗ đối nhau như hai con mắt. Cây đàn lên tiếng ngân vang gần một nửa thế kỷ. Khi cụ kếp sắp quy tiên, Tư Chấn được trao nhận làm gia bảo. Cây đàn đã được bàn tay hai thế hệ buông nhả dây tơ. Gỗ đã lên nước bóng một màu cánh gián soi gương. Theo cụ kếp Điều kể lại, lấy làm tự hào về cây đàn. Thời tiết thì nhau đổi mùa khắc nghiệt mà không khuất phục nổi âm thanh bẩm sinh. Ví như người dày dặn nắng mưa. Ba ngôi âm thanh của đàn đáy “Tiếng tòng! Tiếng dụng! Tiếng dênh!” hợp thành dụng trong bầu đáy; nhà nghề gọi là “hồn đàn bắt tử!”

Tư Chấn quan tâm cây đàn nằm đây như nâng giấc một người cha ốm. Trên bàn thờ sát vách bên trái, ổ cố để khuất mắt người lạ ổ Cây đàn được nằm trong tư thế, dày, trực nghiêm trang. Trên đáy phủ tấm khăn the màu hoàng yến, nay đã ngả màu lồi mít che bụi và che tất cả. Ngày nào ông cũng hai lần nâng tấm khăn, nhìn kỹ toàn cây đàn. Sóc, vọng hai lần mỗi tháng; vào buổi tối, ông đều lau bụi, và bàn tay lại chạm khẽ lên dây tơ, lắng nghe tiếng xa xưa vọng lại. Ông đứng ngẩn ngơ, quên, nhớ mông lung. Trước khi quay lưng ông không quên chấp tay thành kính vái cây đàn đủ bốn vái.

Hồi tưởng những ngày nhẹ gót giữa xuân thu, tri âm chờ đợi. Từ xưa truyền lại lớp kế tiếp lưu giữ, lấy hai ngày: mười bảy tháng Giêng và mười bảy tháng Tám hằng năm cúng tổ nghề ổ đêm bắt đầu trắng khuyết. Âm thanh của ca trù chỉ chịu vang vọng từ những đêm trắng khuyết. Hay nhất là vào những đêm trăng hạ tuần, hay hơn nữa là lúc trăng tà ổ trắng ngả màu hoa lý. Vàng trắng đang giờ yếu mệnh! Phút lặng yên lưu nhớ của ca trù vẫn là tiếng ai oán, nổi, chìm, bi lụy, thanh tao! Phải chăng ca trù từ cái nôi ấy thoát thai?

Nhớ đồn, thương góp, từ sau khi được xác định thành phần. Vợ chồng ông Chấn, hai kỳ chọn một, âm thầm lấy đêm mười bảy tháng Tám cúng tổ ổ tiền thu. Tháng Tám năm nay, từ đêm mười ba, vợ chồng dấm dúi hồi sinh.

Hai người thận trọng, thay nhau, người ngồi đàn, người đi ra ngoài, người đập phách cất tiếng ca, người đi ra ngoài tai đong đo âm vực để biết chừng mà hạn chế. Tóm lại tiếng đàn, tiếng phách, tiếng ca chỉ được bay liệng trong sân, vườn.

Hôm nay, đúng ngày mười bảy, hai vợ chồng đều tắm gội nước thơm hương nhu, lá sả từ chiều. Chờ lúc trăng khuya, trên bàn thờ thành kính đèn nhang hoa quả. Kép Chấn, đào Khuê nghiêm trang cùng đủ Ông vái. Cô đào Khuê nhìn chồng khăn đóng, áo lương, trẻ lại. Kép Chấn nhìn vợ khăn nhung, áo sa tanh, quần lĩnh hơi nhàu, hai vai áo vợ đã ổ vàng; kép Chấn bồng lòng se lại. Mỗi người đều thấy mình đã gặp lại chính mình, lặng lẽ nhìn nhau, ngẩn ra một lúc. Trên gương mặt cô đào Khuê ảo não, nước mắt đã có giọt lăn trên ngực áo! Giữa phút hương bay, đèn sáng, cô đào Khuê ngồi lên giường khép nép, tay vân vê dùi phách, đưa mắt đợi tay đàn lên một tiếng “dênh!”

Cổng đã cài then. Ngoài sân vườn im ắng, ánh trăng tà chênh chếch phía bờ ao. Cả một vườn rau bí trắng ủ màu cốm non, đợi gió.

Tiếng đàn, chen tiếng phách nổi chìm nâng giọng ca da diết gọi về những đêm xa xưa. Tiếc thay! mất đi tiếng trống châu vịn nhịp, âm thanh của đàn phách có hạt hẫng; sự bù đắp bằng tiếng thờ dài, khẽ lắc đầu ngao ngán. Khúc “Cung Bắc” đang chơi vui như đò chưa cập bến. Bồng tiếng chó sủa rộ từ phía nhà thím Vượng hắt sang. Đàn phách im bật. Hai linh hồn đang rong ruổi quá khứ vụt trở về thực tại. Chó vẫn sủa dai dẳng. Ngờ đâu tiếng tơ, tiếng phách đã leo rào, lọt đến tai người, va vào miệng chó.

Quả nhiên sáng hôm sau, thím Vượng qua mua rau bí, thì thào vào tai bà Tư Chấn: miệng nói, mắt nhìn trước nhìn sau ổ đêm qua ủy viên văn hóa xã đứng nghe... Cả hai vợ chồng ông Tư Chấn giật mình như vừa nghe nhận một bản án chung thân! Hiểm họa rình mò, chim cất tiếng gọi đàn gọi ca trời đất cũng đồng thời gọi cả mũi tên!

Đêm ca bất hạnh! Hai vợ chồng xót xa nhặt lên tay những âm thanh dập nát. Những suy nghĩ còn ở trong lòng mà vẫn phải nhìn trước nhìn sau. Hai người nhìn nhau chứa chan nước mắt, nuối tiếc cái thời bước chân của đàn phách in dấu mọi ngõ đường bởi bởi nổi nhớ tri âm. Nhớ một khách du xa lạ, cái buổi gặp gỡ ông giáo Minh họ Chu trong đêm ca cuối tháng Chín năm ấy tại nhà một

ông giáo ố nay đã quên tên ố bên xóm Quan Đài vùng Sen hồ Phủ Lạng Thương. Cách đây, trên dưới ba chục năm, chẳng bao giờ muốn quên.

Đêm ấy, mưa rươi hơi nặng hạt, sau mấy khúc “mưỡu”, “nói”, mấy ông giáo tiếng trống non tay, nghe còn mũi rãi; đàn, phách còn phải khổ công chăm dặt. Đàn, phách phải biết cảm chừng. Tay kép Chấn chỉ nhẹ nhàng nhấn vuốt. Theo thẩm định của những bậc thầy cầm đàn thì nhấn, vuốt chỉ phát những âm thanh phù phiếm. Tiếng buông cũng chỉ là tiếng đai khách. Tiếng đục mới thật là tiền nghề ố Chìm lặn trong đáy đàn chờ bật dậy hồi sinh nâng lời ca cất cánh... Lúc nghiêng khuya, mọi người chờ tiếp khúc “Tỳ Bà”. Đến lượt ông giáo Minh cầm trống. Khuôn mặt điềm đạm, bàn tay hào hoa ra roi mở đầu ba tiếng chơi vui. Cả một đời đào, kép mấy khi gặp được tiếng trống ưu nhã rất mực phong lưu ố Hiếm lắm! ố Bất gặp tiếng trống ấy thì đàn nổi hết cung, bậc, tiếng tơ hào phóng tãi âm; phách đồ từng cơn, nổi, chìm, khoan, nhật, chồm, vấp điệu luyện. Khi lảy phách, cất giọng ca, tiếng trống buông đuôi giữa nhịp. Tiếng ca uốn lượn chập chờn, bay mỗi quanh một khổ sòng ố Phách hoạt tay xóc ngọc ố đàn dùng dằng đợi chờ ố trống trút xuống cuối phách chặn bớt tiếng ca, chờ cùng đồ hồi “vớt nhịp”. Một lũ âm thanh đòi giây phút xuất thần ố trải dài đứng cự ly, tràn đầy khung nhịp, tưởng như chồng chéo mà rất riêng lẻ.

Cuối khổ sòng, tất cả mọi người đều ngẩn ngơ một lúc. Tất cả đều chột tình còn muốn tìm nghe những âm thanh đang tan bay quanh quất. Chỉ còn nước mắt bi lụy từ nguồn ca đọng lại trên gò má, đó là tiếng “mệnh” có trong câu chót khúc Tỳ Bà!

Từ cái đêm tri âm kỳ ngộ ấy đã hẹn nhau vào cuộc những năm sau. Lần nào cũng vậy, cuối khúc Tỳ Bà, cô đào Khuê còn đầm đìa nước mắt hơn cả Tư Mã Giang Châu.

Nghe nói ông giáo Minh đã ghé vai vào quốc sự, đã bị lưu đầy, đã bị thủ tiêu từ nơi nào xa lắm! Khiến vợ chồng kép Chấn rất đổi ngậm ngùi, tội nghiệp ông giáo Minh, một con người đôn hậu, một tay trống lừng danh tài hoa nghiệp chướng!

Vọng nhớ chuyện cũ mà cô đào Khuê ngày ấy, trưa nay lại rần rần nước mắt trên khuôn mặt thanh tú vương buồn bảm sinh, giờ đây không ít nếp nhăn, để kép Chấn ngày ấy, nay mái tóc đã nóm hoa râm, thẳng thốt nhìn mơ hồ xa mõi! Lát nữa cũng trở về với danh mới ố Vợ chồng Tư Chấn ố trong thành phần tiểu tư sản nông thôn, lưng chừng, bấp bênh, yếu đuối; lại đón nhận sự diu dặt của bàn tay cán bộ Đảng ố người cháu họ.

Nắng chiều đã lụi khỏi hàng giọt tranh, hai vợ chồng Tư Chấn lại nón lá xùm xụp trên đầu, quai căng thẳng dây điều dưới cằm; lại khoác tuổi chiều xéo lên bóng nhau lúi húi vườn rau; lại ngóng tin con gái, đợi thư con trai; lại nghe gió lào xào trên cây lá ố hết ngày...

Ra Tết, đang mùa của ngày xưa hội hè lễ bái, du xuân ố gió chạy quanh trời, mây trắng lững lững đi, về muôn ngả. Không gian đang dọa một cái rét nằng Bân.

Đáng ta mới tí tuổi đời, từ bữa được vào đảng ủy xã ố cờ đến tay thẳng nào cũng phất ố lời đầu lười vụng trộm của xóm làng ố nay xem ra cũng tạo vẻ mặt chững chạc, cũng nghiêm nghị, cũng xuề xòa, cũng cười khẩy, đầu khi lắc, khi gật có trọng lượng, đủ tư cách một tín đồ có hạng của đạo mới, đủ khả năng chặn dặt đàn dân... Bà con hàng xóm đến nhà cán bộ sớm tối, hỏi chuyện nọ bọ chuyện kia; có người gọi là bác Đáng, người thì gọi ông Đáng, để tỏ lòng tôn trọng đảng ủy, tôn trọng chính quyền, tôn trọng cán bộ. Mẹ Đáng ố bà Thước ố tất nhiên lấy làm hãnh diện, còn luôn miệng phàn nàn trước mọi người, về con trai mình trên trao nhiều việc, cơm chẳng kịp ăn, ngủ không ngon giấc. Bà thường một mình ngán ngẩm tiếc chồng bà không sống đến ngày nay!...

Từ chiều hôm qua, bà Chấn lúc lúc lại máy mắt. Hai vợ chồng đồ đoán: hoặc con Nhiều bé con về chơi, hoặc thằng Thuyên về phép. Bà Chấn nghĩ thương con Nhiều neo đơn, vất vả chắc chắn chả về được dịp này; có chăng chỉ là Thằng Thuyên. Trong năm Thuyên có gửi thư về báo tin được nghỉ phép vào dịp Tết; không biết lại bận công tác gì mà mãi đến ngày nay chưa thấy về, cũng không thư từ gì. Nổi bần khoản thông thường nhưng cứ lẻo đẻo trong mong đợi của vợ chồng ông bà Tư Chấn. Một lúc sau có tiếng chân người từ ngõ vào. Cả hai vợ chồng Tư Chấn đều ghéng phía cổng. Bà Chấn mau miệng thốt lên: - Ôi! Thằng Thuyên đã về.

Vợ chồng Tư Chấn hớn hờ, lại thấy một người đi sau Thuyên, thì ra lại là cán bộ Đảng, khiến niềm vui của vợ chồng, nhất là vợ, bỗng xệ xuống. Ông Chấn vội nói nhỏ với vợ: “Thôi cứ nên vui về bà ạ!”. Bà Chấn biết ý nên vợ chồng chung vui niềm nở đón con, đón khách.

Thuyên và Đảng vừa vào trong nhà, ông bà Chấn bắt đầu bận tay, bận chân, tíu tít hỏi han câu nọ xéo lên câu kia; tuy trước mặt có khách nhưng ông bà Chấn vẫn ý tứ nhìn con trai từ đầu đến gót ố vừa kiểm tra sức khỏe, vừa xem quần áo...

Ông bà Chấn làm sao biết được trước khi Thuyên về nhà đã tìm gặp Đảng ở thường trực đảng ủy xã. Hai người đã hỏi han, trao đổi với nhau, xung quanh vấn đề vợ chồng ông Chấn còn lạc hậu, còn nặng căn lăm! Thật lòng Đảng là mong Thuyên sớm được kết nạp Đảng, vừa là chỗ anh em bà con, vừa là tình bạn học. Và lại Đảng vốn rất mến tính nết của Thuyên: lành hiền, hay nhường nhịn bạn, ít nói, chân thực. Đảng còn nghĩ xa hơn một bước cho tương lai của Thuyên; nếu như sau này Thuyên không muốn theo binh nghiệp; đảng viên qua nghĩa vụ, trở về, tình đồng chí gắn chặt. Anh em sẽ cùng nhau trong hàng ngũ tiên phong, đưa làng xóm vững bước trên con đường vinh quang của Đảng. Đảng cũng thổ lộ cho Thuyên biết: dạo trong năm trên đơn vị của Thuyên có cử người về xã điều tra, Đảng vừa mừng vừa buồn ố mừng vì Thuyên đang là đối tượng kết nạp Đảng, buồn vì gia đình; chính tai Đảng đã nghe tiếng đàn, tiếng hát của hai bác trong nhiều đêm. Trước cương vị thường trực đảng ủy xã; mặc dù Đảng có ít nhiều che chắn, nhưng không thể có những nhận xét khác được: - gia đình chấp hành chủ trương, chính sách tương đối không có gì đáng khiển trách. Thành phần chưa được thay đổi qua đại hội bà con nông dân; chưa hăng hái trong công việc chung của thôn xóm, nhất là họp hành, học tập. Tóm lại là đảng còn an phận bảo thủ, Đảng và chính quyền đang cố gắng giúp đỡ để vươn lên... Đảng thay mặt đảng ủy ghi những điều nhận xét vô tư trả lời cho cán bộ điều tra của đơn vị.

Thuyên đã biết những điều địa phương phản ánh về gia đình nên Thuyên mới tìm đến gặp Đảng, để trực tiếp được nghe lời của Đảng về cha mẹ mình. Mặt khác Thuyên cũng nói lên điều mong mỏi Đảng tận tình giúp đỡ, động viên giáo dục gia đình; cũng chính là giúp đỡ bản thân ố Thuyên tin Đảng, ngày đêm mơ ước được đứng trong hàng ngũ Đảng; tin Đảng một cán bộ cơ sở nhiệt tình vì Đảng.

Gặp nhau ít phút, hai thanh niên chan hòa quán quýt, nhưng vẫn có một khoảng cách. Đảng còn lắc đầu than phiền về cách cư xử chì bác lộ ra mặt của mẹ Thuyên với Đảng. Đảng lại thông báo với Thuyên trong phiên họp huyện ủy năm ngoái có nêu một vấn đề thôn Cẩm La một gia đình chồng cung vắn, vợ hầu bóng ngày xưa chuyên là lướt đèn này, phủ nọ; nay tuy không dám đàn địch, khăn áo công khai, lượn đảo nơi đèn phủ mê tín; nhưng đêm đêm còn réo rất tiếng châu vắn. Đã nhiều lần chính quyền khuyên bảo, giáo dục, họ đã hứa đủ điều rồi lại vẫn tiếp tục. Chỉ việc nhỏ ấy mà đoàn thể và chính quyền cơ sở mất thi đua. Cuối cùng chính quyền phải ra tay dùng biện pháp cứng rắn, họ mới chịu dứt điểm. Chuyện ấy thì có, nhưng không hoàn toàn như thế; Đảng quả có tô vẽ thêm. Và lại, nếu như không có mà Đảng cho mọc chuyện như vậy thì cũng không ai không tin vì, lời từ miệng đảng viên, từ miệng cấp ủy mà; chung quy cũng là một động cơ tốt. Đã bước lên hàng ngũ lãnh đạo thì đương nhiên chẳng thiếu khôn ngoan. Đảng phóng lên câu chuyện cũng một phần để tỏ ra rất quan tâm đến cha mẹ Thuyên, một phần đầy

cây, đẩy dũa khiến Thuyên phải nhắc nhở gia đình; nhất là đối với cha mẹ ở một đối tượng kiêng tránh của Đáng. Chẳng biết có thật thế hay không, Thuyên còn được Đáng rót thêm vào tai những điều tình cảm; Đáng bảo sở dĩ địa phương chưa phải dùng biện pháp cứng rắn với gia đình này vì Thuyên đang trong hàng ngũ quân nhân cách mạng; mặt khác nhiều người tuy không ai công khai nói ra miệng nhưng, cũng không ít thì thầm cho là gia đình Thuyên có cháu đang trong hàng ngũ lãnh đạo thôn xã.

Sau chén nước chè xoàng, vợ chồng ông Chấn bản khoản mời; Đáng ý tứ đưa mắt cho Thuyên; bằng nhãn quan tiên phong của Đảng, cặp mắt Đáng ném lên phía cây đàn đáy. Chẳng hay ông Chấn có biết thế không? Ở Chắc là có biết ở Nét mặt ông trở nên ngờ ngờ, hai bàn tay xát nhẹ vào nhau, như người đang sắp sửa nói lên một điều tự thú. Đáng mỉm cười, nhìn mặt Thuyên để dò xét sự đồng cảm, Thuyên chẳng những không cười, răng khể cắn vào môi dưới ẩn ý: vừa đồng cảm, vừa hơi xấu hổ. Ý Đáng muốn nhấn mạnh coi cây đàn là một vật cản trên bước đường tiến bộ của Thuyên, của giai cấp vô sản, của Đảng, Đáng muốn “đào tận gốc tróc tận rễ” mà chưa tìm được phương án tối ưu.

Một lát sau, Đáng cáo từ ra về. Ông Chấn đứng dậy cũng xoa tay nhưng nhẹ nhõm. Bà Chấn đang bận tay trong bếp, thính tai, lên nhà, gượng cười, buông một tiếng chào rời:

- Anh Đáng chả ở lại chơi đây với em! Ở bà cố làm ra về thân mật ở ở lại đây ăn với em bữa cơm rau đã nào! mĩa mai chen trong vồn vã. Bây giờ thì chắc bác chả mời được cháu ở ăn cơm!

Đáng nhận đủ tinh thần sâu, nồng của lời mời, Đáng hơi đỏ mặt, nhưng vẫn tỏ vẻ thân mật, thoái thác ra về, viện cớ đang bận nhiều việc.

Thuyên theo tiễn chân Đáng ra mãi ngoài cổng. Hai người còn đứng lại lâu lâu, nói với nhau những gì, vợ chồng ông Chấn chẳng ai nghe rõ. Nhưng nói chung cả hai vợ chồng đều không bằng lòng, nhất là bà Chấn. Bà khể phàn nàn bên chồng: “Chuyện gì mà xập xị, xập ngầu!”. Ông Chấn chỉ nhìn ra cổng cười cười chiếu lệ.

Bà Chấn vốn không ưa Đáng, nhất là từ cái đêm hấn đứng bên cổng nhà thím Vượng nghe ngóng đánh hơi. Nhưng hể gặp mặt Đáng, bà Chấn lại giả bộ vui vẻ, tựa như người bắt dặc dĩ nhúng quần áo bẩn xuống nước mà giặt giũ ở lấy nước làm sạch.

Nghe người ta nói đài báo lại gió mùa đông bắc ở Cái rét nằng Bân ập đến ở Chiều xuống nhanh hơn mọi ngày. Mưa bụi cùng với bóng tối đổ xuống. Cả ba người trong nhà chuyện gần, chuyện xa tàn dần trong cái không khí lạnh đột ngột. Thuyên vẫn bản khoản chưa tìm được cách mở đầu, giải bày ý mình với bố mẹ. Bà Chấn đang xột xoạt làm cái gì đó ở đầu nhà, thỉnh thoảng lại nói vọng vào đôi tiếng, rồi lại nói một mình như đang tiếp chuyện với người nào đó. Ông Chấn đang loay hoay ngoài hè, tìm cách rút lại quai dép cao su của con trai bị bật ra. Thuyên cảm thấy mỗi khi mình từ đơn vị về, thì từ việc nhỏ nhặt mà ngày chưa đi bộ đội, bố mẹ vẫn sai bảo mình làm nay bắt luận việc gì Thuyên muốn mó tay, bố mẹ đều giành lấy làm cả, kể cả việc quét nhà. Thuyên không muốn như vậy. Ngay từ lúc về nhà, Thuyên đã quan sát sức khỏe của bố mẹ. Chỉ mới hơn một năm, bố thì có phần chậm chạp đi; mẹ còn nhanh chân, nhanh tay nhưng đuôi mắt đã vẽ nhiều nếp nhăn hơn trước. Thỉnh thoảng Thuyên lại thấy bố cười một mình, rồi lại nhăn nhó ngờ ngác. Tuổi bố mới ngoài năm mươi nhưng rõ ràng đang bị đẩy nhanh vào già nua. Thỉnh thoảng Thuyên lại thấy bố hỏi một câu đột ngột ví dụ: “Thuyên có bị ghê không? sao đêm đêm thấy gãi nhiều thế?” Những câu hỏi đại loại như vậy Thuyên trả lời hay chưa kịp trả lời, bố cũng không hỏi lại.

Giữa lúc trong nhà chỉ có một mình, Thuyên lại gần bàn thờ, khế kéo tấm khăn the phủ đáy đàn, vừa định nhấc đàn lên cũng vừa lúc bố quay vào nhà. Nhìn Thuyên, ông Chấn nhắc con: “Hai dây đều xuống cả đáy!” Ông Chấn kéo điều hút thuốc rồi lại bước ra cửa. Thuyên cũng không nâng đàn lên, chỉ nhìn xem như nhìn lại một kỷ niệm; hay thăm mộ một người quá cố, kính cẩn, băng khuâng.

Cây đàn này ngày trước Thuyên được bố cầm từng ngón tay mình đặt trên dây dạy bảo cách rung, cách nhấn, cách cất tiếng v.v... Bây giờ thì sao? Bất giác Thuyên nhìn lại tay mình, hai bàn tay đã nổi chai cầm súng. Thuyên vừa thầm nghĩ về quá khứ: tai hẳn đã nghe tiếng đàn từ khi biết lẫy biết bò. Tuổi đời dần lớn lên, ngày Thuyên bắt đầu học vỡ lòng ở trường làng, thì cũng là lúc bố bắt ngồi nghe bố gảy đàn ở vỡ lòng nghề nghiệp. Đến lúc choai choai, bố đã bấm tuổi, chọn ngày làm lễ tổ, để Thuyên được ôm hẳn cây đàn. Cây đàn thì to, đáy đàn gần ngập vai Thuyên; bố nắm cho cả cách ngồi chững chạc. Bố nói ngày ấy là ngày hệ trọng; nhất nhớ là phạm tội vong bội tiền nhân.

Thuyên nhớ những khi bố mẹ đi đám về; thôi thì sôi nén, đùi gà, lòng lợn, hai chị em Thuyên thả sức. Chị em Thuyên lớn lên nhờ lộc tổ ở mẹ Thuyên thường nói thế ở lúc tay chị Nhiều đã gần ngoan phách; tay đàn của Thuyên, được bố khen tiếng đàn đã nổi rõ “chùm chín, chùm xanh” thì cách mạng về giải phóng. Rồi đội về giảm tô, cải cách. Ông Tư Huân bạn cùng nghề với bố, ở bên quê mẹ có lần sang chơi, miệng méu máo than thở: “Nghề nghiệp nhà chúng mình như mảnh đất thổ cư, cha ông để lại, nay đã lở xuống sông!”

Thời thế đã đổi thay! tấ tấ lộn tung phèo! những lời nói vô chính trị, lạc hậu, chỉ xuất hiện như ma trôi ở những nơi vắng vẻ; lực lượng cách mạng đang ra công săn lùng thủ phạm ở lưng để bõn ở ai là thủ phạm chả được!

Cửa miệng của Đáng cũng như bao cán bộ khác: “Còn phải dày công giáo dục”. Thuyên ngẫm nghĩ nhiều về Đáng những lời thật lòng đối với gia đình Thuyên. Thuyên rất lo lắng đến tiến bộ bản thân, đến sự vươn lên của gia đình. Thuyên nhất trí với nhận xét của Đáng: Ca trù đàn phách nó dính chặt vào da thịt như một vật liền thân đứt ra là chảy máu! Thuyên nghĩ đến chính ủy trung đoàn trình độ có thừa, trước việc gia đình lạc hậu, không dễ gì một lúc thuyết phục được. Bài thơ của lãnh tụ tối cao đã dạy “không có việc gì khó”, “chỉ sợ lòng không bền”... Một bài “Thánh thi”, cầm nang cho mọi công việc trong toàn Đảng, toàn dân. Quân nhân cách mạng là một danh thơm! Thuyên lấy làm tự hào. Thuyên đã phấn đấu hết mình ở đơn vị: đã được cảm tình Đảng chỉ chờ kết nạp, Thuyên vẫn được đơn vị bầu là đầu tàu gương mẫu. Thuyên tự hài hước “Cái đầu tàu này lại chết máy khựng lại ở đây thì còn ra thế nào nhỉ?” - Thuyên lấy sổ tay ra đọc lại những lời dạy của chỉ huy, Thuyên ghi được trong những buổi học tập.

Ngoài trời, mưa bay, rét ngậm, cặp gà nhép ở gà mẹ Thuyên chọn mua về làm giống ở rét rằm cho đít đỏ au như gấc, co ro đầu hồi, rên lên khe khẽ. Thuyên định qua nhà Đáng, vẫn còn nằm đọc sổ tay.

Bà Chấn đang nhẩm tính túi tiền ít ỏi để mua bán thức ăn cho con; kéo ở đơn vị không có, cá trê om củ chuối hột rồi, bún nộm cần rồi, củ mỡ nấu cá rồi, bánh trôi cũng rồi. Bà Chấn muốn mua con gà để trước buổi con trả phép sẽ làm mâm cơm trước là để cúng ông bà ông vải sau nữa để cả nhà liên hoan tiễn chân con. Bà Chấn cứ loanh quanh trong vòng túng bán không thoát ra được mà không tiện nói.

Ông Chấn nhìn trời, chỉ hút thuốc lờ vặt. Ông nghĩ bụng: “Trời ngoặc lại cái rét nằng Bân, đàn dễ xuống dây, vào những năm xưa, năm xưa, mỗi khi gặp rét này, ông luôn phải đổi dây mới cho đàn mà tiếng nhẩn vẫn cứ đuôi đuổi, tương tức...” Ông gật gật đầu một mình miên man nhớ lại những

thời cầm đàn. Ông Chấn quay nhìn lên cây đàn, đi lại đầu bàn thờ, tay mân mê tấm khăn phủ, phủ phủ thổi bụi.

Thuyên nhồm dậy nhìn bố; mạnh dạn gọi chuyện để khỏi đột ngột:

- Gì đấy bố? Ồ Miệng chờ nói tiếp, môi đang mấp máy.

- Không! Ồ Ông Chấn chỉ trả lời mỗi tiếng, quay lại giường hút thuốc.

Thuyên cảm thấy bố có ý lảng tránh chuyện cây đàn, không muốn bắt chuyện. Thuyên ghép lại trong đầu những lời của Đáng về gia đình mình; nhất là về mẹ mình hay khoe cạnh. Cái mâu thuẫn ngấm ngầm giữa hai bên khó mà hòa giải. Không sớm hòa giải thì phần thiệt thòi tất nhiên, gia đình Thuyên, bản thân Thuyên phải hứng đưng hậu quả.

Nghiền kỹ sổ tay ở cầm nang quân nhân ở Thuyên như người đang ngủ bừng tỉnh. Thuyên coi đây là một cuộc đấu tranh, đấu tranh giai cấp. Mà đã là đấu tranh giai cấp thì phải có lập trường. Mình là một quân nhân cách mạng thì dứt khoát mình phải đứng trên lập trường cách mạng, lẽ đương nhiên phải có hy sinh, phải có đổ vỡ, đó là quy luật tất yếu. Thuyên thao thao trong đầu như đọc lại bản thu hoạch ở đã được tập thể và cấp trên góp ý bổ sung ở của mình trong các đợt học tập về đấu tranh cách mạng mà Thuyên đã được tham dự lý luận càng đọc càng ngấm, khí thế càng bừng bừng: Đã là con người của cách mạng, tuyệt nhiên không để những tình cảm phi giai cấp níu khó, chi phối: "Cái gì lợi cho cách mạng là phải làm bằng được!" - Thuyên tự trang bị cho mình một "ý chí quyết đấu!" Thuyên tự hạ "quyết tâm thư": "phải đánh gục!" đánh gục mọi cản trở của cách mạng. Thuyên cần đến sức hỗ trợ của Đáng.

Thuyên đang mơ ước cuộc đời của Đáng hiện nay. Thuyên đã nghe mẹ kể: Bố Đáng đã chết trước thời tổng khởi nghĩa bốn năm, đến ba, bốn năm. Cũng là một tay bán giò không văn tự, lêu lổng, cờ rong bạc ruồi, quần tam tụ ngũ với bọn trộm cướp Trung hà, Thọ lão; bị thua bạc, phải bán cả nhà, cái khó không còn; đến lúc làm mẹ mìn, lừa công trẻ con lên bán cho Mường, Mán, tận Đồng Văn, Phó Bạng; chẳng may một lần vào tháng Ba năm ở không nhớ rõ năm ở bị người ta tóm được, đánh cho thừa sống thiếu chết, bị trói giải lên huyện; nghe nói bị lính tỉnh, lính huyện quá tay, nên bỏ xác trong tù...

Đáng không giống bố, lớn lên bằng công sức làm thuê làm mướn của mẹ. Đáng khôn ngoan, nét na, dễ bảo; chẳng mấy lúc mẹ con dẫu chưa được no ấm bằng người nhưng cũng không đến nỗi phải đói khổ. Những lúc giáp bát, khó khăn, mẹ Đáng vẫn phải nhờ nhờ mẹ Thuyên khi nấu, khi bát. Bố Thuyên và mẹ Đáng anh em con cô, con cậu. Đáng rất mến Thuyên, khi đi học, có lúc Đáng thiếu vở xin là Thuyên cho ngay. Cái thời thơ ấu, lòng thảo của Thuyên với Đáng, không bao giờ Đáng quên được. Hôm đó về buổi chiều, bố mẹ Thuyên đi đám về; Đáng sang chơi gặp chị em Thuyên đang ăn xôi thịt gà. Đáng mới đến cửa nhìn thấy, vội quay ra về. Thuyên chạy theo gọi, Đáng đã chạy xa. Một lúc sau Thuyên giấu bố mẹ thu thu trong gói lá chuối cho Đáng cả một cái đùi gà còn nguyên chưa gặm một miếng nào. Đáng trố mắt, sung sướng, sợ sệt... Hồi giảm tô, cũng là lúc Đáng trưởng thành. Mẹ con Đáng được xác định thành phần cố nông ở cốt cán. Bố của Đáng được đánh giá là nạn nhân của chế độ phong kiến thối nát. Sau cải cách đợt một ở Đáng được trên đề bạt, trở thành đội viên cải cách ở Sau cải cách, sau sửa sai, Đáng trở thành cán bộ lãnh đạo cơ sở, có khả năng, có kinh nghiệm đấu tranh giai cấp ở Đáng đã nên người, nên ông! Và hiện nay, đang là một cán bộ tin cậy của đảng ủy xã của chính quyền xã.

Thuyên gấp quyển sổ tay nhét cẩn thận vào ba lô, chụp mũ lên đầu, trước khi kéo quai mũ xuống cầm, Thuyên lại nhắc mũ xuống chỉnh lại ngôi sao vàng ngay ngắn rồi mới đội lại, chân xỏ nhanh vào dép, dáng vội vã ở Thấy con sắp sửa đi đâu mà không giăng mình, ông Chấn hỏi vội:

- Đi đâu vội thế con?

Thuyên chưa kịp trả lời bố; bà Chấn đang trong bếp nói ra:

- Đi đâu thì liệu mà về sớm sớm ố Bà Chấn nhắc con ngụ ý không muốn Thuyên gần Đáng, nhưng cũng thông cảm tính thanh niên: đi xa thì nhớ nhà, về nhà thì nhớ bạn.

Thuyên kéo nốt quai gót dép chân phải bước vội xuống sân:

- Hết phép rồi, con phải đến ủy ban lấy chứng nhận kéo mai người ta lại bận gì không có người ký thì trở ngại lắm ố Thuyên khôn khéo lảng chuyện, bước mau thẳng ra cổng.

Hai vợ chồng ông Chấn nhìn theo anh bộ đội cụ Hồ mà lòng phớn phở.

Chừng một lúc lâu, Thuyên trở về ố Bà Chấn mau miệng hỏi con xem có gặp người ta không? Thuyên gật đầu ố phát tín hiệu được việc. Thuyên đã tranh thủ gặp Đáng, đã cùng nhau tìm ra cách giải bài toán khó. Thuyên đang chờ Đáng.

Mưa đã dứt giọt, gió bắc nổi mạnh hơn, quét nốt những hạt nước đọng trên lá cây. Thành linh Thuyên nghe tiếng mẹ chào mời Đáng phía đầu nhà. Vẫn cái thói quen xông xáo, ngang tắt tiện việc, thân mật của Đáng. Trong bụng Thuyên đã nhanh mở điếm tập kết chuẩn bị xung cuộc; nhưng ngoài mặt lại tỏ ra như là sự tình cờ. Thuyên vờ hỏi ra:

- Ai đấy mẹ! ố Thuyên chỉ ngồi hỏi chứ không đứng dậy.

Chả biết bà Chấn có nghe tiếng không, hay chưa kịp trả lời thì Đáng đã bước từ sân lên hè chào cả nhà rồi lên tiếng đồng dạng dựng lời như thật:

- Cháu vừa bận việc thôn bên, về qua trụ sở được đồng chí Lâm chủ tịch cho biết Thuyên nhà ta vừa ra xin chứng nhận; công việc nhiều sợ trước lúc Thuyên về đơn vị, anh em không gặp nhau, nên cháu tranh thủ vào thăm em.

Trong không khí vui vẻ, cả bốn người đều suýt chén trà nóng. Bất giác, Đáng đặt chén xuống, nhìn lên tấm ảnh bác Hồ treo cao trên vách gần sát thượng lương nhà. Tấm ảnh lệch vẹo sang một bên, hơi có gió là lắc đi, lắc lại như mảnh vỡ trẻ con làm điều giầy không bằng. Đáng bước tới, kiễng chân, vói nắn lại khung ảnh cho được ngay ngắn. Tất cả mấy cặp mắt đều dính vào tay Đáng. Ông Chấn không nói, nom sắc mặt biết là đang tỏ ra ân hận trước mặt cán bộ là mình quá sơ xuất. Bà Chấn chỉ mấp má môi, chờ đón lời của Đáng. Chưa hề trê trách nửa lời, đầu Đáng cứ lắc qua, lắc lại. Chỉ riêng cử chỉ đó khiến ông Chấn đủ vãi đá ra quần! dẫu cứng rắn hơn chồng nhưng ít nhất bà Chấn cũng tái mào đi! ố Thế là trúng kế! ố Thuyên nhập vai cũng khéo, chẳng những cũng lắc đầu như Đáng mà còn thờ dài thượt. Vợ chồng ông Chấn bây giờ mới có dịp nhìn kỹ tấm ảnh nhem nhuốc bẩn thỉu, thấy mình càng có lỗi. Không dám hé lời nhưng trong bụng vợ chồng ông Chấn, chỉ mong được thanh minh, bày tỏ: Tấm ảnh trước đây quá thước, tinh khôi là thế, lũ thạch sùng bò lên rồi tùy tiện bậy ra, tự tay mình đâu dám gây những hành vi bất kính đâu cơ chứ. Dù thế nào thì cũng nghịch mắt lắm! Đáng vẫn không nói, mặt hiện vẻ bị xúc phạm, Đáng đeo nổi xúc phạm trên mặt, nghiêm túc nhìn lên vợ chồng ông Chấn, lạnh lùng cáo từ. Đáng chỉ bắt chặt tay Thuyên.

Vợ chồng ông Chấn bối rối quên không có lời mời Đáng ở lại như lần trước.

Thuyên kín đáo mỉm cười, thầm khen Đáng sấm vai tuyệt vời! đúng chỗ, đúng lúc ố Thật xứng đáng một cán bộ dày dặn ố chỉ hơn mình hai tuổi, mình nhiều mặt thua xa. Đúng về góc độ quân sự mà nhìn nhận, Thuyên đánh giá Đáng là một chiến sĩ chủ công khai hỏa đập một cú phủ đầu đích đáng mở đầu cho chiến thắng.

Lần này thì cả bà Chấn cùng chồng đưa chân Đáng ra mãi bên ngoài cổng quay về, hai người cứ cấn nhằn lẫn nhau, tại nọ, tại kia. Vào trong nhà mà ông Chấn vẫn còn hai tay thu bọc, mặt xần gai gà, rõ nhất phía dưới hai mang tai. Bà Chấn, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay rửa mặt khen. Biết bố mẹ quá lo lắng lòng Thuyên bỗng thất lại ố mềm yếu ố Thuyên nhớ những ngày tắm bé: mỗi lần tắm, rửa, gội đầu cho mình, bố mẹ nắc nỏm cười với nhau khen mình có da, có thịt. Lại những lần nghe tiếng bố mẹ bàn nhau may áo mới cho mình, từng ngày, mong mình khôn lớn. Mỗi lần mình trái nắng giở trời hết bố đến mẹ luôn ngồi kề bên giường xoa nắn, canh tuần...

Hôm nay, mình đã lớn, đã cầm súng trong tay vẫn được bố mẹ coi còn thơ ấu!... Thuyên càng nhớ lại, càng không bằng lòng với mình. Bố mẹ phải sợ hãi, phải cúi đầu khổ lụy thì dẫu trước mắt, trong tay là lợi, là chức quyền, là gì gì đi nữa thì cũng là không người: Một kẻ nhẫn tâm, một tên lừa dối, một tên bất hiếu. Thuyên vật vã, mệt mỏi rồi thiếp đi lúc nào không biết.

Tiếng chó sủa xô xát làm Thuyên bừng tỉnh ố chắc bên nhà thím Vương có khách lạ ố Nhanh nhớ lại nhanh quên, những điều Thuyên nghĩ về cha, mẹ còn vương vãi ít nhiều trong đầu khiến Thuyên ngơ ngác. Thuyên nhòm hẩn dậy với chiếc gương có khung gỗ trên mặt tủ cạnh bàn thờ soi đi, ngắm lại một mình; gương cũ mờ, ố, nhưng vẫn rõ từng nét lớn trên mặt: lông mày đen to, dưới gò má bên trái, hai nốt ruồi gần nhau, một to, một nhỏ, thấy còn đủ đờ ngái ngủ. Thuyên nhìn kỹ mặt mình trong gương, Thuyên lắc đầu: chưa sắc sảo, chưa tinh; phải tinh cả trong khi ngủ; “Chưa đáng mặt Cộng Sản!” Tự mình “ốp đồng” lấy lại khí thế; trong điều kiện đang sống; trong môi trường đang sống; kẻ cầm súng, đeo đạn đặt cho mình những lời hỏi, đáp nhanh gọn: “Hiếu với ai? ố với dân! Trung với ai? ố Với Đảng!” Lời vàng ngọc của bác Hồ, quên sao được, trừ khi cái đầu đã rơi.

Sự giác ngộ lý luận, được bấm nút bùng nổ dây truyền hai được bốn; bốn được mười sáu... khiến Thuyên can đảm mạnh mẽ; bằng cách nhìn mới, bằng tư cách mới, Thuyên tách được làm đôi: Con người và tư tưởng. Con người là rất đáng quý! ố bố mẹ là con người ố Nhưng tư tưởng ung nhọt, thì bằng mọi cách phải mổ, xẻ. Phương pháp “Trị bệnh cứu người” trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng đã trở thành kinh điển. Thuyên tự phê phán nghiêm khắc đồng thời cũng tự động viên, trốt bị dao động tình cảm, suýt nữa ngã lòng. Thuyên khẳng định: đây là một trận tuyến đấu tranh tư tưởng, không thể lùi bước, chỉ được phép thắng và toàn thắng. Có những điều không thể nói ngay được mà phải cảnh giác dù là tình cha con, anh em hay vợ chồng. Một phương án tối ưu được Đáng và mình bàn bạc kỹ; chiến thuật khai triển xét cho cùng trên thực tế chưa có gì vấp hữu khuynh. Bố mẹ sợ sệt, lo âu là lẽ đương nhiên, là biết mình làm lỗi, đó là thắng lợi? Lãnh tụ vẫn dạy: “Đã làm là có sai, nếu sai lại sửa” ngắn gọn thế thôi! Bố mẹ đang như người đi đêm mất phương hướng, ta dùng ánh sáng của Đảng chỉ đường mở lối.

Biết Bố, mẹ chưa hết phàn nàn về sự vô ý, vô tâm của mình, Thuyên đưa lời đúng lúc:

- Con biết bố, mẹ đang có điều lo lắng; lo lắng thế là phải. Việc này tưởng như đơn giản nhưng nó quan trọng lắm, nhất là thành phần nhà ta. Bác Hồ vĩ đại, vị lãnh tụ cao nhất, tôn kính nhất nước, còn lủ lãnh tụ quốc tế cùng tâm cỡ bác Mao...

- Bậy nào! ố Ông Chấn trót thốt ra hai tiếng, và biết là mình vội lời, đưa mắt nhìn Thuyên, nhìn vợ ố Thuyên bỗng ngơ ngác không hiểu ý bố nói thế nào. Nỗi lo đang vây quanh, bà Chấn không thể không cúi đầu, tùm tùm hóm hỉnh. Chẳng là chuyện kín của hai vợ chồng ông Chấn. Ông ít đi họp, khi

nghe người ta nói bác Mao, bác Mao ông cho là người ta nhầm, chắc là Mâu chứ Mao Mao thì nghe nó nghịch tai. Hai vợ chồng đã có lần nhờ đó được trận cười vụng tưởng vỡ bụng.

Thuyên hơi lầy làm lạ, liền hỏi lại bố:

- Làm sao? Cái gì đấy?

- Không, không, không có gì ở mặt ông Chấn nhanh trở nên nghiêm túc ó Con cứ nói.

Bà Chấn nhìn chồng, vẻ mặt bà còn nghiêm túc gấp rưỡi, nhắc theo:

- Thuyên cứ nói, bố tưởng con nói làm gì đấy ó bà nhìn chồng, nhìn con. Thuyên nói tiếp đi ó với ý kín đáo bà vờ trách chồng ó tai ông hình như dạo này nghễnh ngãng hơn trước đấy!

- ... Người là bạn của “bác mình”; ngay đến kẻ thù cũng phải tôn trọng - Thuyên bỏ qua sự nghễnh ngãng của bố và nói to hơn ó Nhà ta lại để hình ảnh Người đến như vậy! Cũng còn là may! anh Đáng kịp chỉnh lại, tuy không nói nhưng đó là ngầm cảnh cáo con, cảnh cáo bố, mẹ đấy!

Hai vợ chồng ông Chấn nở nụ cười sung sướng; thấy con đã lớn hơn mình nhiều. Ông Chấn tràn nỗi vui song đầy vơi, nghĩ Đáng là người có trước có sau, tử tế, mà vợ chưa hiểu cạn; ông trách vợ trong tiếng cười: “Đấy, tôi đã bảo mà!” Bà Chấn lại thêm lời khen con: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”, các cụ ngày xưa chẳng nói câu nào sai. Thuyên sung sướng, nhiều mặt, bước thẳng vào thực tế vấn đề:

- Mẹ lên ngay cửa hàng hợp tác xã mua bán, chọn xem tấm nào không có vết vè thay thế cho trong nhà nó uy nghiêm. Có ai vào nhà người ta không “đánh giá!”.

Bà Chấn chưa khép hết nỗi vui về việc sắm ảnh bác, như người vừa cất khỏi gánh nặng. Bà cười, tự hỏi: “Chả biết trên cửa hàng dạo này còn không?”

- Ôi ra đấy! ó Ông Chấn mau miệng.

Thuyên lẩn sang chuyện Đáng, nhìn mẹ:

- Con biết mẹ không ưa anh Đán; lý do vì sao thì con không biết.

- Sao con lại buộc cho mẹ như thế! ó Bà Chấn nửa ngại, nửa bực ó Có gì mà ưa hay không ưa.

- Có đấy mẹ ạ! Bữa trước anh Đáng có phàn nàn với con về mẹ.

Ông Chấn ngồi nghe, đầu gật gật chẳng rõ ra công nhận lời con hay lời vợ.

Thuyên nghiêm trang, nhìn bố mẹ:

- Phải công nhận anh Đáng là người tốt, rất tốt với nhà mình. Anh Đáng đã thổ lộ với con tất cả ó Nói đến đây, Thuyên nhìn nhanh, cân não, dò xét thái độ biểu hiện của bố mẹ. Hình như vợ chồng ông Chấn cũng thăm đoán được chuyện gì nhưng vẫn còn ngờ ngợ, chờ lời con xem: tất cả là tất cả cái gì?

Hai vợ chồng giật mình! biết việc làm của mình đã ghi trong kho nhớ của Đảng của chính quyền. Trời đang lạnh mà cả hai người toát mồ hôi. Như hai tội danh trước tòa sơ thẩm; sẽ có ngày ra trước vành móng ngựa đại hình ố nôm nớp...

Cũng không đến nỗi như sự chỉ tay day mặt, nhưng đành thếp:

- Thỉnh thoảng đêm bố mẹ vẫn còn đàn phách!

... Đưa mắt nhìn nhau, rất đáng thương. Đang có khí thế, Thuyên bỗng thấy xốn xang, nhìn lên gương mặt bố mẹ. Thuyên dịu giọng nhắc lại; khẳng định ố mở lối thoát tình cảm:

- Bố mẹ có công nhận với con là anh Đáng rất tốt với gia đình ta không?

Hai vợ chồng ông Chấn vẫn im lặng như phật tử nghe kệ. Điều tốt của Đáng, sâu tận đâu thì chưa nói, nhưng ít nhất cũng đang làm tổn trong tai vợ chồng ông Chấn. Thuyên sợ nguội lời, đồng dặc tiếp:

- Phải người khác thì bố, mẹ đã bị ủy ban gọi ra cảnh cáo, còn bị xử lý bằng biện pháp cứng rắn, có đâu lại để yên. Đàn phách lúc này là lạc hậu lắm! tiếp tay cho tư tưởng phản động! Anh Đáng nói, tiếng đàn, tiếng phách trong đêm, giấu được ai; anh có muốn che đi cũng không che nổi ố Thế đấy!

Bà Chấn thở dài:

- Trăm tội!

Ông Chấn liếm môi liên tục, mặt rung ngang, rung dọc tỏ ý công nhận lời con, công nhận tất cả. Được thể, Thuyên nhấn mạnh:

- Cả nhà ta nên biết ơn anh Đáng. Bố mẹ bình tĩnh nghĩ xem, việc làm lạc hậu ấy, nó kìm hãm bước tiến của con. Có lẽ đâu gia đình của một quân nhân cách mạng lại như vậy. Bố mẹ vẫn tự cùm chân mình trong thành phần tiểu tư sản nông thôn. Con chậm kết nạp Đảng là vì vậy: là vì cây đàn! Thuyên hát cầm phía cây đàn trên bàn thờ.

- Thì bỏ!

Được lời bố như đã nhúng tay ký cam kết; đúng hơn là ký bản đầu hàng! Thuyên phấn khởi, tựa một chiến sĩ đang múa lá cờ chiến thắng quang vinh trên đỉnh đồn giặc. Đầu Thuyên ánh lên một nước mạ quân sự; Chiến thắng là bao gồm nhiều vấn đề; diệt đồn không chỉ là bắt tù binh, hàng binh, mai táng tử trận, thu nhặt vũ khí, quân trang v.v... mà phải phá đồn, phải làm mất đi cái sừng sững trước mắt. Nó còn đòi hỏi lượng khoan dung của bàn tay chiến thắng...

Thuyên lưu loát bài bản “đồng thuộc”. Tiêu diệt toàn bộ cũng còn nhiều cách nói cho kỳ được hai tiếng khoan dung ố Chỉ có ngữ ngôn là kẻ đau đớn hơn hết: bị cưỡng bức đeo mặt nạ dương kim: Dương nhiên ví dụ đang còn là ví dụ; phải xông thẳng vào hiện thực; phải áp dụng bền bỉ, chiến thuật với “chiến thuật đĩa đôi” dai dẳng bám khóa kẻ thù để tiêu diệt kẻ thù! Trước mắt, đồn địch là cây đàn đấy: Thuyên khẳng định.

Đã quá nửa đêm, ngoài trời tối bùng, cái lạnh bên ngoài gió vào nhà, đòi quân bình khí hậu. Vào những đêm đầu năm, đầu tháng này rất lợi thế cho những hành động bất lương!... Bà Chấn lên tiếng giục đi ngủ để cho Thuyên mai có sức lên đường. Thuyên vẫn chưa muốn đi ngủ và lại ngổn

ngang nghĩ về bố, nghĩ đến cây đàn. Cây đàn là bạn của bố ố bố nói vậy từ ngày xưa, ngày xưa ố Tiếng đàn còn là cái gì hệ trọng hơn nữa. Thuyên thoát nẩy ra một ý hay! ố muốn chuyển đổi cho bố một cây đàn hợp thời, tiến bộ; để mỗi khi nhớ cái cũ, bố có cái mới làm bầu bạn. Và lại tiếng đàn mới vang đến tai xung quanh, chỉ có tiếng khen giội lại. Thuyên dạm ý bố; cố tạo vẻ hồn nhiên:

- Bố có thích ghi ta không nào?

Ông Chấn vừa buồn ngủ, vừa miên man trăm thứ trong đầu, chưa nghe rõ, ông hỏi lại:

- Cái gì?

Thuyên vui, tùm tùm chưa kịp hỏi lại; mẹ đã nhanh miệng:

- Cái đàn văn công ấy mà? bố đánh thế nào được đàn ấy, những dây là dây! ố Bà Chấn nhắc con ố Thì cứ hỏi lại bố xem.

Thuyên nhắc lại câu hỏi lần nữa:

- Bố có thích đàn văn công không? đàn ghi ta ấy mà; thỉnh thoảng gảy cho đỡ buồn tay.

Ông Chấn trả lời mỗi tiếng:

- Thôi!

Tiếng “thôi” nặng nề, đầy thất vọng. Ý nghĩ yếu đuối, ngấm đòn, lăn lóc trong ngõ cụt lầy lội thâu đêm trần trọc, lập lờ điều đóm...

Sáng nay, Thuyên phải lên đường trở về đơn vị. Thời gian tuy gấp rút nhưng kế hoạch hành động “diệt đồn” đã dẫu vào đấy. Ánh mắt chủ công của Thuyên đã quật lên cây đàn đấy. Thắng lợi không phải còn trong tầm tay mà ở trong lòng bàn tay. Đồn địch ố Cây đàn đấy ố Bộc phá đã đặt sẵn chỉ còn châm ngòi ố Nồi nước tắm đang chờ củi nỏ! Bà Chấn, dậy sớm nhất, bắm túi tiền quá eo hẹp, bấn khoản nhẩm tính, đảo ra chợ Hiệp mua mớ cá riếc, rô láo nháo về nấu dấm tiễn con. Trong bếp, bà Chấn đang làm món ăn, thỉnh thoảng lại nói hắt lên nhà, câu thì nói với chồng, câu thì nói với con, nhưng đều không có tiếng đáp lại. Thuyên lặng lẽ lấy thùng đun nước tắm. Trong lòng vang ngân câu thơ “bất hủ” của một nhà thơ cách mạng - Con họa mi đầu đàn của đảng... “Đồng chí ta ơi!... Trước mắt đồn thù ngon như đĩa thịt bò tươi!...” Trong bếp khói ung, Thuyên mỉm cười một mình: thời tiết đang ủng hộ mình! Ông Chấn ngồi trên nhà nghe tiếng hai mẹ con bàn nhau ra bẻ phen rào rau làm nộm. Ông Chấn liền ra ngoài có ý kiếm tìm xem còn có cái gì sau nhà có thể làm củi được. Ông lác đầu nhìn que, cọc đều bị mưa còn ướt chảy nước cả. Cuối cùng, ông bẻ cả cây sào phơi ải đem vào bếp cho Thuyên và dự tháo nốt mấy đoạn tre nâng cuối hàng lá lợp hiên sau. Củi ướt, bếp càng khói, ông Chấn vừa vào đến cửa bếp lại quay ra, tai đầy tiếng cằn nhằn của vợ vì củi ướt, vì khói. Mấy phút sau, Thuyên mang lên nhà về mặt đồ lụng, dàn dựa nước mắt, nước mũi bị khói đánh. Với ý nghĩ “phát hỏa” Thuyên chớp chớp mắt; chặc lưỡi trước mặt bố:

- Đã quyết định bỏ cây đàn kia, thì bố đập cho con, còn để làm gì!

Ông Chấn nhướng mày lên, không nói được thành lời, hai môi bặm vào nhau, run run... Tuy nói là bỏ, nhưng bỏ như thế nào thì ông chưa nghĩ tới.

Với ý chí quyết thắng, Thuyên nghĩ: đây mới là dứt điểm của mọi vấn đề. Nếu không mình đi khỏi sự việc lại có thể diễn biến theo một kiểu khác.

Vương vấn là đúng; dứt điểm lại càng đúng hơn. Lính có suy nghĩ kiểu lính, sẵn giọng áp đảo:

- Bó đã nói bỏ thì còn giữ làm gì?

Ông Chấn như bị cứng lưỡi, không dám nhìn lại con, ngỡ ngác; đi lùi lại hai bước; vẫn không cất nên lời. Thuyên giục bố:

- Bố cứ đập quách nó đi!

Ông Chấn nhìn lên cây đàn, mặt nhợt đi, miệng lắp bắp lặc giọng:

- Thôi! Mà đập đi Thuyên ạ!

- Vâng, để con! Ồ Mắt Thuyên long lên.

Nói chưa buông mồm, Thuyên háng hái nhảy tới bên cạnh bàn thờ, tóm lấy cây đàn đáy ở Cây đàn va vào vách “cang!” một tiếng từ đáy đàn vọng ra như một tiếng kêu cứu thất thanh! một tội nhân đến giờ hành quyết. Cây đàn đại diện cho nghề tổ ở Thuyên lớp con cháu nghĩ gì? - Chẳng kịp nghĩ gì hết, đang nhơn nhơn say máu vì “đại nhiệm”, cách mạng, cứu nhà, cứu nước, cứu bản thân, - lợi ích liên hoàn!

Biết mình vô hiệu, ông Chấn đi thoát ra ngoài, không dám nhìn lại, mà có nhìn cũng chẳng thấy gì nữa - “Choác!” một tiếng trước cửa bếp ở Thuyên nhắm môi, quắc mắt, tay đập, chân đạp vào cần vào đáy đàn khiến cây đàn biến thành củi. Ngoài sân, ông Chấn bưng tai như nghe sét đánh, liêu xiêu bước ra ngõ ở Bà Chấn thối dạ, mắt hoa lên, mọi vật trước mắt quay cuồng, bà Chấn phải chống hai tay xuống đất để giữ được thế ngồi “cóc vái gò”. Bà cố định thần để nhận biết việc xảy ra đã xảy ra. Bà cúi mặt khóc rầm rức. Nước mắt đứt, nối, kéo dài cả một quá khứ tiêu tan trong giây lát.

Lửa cháy vù vù dưới thùng nước tắm. Ông Chấn đang loạn bước ngoài ngõ, ngoài vườn, xéo nát cả luống rau mới cấy. Tai ông nghe lửa réo; và ngửi thấy mùi đàn cháy khen khét như một vật có xương, có thịt. Ông thảng thốt nghe rõ tiếng đàn từ trong cháy phi ra. Phải chăng tiếng đàn chỉ đến với tai ông. Ông Chấn đờ ra như người mất vía. Trên đầu ông lất phất mưa bay.

Trong lúc Thuyên đang tắm phía đầu hồi, ông Chấn lững thững vào bếp, cứ trở mắt nhìn hết cái này cái khác. Bà Chấn đang dọn bữa, bà nhắc chồng ngồi sưởi cho đỡ lạnh. Ông Chấn kéo ghế con ngồi ôm lấy bếp than đã vạc, tay cầm que dùi đi, dùi lại trong đống tro than. Ông hỏi vợ có nghe tiếng gì không? Bỗng bà Chấn ngạc nhiên hỏi lại chồng xem tiếng gì; ông Chấn nói trong tiếng thờ dài:

- Thôi đừng hỏi nữa!

Thấy chồng vẫn bới bới, gầy gầy, bà Chấn nghĩ được hay có cái gì bỏ quên trong đáy đàn: gặng hỏi chồng; bỗng nghe tiếng trầm trầm như rên “tìm mấy tiếng đàn”. Bà Chấn nhìn chồng giật mình thấy vẻ mặt chồng khác hẳn trước đây, cười cười, mếu mếu đứng dậy, miệng lảm nhảm, đi lên nhà; bà không nghe rõ gì cả. Bước ra khỏi cửa bếp, ông Chấn còn ngoái đầu lại nhìn, chẳng biết nhìn cái gì? Tâm hồn đồng cảm không qua lời nói; bà Chấn thấy hết. Ồ Một con người mau nước mắt là thế mà giây phút này chỉ nhìn sau lưng chồng; chắc là nước mắt đang xối xả bên trong!...

Bà Chản thờ thần, bưng mâm lên nhà; mặc dù mùi riêu cá bốc thơm; bà Chản nhìn mâm cơm cảm thấy lạnh lẽo. Cảnh tang tóc âm thầm chen giữa mâm vui ở Bà Chản rùng mình ngao ngán trong lòng: “Vi đâu mà có cảnh này?”

Trong bữa ăn, ắt chỉ có một mình Thuyên là ngon miệng; vừa ăn vừa pha trò dốc chuyện vào tai bố, tai mẹ ở dốc bằng hết kéo mình lại sắp xa nhà. Thuyên thấy bố mẹ đều rười rượi; ăn, gấp đĩnh đoảng mà sức pha trò không phục lên được. Mọi lời rôm rả từ miệng Thuyên thu hẹp, rời rạc, rồi cũng tắt lặng. Ông Chản suốt bữa không nói được một câu. Ông chỉ ăn mỗi lưng, lấy cốc váng đầu, đứng dậy, nhưng không quên nhắc Thuyên ăn no mà lấy sức đi đường. Nghe tiếng nói của bố trầm, khàn, Thuyên nhìn bố. Lúc lúc ông Chản lại vuốt mặt, nhìn lại nơi để cây đàn mất đi không bao giờ còn nhìn thấy! Bà Chản cố ghìm nén, che chở để khỏi sây xát sự lưu luyến trước lúc chia tay.

Thuyên hơi nao nao, cái nao nao của công tác hậu quả chiến trường; mai táng đối phương tử trận. Cuộc xêng chiến thắng trong tay; tính tư tưởng không được phép; tính người vụng trộm vài giây.

Biết bao ngôn từ viện trợ “đả thông”, “đánh thông”, “khai thông”; cùng với chân thực, dối trá xáo trộn, bị động thành chủ động; chủ động thành bị động. Nó làm cho Thuyên vướng mắc lung nhùng; chỉ có thể thoát ra bằng những lời động viên thời thượng:

- Bố mẹ buồn thì con vui sao được. Con biết bố mẹ vì chúng con mà phải chịu đựng, hy sinh nhiều mặt. Con mong muốn bố mẹ giữ bỏ được tất cả những cái cũ nặng nề để thanh thản đứng trong hàng ngũ nền tảng của cách mạng. Con chắc chắn rằng nay mai, bố mẹ sẽ vui hơn ngày xưa và hôm nay nhiều lắm. Con nói trước để bố mẹ mừng cho con ở Thuyên ngừng lời tươi tắn nhìn bố mẹ ở chắc chắn lần này con được kết nạp Đảng.

Vợ chồng ông Chản lại tìm thấy một đứa con; nó đang trước mặt mình, đang nói những lời mà tấm lòng cha mẹ đang chọn nhặt lấy những điều hiếu để; cái hiện tại đang thêm lùi về quá khứ...

Vợ chồng ông Chản tiễn con ra tận cổng ngoài. Bà Chản tiếng to, tiếng nhỏ trong nước mắt dặn dò con không dứt lời; ông Chản nghẹn ngào rưng rưng khóe mắt vịn vai con, không nói được thành lời.

Hai vợ chồng đứng nhìn theo con chưa khuất lối rẽ lên đường lớn, mà lòng đã thấp thỏm nghĩ đến bước rủi, bước may của con. Khi quay về, hai người lại chung một cảm giác mong đợi da diết như chưa gặp con.

Bà Chản đi trước, ông Chản chìm bước đi sau, khi đã vào đến sân, ông Chản lại quay ra khép cổng như thường lệ vào lúc nhá nhem tối. Bà Chản lấy làm lạ, vội nhắc chồng sao lại khép cổng. Ông Chản không trả lời, hoặc không nghe tiếng vợ bởi trong lòng bất định rồi bời.

Từ bữa Thuyên trở về đơn vị, ông Chản trở nên ít nói, lặng lẽ tha thẩn quanh sân, quanh vườn. Trước đây mỗi ngày ông chỉ một lần đến với cây đàn, sờ dây, thổi bụi; nay cứ một lúc lại đến chỗ cây đàn, lại ngơ ngác. Đàn không còn, con đi xa; vắng con, vắng bạn, và như vắng cả bản thân. Một tâm hồn ba cấp cô đơn.

Thấy chồng buồn phiền, chán cơm ngày một phờ phạc, thỉnh thoảng bà mua lạng thịt về băm nấu cháo, nhưng ông Chản cũng chỉ húp vài lưng.

Rét nàng Bân đã qua. Bầu trời trở lại nguyên xanh, lác đác tùm mảy tùm mây trắng bã bừa, trôi đi, dạt lại. Chim tu hú đã mở miệng phóng giọng báo mùa trên ngọn những cây xa, gần. Nắng hoa cau vung lười. Người ta kháo nhau: vài đầu mùa đã có bán, đắt như vàng giả. Trên đường xóm thỉng thoảng xuất hiện một con chó ghẻ trụi lông, lưng trát đầy bùn, ngứa da, vừa chạy vừa ngoáy dưới nắng mới. Xóm trong, xóm ngoài gà mái nhảy ổ đẻ, tiếng “cục tác!” nổi nhau ran ran nghe dãn dất tai, tạo một không khí rất ngày xưa và cũng rất hôm nay ở cái vỏ làng bằng an thịnh vượng!...

Bà Chản thấy chồng xòm quá, bà lo ngày, lo đêm, ruột gan thất thểu; mấy luống rau cũng chẳng buồn mó tay, cỏ mọc chen lán. Bà mằm bụng còn đôi hoa tai rỗng ở một đồng cân rưỡi ở đem cầm lấy tiền thuốc men, mua thêm cái ăn, cái uống cho chồng; lúc nào trời cho khá lại chuộc về. Bà Chản cũng tự biết là mình đang đối mình, chứ cơ cảnh này thì biết đến bao giờ mọc mặt. Đôi hoa này của người dì út đánh làm quà cho bà ngày lấy chồng ở nó là một quá khứ long lanh trên vành tai trong hội hè đình đám. Bà đã tháo nó khỏi tai sau nửa ngày đội phát động giảm tô kéo quân về làng. Từ đó, mỗi năm nhiều lắm cũng chỉ đôi lần bà đeo vào tai để vợ chồng, đàn phách vụng trộm sống lại một đêm xưa; rồi lại tháo ra cất kỹ trong đáy hòm.

Phiên chợ trước bà đã đem đôi hoa tai lên phố Phùng nhờ người bạn kiếm khách cầm tạm; nhưng người ta chỉ chịu cầm có một phần ba thời giá, tính ra được độ mười đồng. Bà Chản phân vân, nửa muốn cầm đôi hoa, nửa muốn về bên quê ngoại dặt tạm họ hàng; rồi lại chợt nghĩ ra: quê ngoại cũng cảnh như mình, nên lại thôi.

Chiều nay, thím Vượng ghé tai bà Chản nói: có người bên Hiệp vừa mới qua Mai Lĩnh về, cho biết con cháu Nhiều dạo này ốm lắm, cháu bé cũng quặt quẹo, nó nhắn bà lên chơi. Bà Chản bồn chồn thương con gái; nó biết bố mẹ nghèo túng, chẳng dám ngỏ lời xin xỏ; nó nhắn lên chơi cũng là có ý đấy. Bà quyết định bán đứt đôi hoa! Bà nghĩ: cái thời thế này đến giữ cây đàn trong nhà còn nơm nớp sợ mang vạ. Còn vui còn thú gì, còn đình đám gì, còn hoa hoét làm gì, “Thân còn chả tiếc, tiếc gì đến duyên!”. Bà bấm đốt ngón tay nhằm tính: Hai chục đồng, gần hai chục đồng. Bà cho hẳn con gái mười đồng. Bà than phiền con gái bà dại dột, đua thời, đua thế đi thanh niên xung phong về lại bận con bận cái năm ngoài về chơi, người chả ra người, tong teo dẹo dẹo! Ở khi nó lấy chồng bà cũng chẳng có gì cho nó; lúc nó đẻ con, bà cũng chẳng có gì cho nó ở. Nó cũng không dám tủi thân. Mười đồng cho nó chắc nó mừng lắm đấy. Còn mười đồng nữa buộc đáy để còn thuốc men cơm cháo cho chồng. Bà nghĩ mình cũng còn may mắn, còn níu được vào đôi hoa.

Cầm tiền trong tay mừng mừng, tiếc tiếc bà Chản lại muốn để chồng lên thăm con gái, mang theo cho nó món tiền ở cũng là chút thảo lòng với con; cũng là sĩ diện với rể ở. Trước hết chồng bà đang buồn, đi chơi với con cho khuây khỏa, cho người nó khỏe ra. Và lại, từ ngày con Nhiều lấy chồng, ông cũng chưa một lần lên thăm, biết chỗ ở của con gái; đã nhiều lần ông dặng đi mà chưa có dịp. Lần này, ông Chản cũng vẫn cứ đắn đo vì không muốn bà ở nhà một mình; tiếng thế nhưng bà là người nhát tối. Bà Chản khuyên nhủ hết điều ông mới bằng lòng ra đi.

Tính cẩn thận, ông Chản đi được một quãng, ông còn quay về đầu cổng gọi vợ dặn dò: có việc gì cần đỡ tay thì nhờ thím Vượng; hạt dền, hạt mướp, ông cất kỹ trong ống nứa, nút lá chuối khô, gác trên gác bếp gần vách bên trái. Ông Chản nhắc đi nhắc lại: phải nhớ cải muộn, làm đất kịp thời để có rau dền cấy, để có mướp đầu mùa.

Cái nắng quái sau loáng mưa chiều nó làm cho người ta rầu rĩ, nhất là gặp cảnh người đi, người ở. Chiều nay, một mình bà Chản đang lúi húi trong vườn, lòng ngổn ngang, nghĩ xa nghĩ gần; nghĩ toàn những điều gở đại mông lung. Bà Chản lại tằm tằm một mình, tưởng tượng lúc hai bố con gặp nhau. Con Nhiều lại có tiền chi tiêu giữa lúc đang bán quẩn. Bà nhằm tính thám thoát chồng đi thăm con đã qua ba phiên chợ ở Nhà vắng quá.

Giữa lúc bà Chấn đang nhổ nốt luống cải muộn đã nhú ngồng để làm dưa, thì chợt thấy thím Vượng rẽ tắt phía đầu nhà thẳng vào vườn rau; vừa đi vừa xùi xụt. Gặp bà Chấn, thím Vượng ôn chăm lấy bà, òa lên khóc, báo tin dữ:

- Bác trai đã mất rồi!

Bà Chấn ngã vật trên luống rau, ngất đi, không hỏi được điều gì khác! Thím Vượng dìu bà vào nhà. Bà Chấn vật vã đầy miệng nước mắt. Thím Vượng kể tiếp sự tình: Vợ chồng cháu Nhiều nhân người quen mãi trên Phụng Thương đã đến mấy hôm rồi. Người Phụng Thương lại nhân ông Thảo ở dốc Gạch; trưa nay thím Vượng đi chợ Gạch mới được người ta nói cho biết. Ông Chấn chết về sáng; sau khi lên nhà con độ hơn tuần. Mẹ con cháu Nhiều cũng vẫn đang óm, chẳng biết được ai xuôi mà nhân tin. Nghe đâu ở trên ấy người ta chôn cất theo lối đời sống mới, không kèn trống, không rơm mấn, xô gai gì hết. Thím Vượng ngừng lại, gạt nước mắt, dạy lại: “Thế là chết sớm chôn chiều! Chết cũng đời sống mới!” Thím Vượng nói xong, bỗng chợt dạ, quay nhìn từ phía như một thói quen trong lúc thay quần áo. Thím Vượng im bật ó sợ vách có tai ở Thím Vượng vốn chân lấm tay bùn, thành phần bản nông, không biết khéo mồm khéo miệng. Những tiếng nói kiêu mới thím kiêng tránh như lời tục tĩu, bắt đắc dĩ thím phải nói lên đôi tiếng trong khi họp tổ; thường là nói sai, mua cười cho buổi họp. Vợ chồng thím Vượng đối với vợ chồng bà Chấn là chỗ láng giềng, tối đèn tắt lửa giữa hai nhà kể cả thời tạm chiếm, thời giảm tô, cải cách cho đến nay, vẫn như bát nước đầy không hề có điều tiếng gì. Thím Vượng không bao giờ dám nhận những lời dạy khôn của bất kỳ ai; nhất là trong học tập giảm tô và cải cách. Ở Trong lòng một người chân lấm, đầu lấm, mà sự sàng lọc xấu, tốt còn nhạy bén hơn nhiều kẻ khác. Những trường hợp đứng trước lời dạy bảo thím Vượng phải vâng, dạ; cũng là vâng, dạ để bụng. Ăn có, nói không thím không quen, thím sợ. Thím cũng không biết làm sao mà không quen, làm sao mà sợ. Chồng thím lại còn nhút nhát gấp mấy lần vợ. Chú ta mặt mũi khô ngô sáng sủa như mặt thầy giáo; nhưng tính nét củ mĩ cù mĩ ó động nghe tiếng xô xát dầu không có liên quan gì nhưng cũng run sợ, mặt cắt không ra máu. Giả sử có kẻ vu oan cho điều này điều khác, mà kẻ phân xử lại chỉ trông mặt bắt tính, bắt tướng quyết đoán thì chỉ có chết. Ngay trong suốt hai đợt học tập giảm tô và cải cách; cả xóm, cả làng đều biết, chú Vượng không hề mở miệng nói một lời. Cán bộ ra sức vực dậy, cũng đều vô hiệu. Ngày ấy cán bộ mệnh danh chú Vượng là “đồng chí câm”; bà con nông dân tiến bộ gọi là “Vượng cầm khẩu” - bản nông vẫn cứ là bản nông, thiệt thòi trong chia chác quả thực ở Chú Vượng thường nói: “của ăn không nó có ma!” nếu như cần giúp đỡ ai chú Vượng sẵn sàng dốc sức dăm ba buổi; nhưng là tiền thì một đồng cũng không bao giờ bỏ ra...

Trước cảnh ngộ tang tóc của bà Chấn, thím Vượng chia sẻ nỗi đau, khóc lóc như bản thân gặp bất hạnh.

Bà Chấn lau nhanh nước mắt, đứng phắt dậy, ngơ ngác trong cặp mắt thất thần. Bà Chấn lấy chìa khóa cửa trao cho thím Vượng, nhờ thím coi nhà. Trong túi sẵn còn gần nửa tiền bán đôi hoa, chưa tiêu khuyết đồng nào. Bà Chấn chụp vội lên đầu chiếc nón cũ ở Chiếc nón của chồng vẫn đội làm vườn ngoắc ngay trên đỉnh vách bên cửa ở quai nón đầy mùi mồ hôi cũ, bà Chấn lại òa lên khóc! ở Quần áo cũng không kịp thay. Bà Chấn rào bước quảng mình ra cổng; chiếc nón cũ gió hất xuống lác lư sau vai, cọ vào tấm áo cánh cũ, một ống tay xé cộc lên đến khuỷu. Bước cun cút thất thểu, trên con đường quan ở vừa đi vừa ngóng xe. Ví phỏng người quen cũ có gặp mặt, làm sao nhận được cô đào Khuê hôm nay.

Đi hôm trước, chiều hôm sau bà Chấn đã về; đến đầu xóm thì trời đã nhá nhem, Chỉ mới qua hai ngày mà dốc đi mất nửa người. Hai mắt lõm sâu, tiếng nói khản đặc, bà Chấn nghẹn ngào nói lại với thím Vượng đúng như lời thím được nghe người ta nhắc trước đây. Di vật của chồng bà mang

về chỉ là một chiếc bát lửa cũ, bà vẫn cầm chặt trong tay. Ngay đêm đó, bà Chấn đèn hương. Chiếc bát lửa được đặt cạnh bát hương. Nỗi đau dồn thắt, bà Chấn một mình ngồi khóc thâu đêm, thỉnh thoảng lại với tay cầm chiếc bát lửa rồi tự đặt lên bàn thờ ố Vật vĩa đay đi đay lại: “Chết không gặp nhau! không gửi lại điều gì trong phút lâm chung!...”

Sáng hôm sau, nắng hoe một lúc, ló vào cổng nhà tang in đầy dấu chân đoàn thể ố dấu chân “bộ tứ”, “bộ ngũ” (đảng, chính, nông, thanh v.v...). Người nào người nấy về mặt đau buồn thăm viếng. Bà Chấn mắt sưng húp đang khóc dưới đèn hương, đứng dậy đón đoàn. Trong số đó, bà Chấn chỉ nhận ra được ông Phú chủ tịch xã và anh Đáng còn đều là người thôn khác. Một bà phụ nữ ôm theo một bó hoa huệ ngát hương. Tất cả đều vây quanh bàn thờ, tất cả đều dăm chiêu lặng lẽ. Ông chủ tịch xã, xúc động nhân danh thay mặt đảng ủy, thay mặt chính quyền, thay mặt đoàn thể các ngành các giới trong toàn xã nói lời chia buồn thống thiết, - ông rút khăn tay chấm mắt, nhiều người trong đoàn làm theo ố ông ân cần khuyên nhủ bà Chấn và với cả mọi người có mặt: “Tổn thất của gia đình cũng là tổn thất chung của mọi người!” Ông không quên nhấn mạnh: “Biến đau thương thành hành động cách mạng!” Ông hứa: “Đảng, chính quyền, có trách nhiệm tích cực giúp đỡ gia đình để giảm bớt những khó khăn...!”

Bà Chấn, xúc động, tay vuốt phẳng ống quần ố thói quen lịch sự trước mặt người lạ ố cúi đầu lĩnh nhận những lời cao trọng đạo đức.

Thưa bạn đọc, thật ra đoạn viếng thăm là không có. Tôi phịa thêm ố Tự thấy cũng không có thiệt hại gì ố Xin bạn đọc thể tất!

Đôi đũa gãy một chiếc! Bà Chấn suy sụp chẳng còn lòng dạ đâu nghĩ đến làm ăn. Mảnh vườn để hoang, chỉ còn lại dấu chân loạn bước của ông Chấn từ bữa cây đàn đáy bị đập làm củi đun nước tắm. Cứ nhìn vào vườn, bà Chấn lại nhìn vào những dấu chân ấy mà giàn giụa nước mắt.

Tiền bán đôi hoa còn lại, bà Chấn chi dần vào đèn nhang, ngày nào cũng như ngày nào, bà cũng mua thêm tí thịt, hoặc cá, hoặc đậu, thổi lạng bát gạo để cúng cơm bữa. Bốn mươi mấy ngày rồi, bà Chấn chưa biết miếng cơm nóng. Cúng xong, bà hạ xuống thom thom một mình vừa ăn vừa khóc. Bà dành dụm để nay mai chi vào ngày “bốn chín”.

Thật ra, bà Chấn chẳng biết nghi thức cúng bái thế nào trong ngày ấy và cũng chẳng biết hỏi ai. Bên cạnh có vợ chồng thím Vượng nhưng cũng không biết gì hơn. Bà Chấn còn muốn đi gọi hồn chồng để được nghe lời dặn dò; kéo âm dương cách biệt quá! Cô đồng, thầy cúng, thầy bói, xa gần đều đã bị cưỡng bức giải nghệ. Có người đang còn nằm trong trại tù, trại giam. Ý bà Chấn phải đưa được vong linh chồng lên chùa nương bóng Phật, để chồng được mát mặt, để bà được thỏa nguyện giữa kẻ còn người khuất, gọi là chút nghĩa trong cõi thác sinh.

Khốn nạn thay! Chùa đình của làng cái còn, cái mất. Du kích, dân quân đã phá hủy đình, chùa, ngay từ lệnh tiêu thổ kháng chiến, sợ giặc tràn đóng bót. Dấu tích của đình chỉ còn mỗi cái giếng, tảng đá ong rỗ rỗ, mặt nước đầy bèo tấm. Ngôi chùa cổ kính đẹp là thế; du kích dân quân đang phá dỡ, thì giặc kéo đến tiếp tay đốt phá tan hoang, chỉ còn lại gian “chuôi vồ” sau đại bái. Sư Phúc đã hồi tục về tận xứ đông xứ Đoài. Tượng Phật chẳng còn pho nào vách trong, vách ngoài gian còn lại, kẻ đầy những khẩu hiệu, và những nét vẽ tục tĩu ố của những trẻ con mất dạy để lại ố Cổ tình lọt lưới dăm điều dạy bảo tổng hợp để nhớ.

Bà Chấn những lo lắng băn khoăn tối ngày không có hoàn cảnh để được làm trọn bổn phận. Mặt khác bà Chấn cũng lo lắng dờ dỏi đèn hương tránh sao khỏi con mắt của xung quanh dòm ngó; chước vạ vào thân và còn làm nhục đến vong linh. Bà Chấn tâm tâm niệm niệm cầu trời khẩn phật rủ lòng đại xá ố Cảnh khốn cùng “Tâm động quỷ thần chi!”

Thắm thoát đã đến ngày bốn chín. Lòng thành kính, lễ nghi đậm bạc; bà Chấn bày trên bàn thờ hai bát hương; trên Phật, dưới vong, chờ tối xuống.

Bóng nắng ửng ỏi kéo qua ngọn vối bờ ao. Bà Chấn ra chính nước bên gốc cau, múc nước cúng. Thoáng thấy bóng mình trong khoan nước lặng; không nhận ra mình, mái tóc hoa râm xác xơ, tàn tạ. Chờ lúc sẩm tối bà Chấn mới đốt hương đèn trên bàn thờ. Nôm na, than thở những lời cay đắng. Bà Chấn cứ ngồi lặng, cái bóng héo hon treo trên vách, ánh đèn thờ lắt đi, lắt lại vật vờ.

Đã quá nửa đêm, mọi nhà đã yên giấc trong tiếng chó sủa cầm chừng, Bà Chấn muốn cúng chồng bằng lời ca, tiếng phách ố Chỉ có lời ca, tiếng phách hy vọng vợ chồng được gần gũi trong khoảng cách âm dương ố bà nghĩ như vậy. Bà Chấn lấy cổ phách trong hòm ra. Nhìn cổ phách, bà thấy như được gập ruột thịt, cùng bà chia sẻ nỗi đau. Tay run run đỡ vuông nhiều điều áo phách, bà Chấn với lên bàn thờ lấy chén rượu thả xuống lau phách; vừa lau vừa tìm lại những kỷ niệm từ thuở mười hai.

Năm ấy là năm gì nhỉ. Đêm tháng Tám, có trăng chiều. Vợ chồng người cậu bày đèn hương trên bàn thờ tổ, cháu gái Âu Thị Khuê được nhận phách tập ố cũng như độ tuổi con trai buổi đầu nhận đàn ố Ngay từ đêm đó, dì Huyền nắn từng ngón tay Khuê, dạy cách so dùi dạo phách...

Trời phú cho Khuê có nét cười duyên dáng, hể cười là cúi đầu nghiêng nhìn e lệ. Đêm ấy Khuê ngồi tập phách bên dì Huyền mãi đến lúc trăng tà. Khuê luôn tằm tằm, sung sướng thấy mình lớn lên trong tiếng khen của dì Huyền.

Đời Khuê bắt hạnh từ thuở nhỏ; năm Khuê bảy tuổi bố mẹ đều mất ố mẹ mất bảy tháng sau khi bố mất, trong cùng một năm. ố Trên đầu tuổi thơ đã hai lần khăn tang! Khuê được bà ngoại đem về nuôi trong tình thương của bà ngoại, của cậu mợ và của dì Huyền. Cả hai bên nội, ngoại đều có nghề ca trù từ tổ tiên truyền kế.

Tiếng phách đã đập chũng đòi giới ngọc, qua mấy năm công phu luyện tập. Năm Khuê mười lăm tuổi, đã được theo cậu mợ, theo dì Huyền lưu ca nhiều nơi. Khuê và dì Huyền giống nhau như hai chiếc lá cùng nhánh. Khuê lại được số phận ban cho giọng ca rầu rĩ não lòng với cái dáng thanh tú, buồn buồn của đóm sao chiều; khiến nội ngoại đều lấy làm hãnh diện.

Năm Khuê mười bảy tuổi, sau nguyên tiêu, đêm giỗ tổ nghề; ông sáu Lục, người cao mai nhất trong họ và là một kếp đàn cừ khôi ố Làm chủ mọi cây đàn đáy ố Chọn giờ Thân, giờ tuổi của Khuê ố đó là tục lệ của nghề nhà ố Chính thức trao cho Khuê cổ phách "bản mệnh". Và tên Khuê được ghép thêm tiếng đào ố đào Khuê.

Đào Khuê được chọn màu áo để mọi người so sánh. Mọi cặp mắt ngấm nghĩa đều thấy đào Khuê chỉ ưa vận đồ thâm. Ông Sáu Lục ban khen hết lời nhưng, không khỏi ngậm ngùi kín đáo.

Cổ phách là của dì Huyền. Khi đào Khuê đưa tay nhận phách, hai dì cháu đều rưng rưng trao nhận cả nước mắt. Dì Huyền bốn mốt, hơn đào Khuê đúng hai giáp. Trước kia tiếng hát của dì Huyền đã một thời khiến bao khách tình rơi lệ! Bất hạnh thay! cuối mùa hè năm kia, chẳng may dì Huyền lâm bệnh thương hàn; mấy tháng sau mới bình phục. Tóc bị rụng, giọng ca bị gãy! Dì Huyền đành trao lại cổ phách cho cháu gái mồ côi, mà dì thương mến nhất.

Đào Khuê họ Âu nhận phách của họ Dương, đó là điều khác biệt với lệ thường. Đào Khuê được dì Huyền kể lại về lai lịch cổ phách.

Phách bằng trúc; loại trúc này chỉ ở trên đỉnh Thạch Bàn núi Tam Đảo mới có. Trúc mọc trên đá, phía sau đền Tây Thiên. Hẳn vì quanh năm mây trắng bao phủ nên từ thân đến lá đều màu trắng ngà; nhờ chọn gió đỉnh cao quanh năm, từng thớ trúc nhiễm sức bay xa của gió nên khi gột phách, âm thanh lượn lờ linh vọng. Người ta truyền ngôn từ xưa các triều vua, chúa đã chọn lấy trúc đó về làm phách ngự cho cung nữ. Người dân mãi sau này mới dám sử dụng ố Vì lẽ gì thì chẳng biết ố Nghề ca trù nhiều vùng đều ao ước; có lẽ người ta cậy vào nơi sinh trưởng của trúc mà đặt cho tên đẹp là “tiên phách”. Không phải ai muốn lấy trúc cũng được. Hẳn phải có sự cảm kị, ngăn cản của sơn thần. Muốn lên lấy trúc phải tính tuổi như làm nhà vậy; lại phải xem ngày, phải tu lễ dâng cúng tại đền Tây Thiên; phải gieo đủ mười hai tiền (?) xuống dòng suối giải oan; phải xin âm dương được quẻ mới dám động thủ phách mộc.

Phải chăng việc lấy trúc làm phách đã qua nghiệm chứng mà người người truyền miệng, hay chỉ là lời tầm phào đơm đặt nên chuyện.

Thời bà ngoại của đào Khuê còn đang tuổi thanh xuân, cụ ông kỳ công thuê một tay thợ vùng Vĩnh Tường đứng tên cụ dâng lễ lên núi xin trúc. Thợ phải tựa vào mắt đốt lần đám qua bốn trúc “Sinh ố Lão ố Bệnh ố Tử” chọn lấy một đốt cuối Tử đầu Sinh. Có nghĩa là cỗ phách nằm giữa hai cõi Tử, Sinh. Cỗ phách được bào chuốt, bóng lạng màu ngà. Ông cụ còn muốn dựng cỗ phách kiểu phách của cung nữ đời hậu Tống nên đã thuê thợ kim hoàn cẩn vào hai đầu dưới lòng phách một nửa phân vàng mười chia đôi ố Và cũng đặt cho cỗ phách quý này cái tên sang trọng là “Kim Phách”.

Quả thật, hằng năm cứ vào quăng cuối thu, kim phong chập chùng lay mỗi, mỗi lần dạo phách, thấy thoát lên lạnh lạnh tiếng ngọc va ngọc. Cái âm ngọc ấy nó chọn tai người nghe!

Bà ngoại nâng niu cỗ kim phách được vừa trăm ngày thì lâm bệnh! Xem ra là xung mệnh; buộc phải rời tay khỏi phách. cỗ kim phách được cất kỹ, mãi sau được trao cho dì Huyền ố Tuổi Thân ố Mệnh kim. dì Huyền sau đó lại trao cho đào Khuê, cũng tuổi Thân ố Hợp mệnh.

Cỗ kim phách truyền tay ba đời. Cỗ kim phách, đào Khuê gìn giữ bằng tình cảm tâm gia ố Coi là “phách mệnh”. Tiếng phách lần giao âm ngọc với ngón đàn của kếp Chấn so dây.

Mấy chục năm gấn bó, phút chốc nghề nghiệp sa cơ! Làng ca trù ngao ngán, buộc quay lưng với đàn ca, quay lưng với tri âm; quay lưng với chính bản thân!...

... Dưới ánh đèn con trên bàn thờ tãi sáng chập chờn yếu. Bà Chấn dần vật duyên phận; chẳng biết vì đâu mà lúc âm dương chia cách, vợ chồng không được nhìn nhau lần cuối! ố Người ra đi vì sao không gửi lại cho nhau được nửa lời!? Vẫn chiếc áo thâm ăn dáng, hứng nước mắt chưa khô lại ướt. Bà Chấn run tay đập phách; nghẹn ngào, mấy lần không cất nổi tiếng ca ố lời đã biệt cuối khổ sông mà vợ chồng rất tâm đắc, lúc canh tàn, tiễn bạn...

Tiếng phách luôn vấp nhịp; tan dọc, tan ngang nhỏ dần; như từ thiên cung vọng xuống, như từ sâu thẳm vọng lên chờ đợi tiếng ca. Bà Chấn chỉ thốt lên được mấy tiếng cuối khúc, cuối câu: “...Lúc phân trình rầu rĩ lắm ai ơi!..” Quen tay đập mạnh phách cất nhịp. Bỗng phách cầm đột ngột. Bà Chấn không tin ở tay mình, vội xóc hai dùi đơn, kếp đập lại. Phách chỉ phát ra tiếng bồm bộp, như đập vào tre ải. Hương đời tàn, đèn muốn tắt! Bà Chấn sững sốt, cầm phách lên tay nhìn kỹ; phách vẫn nguyên dáng; màu ngà đang phai dần, ngả hẳn sang màu sáp ong dưới ánh đèn leo lét, lạnh lẽo vây quanh. Bà Chấn rùng mình, quay nhìn quanh quất. Hai bàn tay khô héo đan chặt vào nhau. Linh mệnh thẳm nhủ, bà Chấn nhận biết “Bạn cũng ra đi”. Phải chăng kim phách có tiền oan! Mảnh áo thâm đang khoác điều tiền định: duyên mệnh! Lại một lần nữa như bị xẩy chân trên bờ vực thẳm! Bà Chấn khóc không ra tiếng, cúi nhận thêm một cái tang ố Tang bạn!

Hôm sau, mặt tàn tạ chúi trong nón cũ, với cái dáng tiều tụy trên đường gió đầy, hai vai chiu nặng thể lương, bà Chấn vươn bèo chợ Phùng, mua về ba vuông vải trắng làm đồ khâm liệm bạn.

Sau bữa cúng cơm chiều, bà Chấn lấy phách ra lau rượu lần cuối; mùi rượu dâng men cuốn theo cả cái mùi tục lụy của dĩ vãng đặng đặng tan bay. Bà Chấn gói kín phách trong ba vuông vải trắng, bên ngoài bọc vuông nhiễu điều. Khâm liệm xong, bà Chấn nâng phách lên đặt cạnh bát hương, đốt thêm ba nén, có ý để vong linh chồng chứng cảnh. Bà Chấn lại hạ phách xuống khâm liệm lại; vuông nhiễu điều áo phách được gói bên trong, vải trắng gói bên ngoài; vẫn cứ bản khoăn, bối rối không biết thế nào là phải.

Chờ lúc chạng vạng, bà Chấn mang cỗ phách ra phía bờ ao, tìm nơi mai táng. Nách bên trái ủ chặt phách; tay phải cầm một cái sén cấy rau, bà Chấn vừa khóc vừa cạy đất. Cạy đến hai, ba chỗ, chưa thấy yên lòng, lại lấp đi, lại đào tiếp một huyệt, lấp đất và nói xuống huyệt: “Bạn không ở lại, đời đào Khuê chả biết ngày mai ra sao? Đào Khuê đặt bạn nằm yên đây để bạn khỏi bơ vơ!” - Hai bàn tay bóp đất, vun một nắm mộ nhỏ vừa bằng chiếc gói đầu để có thể ở trong nhà vẫn nhìn thấy. Ngồi lặng bên mộ phách một lúc lâu, bà Chấn đứng dậy liêu xiêu vào nhà. Trong nhà, bóng tối đã tràn ra ngoài cửa. Đứng trước hiên lùi lại vài bước, bà Chấn cảm thấy lạ lẫm, trống rỗng; ngơ ngác không biết mình đang ở đâu?

Nghề ca trù mất ổ bàn tay nào mưu toan bức tử? Nghiệp ca trù vẫn còn đeo đẳng trong linh hồn, chờ vận hội tái sinh. Phải chăng âm thanh của lời ca, của đàn, phách không chịu khuất phục, không chịu nhục nhã quỳ gối trước công đường lầy lội nhớp nhơ ổ Nhất loạt tự sát! Bởi không còn thấy một chân trời nào có thể đặt bước lưu vong.

Hà Nội 12-1958

Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập *Xem Đêm* Nguyễn Hữu Đang



Tranh Văn Cao

Cách đây ba năm, khi tôi còn ở quê (Thái Bình) và Phùng Quán còn sống bên Hồ Tây, ông khoe với tôi tập thơ hầy còn là bản thảo của Phùng Cung mà ông khen hết lời. Tôi nửa tin nửa ngờ: văn xuôi thì qua truyện ngắn *Con ngựa già của Chúa Trịnh* nổi tiếng, Phùng Cung đã tỏ ra có nghệ thuật vững, còn Phùng Cung làm thơ thì chưa chắc đã hay. Nhưng khi được đọc bản thảo, dù khó tính, tôi cũng thích thú. Nhiều bài hay, có những bài đáng coi là tuyệt tác. Và tôi cùng ông Quán cố gắng tạo điều kiện cho tác phẩm ra đời.

Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin đã sốt sắng nhận làm bà mẹ đỡ đẻ cho đứa con tinh thần này của Phùng Cung. Khi đón nhận nó với cái tên ngộ nghĩnh *Xem Đêm*, tôi nghĩ ngay đến một câu

của thi hào cổ đại Horace như đã «ứng» vào trường hợp này: «*Tôi sẽ không chết tất cả*» (ngụ ý sau khi thi sĩ qua đời, tác phẩm của ông là một phần con người ông sẽ còn sống mãi), Phùng Cung cũng hoàn toàn tin tưởng lạc quan ở sức sống lâu dài của thơ ông như Horace nghĩ về thơ mình. Và cố nhiên bấy lâu ông hằng mong thơ ông chóng thoát ly bản thảo để sức sống kia được thử thách và công hiến.

Thơ Phùng Cung tích lũy trong thầm lặng khắc kỷ đã phải nằm chờ hơn hai mươi năm dưới lớp bụi thờ ơ, như Hằng Nga ngủ trong rừng, chưa có Hoàng tử Đẹp trai đến đánh thức, nay một phần được in là tín hiệu việc quản lý văn nghệ có khả năng mở ra một thời kỳ đổi mới - một thời kỳ mà Ehrenbourg gọi là «đợt tan băng giá»- chí ít cũng hứa hẹn sẽ phóng khoáng hơn trước. Hứa hẹn chung với mọi người thì chưa chắc đã thực hiện được, nhưng riêng với Phùng Cung thì rõ ràng ông là một cây bút vốn bị hoàn cảnh không bình thường kìm hãm, đang giành lại chỗ đứng dưới mặt trời. Nếu không, sẽ chẳng bao giờ chúng ta biết đến một tập thơ đáng trân trọng.

Tập *Xem đêm* đem lại cho chúng ta những vẻ đẹp bất ngờ trong môi trường nông thôn cũ (chưa cơ khí hóa, điện khí hóa, tập thể hóa), nơi có hai nét đặc trưng cổ truyền là *quang cảnh thanh bình* và *tinh thần thuần phác* mà văn học thường phản ánh như sự đền bù cho tình trạng nghèo khổ, lạc hậu, hai nét đặc trưng mà những đồng bào đi sinh sống ở nước ngoài thường nhớ tới như diện mạo quê hương. Nói cho đúng, đó là hình ảnh tổng hợp những nét chung của nông thôn miền châu thổ sông Hồng trong một quãng dài lịch sử ngàn năm, một hình ảnh mà tác giả tha thiết giữ trong ký ức vì ông đã quyến luyến nó từ «thời mũi rãi». Cái nôi yêu quý ngày xưa đã trở thành nguồn cảm hứng phong phú ngày nay cho một tâm hồn bén nhạy.

Hiện thực ở đây đã được chắt lọc qua rung động thẩm mỹ nên thơ mộng, nhưng cũng rất thật. Thân quen biết mấy, những cánh đồng bát ngát, ruộng lúa, bãi ngô, vườn dâu, nương vừng, xóm trại, khúc sông, bến đò, quán chợ, giếng đình, giàn bầu, giàn bí, lũy tre, ao bèo, củ khoai, nải chuối, quả ổi, trái ớt, hoa bưởi, hoa cau ... và cả một thế giới động vật nhộn nhịp những trâu, bò, gà, chó, chim, cò, giun, dế, chuồn chuồn, đom đóm... xung quanh những con người lam lũ, hiền lành, có cô con gái «ý tứ soi gương đáy nón», có truyện cũ chàng trai si tình «đề thơ vạt áo», có người mẹ trẻ «sửa con so ướm yếm», có người vợ đảm về chợ tối «bước sấp ngựa» ... Bấy nhiêu hình ảnh tràn ngập không gian vang vọng tiếng gọi đò, tiếng sáo diều, tiếng tù và, tiếng chó sủa, tiếng ru con ... Tất cả chung đúc lại thành bức tranh quê quen thuộc mà một Anh Thơ hay một Đoàn Văn Cừ đã có lần ghi chép thật thà, mộc mạc, hoặc kết thành một khúc nông ca (bucolique) mà Virgile đã để lại mẫu mực.

Nhưng tập *Xem đêm* không chỉ có thế. Do tự nhiên thuận lợi hay sáng suốt lựa chọn, Phùng Cung đã tìm được cho thói quen tản tiện lời nói của mình một địa hạt đặc dụng là địa hạt thơ, nó đòi hỏi phong cách diễn đạt hàm súc. Thơ hai-kai của Nhật Bản mà thế giới đánh giá cao đã chứng tỏ khả năng truyền cảm, gợi ý tối đa của lời văn tối thiểu.

Tuy vậy Phùng Cung cũng chưa yên tâm mà vẫn đầu tư biết bao công sức để tìm những lời thơ «xuất thần», tìm không mệt mỏi như dân hải đảo mò ngọc trai. Ôi công sức của Phùng Cung, có lẽ bậc thầy Đỗ Phủ cũng phải bằng lòng vì đã mặc nhiên thực hiện câu thề nguyên của nhà đại thi hào đối với thơ: «*Lời không làm cho người ta kinh hãi thì chết cũng chưa thôi*» (Ngữ bất kinh nhân, tử bất hựu).

Bằng một thứ ngôn ngữ cô đọng như tinh chất, tế nhị như hương thơm, ông mời bạn đọc làm quen với một Nàng Thơ đẹp kín đáo duyên lặn vào trong và khó tính, để tìm hiểu đến trở thành tri kỷ. Tôi tin rằng với nhiệt tình yêu thơ, vào cuộc họ sẽ nhận ra tác giả gắn bó với *tinh người* và sự *thanh cao*. Có điều là vào cuộc ở đây cần đến cảm quan trực giác nhiều hơn là trí tuệ thông minh. Mặt khác, ngoài hai tính cô đọng và tế nhị phù hợp với thơ nói chung, ngôn ngữ *Xem đêm* còn đậm đà tính dân gian phù hợp với đề tài thôn dã, được vận dụng điều luyện trong những vần thơ êm nhẹ như cánh cò bay mà làm rộn lên trong tâm trí chúng ta lời ăn tiếng nói của bao thế hệ ông, cha.

Chúng ta hiểu vì sao nhà thơ Quang Huy, trong bài giới thiệu in ở đầu sách, đã khẳng định hoàn toàn khách quan, công bằng: «Phùng Cung xứng đáng là bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ».

Chính nghệ thuật ngôn từ đã là một trong những yếu tố quan trọng làm cho thơ Phùng Cung độc đáo. Độc đáo là một tiêu chuẩn văn học khó đạt được mà Guy de Maupassant đề cao đánh thếp như thách đố: Nhà văn xứng đáng với tên gọi ấy phải biết nhìn như chưa từng có ai nhìn như thế, biết nói như chưa từng có ai nói như thế.

Nhờ chiều sâu vốn sống và biết nhìn, biết nói như tính độc đáo yêu cầu, Phùng Cung đã tìm ra cái mới, cái lạ. Nhưng cái mới, cái lạ thường làm cho độc giả bối ngỡ, có khi không hiểu. Tôi muốn nói đến những điểm tối nghĩa trong *Xem đêm*, những điểm dễ bị người ta chê trách, hoặc là ẩn ý mà người ta không nghĩ tới, hoặc là bỏ lửng mà người ta không đoán ra, hoặc là ước lệ riêng về cách viết mà người ta không chấp nhận. Có thể đó là những sáng tạo chưa hoàn chỉnh, nhuần nhuyễn nhưng tác giả có quyền mạnh bạo đem thí nghiệm. Cũng có thể, như trong âm nhạc cổ điển, hội họa hiện đại, đó là những sản phẩm đặc biệt mà người muốn thưởng thức phải có «vốn» để thưởng thức. Nếu không ... nếu không thì người «ngoại đạo» bao giờ cũng thiệt vì «ngoại đạo», người «vô minh» bao giờ cũng bị thiệt vì «vô minh», chính kẻ viết bài này cũng đã «ngoại đạo», «vô minh» đối với một số điểm tối trong *Xem đêm*. Còn về phía người làm thơ, dù không đi vào quỹ đạo những trường phái thơ kín mít, người làm thơ tự tin, tự trọng cũng tán thành lời nhắn nhủ của nhà phê bình trữ danh Pháp Sainte Beuve (1804-1869): Thi sĩ không nên vì tham vọng chiều ý được hết thấy mọi người mà «pha loãng nước hoa của mình».

Không phải vô lý nếu đã trên một trăm năm rồi, người ta nêu trách nhiệm tìm hiểu của người đọc là phải «đọc tích cực», phải «tự tìm ra chìa khóa», phải «đi gặp tác giả ở giữa đường». Về những điểm tối trong *Xem đêm*, tôi có ấn tượng tác giả tin tưởng và chờ đợi chúng ta sẽ thông cảm bổ sung, vì cái kho ngôn từ của ông dù đã phong phú cũng không đủ để ông bộc lộ được hết ý mình. Nhìn dưới góc độ tiến hóa chung, quần chúng hưởng ứng những sáng tạo của nhân tài như thế là phần năng động, phát huy trong sự phân công lao động xã hội.

*

Sau khi nhận biết thế mạnh và những đòi hỏi của tác giả để thực hiện độc đáo, chúng ta tìm hiểu tác phẩm tận gốc của nó là nguồn cảm hứng. Trên kia nói nguồn cảm hứng thứ nhất (về thẩm mỹ) của *Xem đêm* là những vẻ đẹp nông thôn đã hấp dẫn tác giả từ thuở nhỏ. Một nguồn cảm hứng nữa (về tư tưởng) đã đưa đến việc sáng tác hàng loạt những bài thơ chiếm gần nửa nội dung tác phẩm là *tình thương cao cả* của con người Phùng Cung.

Không phải ông chỉ thương số phận bất hạnh con người, mà thương cả số phận bất hạnh loài vật và cỏ cây là những sinh vật chung sống với người như hàng xóm, như bạn bè.

Ở đây hiện tượng xa lạ với hành động của một nhân vật lãng mạn, suốt mướt tưởng tượng bông hoa chết như người, rồi thương hoa, khóc hoa, chôn hoa. Cũng không phải trường hợp nhà văn dùng thủ thuật nhân cách hóa trong bút pháp hoặc mượn loài vật làm ẩn dụ để nói người. Ở đây hiện tượng là con người Phùng Cung trong đời thường, với tư cách là một sinh vật, có ý thức đồng loại với những sinh vật khác và lấy đạo đức bác ái đối xử với đồng loại, cụ thể là thật sự có tình cảm với loài vật, cỏ cây.

Tôi biết Phùng Cung không chịu ảnh hưởng của thuyết luân hồi - kiếp nghiệp trong đạo Phật mà tình thương của ông cũng chan hòa rộng khắp đến mức trở thành ý kiến *hiếu sinh đại đồng*.

Cố nhiên tình thương ấy theo trật tự lô-gích ắt phải bắt đầu từ nhân loại và giành ưu tiên cho những người thân nhất. Trước hết, đi vào quá khứ, ông thương bà thân sinh quanh năm khó nhọc tảo tần miếng cơm, manh áo, nuôi con đến bước trưởng thành:

*Mồ hôi mẹ
Tháng ngày dầm dẫm
nhỏ giọt
Con níu giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người
(Mẹ, trang 8)*

Rồi thương người vợ hiền đã cùng mình chia sẻ cuộc đời điều đứng:

*Em vất vả
Tối ngày tất tả
Lưng áo em
Ngoang vôi trắng xóa
Cái trắng này vất tận trong xương
(Mồ hôi xương, trang 33)*

Đến thương một nhà thơ:

...
*Nửa thế kỷ
Bị lưu đày
Trong cũi tung hô.
(Tội nghiệp, trang 37)*

Thương một gia đình cùng kiệt xác xơ:

...
*Rõ không hờ hững quang treo
Nắng thả chào mào nghiêng ghé
Chó vẽ bóng gầy sân bếp
Gió khều tã vải múa may
(Gia cảnh, trang 19)*

Thương những người xiêu bạt kiếm ăn:

*Cửa liếp nói xa xăm
Người đi từ dạo đói
Chiều ghé sân hoang.
...
(Nắng hàn vi, trang 45)*

Thương xóm nghèo:

*Trang trại trưa hè khát bữa
Lê tấm
Búng đèn
Đũa mắm
Đỉnh đoảng mùi cháo - canh
Gục cả xóm cời trần.
Cháo - canh, trang 23)*

Thương người cán bộ phụ nữ luống tuổi, phải về hưu non, sống khó khăn trong nghề bán rượu lậu, ba-lô nặng trĩu:

*Nửa đời
Nước thái
Hưu non
Vãi mồ hôi son
Tảo tần chiều sớm
«Cuốc lủi» lưng vơi
Ngãm câu tục ngữ*

*Mắt trước mắt sau
Kính hoàng di lụy
Tóc bạc vào mùa
Răng hơi bị đui
Trệu trạo trái sung
Ruột tím cơ hàn.*
(Tím cơ hàn, trang 102)

Thương người con gái chết đuối:

*Chớm tuổi yếm son
Em hay xấu hổ*

...
*Chiều mưa ấy
Dốc ao trơn
Em sẩy chân
Bất ngờ - ân hận*

...
*Xóm khóc - ngậm ngùi
Từ đáy ao hoang*

...
(Ao hoang, trang 49)

Thương những người nằm dưới đất:

*Lạnh nhịp sương rơi
Chiều - gạo đổ
Đế gào chân mộ
Trăng lên.*
(Nghĩa trang, trang 25)

Nhìn sang thế giới bên kia, ông thương những cô hồn lang thang:

*Gió nã từng cơn
Bùa trấn trạch
Nấp trong giấy bản
Bến đò, quán chợ, ngã ba
Vật vãi mùi cháo thí đêm hè.*
(Cháo thí, trang 32)

Đã nghĩ đến những nghịch cảnh chung ở thế giới bên kia, hẳn Phùng Cung không quên những nghịch cảnh chung ở thế giới bên này. Ông thương đồng bào chịu gian khổ trong vùng lũ lụt:

*Đê tiền triều gãy khúc
Đông ngập trắng
Con lênh đênh cống vắng bơi sông
Thương em đứng giữa mùa nước mắt.*
(Mùa nước mắt, trang 47)

Thương những người già trong kháng chiến phải bòn sức lao động sản xuất, đói vẫn hoàn đói:

Giặc quấy

*Làng queo quắt
Tụi trẻ đi - đi hết
Dờ dật sức già gãi đất*

...
*Cái đoi tròn
Lăn kín bốn mùa
(Gãi đất, trang 65)*

Thương những người chết trận, nạn nhân của chiến tranh khốc liệt và chủ nghĩa anh hùng dã man thời phong kiến:

*Mỗi chiến thắng
Một lần gương tắm rượu
Ruồi vẫn qua lòng máu
sa trường
(Gương báu, trang 68)*

Thương giai cấp nông dân sống cơ cực không lối thoát trong nền sản xuất lạc hậu:

*Mặt trịn nắng
Ngả màu chum, vại
Hì hụi lồi mòn tử đạo
Lưng còm chan đẫm phong trần.
(Phong trần, trang 71)*

Thương một dân tộc tàn lụi sau một thời cường thịnh huy hoàng:

*Chiều Phan Rang xanh đau
ngọc nát
Nắng Chiêm Thành quanh quất
tháp hoang
(Tháp Chàm, trang 84)*

Thương nhân dân nước nào đó sống lầm than dưới cường quyền:

...
*Phải đâu nhật thực triền miên
Ngày tối hơn đêm*
...
*Quy gối chống tay vẫn còn sợ ngã
Mặt đất quá cheo leo.
(Đêm vó ngựa, trang 20)*

Đến đây tôi muốn giới thiệu một Phùng Cung lãng mạn «như ai», thương tiếc những mối tình không trọn, cố nén lòng giữ giọt lệ khi gặp lại hai người yêu cũ, một đã thành sư bác mà vẫn chưa quên những ngày dan díu:

...
*Nhìn trước nhìn sau
Em khẽ khóc*
...
*Ngại đường tu dang dở
Em vội lau nước mắt*

...

*Trót nhớ mãi
Một chiều nghiêng lụy.
(Nghiêng lụy, trang 100)*

Người thứ hai dáng dấp gian truân, tiều tụy, không còn đủ can đảm nhìn người cũ:

...

*Lâu lắm gặp em
Em chỉ khóc quay đi
Bước héo
Áo gầy
Gió va nón cũ
Tôi hiểu em
Tôi chẳng nói được gì.
(Gặp em, trang 29)*

Với lòng trắc ẩn ân cần đến có thể cứng chiều, ông mũi lòng về những tâm hồn trong sáng nhưng yếu đuối, không chịu nổi một sự buồn phiền nhỏ, như người phụ nữ thảo hiền đa cảm, khóc vì lo người thân phải chờ mong, tủi thân vì thiên nhiên cản trở:

*Bước sắp ngửa
Em về chợ tối
Gió bãi khoai quán quít
Làm em mau nước mắt
Đèn con xóm trại đang chờ.
(Về chợ tối, trang 101)*

Người được thương không có điều gì bi thảm, chỉ vì đức hạnh mà xúc động ngây thơ nên ông vì quý mến mà vỗ về, an ủi. Một tình thương đẹp dịu như ánh trăng thu!
Cũng với lòng trắc ẩn ân cần ấy, ông hận cho những cánh bèo trôi nổi không cùng:

*Lênh đênh muôn dặm
nước non
Đạt vào ao cạn
Vẫn còn lênh đênh
(Bèo, trang 7)*

Ông không thể cảm lòng trước cảnh những quả chuối mới trở, bầy bót như trẻ sơ sinh mà phải chịu rét mướt mùa đông, thân trần trụi:

*Gió bắc về
Chuối vừa mới trở
Dần vật lỗi mùa
Bắn khoăn chung chiếc khó
Lấy gì che chắn gió xung quanh.
(Chùm gió bắc, trang 96)*

Nếu trong thơ Đường, hoa đào vô tình bên cái chết bi thảm của người con gái ốm tương tự, vẫn thản nhiên «cười với gió Đông» thì, trong thơ Việt Nam, Phùng Cung

*Thương cây đào ốm
Xuân về chẳng nụ hoa*

Lá gầy run gió lạnh.
(Cây đào, trang 21)

Vì ốm, cây đào thiếu vẻ đẹp trong mùa xuân đã là đau khổ nhưng sự sống chưa mất hẳn, còn cây cà:

...
Cõi bản thủ
Cổ xanh, cổ tím.

...
mà bị sâu róm ăn hết lá, nhất định cây cà sẽ chết:
Cành suông chết điếng tím, xanh.
(Chết điếng, trang 25)

Đối với cây, dù ông quan tâm như vậy, tình thương của ông cũng không nhiều bằng đối với loài vật có tri giác như người. Điều đó ngẫu nhiên phù hợp với một luồng tư tưởng tiên phong hiện nay trên thế giới đòi cho loài vật được đối xử như người, muốn mở rộng *dân chủ* và *đạo lý* đến loài vật là đối tượng mà nhà văn kiêm nhà sử học Pháp Michelet (1789-1874) gọi thân thiết là «những anh em hạ đẳng của chúng ta». Phùng Cung không chú ý đến luồng tư tưởng ấy và những phong trào hưởng ứng, song đối với ông, thương loài vật như thể thương người là một đạo đức đi đôi với đạo đức «thương người như thể thương thân».

Tình thương của Phùng Cung đối với loài vật cũng như đối với người và cây, bắt nguồn từ ước mơ sẽ không còn thảm cảnh trên trái đất này, một ước mơ quá đẹp đã là một trong những động cơ của các tôn giáo lớn, các chủ nghĩa xã hội cũ và mới. Đâu phải chuyện hão! Từ thời tiền sử, sau khi con người *homo sapiens* (con người trí tuệ, tinh khôn) xuất hiện, ước mơ và hy vọng không bao giờ hết đã chiếm nửa cuộc sống loài người.

Nặng lòng ước mơ, Phùng Cung buồn rầu nhìn cái chết của con dế bé bùn và vô tội, biết «gào chân mộ», biết «tim lại tiếng mình đêm trước», bỗng

...
Chiều mưa dội
Nước dềnh sân
Một xác dế bồng bênh.
(Dùi, trang 61)

Ông càng bùi ngùi về cái chết của con chào mào

Dây bẫy cần
Cánh xõa gió bung biêng

...

(Gốc vườn, trang 62)
Lại còn lũ gà con «nhú đôi cánh sữa» gặp rét thấu xương:

Gió bắc về
Gà con lên cơn sốt
Nhong nhóc đi, đứng
Chen nhau tìm chỗ ấm
Cẳng gầy lội gió.
(Chùm gió bắc, trang 96)

Đều là thảm cảnh. Trong chuỗi thảm cảnh của loài vật được ông phản ánh trong *Xem đêm* có lẽ số phận con trâu mà bài *É ấm* hé mở cho thấy, làm ông đau xót hơn cả, đau xót và công phẫn.

Kiếp trâu bạc bẽo, bạn hiền của người mà bị đối xử dã man đến cực độ, lúc khò kéo cày là «đầu cơ nghiệp», khi kiệt lực bị giết để người ta ăn thịt lại còn lột da bưng trống.

Bên cạnh thảm cảnh của con trâu là thảm cảnh của con cua, con vạc; cả hai đều hèn mọn:

Cua đồng (trang 34)

Phận lấm

Tối ngày đào khoáy

Lưng nắng vẽ

Hoa văn tiền sử

Chài chài đồng chiêm

Máy kiếp rồi.

Vạc (trang 28)

Nắng tấp cánh đồng

xơ xác

Bước liêu xiêu

Cái vạc ăn ngày.

Hai bài thơ trên cùng với những bài *Gia cảnh*, *Nắng hàn vi*, *Cháo - canh*, *Mùa nước mắt*, *Gãi đất*, *Nắng cũ*, *Ra Tết*, *Bánh trôi*, *Bữa đẹp*, *Nhỏ to*, *Nắng thừa*, *Dập gầy*, ... và hàng chục bài nữa, làm nổi lên cái hiện thực nghèo khổ của nông dân Việt Nam đến nay vẫn chưa hết. Con cua, con vạc khốn khổ gọi cho người ta nghĩ đến hàng bao nhiêu triệu gia đình nông dân đói kém đang mong đến lượt mình được «xóa đói giảm nghèo».

Bình luận tập *Xem đêm*, một tờ báo xuất bản ở Đức nhận xét:

«Một đặc điểm của *Xem đêm* là không có bài nào động chạm trực tiếp đến các biến cố lịch sử trong đời sống dân tộc mấy chục năm qua», thay vào đó là «Những mảnh cắt từ một nông thôn Việt Nam nghèo khổ» và «Phùng Cung, ở mặt này của hiện thực, đã đạt tới độ sâu sắc chưa từng thấy trong thơ ca Việt Nam mấy chục năm đổ lại đây».

Một tháng sau bài báo nói trên, đài phát thanh Úc cũng lên tiếng khen ngợi tập *Xem đêm*, so sánh thơ Phùng Cung với thơ Octavio Paz (Mê-hi-cô) và Seamus Heaney (Ai-len) là hai người được tặng giải văn học Nobel, để rút ra nét gần gũi, tương đồng giữa ba cây bút.

Còn trong nước, bà *Tiền Phong* (*Chủ nhật*) ra ngày 18-8-1996 viết: «Sự trở về» của Phùng Cung gây ấn tượng cho làng thơ không phải chỉ vì sự đột ngột của nó mà còn vì sự tinh luyện của hồn thơ, của câu, chữ.»

Báo *Tuổi trẻ* (*Chủ nhật*) ra quăng từ 6 đến 12 tháng 10-1996 viết: «Thời gian xuýt phủ rêu lên tên ông nhưng lưỡi dao thơ ông kịp cạo rơi màu quên lãng ấy».

Chẳng có «ban bệ» nào nâng đỡ, thơ Phùng Cung tự lực gặt hái đã tỏ ra là một thành tựu được dư luận rộng rãi chú ý, hoan nghênh. Và tất nhiên có nhiều người muốn biết thi pháp nào đưa đến thành công ấy. Nhưng Phùng Cung là người làm thơ không theo một lý thuyết vay mượn nào, kể cả những lý thuyết đã có uy thế một thời; ông cũng không tự đặt ra lý thuyết để áp dụng. Giá có ai thân mật hỏi «Thế nào là thơ hay?», «Phải làm những gì để thơ hay?», chắc ông sẽ chẳng có một «khoa học làm thơ» trong túi để đưa ra giới thiệu, mà sẽ khiêm tốn trả lời né tránh như là mình chỉ biết vâng theo tình cảm, xúc động, ngẫu hứng và ngôn ngữ quen dùng.

Nói khái quát, thơ Phùng Cung đã hình thành trong thực tiễn ghi nhận tinh tế và sâu sắc những phản ứng tự nhiên của tâm hồn và nhân cách trước hiện thực: hiện thực nhiều vẻ đẹp làm ông say mê thì nội dung thơ ông thẩm mỹ; hiện thực nhiều thảm cảnh khiến ông xót thương thì nội dung thơ ông hướng thiện. Phải nói ngay là ông *coi trọng hướng thiện hơn thẩm mỹ*. Ở điểm này thái độ Phùng Cung giống thái độ Romain Rolland (1866-1944), nhà văn Pháp nổi tiếng (được tặng giải văn học Nobel năm 1915), người đã từng tuyên bố: «Tôi sẵn sàng đặt lòng từ thiện lên bậc giá trị cao hơn nghệ thuật trăm lần».

Chính vì thơ Phùng Cung xuất phát từ sự phản ứng tự nhiên của tâm hồn và nhân cách trước hiện thực nên trong khi thơ Lê Đạt muốn «vượt vũ môn» để tìm sức sống nơi *bóng chữ* thì thơ Phùng Cung -cũng như thơ Trần Dần đã được Hội nhà văn tặng giải thưởng năm ngoái- vẫn chân chỉ, trung thành với *bóng người*. Cái bóng của Phùng Cung là bóng một con người nhân hậu, khoan hòa, có lý tưởng công bằng, bác ái, yêu đời, yêu nước và làm thơ chưa đầy sức. Chưa đầy sức vì hoàn cảnh chưa thuận lợi cũng có, vì bản thân thơ chưa trưởng thành cũng có. Nếu tôi được ủy quyền chọn lại những bài thơ trong tập *Xem đêm*, tôi sẽ loại đi ít nhất một phần tư với lòng tin tưởng tác giả sẽ không dừng lại chỗ ấy.

*

Tôi vừa cố gắng tiếp cận với tiềm năng thơ Phùng Cung mới triển khai đầy hứa hẹn, trước hết với thế giới thơ của tập *Xem đêm* có những vẻ đẹp đồng quê thể hiện qua ngôn ngữ dân gian, có những cảnh nghèo khổ nông thôn được nhấn nạt chịu đựng, có một tình thương rộng lớn ân cần, đến với những số phận bất hạnh. Nhưng tôi không tin là sự phân tích của tôi có thể vẽ lại không sai sót chân dung một dạng thơ chưa quen thuộc về cả nội dung và hình thức. Để minh họa thêm rõ, tôi xin dẫn ra đây một số nhỏ trong những bài thơ mà tôi cho là tiêu biểu, cũng là những bài mà tôi thích nhất.

Văn Miếu (trang 84)

*Chim hát thánh thi
Vườn cổ thụ
Xum xuê hoa trái Đại Xuân
Nao nao gió thổi gác Khuê Văn
Gỗ, đá rêu phong
Văn Miếu hiện dấu tay
bác phó
Nhúng mồ hôi điếm chỉ
gửi tương lai.*

Đêm Nguyên tiêu (trang 74)

*Cổng Phật chuông lay hoa rụng
Mỡ dẫn kinh ruồi nhịp
luân hò
Vương lỵ hương bay đứt, nói
Cành sương trắng níu
Giọt nguyên tiêu.*

Say (trang 18)

*Ai chuốc rượu
Cánh buồm say lão đảo
Quanh quần quăng sông chiều
Quên nẻo ra khơi.*

Đổ vỡ (trang 70) - tản cư để tiêu thổ kháng chiến

*Bình minh níu giọt tranh khoảnh khắc
Đổ vỡ trong lặng im
Hoa ngóng gió
Gửi hương tị nạn*

Buồng thơm (trang 114)

*Đêm vắng
Buồng thơm*

*Em soi gương trộm
Ngọn đèn mượn gió ghé nghiêng.*

Dâu, biển (trang 8)

*Chiều xâm xâm
Vườn dâu đời xanh biển
Con chim chích bông cành
bay liệng
Vẽ vòng sóng vỗ xa xưa.*

Tìm em (trang 55)

*«Tìm em như thể tìm chim
Chim ăn bể Bắc đi tìm bể Đông
(Ca dao)
Tìm về gặp em
Em đã đi
Vách, giường thơm lạnh
Mùi khăn áo cũ
Đêm nghiêng gió - chập chờn
mưa gõ lá
Không có sông
Sao có tiếng gọi đò.*

Ê ẩm (trang 27)

*Chợt nghe động trống
Trâu bò nhón nhác
Dùi quạt liên hồi
Ê ẩm tẩm da khô.*

Tôi nêu bài *Ê ẩm* sau cùng để tiện nói thêm ngay vài cảm nghĩ nóng hổi về một bài thơ đơn thanh kiệt tác, hay nhất trong hai trăm bài của tập *Xem đêm*.

Con trâu chết đi do sự tàn ác của chủ, để lại nỗi oan khiên ẩn náu trong mặt trống. Đánh trống mà mặt trống thấy đau, tiếng trống vang lên mang theo oán hờn, tác động đến tinh thần những trâu, bò xung quanh, gây sợ hãi, kinh hoàng... Đem trí tưởng tượng nâng tri giác loài vật lên tới ý thức, lên tận cõi tâm linh kỳ diệu, tác giả đã biến bài thơ thành huyền thoại.

Trong văn học Việt Nam trước đây, những bài thơ có đôi cánh tiên bay bổng đến thế (của Hàn Mặc Tử, Huy Cận hay Vũ Hoàng Chương) ta có thể đếm trên đầu ngón tay.

*

Tiền năng thơ Phùng Cung là vốn quý chẳng những của riêng cá nhân ông mà còn là của chung xã hội. Với ý thức phát triển văn hóa, những cơ quan quản lý xã hội không thể thờ ơ với nó khi nó còn gặp khó khăn trong một hoàn cảnh chưa được bình thường hóa dứt điểm.

Ở tuổi thiếu niên, truyện cổ tích thần thoại đã in vào trí nhớ ngây thơ của chúng ta hình ảnh những tiên nữ trên Thiên đình đánh rơi chén ngọc, bị đẩy xuống hạ giới, chịu khổ cực mãi rồi cũng có ngày trở về trời. Trải qua nhiều năm hoạn nạn, bắt đắc dĩ phải nghỉ ngơi, bây giờ được phục hồi sức lực và nhiệt tình, Phùng Cung đĩnh đạc bước ra khỏi vòng u uất. Tuy hơi muộn, ông cũng đến với làng thơ, dẫn đò góp hai trăm bài nho nhỏ -những bài tưởng như đã nộp cho thần thánh để thanh minh, khiếu nại về một sự hiểu nhầm tai hại. Chúng ta mừng cho sự nghiệp văn chương của ông sau cái rủi có cái may, như kiếp tài hoa của Thúy Kiều gian nan hết mức suốt mười lăm năm, cuối cùng đến sông Tiền Đường xuýt chết đuối còn được Đạm Tiên đem trả lại thơ. Trả lại thơ với ý nghĩa «*sổ đoạn trường rút tên ra*» là bước đầu sửa sai của định mệnh vô tri, mù tối.

Tâm tư Phùng Cung, tôi hiểu được. Tiếp tục làm thơ hướng thiện bằng mồ hôi, nước mắt và chút sở trường là lẽ sống của ông

Còn phận bạc của ông trong hiện thực có sẽ kết thúc như phận bạc của Thúy Kiều trên trang sách hay không là việc của xã hội. (Trên trang sách, Thanh Tâm Tài Nhân đã tạo điều kiện cho Thúy Kiều làm lại cuộc đời có tình yêu đổi thành tình bạn của chàng Kim, có đại gia đình yên vui, đầm ấm, có đời sống vật chất đầy đủ, có am thờ Phật để tu tại gia, thực hiện «*chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài*»). Gần đây định hướng xã hội chủ nghĩa và khẩu hiệu xã hội công bằng, văn minh được đề cao, phải chăng đã đến lúc Phùng Cung, ngoài lòng tự tin, tự hào vốn có và niềm vui tìm thấy trong sáng tạo nghệ thuật, còn được «công bằng», «văn minh» đến khuyến khích Nàng Thơ và nâng cao đời sống?

Bước tới ngưỡng cửa của thế kỷ hai mươi mốt, văn nghệ Việt Nam một lần nữa chuyển mình, đang thu hoạch một mùa thơ có vẻ «trăm hoa đua nở» với hàng ngàn tác phẩm đủ các cỡ và một đội ngũ người làm thơ đông đúc như ngày hội. Nếu yêu cầu giá trị thật trong những bản in hoa mỹ thì phương pháp vẫn phải là đãi cát tìm vàng. Trong cái bể bộn vàng thau lẫn lộn, rất có thể là khủng hoảng trường thành, thật đáng phấn khởi khi được đọc tập *Xem đêm*, một tập thơ đích thực của một con người đích đáng. Thơ và người đều mang đậm bản sắc riêng mà không cách biệt với lý tưởng chung của dân tộc là sống yên lành, phúc đức - phúc đức hiểu theo Nho học gồm «nghĩa» và «nhân», nói theo Tây học là «công bằng» và «bác ái».

Công bằng và bác ái tương đối và thể hiện qua một tình thương rộng lớn không giới hạn trong chủ nghĩa nhân đạo, đó là tư tưởng cao đẹp của tập *Xem đêm*, của thơ hướng thiện.

Đó là thông điệp của Phùng Cung

Hà Nội ngày 25 tháng 10 năm 1996

Dạ ký

Thời tiết gì mà lạ vậy, trời đã vào thu mà đêm còn oi bức như nung, như thiêu. Thời tiết lạc hậu! Đêm lạc hậu! Hay đây là điềm thiên thời ra tay ủng hộ để cái nóng nán ná đòi đốt cháy giai đoạn? Mờ mắt to hơn nhìn thấy cái lợi lớn thì nóng thế này chứ nóng nữa, nóng hơn cả giữa mùa hè cũng khắc phục được hết. Trong số nhà 135 Mai Hắc Đế gồm bảy hộ - trong đó có gia đình tôi - thì sáu hộ có trẻ con ốm. Gia đình tôi chiếm một phòng trên gác, cả thấy bốn nhân khẩu: hai vợ chồng tôi và hai thằng cháu nhỏ. Với mười hai mét vuông, so với sáu hộ khác còn xênh xang hơn nhiều - "Ăn hết nhiều ở hết bao nhiêu!" Câu đầu lưỡi được các cụ ta ngày xưa tổng kết đã, đang và sẽ còn giá trị!

Rủi ro thay! Gia đình tôi hai cháu ốm cả hai: Mẹ chúng bị đau lưng vào nằm viện đã được hơn hai tuần.

Dưới nhà, chẳng biết hộ nào vụng trộm nhang khói cầu khẩn cho người ốm; mùi hương thơm thoảng đầy mê tín. Lại có tiếng cầu nhau văng bậy từ số nhà bên cạnh chửi cái nóng, chửi lung tung! Phải khẳng định những người này chưa thấm nhuần tiến bộ văn minh còn phải học tập, còn phải được giáo dục nhiều. Những hành vi ấy dẫu là bán công khai cũng đều rất ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt. Tôi chẳng hương khói, chẳng văng bậy, chẳng chửi; khó khăn phải khắc phục mà! Khắc phục được hết; nó là khẩu hiệu tiên quyết thắng lợi mọi mặt - Có thể khẳng định một thủ đô pha lê; một thành phố pha lê đã nằm trong tầm tay hoạch định của trên. Ai ai cũng nức lòng lạc quan - không phải lạc quan tếu - lạc quan cách mạng!...

Thình thoảng tôi vèo xe đạp vào viện thăm vợ; vẫn phải nói với vợ bằng lời: "Yên trí! Tất cả đều tốt!" Cái lối động viên quen tai rất thời thượng - xuất xứ từ đâu? - Cửa miệng quái nào cũng có thể

thốt ra được, ở bất luận trường hợp nào xét thấy cần thiết - nó khoanh trong cái vòng "người tốt, việc tốt". Đơn giản mà nghĩ, tôi thấy lời của mình nói với vợ là láo toét! Là nói điều, là dối trá nhưng được hơn là thành thật. Trong cõi hệ lụy thiên định, nhân định này, chỉ có những phù thủy giấu mặt, cao tay màu nhiệm "úm ba la" đổi trắng thành đen, đổi đen ra đỏ mà, văn hóa mới, văn minh mới chưa lòng chụp được - khiến số ít người còn bán tín, bán nghi, sợ sệt và coi khinh - Phù thủy thì khiếp lắm! Nó pháp thuật, người thành ma, ma thành người. Dân thường làm gì mà biết được.

Mình là người dân, là công dân, chỉ nên nói đến chuyện trong phạm vi công dân - Vinh dự cầm chặt trong tay thẻ cử tri, phiếu bầu cử là đủ tự hào quyền làm chủ! Nhất thiết phải có nghĩa vụ vinh quang! Sự đả ngộ, hưởng thụ cũng rất khoa học, phải có tiêu chuẩn rõ ràng, không có lộn xộn như xa xưa; cái gì cũng "... giai do tiền định" - đừng hòng! - Phải thời đại hóa "Nhất ẩm nhất trác giai do tiêu chuẩn." - Bản thân tôi, một mình phải đương đầu, đánh vật với miếng ăn, miếng uống; đánh vật với bệnh tật của vợ con; đánh vật với đủ thứ rủi ro: nhòm ngó, nghe ngóng - mình đâu phải là Quan Âm Phật bà ngàn mắt ngàn tay mà lường hết được; - đánh vật với chính mình! thâu ngày, thâu đêm còn đâu hơi sức để tỉnh táo, để định thần, để khôn ngoan, để phớt căng vượt lên tiêu chuẩn cao hơn - không ai cấm đoán; còn khuyến khích động viên nữa là khác.

Hai cháu, thằng anh bốn tuổi, hơn thằng em hai tuổi; cộng cả hai là sáu tuổi - đang trong vòng "tuổi mù" - nói như thời xưa là chúng đang được bàn tay bà mẹ che chở cho đến tuổi mười hai. Bây giờ thì chẳng có mẹ mẫn gì, ai dám cả gan tin; lên tiếng thử xem? Tất nhiên tôi cũng chẳng dám tin, đại gì chước vạ vào thân! Hai đứa cứ như thi đua lên cơn sốt, đã bốn ngày, năm đêm, kể cả đêm nay.

Từ đêm chúng vắng mẹ, đêm nào tôi cũng phải nằm dang hai tay ra hai bên như một cây thánh giá; mỗi cánh tay làm gối đầu cho một đứa. Chúng đều nóng hầm hập; ngày sốt ít, đêm sốt nhiều; chừng như chúng lên sởi. Cả hai đều rên khe khẽ, nghe rất tội nghiệp! Hai cháu ngoan, biết nằm im, rồi ngủ thiếp đi khiến tôi đỡ bối rối. Nằm giữa chúng, tôi lơ mơ ngủ, lơ mơ thức; có thể nói là ngủ trong thức, thức trong ngủ. Tôi cứ nằm trong cái thế "chịu tử nạn!", ê ẩm hai cánh tay, không dám cựa, chỉ mong chút im lặng để chợp mắt.

Đêm lặng, hơi có gió nhưng là gió nóng; có lẽ gió từ dưới đất lên. Tôi cảm thấy hai mắt đang được băng lại bằng lụa mỏng - một thứ lụa chuyên dùng của thần ru ngủ? Tại tôi vẫn còn thức, nhờ gió đón nhận được những âm thanh của đêm thu. Âm thanh cũng đứt, nổi, nổi, chìm, to, nhỏ, gió ý thức điều chỉnh?... "Thề phan thầy, uống máu... cùng tiến lên!..." Thì ra trong tôi cơ hồ bị thất thoát khái niệm thời gian. Những bài ca cách mạng hùng tráng; xa, gần, các giới, đoàn thể đang tập luyện để long trọng đón kỷ niệm ngày đại lễ của đất nước - Cách mạng Tháng Tám, ngàn thu ghi nhớ! Âm thanh ấy đang dẫn dắt tôi, hoặc tôi níu lấy nó để đưa mình vào cõi chập chờn...

... Một không gian đỏ, xanh, vàng, tím bao la quay cuồng biến ảo; bóng tối bưng lấy mắt, rồi lại thay bằng một thứ ánh sáng dịu dịu của đêm trăng, rồi ngả sang màu ánh sáng của bình minh ảo - không gian phù thịnh. Tôi đang thông thả bước trên một đường phố - trước kia rải nhựa nay đầy những vết xe tăng để lại nham nhở. Tôi mất phương hướng, mất cả lập trường, lại không phải nhà quân sự nên không nhìn nhận rõ đây là dấu tích tàn phá của chiến tranh vệ quốc hay xâm lược. Tôi tiếc con đường nên nghĩ dông dài thô thiển: Tất cả chỉ là sự bày đặt, buôn bán máu xương của ma vương quỷ dữ!... Bỗng một bàn tay đập vào vai tôi, tôi giật mình. Tôi chỉ nghĩ chứ đâu đã nói ra, nên tôi lại định thần quay lại. Ai nhỉ? Một người mà tôi thường hàng ngày chạm mặt. Về mặt dễ mến này hẳn tôi đã lưu giữ trong tiềm thức nhưng vẫn không sao nhớ được tên - Nói theo tiếng xưng hô - hóm hỉnh - mỡ nạc - vui tính - hàng ngày của nhà văn Kim Lân, là "người anh em". Tôi hỏi "Người anh em đi đâu?" Người này chỉ cười, không trả lời; càng cười càng tỏ vẻ dễ dãi. Trong chuỗi cười, nói lên cả một lời khuyên nhủ "Đồng hành!" Tôi vốn có thói quen trực giác cảm

thấy đáng tin, là tôi sẵn sàng thả lã sự giao tiếp ngay; không chút đắn đo, ngần ngại. Anh ta đi trước, giữa tôi và anh ta có mấy thứ khoảng cách; khoảng cách tuổi tác, tôi kém anh ta ít cũng ba trăm sáu lăm ngày nhân bốn hoặc năm; khoảng cách chức vị xã hội thì dài lắm, bởi tôi chẳng là cái gì; khoảng cách bước đi vừa bằng chiều dài một con chó. Kể trước, người sau đều bước, tôi vẫn bản khoăn, không sao nhớ được tên. Đi là đi, tôi cũng chưa kịp hỏi là đi đâu, bởi tôi tin theo sau anh là vô hại, nếu chưa nghĩ đến là lợi lộc. Đi được một quãng, anh ta nói với tôi bằng cái giọng quỵên rũ, tiếng to, tiếng nhỏ, tôi nghe câu được câu chẳng: "đường vinh quang" hay "đài vinh quang!"... gì đó. Tôi bụng bảo dạ: "hay rồi!" Anh ta cứ nói, tôi cứ nghe. Xem chừng đã mỗi chân, khát nước, muốn tìm chỗ nghỉ để rồi lại đi. Thình lình tôi quay lại, không thấy anh ta đâu, rõ ràng tiếng nói của anh ta còn bám trên vành tai tôi. Tôi lấy làm lạ, nhìn đông, nhìn tây không thấy. Anh ta đi đâu nhỉ? - rẽ lối nào? - để làm gì? - Tại sao mình lại không biết? Tất nhiên tôi chẳng mất mát gì; chẳng có gì để mất mát. Ấn hiện kiểu này chỉ là thần hoặc ma, tôi đâm ra lo sợ. Giữa thanh thiên bạch nhật lại xảy ra chuyện kỳ lạ như thế này! Tôi vừa đi vừa nghĩ, cố rà lại trong kho lưu trữ của mình để ghép dựng lại con người anh ta. Tôi tiến hành theo cái kiểu làm dò lợn, được đoạn nào buộc đoạn đó - biết mình đầu óc kém khoa học, kém tổng kết, hay để sống ý nghĩ - để xáo trộn lung tung. Trước hết tôi lần nhớ dáng đi của anh ta, lon ton, lon ton - lối vận hành của quan hoạn - À! nhớ ra rồi! Kho nhớ của tôi về anh ta như ổ khoá mở đúng chìa; thậm chí tôi có thể biết cả sơ yếu lý lịch của anh ta - Con trai thứ của một viên chức loại thường ở thành phố cảng, nhà lại có cửa hàng cửa hiệu; học vấn đã qua tú tài, và đã qua vài năm trường luật - nhờ tham gia cách mạng từ thời Nhật thuộc - trình độ văn hóa - giữa lúc mà Bác mình đang kêu gọi diệt giặc dốt - thì anh ta thuộc loại có hạng. Bởi vậy anh ta được giao công tác "tuổi trẻ chức cao". Hình hài xếp loại đẹp giai, trông rất đàn ông, da ngăm ngăm, mũi cao, mày rậm, mắt sáng, râu quai nón - lúc nào cũng cạo nhẵn - khi chưa kịp cạo, râu hơi lờm lờm càng đẹp vẻ mày râu.

Anh ta được trên sủng ái; cái giọng nói to nhỏ từ miệng khuôn ra toàn đạo đức; mới nghe ngọt sớt nhưng ngấm nghĩ thì nó lộ nguyên hình mỹ kỹ. Chả biết anh ta học ai mà nhuần nhuyễn bài bản mỹ kỹ đến thế; chẳng lẽ bẩm sinh? - Hẹp hòi, ích kỷ, thù vật, đày người - kể cũng được việc lắm! Văn, thơ, kịch cợt, nhạc nhĩc, triết trủng, anh ta tự hào "thập bát ban võ nghệ tinh thông!" Nhờ tài hoa ấy mà đời anh ta thông bển luông lạch! ngóc ngách công tác cũng như riêng tư. Tôi được biết nhiều phụ nữ từ quan hệ công tác - môi trường tạo gần gũi, nguy trang - chị em phái yếu nhà mình không ít nhẹ dạ, nhẹ như xăng - như thùng xăng. Anh ta rất nhạy bén đánh hơi khi thùng xăng hở nút, hoặc rò rỉ, quẹt diêm đúng lúc - Dẫn đội quân cứu hoả nhà trời cũng đừng hòng tắt ngay được! Hậu quả chị em đã bị anh ta làm cho khốn khổ; chị em đã có chồng con không xiêu nhà nát cửa, cũng mang hận suốt đời! Kiêng nể cách mạng nên phụ nữ không dám lên án anh ta là tên "Sở Khanh cách mạng" mà chỉ nhỏ hơi nặng bãi nước bọt! Anh em trong ngành văn nghệ đã phong tặng anh ta danh hiệu "con chó dái đầu bằng!"

Con người như thế phải là như thế. Khi vợ anh ta bị bệnh lao phổi, chết tại Việt Bắc, biến đau thương thành hành động; anh ta lao vào công tác vừa phần rảnh thân kiếm bạn đời, rảnh cẳng lông hông...

Chẳng hay, cấp trên trực tiếp, gián tiếp có biết đầy đủ về con người anh ta không? - Sáng suốt như thế này thì chắc chắn phải biết. Có phải vì văn thơ kịch cợt của anh ta hợp khẩu vị - mà trên làm ngơ, hoặc đang có tác dụng này nọ; cân nhắc thấy những "nhược điểm nhỏ" của anh ta không ảnh hưởng gì đến nền đạo đức cách mạng, chỉ là cá tính vô hại. - Anh ta cũng đã mấy lần làm lửa - giở quẻ - hợm mình - nâng giá! lên voi xuống chó, những lúc ấy trông anh ta thiếu não, ai cũng động lòng - người trong ngành nhận định chỉ là sự "giơ cao đánh khẽ" để vào khuôn phép, kỷ cương! - Nhận định như vậy hình như đúng - Trên đường hoạn lộ anh ta vẫn được đàn anh dấm dúi thập toàn đại bổ. "Nhược điểm nhỏ" anh ta cũng có phải trả giá - giá chợ chiều.

Tóm lại đâu vẫn hoàn đấy; vẫn lông hông leo thang; công tác vẫn ngon lành. Thế mới biết con

người ta đều có số phận cả!

Biết rõ anh ta là ai rồi nhưng tôi vẫn thắc mắc về sự ẩn hiện của anh. Theo truyền ngôn, nước ta chỉ có "Tứ bất tử", các vị này đều dày công tu luyện đạo gì, đạo gì đó. Vậy chẳng lẽ anh ta đã bỏ sung vào hàng ngũ đó sao? Chẳng lẽ học thuyết Mác Lê Nin cũng là đạo sao? Vô thần cơ mà! - Ừ thì cứ cho là đạo vô thần đi - Đạo vô thần mà lại lăm phép lạ đến thế thì khiếp thật! Và đương nhiên anh ta phải là bậc chân tu chính đạo! Tôi tự thấy mình hoá thành kẻ đa sự nên vội trụt ý nghĩ lại. Từ lúc trong đầu bận tập trung suy nghĩ về anh ta, quen chân, đều bước cũng chẳng biết mình đã đi bao xa và đi đến đâu. Chỉ thấy chân mỏi nhừ, khát nước bỏng cổ họng. Tôi trở lại cái thói quen thiền cận, những điều gì không tự giải đáp nổi cho quên bồng đi, là thượng sách...

Trời đã ngã chiều, từ trên cao chợt có tiếng "quạ nổ pháp miệng" - Tiếng của làng quê tôi như thế - Tôi nhìn lên ngọn cây chòi mời kẻ bên cổng một ngôi đền cổ kính. Không am tường ngôn ngữ chim muông nhưng tôi đoán đó là một đạo khúc bản Sê-rê-nát quạ. Con quạ khoang vươn cổ réo lên đủ bảy tiếng chiều - vấp nhịp - bốc cánh bay đi; vừa bay vừa ỉa thản nhiên. Tôi muốn ghé nơi cánh vắng này để độ chân, luôn thể ăn mày ngụm nước. Tôi vừa bước khỏi cổng, bỗng thấy khác lạ: rõ ràng vừa rồi là một cổng đền, nay lại biến thành một tam quan đẹp - Chùa hay đền? - Tôi chẳng hiểu gì về kiến trúc, chẳng phải tín đồ, con hương, đệ tử. Tôi chẳng có cương vị quan tâm. Tôi bước thêm dăm bước. Chợt tiếng "đậu phụ chùa" sủa dữ dằn. Tôi để mắt tìm chẳng biết con vật ấy đâu. Tiếng sủa từ bốn phía giáp công giòn giã đan vây. Tôi biết làm gì đây để thanh minh mình không phải là kẻ gian phi. Tôi cố gắng nhìn ngó muốn tìm đến chủ của chúng dù là nhà sư hay là ông từ để nói lên cái yêu cầu không nhỏ của mình. Rất tiếc, tôi chẳng thấy bóng một ai! Chẳng biết sức gì lôi cuốn, khiến tôi tò mò ngoan bước. Vào đến thềm đại bái, tôi chợt nghe tiếng lịch kịch bên trong như tiếng thu dọn đồ đạc. Tôi bước hẳn vào bên trong, nhìn lên tam bảo uy nghi. Cái mắt tò mò chuộng lạ của tôi dè dặt tôn kính từ ba vị tam thế, đến hai bên hành lang, đủ loạt: tượng Phật, tượng thánh gỗ hay đất chẳng biết, đều sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Trời! Tôi bỗng rùng cả người! Các tượng tĩnh tọa ở cái thế thiên thu bất biến, nhất loạt chăm chăm nhìn tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên tả, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang tả lờm tôi! Tôi rẽ sang hành lang bên hữu, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang hữu - Còn nhanh hơn - lờm tôi! Sự hoạt động của nhãn tượng nhạy bén tựa cái vô lăng ô tô quanh trái, quanh phải trên con đường chữ chi, ổ gà, do một tay lái tốt bậc, điều khiển. Tôi cảm thấy lạnh toát người; tôi cố trấn tĩnh làm nhanh bản tự thuật trong đầu. Tôi vẫn biết đã là tự thuật là thành khẩn tự nhận tội lỗi là cốt lõi của vấn đề. Tôi tự nhủ có lẽ con mắt của thần, Phật; chỉ con mắt thần Phật mới nhìn thấu hết. Hẳn kiếp trước mình là kẻ bất lương, bất hảo!...

Tôi khấp nép đi lúi theo lối cận thần sau khi vào bộ kiến đức vua mà tôi đã có nhiều dịp chứng kiến trên các chiếu hát chèo. Lúi đến khi gót chân va vào bậc cửa tôi mới dám cúi đầu quay ngang và bước hẳn xuống thềm.

Khát quá! Nhìn thấy một bể nước kê sát tường, tôi vội nghĩ: thôi thì dẫu sao mình cũng đã bị kiềm kim án ba kiếp thì liệu thành tâm ăn mày trộm ngụm thanh thủy! Rủi thay! tôi nhìn vào bể chẳng còn lấy một giọt nước, đáy bể đã chớm rêu. Góc bể phía trong, một con cá đã chết từ bao giờ trong môi trường thiên định, chỉ còn nguyên bộ xương trắng màu gạo hẩm! Chờ ăn vạ, hay đợi thời gian mài giũa để siêu thoát, hay chờ bàn tay màu nhiệm cho tái sinh? Duyên kiếp người cũng như ngư, điều đều may ít, rủi nhiều, cứ nằm đấy mà chờ đợi! Tôi trộm nghĩ lồm bồm lời Phật tử: "Nước bốn đại dương dồn chứa chưa bằng nước mắt chúng sinh trong thế giới ba ngàn!" Nếu được xét tái sinh hẳn con cá này sẽ được thăng thẳng ưu ái trong nước mắt mệnh mông vô tận - Coi chừng, kéo uổng phí kiếp tái sinh!

Bộ xương cá đòi bằng được chỗ đứng trong kho lưu trữ đầu tôi, làm tôi nao nao; cá đã chết rữa xương trong môi trường thì còn biết thế nào mà lờng được! Môi trường đang là cái lò sát sinh được nguy trang chẳng?

Tôi vừa đi vừa nghĩ bỗng cơn mưa ập đến, nghe tiếng mưa rào rào, tôi nhìn xa gần để tìm nơi trú. Nhưng lạ thay, mưa mà quần áo tôi không ướt. Mới ở chùa ra, có lẽ mưa tưởng tôi là người nhà Phật, hay ít cũng vương mùi Phật nên kiêng nể chẳng? Lại thỉnh linh một mũi giày đá vào mông tôi. Đá khá mạnh nhưng không đau. Tôi lại giật mình quay lại. Chẳng phải ai xa lạ, ông bạn cao tuổi, nhà thơ giả thiếu số - Tôi hơi bất bằng cái lối mở đầu sự gặp gỡ kiểu này, nhưng không tiện tỏ thái độ, chưa hẳn sợ anh mà là ngại anh thì đúng hơn. Anh đá tôi bằng giày vải quân đội nước bạn Trung Hoa viện trợ - Trong giày nó có sức điều tiết lúc êm, lúc đau - phát đá hữu nghị giao hảo thì nghe êm; ngược lại thì gấp ngàn vạn lần giày săng đá của lính Lê dương. Anh hát hàm hỏi tôi: "Đã thật thành khẩn chưa?" Tôi chưa kịp trả lời mà nghĩ nhanh: sao anh ta lại hỏi đột ngột thế nhỉ? Anh ta có ở trong đầu mình đâu mà biết được bản tự thuật lúc này mình chỉ mới nghĩ, chứ có viết hoặc nói ra đâu. Lạ thật! Chẳng lẽ tiếng lịch kịch khi tôi nghe thấy lúc còn đứng ở thềm đại bái lại là tiếng do anh ta tạo nên. Có lẽ anh ta nấp đâu ở trong chùa mà tôi không biết. Cái khoa "Phật vận" của anh làm tôi phục anh sát đất. Cũng có thể do anh ta quen tin lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay chẳng? - Như người bị bắt quả tang, tôi cứ ngỡ ra: Chút bình tĩnh dần dần được hồi phục, vì mình không khuất tất, không trộm cắp gì. Vả lại nhà tôi cũng có nuôi chó. Người lạ đến nhà là nó sủa; bắt kẻ là ai. Nhiều con khôn còn biết sủa lập công phò chủ. Tôi ít nhiều bị chúng hiểu lầm nhưng chẳng đáng để ý. Anh nhà thơ lên mặt giáo dục tôi: "Chưa được thành khẩn, phải đào sâu suy nghĩ, còn phải, bộc lộ!..." Tôi nghĩ đây đâu phải là đang cuộc chinh huấn. Nếu là chinh huấn tôi cũng chẳng tiếc gì vài cái gãi đầu đấm ngực, lên án mình - dù thật hay vờ miễn học ủy gật đầu chấp nhận... Anh nhà thơ lại hạ giọng: "Cũng tạm được, cũng đã có ít nhiều chuyển biến!..." Nói xong anh quay đi, đi rảo bước cho kịp một người bạn đồng hành của anh. Tôi được giải thoát, tôi thờ phào nhìn theo hai người. Quái lạ! Anh nhà thơ, lúc này tôi có thấy anh ta cầm cái gì đâu. Bây giờ lại thấy tay phải cầm ngang một chiếc côn gỗ đầu đen, đầu đỏ - Nếu là côn đầu trắng đầu đỏ thì tôi đã biết nó là côn công sai - côn thủy hoả! Nhưng loại côn này thì tôi chịu. Người cùng đi với anh, không nhìn mặt tôi cũng biết. Vóc dáng cao lớn, gầy, đen, tứ thời đầu húi móng lừa, tứ thời bận đồ nâu - kể cả khi bận com-plê cũng nâu - na ná một ông sư Cao Miên - đó là một nhà văn, nhà lý luận - lối lập luận thời thượng nhất - vừa mũi nhất - Anh em trong ngành văn học nghệ thuật nói vụng với nhau là "Tên đầu búp vụng, nhưng được kẻ ăn khen ngon!"...

Nhà lý luận một tay bá cổ nhà thơ, một tay cũng một cái côn, giữa sơn vàng, hai đầu đỏ, màu sắc tất nhiên khác hẳn côn của nhà thơ - Nó tượng trưng cho cái gì thì tôi cũng xin chịu - Côn nào cũng có tính năng của nó, không phải chuyện trang trí, tạo dáng.

Một lúc sau, không biết hai người đã rẽ lối nào, tôi chẳng quan tâm, ngả ba, ngả tư thiếu gì. Đến một ngã ba, thấy lối rẽ bên phải đường nhẵn cát pha, tôi liền rẽ theo ngã này. Ôi! Vô phúc thế nào lại dẫn thân vào nơi cấm địa; lầu son, gác tía dựng ngay trước mặt. Tại sao mắt tôi không nhìn thấy từ xa nhỉ. Tôi dừng chân nhìn một ngôi hoá hai, hai hoá ba, ba hoá bốn, hoá năm, liên khu lâu đài, biệt thự - như trời hoá phép vậy! Tôi tưởng đây chỉ là ảo giác. Tôi xoa mắt, định thần. Tôi đứng bên ngoài hàng rào cấm, nhìn lên thấy một tấm biển màu đỏ, chữ vàng, chữ loà nhoà tôi không đọc rõ - treo ngay ngắn trước một biệt thự chính giữa. Hai hàng người quần áo đồng màu cấp côn đỏ, xếp thứ tự nghiêm chỉnh từ dưới chín cấp lên tận cửa son. Đứng đầu hàng bên tả là người nào tôi không biết; đầu hàng bên hữu là ông anh đẹp trai tôi gặp lần đầu - ông anh rất chừng chạc, rất điệu có vẻ điêu luyện nhất: Hẳn ông anh đang giữ chức chỉ huy, bên cửa son. Cặp mắt hau háu, trai lơ, sung mãn! Lúc này tôi mới chợt nghĩ lại mấy tiếng "vinh quang" mà tôi đã được nghe anh nói; hẳn là chốn này đây! Chẳng có công việc gì mà cứ luẩn quẩn nhìn ngó dễ bị xoi đôn nên tôi liền lảng nhanh. Tôi đang nghĩ tiếng "vinh quang", hẳn là anh đó khoe mình đang vinh quang, hoặc chỉ nhủ tôi đi xem "vinh quang" mà thôi. Như vậy là tôi đã được biết cái vỏ vinh quang, còn tất cả bên trong là như thế nào, ngữ tôi làm gì được biết. Tôi nghĩ: "đi một ngày đàng học một sàng khôn". Học cái gì, khôn cái gì? toàn là những điều không thực dụng, vô bổ.

Khát cứ khát, đói cứ đói, chân cứ đòi bước như thể tự mình dẫn độ mình trong vô định. Đang đi trong lối đi của thành phố, trong đầu cứ băng đi một cái lại gặp một sự lạ. Đường phố rõ ràng thoát biến thành lối đi đèo dốc miền thượng du. Hai bên rừng rậm rạp, tiếng chim hót đủ loại, nhiều nhất là vẹt và khướu bách thanh, hai loại này tay có nghề mà kiếm được vài cặp nuôi dạy làm mồi thì tuyệt vời!

Tôi chợt nghe giọng âm âm ngâm câu thơ "Mai Châu mùa em thơm nếp xôi..." Tôi nghĩ ai đó đang ngâm nga câu thơ của Quang Dũng thì thấy đúng Quang Dũng xuất hiện. Tôi cảm thấy may mắn, gặp anh. Tôi vội hỏi anh đi đâu đến chốn này. Anh cười vẻ buồn buồn: "Ờ Tây tiến về! Hôm nay sinh nhật mình, mình đang muốn tìm bạn dự sinh nhật!" Tôi nghĩ bụng: Thế thì đúng lúc, mình đang đói, khát, lại có bạn rủ đi sinh nhật thì còn gì bằng. Tôi ngỏ lời chấp thuận. Thế là anh ta kéo tôi ngồi xuống gốc cây bên cạnh giỏ trong bọc ra mấy củ khoai lang luộc, và tháo từ nách ra một bi đông - bi đông nhôm hơi méo đựng nước chè xanh. Hai thằng cùng ăn khoai, cùng uống nước - Anh ta giới thiệu khoai quê mình đây, chè thì ở Gót cũng gần quê mình - Ta lấy khoai làm bánh kẹo, lấy nước chè làm rượu - Anh vừa nói vừa cười hỏi tôi: "Cậu chúc gì mình nào?" Tôi đáp: "Chúc ông làm nhiều thơ hay!" - Anh ta lắc đầu, im lặng. Tôi thấy sinh nhật một nhà thơ sơ sài quá! Đơn giản quá! Nhưng tôi lấy nội dung làm chính. Anh ta lại nói: "Khoai lang ăn nó dễ đi ỉa, nhuận tràng; chè xanh mát ruột!" Tôi cũng miễn cưỡng cho là phải - và đang nhìn mơ hồ lên bầu trời cao xanh. Bỗng tôi thấy anh lấy từ trong túi đựng khoai ra một con dao dài chừng một gang tay, chuôi đồng, lưỡi dao sáng loáng, anh ta vừa nhỏ nước bọt vào gan bàn chân, vừa liếc dao, vừa khóc! Nước mắt lăn rơi đầy mặt! Liếc dao xong, anh ta đứng phắt dậy, mắt gườm gườm nhìn tôi. Tôi sửng sốt không hiểu nổi cái gì sẽ xảy ra đây? Tôi cũng đứng dậy. Anh ta cầm lăm lăm con dao sắc trong tay: "Tao thiên mày!" Tôi hoảng sợ nhưng vẫn nghĩ là anh đùa: "Đừng đùa đại thế anh!" - Anh nhẩy bước tới tôi. Tôi lùi nhanh. Anh nói: "Đùa à! Tao thương mày, mày có muốn làm quan hoạn không?" Tôi nghĩ: Thằng này phát điên hay sao đây mà lại quái gở thế này? - Anh ta nói liền liền: "Tao thương mày! Tao thương mày! Cùng quê nhau cả, tao giành cho mày mọi sự ưu ái!" Nhấp nhồm có ý rình miếng chụp gọn lấy tôi. Tôi vừa sợ, vừa nghĩ: anh ta phát điên hẳn rồi! Ưu ái - quan hoạn - lộn xộn chẳng còn biết ra thế nào! Tôi lùi một bước, anh ta tiến một bước, tôi lùi hai bước, anh ta tiến hai bước. Anh ta một tay múa dao, một tay chuẩn bị chụp bộ hạ tôi. Chạy là thượng sách! Tôi phá chạy, anh ta huỳnh huých đuổi theo sau. Rõ ràng tôi cầm cổ gắng sức mà vẫn như chạy tại chỗ. Anh ta cũng không đuổi kịp được tôi. Chạy được một lúc, tôi ngoái nhanh cổ nhìn lại, không phải Quang Dũng mà là một nữ du kích; đầu chít khăn đen kiểu mỏ quạ, áo cánh nâu, quần đen có chít ống, trông cũng xinh xinh. Tôi vừa chạy vừa nghĩ chẳng lẽ Quang Dũng tàng hình hay cô du kích tàng hình. Tôi cứ chạy lối chữ chi như để tránh luồng đạn. Chạy mệt quá! Đứt hơi rồi. Tôi đành nhắm mắt gửi thân cho số phận. Ngồi thụp xuống thờ. Và cũng chẳng thấy ai đuổi mình. Người ấy biến đâu? Thế là thoát! Tôi ngồi nghỉ lấy lại sức, nhờ có vài củ khoai và vài ngụm chè xanh sinh nhật, cái đói khát cũng đã tạm ổn.

Trên đường toàn những khách văn chương, thời thịnh văn chương! Cũng như người ta nói: "Ra ngõ gặp anh hùng", là rất có cơ sở, rất có lý. Ngay nơi gia đình tôi đang ở, cũng hàng chục Hùng - Hùng Sơn, Hùng Việt, Hùng Anh, anh Hùng, thậm chí có cả Hùng Nhèm, Hùng Giẻ Rách v.v... Cũng là thời thịnh anh Hùng nên người ta ngưỡng mộ cái danh hiệu cao sang ấy mà đặt tên không ngoài sự khuyến khích "hướng hùng". Nhà thơ tôi may mắn gặp đây - sau một phen hết hồn bị thiên trượng - là Hoàng Cầm: Một người bạn vong niên kể tuổi đời tuổi văn thơ cũng xứng đáng là bậc "liền anh" của tôi. Anh có dáng thư sinh nho nhã - nghe nói cũng có đôi người phái đẹp chê anh là ẻo ượt! - Với tư thế một sĩ quan văn học trong đoàn quân bách chiến, trời phú trong cổ họng có cái còi mạ vàng; nhờ đó anh sống giọng vàng mười sang sảng khi ngâm thơ - Có người đổ kị bảo thơ anh đầy vẻ lấp lánh trang kim hàng mã - Cũng vẫn lối đổ kị có vẻ khen anh nổi tiếng nhờ ngâm thơ chứ không phải vì thơ hay. Cứ cho là đúng; cứ cho là không đúng đi - Tất cả đều là phù phiếm có giới hạn - Nhờ tài hoa, duyên phận, anh đã "cuỗm" được một phụ nữ nạ dòng "đờ luych" - đó là lời đùa quá trớn của bạn anh - chẳng thấy cần phải nêu tên; nhưng thôi, tôi

cứ nêu búng tên ra để khỏi mập mờ - đó là Tử Phác. Tôi biết Tử Phác với Hoàng Cầm có thể nói là đôi bạn nối khố nhưng, cũng không ít lời cay độc ngay trong lúc trò chuyện với nhau. Hình như Tử Phác ta cũng ít nhiều có sự ghen tị với Hoàng Cầm về đường phu thê? Tử Phác độc quyền chằm chọc Hoàng Cầm, ai khác cũng nói lời của Tử Phác như vậy; tức thì Tử Phác bênh bạn chằm chập: "Ồi chà! nạ dòng loại chúa như thế còn gấp triệu lần loại váy đụp lên ngôi - loại váy đụp đã lên ngôi thì khiếp lắm!... - được thôi mà!..." Đương nhiên cái lối nói này lạc hậu tầm cỡ quốc tế! Nên chỉ là nói vụng.

Thật là đẹp đôi! Thật là trai tài gái sắc! Cái đất Hà Thành này, cái đất quanh vùng Hoàn Kiếm này, - theo tôi - nếu không muốn nói là hiếm thì cũng không nhiều - trong mâm ăn hàng ngày chắc có cơm tám chả chim.

Hoàng Cầm nắm vai tôi hỏn hển: "Mình đang nghỉ giải lao, đang bận tập, nếu không thì mời cậu về nhà chơi". Tôi vội hỏi, "Tập tành gì?" Hoàng Cầm quay sau lưng, lấy tay chỉ chỗ. Tôi nhìn theo tay anh, thấy một bãi tập rộng, cỏ mọc xanh rờn xung quanh đều có hàng rào thép gai cao chừng hai tầm đầu người lớn. Hai bên phía bãi tập là mấy ngôi biệt thự mới: cái thì mái cong như mái chùa; cái thì mái vòm, trên nóc có hình củ tỏi. Bỗng một hồi chuông vang lên, Hoàng Cầm định bắt tay tôi để vào bãi. Nhưng anh lại dừng ngay và nói với tôi: "chưa đến đợt bọn mình!" Tôi lại hỏi anh: "Tập tành gì vậy - và nơi đây là gì?" Anh trả lời: "Cứ đứng đây nhìn sẽ biết".

Tôi nhìn vào trong đã thấy sáu bảy hàng người, mỗi hàng chừng vài chục. Có hai người đang đứng trước những hàng người, nói gì tôi không nghe rõ. Một người cao đen, mà trong anh em văn nghệ mệnh danh là đầu bếp vụng; người kia là nhà thơ giả thiếu số. - Theo Hoàng Cầm cho biết người cao đen là giáo sư viện trưởng qua đào luyện theo hệ Nam Hải. Người nhà thơ là giáo sư viện phó, qua đào luyện theo hệ Đông Phương. Cả hai tôi đều biết, nhưng tôi thắc mắc: Nam Hải là gì? Đông Phương gì? sao anh lại nói mập mờ khó hiểu vậy - tôi không tiện hỏi. Sau mấy tiếng hò hét của hai vị giáo sư - Giáo sư viện trưởng, vươn ra một cái lưới đỏ, dài hàng trượng và hơn thế nữa. Cái lưới cứ ngoằn ngoèo lượn như xiếc Trung Hoa múa lụa vậy. Mấy hàng học viên do giáo sư này chỉ huy cũng phóng lưới đỏ, cũng ngoằn ngoèo nhưng còn ngắn hơn giáo sư nhiều - Còn vị phó giáo sư thì phóng một loại lưới khác thẳng đơ như dùi cao su, bề dài cũng hàng trượng, có kém cũng không đáng kể - Cái lưới của vị phó giáo sư không múa liêng mà cứ đập lên đập xuống, cái lối dẻo cứng. Theo tôi đúng là một trăm phần trăm cao su nhân tạo hay thiên nhiên thì không biết - Mấy hàng học viên dưới sự huấn luyện của vị này cũng phóng lưới ra cũng đập lên đập xuống, tất nhiên so với phó giáo sư còn kém nhiều! Tôi nhìn thấy cũng ngoạn mục, cũng lại sờ sờ. Tôi chưa được nghe ai nói về sự việc này - Nay đột nhiên được thấy tận mắt mới biết mình còn ngờ nghệch nhiều trong cuộc sống! Đột nhiên tôi thấy một người nhỏ thó, mắt hơi lé, nói giọng kim từ đâu vừa đến. Viện trưởng, viện phó cung kính cúi nửa người - Hắn có lấp bắp lè trong lưng. Rồi lại thẳng người, vươn lưới lẳng qua, lẳng lại - nghi thức lễ tân của học viên chào thượng cấp. Tôi hỏi Hoàng Cầm xem ai đó. Hoàng Cầm nói nhỏ: "Thì hào, viện trưởng danh dự của viện!". Tôi cố hỏi Hoàng Cầm: "Học viện gì và làm sao anh lại được vào theo học?" Hoàng Cầm khẽ trả lời: "Học viện múa lưới đấy!" Anh còn thố lộ với tôi, trong viện có nhiều giáo sư và tuy cùng một viện nhưng hai ngành múa khác nhau. Thịnh thoảng hai ngành có thi đấu. Lưới nọ quấn lưới kia vẫn chưa phân thắng bại: Về lý thuyết thì hai bên đều đầy sức thuyết phục. Cũng theo anh kết luận thì hình như lưới lụa đang có đà thắng thế. Anh cũng thè lưới cho tôi xem. Tuy đã được nhận vào viện nhưng lưới anh cũng mới dài gấp hai lưới người thường. Anh tâm sự: có lẽ phải bỏ dỡ, vì vốn anh không có sở trường: bỏ thì cũng tiếc, nếu theo hết khóa, ra viện thì cũng có chỗ đứng vững vàng - Tôi muốn ngó ý được xem trận đấu lưới, chỉ một lần thôi. Hoàng Cầm hươ tay ra hiệu: "Không được! không được! Đây là việc cơ mật của quốc gia!" Tôi thấy anh nói vậy, cũng không dám vật nài. Anh còn cẩn thận vỗ vai tôi khuyên: "Chớ có bép xép - oan gia đấy!" Tôi cũng khuyên lại anh, nếu như cảm thấy không hợp sở trường thì xin thôi mà làm thơ, ngâm thơ, tội gì mà lao vào, cho mệt. Hoàng Cầm suy! một tiếng khẽ, vừa đủ tôi nghe: "Lúc vào viện, viện thấy

không đủ khả năng thì viện sẽ loại, chứ tự mình xin ra thì trước hết mất lưỡi; lưỡi mất, còn ngâm ngọng cái gì. Đến kẻ hành khát cũng phải nhờ cái lưỡi, mới sống nổi. Cậu khuyên đại dột thế!" Tôi cảm miệng, cảm thấy hãi hùng! Tôi lại tò mò hỏi anh với điều kiện nào mà được tuyển vào viện? Hoàng Cầm cười: "Trải qua một quá trình thử thách; trời phú cho mình cái bản chất co giãn, lúc nào cần thì cứng cũng xương đồng da sắt, lúc nào cần mềm thì cũng nhũn nhùn như bánh đa nhúng nước; nhờ vậy đấy!" Nói vừa dứt lời. Hoàng Cầm liền biểu diễn sức co giãn; anh gồng người lên, tôi sờ vào quả cứng thật; anh làm mềm, tôi sờ vào người anh chẳng thấy có xương cốt gì hết toàn thịt và gân nhéo nhèo. Anh còn cho tôi biết đây mới chỉ là hình thể nhìn thấy bằng mắt, còn cái phần vô hình - tâm hồn, tư tưởng - sức co giãn còn gấp ba bốn lần là ít. Tôi phục anh, bằng lời nói vui "Chịu ông anh!" Hoàng Cầm hất nhanh lời vào mặt tôi đầy vẻ tự phụ: "Chứ sao!"

Gặp nhau đã được một lúc, tôi sợ anh quên lối giờ tập, tôi nhắc anh. Anh nói cho biết, anh là học viên dự bị, ít giờ tập chỉ bằng một phần tư chính khoá. Anh liền phàn nàn với tôi lẽ ra anh không phải qua dự bị lâu đến thế, tất cả chỉ vì thằng em kết nghĩa nó làm hại. Tôi hỏi anh xem thằng nào? Anh tỏ vẻ bực mình "Cái thằng cùng họ với cậu chứ thằng nào!" Tôi gật đầu biết đó là Phùng Quán, nhưng tôi muốn biết Phùng Quán đã làm việc gì mà gọi là làm hại? Anh vẫn bực nhưng giọng nói đã có phần mềm mại: Nó mua, trồng cho tôi cây ổi. Khi ổi chín phóng ra toàn mùi "nàng tiên nâu" mới chết người chứ! Tôi vội hỏi: "Sao lại có cái mùi tên lạ vậy?" Anh cười khẩy: "Sao tối dạ thế! Nó là mùi thuốc phiện!" Tôi trách: "Sao anh không nói toạc ra mà còn dùng lời bóng bẩy để làm gì?" Anh chặc lưỡi: "Thì mình có nghề văn thơ thấy chữ đẹp thì dùng - chữ của đàn anh mình đấy!" Tôi đang mót nghe cái việc lạ lùng mà tôi khó tin này. Anh như đoán biết được ý nghĩ của tôi, nên nắm vai tôi đẩy nhìn đằng sau: "Đấy! Đấy!" Tôi quay lại như là thần thông biến hoá - tôi đã đứng tại sân nhà anh, cạnh gốc cây ổi. Nhà đi vắng không có ai ngoài tôi và anh. Tôi nhìn lên cây ổi, quả không sai mấy, quả nào cũng bằng nhau, quả nào cũng đỏ da chu; quả nào cũng giống hệt cái tẩu Thổ Hà. Anh lấy cái móc giật xuống vài quả. Tôi bửa ra thấy đúng là ổi nghệ, nhưng sức mùi thuốc phiện. Anh hỏi tôi: "Thấy chưa?" Tôi lấy làm lạ quá! tôi không sao tưởng tượng nổi. Tôi khuyên anh: "Sao không phong nó đi?" Anh bĩu môi: "Sao dễ thế!" Tôi hỏi: "Làm sao?" Anh lắc đầu liền mấy cái: "Cây bản mệnh đấy! Nó chết thì mình cũng đi Văn Điển chứ còn sao!" Tôi quay hỏi anh, Phùng Quán có hay qua đây không; anh nói: "Mất mặt gần một năm rồi!" Cái quan hệ kết nghĩa và cây ổi khiến tôi càng ngổn ngang; thậm chí hơi hoang mang; không có đầu không có cuối. Chẳng hay Phùng Quán có biết việc này không? Tôi cũng muốn tìm Phùng Quán để hỏi xem, nhưng tìm Phùng Quán lúc này thì khó lắm. Theo chỗ tôi biết thì anh ta - mang thói xứ sở - như bản đơn ca được ông anh kết nghĩa Thanh Tịnh phối âm, phong phú - chỉ ẩn hiện quanh Hồ Tây vào ban đêm. Gặp được anh ta vào lúc ấy, chỗ ấy có khi mình có số lại mang thân vào cho muỗi đồn công an nó mở đại tiệc chưa biết chừng - Thôi cứ để thư thả - Tôi nghĩ vậy. Tôi đang cần đi tiểu tiện, Hoàng Cầm biết ý, chỉ cho tôi cái chỗ cố định. Tôi ra tới nơi - xin lỗi! - đang mới cởi khuy quần; quay lại xem có ai theo quán tính trước khi "khởi sự". Ồ! chẳng thấy Hoàng Cầm đâu? Chẳng thấy cây ổi đâu? Chẳng thấy nhà Hoàng Cầm đâu? Trước mặt tôi lại có cái biển cấm: "Cấm đá ở đây!" Chữ viết bằng vôi trắng, dễ đọc - Hoá ra tôi đang đứng trên một con đường quang quẻ sạch sẽ - ánh sáng như pha lê đang tới tấp từ đâu dội đến - Tôi nghĩ bồ bã: có lẽ từ ý nghĩ dội đến!

Tôi cứ theo con đường đầy ánh sáng pha lê mà đi. Phía trước tôi không xa là mấy bà đồng nát lông vịt, vừa đi vừa rao mua; tiếng rao cất lên như đồng ca hai bè của bản hành khúc "Đồng nát - lông vịt". Tôi nghe cũng được, giá như tiếng ca nhỏ bớt chút nữa thì đỡ chói tai hơn. Mỗi lúc họ càng tấu to hơn, ra điều ta đây đang làm chủ mặt đường, làm chủ ít nhất cũng một khoảng không gian tương đối rộng lớn. Tôi đành dừng lại chờ cho họ đi khuất. Dư âm bản đồng ca cũng không còn lảng vảng bên tai. Thính giác tôi đã trở lại bình thường; nó đón nhận tiếng ồn ào, ồn ào từ phía xa xôi bên trái. Tôi biết đó là tiếng họp chợ. Tôi liền rẽ bước theo hướng đó, đi chừng hơn một dặm thì đến một cái chợ. Chẳng để mua bán gì, nhưng phờn dạ bước chân muốn học đòi du khách rẽ vào chơi chơi. Chỉ nhìn thoáng cũng đủ nhận biết đây là một cái chợ pha tỉnh, pha quê,

gần giống như chợ Mơ; gần giống chợ Chi Đông, Phúc Yên; gần giống chợ Nghệ Sơn Tây; gần giống chợ Rồng Nam Định. Bụng bảo dạ: Cả đến cái mặt chợ búa trên trần gian - cũng cứ na ná giống nhau, hướng hồ trăm, ngàn, vạn mớ những cái khác khiến người ta dễ nhầm lẫn là phải. Khi tôi để ý nhìn lên đầu tường của một quán gạch lợp ngói - chìa bìa mấy chữ đắp bằng vôi, xung quanh chữ cũng đóng khung vôi vuông vắn như một bức phù điêu - tất cả đều cùng một màu vôi vàng đã cũ. Mấy chữ Pháp lộn chữ Việt "Marché de Yên Thái". Thôi đúng là chợ Bưởi! Hẳn là từ thời vong quốc "đề huề" mà bàn tay của hôm nay hoặc bỏ quên chưa xoá; hoặc để làm lưu niệm; hoặc để làm một cáo trạng ngắn gọn của dấu chân đô hộ; hoặc để làm gì khác? Thắc mắc trong đầu là quyền mình; nếu như muốn chất vấn, muốn được giải đáp thì chất vấn cái mặt tường vôi ư?...

Chợ họp chính phiên. Ba bốn quán ngói, còn xung quanh là quán lá, lợp rơm rạ, hoặc trải lên tấm lá cốt sớ sài - bao giờ cũng như bao giờ; tiếng thè nó cũng đầy vẻ vĩnh cửu - Chợ đông, đủ các loại hàng bán. Cái chợ Bưởi được "cư ời" từ ngày nào, thời nào, ai biết? Tôi thiết nghĩ: có lẽ người vùng này cũng đã quên gốc tích nó. Qua cái giọng đặc thù kẻ Bưởi của mấy làng thì quả là trộn không lẫn. Chợ Bưởi còn là nơi đảm nhiệm gây giống gia súc và cây trồng; nhất là cây hoa, cánh cho nhiều vùng. Chợ còn nổi tiếng: tháng năm cũng gọi khách kinh kỳ; những quý miệng sành ăn, lui tới đặt lưởi vào cửa "trái chua"; đó là bò thui đặc chủng. Nói theo lối nói của một nhà văn thì chợ Bưởi đây cũng đã một thời "vang bóng bò thui". Nhưng vì hy sinh cho một nền công nghiệp phát triển, bò bê cũng đã được đổi mới từ thui sang lột!...

Bỗng có tiếng huyền não khác thường nhưng êm dịu vì không pha chút thét gào. Tôi lét mắt phía ồn ào thấy lối dãy hàng tôm, hàng cá nối liền dãy hàng chó mèo có một giai nhân xuất hiện. Quần lĩnh nhóng nhánh; áo cũng lĩnh nhóng nhánh; khăn cũng lĩnh nhóng nhánh - đội rất điệu dàng - Trên cổ mặt da hoa phấn duyên dáng, răng cũng đen nhóng nhánh - tất nhiên không phải răng lĩnh - chẳng qua để cho nó "uy ni" mềm mại. Giai nhân bước đi nhẹ nhàng tha thướt uốn éo nhún nhẩy, nhún nhẩy nhịp "đánh bông". Miệng tùm tùm, mắt liếc qua, liếc lại - Khi giai nhân đi đến cách tôi quãng một tầm nước bọt, tôi sững cả người: "Anh Tô Hoài!", tôi thốt ngầm trong bụng. Một người anh về tuổi đời cũng như về văn chương. Từ rừng Việt Bắc trong các khuôn mặt đàn anh quốc thước, sành sỏi thì tôi chọn mặt anh để "gửi vàng". Anh Xuân Diệu lại nhìn anh bằng con mắt xanh khen "Toujours aimable!" - Tôi không làm. Anh đã giúp đỡ tôi nhiều về mọi mặt. Quá khứ ân tình ấy tôi có muốn quên cũng không sao quên được. Nhưng liệu có phải anh thật không? Cái valy cũng đen bóng màu lĩnh, bên tay trái người đẹp. Tôi níu vào cái nghề cổ truyền lĩnh Bưởi quê anh để đỡ ngộ nhận. Nhìn cho rõ thì hoàn toàn là một "com-ra-đe" hãng dẹt lĩnh. Nếu tôi khẳng định như vậy thì nảy ra một thắc mắc làm sao anh phải đổi nghề? Tôi thiết tưởng sự kiếm sống bằng nghề nghiệp tầm cỡ, có bề dày rất đáng kể về thời gian, tôi chưa nói đến bề dày quyền lực cũng như mọi bề dày khác. Cái gì đã thôi thúc đổi nghề? Nếu không muốn nói đến số phận. Cái mũi thềm văn cổ hữu của tôi; tôi đánh hơi thấy mùi sách trong chiếc valy căng phồng. Nếu có tiền, nếu cá cược, tôi xin đặt giá mùi ăn một; trong valy không có vải lĩnh! Đầu tôi đang muốn được giải toả cái tiếng "com-ra-đe"! Song tôi vẫn nghi hoặc, vẫn rất băn khoăn. Một thứ băn khoăn rối lộn, nó chao qua, chao lại như đánh võng trong đầu, khiến tôi phải nhắm mắt lại. Khi mở mắt không thấy bóng giai nhân đâu cả. Chẳng biết cái gì đã đẩy tôi đến một không gian khác. Anh Tô Hoài hoàn toàn Tô Hoài, nhà văn Tô Hoài. Tầm vóc anh không thay đổi, chỉ có con đế mèn bên cạnh anh là to lớn khác thường, nó xấp xỉ một con ngựa - loại ngựa gié - đang tuổi phát nha. Anh đã dắt nó, hay nó dắt anh không rõ - tranh thủ đại diện ruỗi rong đất lạ, ê hề! Nay đang cùng nhau nghỉ dưới một gốc cây đa cổ thụ rợp bóng mát. Con đế đang lóm lém ăn cỏ, còn anh cũng đang ngồi đọc bản thảo, tay phải cầm bút máy thỉnh thoảng có ghi thêm hay sửa chữa gì đó. Cả người và vật toát lên đầy vẻ hả hê, sung túc. Trước mặt anh là một quan lộ, một dãy người gánh toản sách là sách. Họ gánh đi bán rong hay chuyển đi phân phối cho đại lý. Họ nhìn anh, anh nhìn họ gật gù cười cười, rõ ràng là quen thuộc nhau cả. Có người nói văn anh đang hợp thời vận! Quyền nào anh viết ra cũng có tấm ít mùi để mèn nhưng chẳng thấm tháp mấy. Có thể ví như người bán trà

ấm, vảy vài giọt ét-te sen, nhài vậy. Anh đã đạt tới mức quán quân thực hiện khẩu hiệu "nhanh, nhiều, tốt, rẻ". Sách anh được phát hành số lượng không hạn định, bày tại quầy sách quốc doanh; cứ như gạo cửa hàng mậu dịch vậy. - Làm gì có chuyện đong gạo ngoài cửa hàng! Lòng nhân ái, sợ người người đói vẫn khát sách nên anh trở tài đáp ứng. Ngồi chỗ nào anh cũng viết được. Đứng chỗ nào anh cũng viết được, tay cứ thoăn thoắt tài nhả đều đều. Có người nói anh viết như đan len! Và anh đã chiếm lĩnh một góc trong cái tam giác thơm Tô Hoài - Lê Văn Trương - Hồ Biểu Chánh.

Ngồi nghĩ đã lâu lâu, anh đứng dậy, kéo theo con dê, anh vỗ vào lưng dê như vỗ vào lưng ngựa! Hẳn anh đang lấy lưng dê làm chuẩn, tập thể dục, thể thao. Anh cứ nháp nhồm nhảy mãi vẫn không qua lưng con dê mèn! Anh bị ngã! Chống tay nhồm dậy; nhìn trước, nhìn sau, xem có ai nhìn thấy không? Anh đứng hẳn dậy, lắc đầu ngán ngẩm...

Tại sao anh lại lắc đầu ngán ngẩm nhỉ? Ngã thì lại dậy. Phải chăng anh đã nghĩ xa xôi sợ "sinh nghề, tử nghệ". Theo thiên nghĩ của tôi thì anh làm rồi! Nghệ của anh chỉ có sinh làm gì có tử!

Tôi đang bận tâm suy nghĩ; tôi vừa chớp mắt một cái bỗng lại thấy mình đang ở giữa chợ. Trong đầu tôi lại nói vào cái mạch cũ, từ khi gặp giai nhân. Mỗi nghi ngờ dâng lên mỗi lúc một cao - không sao tự mình giải đáp được. Tôi định rẽ hẳn vào dãy hàng chó xem người ta bán, mua, người ta khen, chê tướng mạo lũ chó má. Chợt cùi tay ai đó huých nhẹ vào sườn tôi. Qua cái kiểu huých ấy, tôi đoán ngay là cùi tay của bạn thân. Tôi quay cổ lại, đúng là Đào Công Đạt - Lê Đạt - cái tên do anh Nguyễn Huy Tưởng đặt cho từ rừng Việc Bắc. Lê Đạt, tôi rất có cảm tình với anh, phục anh, mặc dù anh ra đời sau tôi tám tháng. Anh thông minh, anh có tú tài Tây và còn học cao hơn nữa. Dầu toàn quốc kháng chiến anh còn theo học trường pháp lý - Đỗ Xuân Sảng. Còn tôi không dám giấu giếm, chỉ có cái trung học - phải thi lại lần hai. Anh hay lấp bắp, lấp bắp vui miệng như tép nhảy. Tôi chỉ hơi khó chịu với anh một chút vì bất cứ với ai anh hay giở giọng "lãnh tụ non". Tôi cũng đại khái biết anh, có giai đoạn anh đã nhậm chức secrétaire particulier cho một vị cỡ nào đó - anh nói chuyện hay chen tiếng Pháp - khi đang nói, anh ngừng lại, đăm nhẹ lên trán, để tìm từ Việt cho thích hợp - na ná như người ở Pháp lâu năm mới trở về nước - bắt đắc dĩ có kinh nghiệm - phụt tiếng Pháp. Theo tôi không chắc chắn lắm - phần nào để tạo dáng kẻ nhiều chữ?

Lê Đạt là người sòng phẳng, ngay thẳng, đôn hậu, chỉ phải nổi: tính đôi khi tắt mắt; hoặc hay cảm nhảm - có kinh nghiệm chữ của người khác khảm sâu trong sáng tác văn thơ của mình - dẫu có vết, thì ngọc vẫn là ngọc! Tôi còn quý anh ở một điểm nữa là anh hay cho tôi đi ăn phở. Có lần tôi vui miệng hỏi anh: "Tiền đâu mà cậu cứ cho mình ăn phở mãi thế?" Anh nói nhỏ vừa đủ tôi nghe: "Bà cụ mình vẫn có chút buôn bán nhỏ kiếm thêm!..." Tôi cười, không phải chê bai gì. Nhưng anh hiểu lầm như là tôi có ý chê việc buôn bán - Vào cái thời mà gia đình cán bộ vẫn phần nào dựa vào buôn bán để cải thiện đời sống đều bị coi là thiếu trong sáng - Anh liền cười văng tục: "Chả thế lấy đéo đâu ra cho mày ăn!..." Tôi chẳng phật ý về câu nói. Tóm lại tôi vẫn thấy có bổn phận đối với anh như bát nước đầy.

Hôm nay, gặp nhau đây, anh lại hỏi tôi: "Đã ăn gì chưa? Phở chứ?" Tôi đón lòng thảo của anh: "Giì cũng được!" Nhân dịp gặp anh, tôi khẳng định sự nhìn nhận của mình về anh Tô Hoài, về giai nhân. Tôi đưa mắt hỏi anh, không chân chừ Lê Đạt khẳng định: "Đúng lúy!" Tôi hỏi lại: "Có chắc không?" Lê Đạt nói: "Chắc!" Tôi lại hỏi tiếp: "Sao lại như vậy nhỉ?" Lê Đạt cười: "Ai mà biết được, ông anh lắm mưu nhiều mẹo; có thể nói là *đương kim vô địch* đấy!" Tôi ngờ ngàng hỏi: "Về cái gì?" Lê Đạt đập mạnh bàn tay vào vai tôi: "Thôi đừng vờ! Mày mà không biết à?" Tôi nói: "Không biết thật mà!" Bây giờ Lê Đạt mới nói toạc ra: "Về cái khôn chứ cái gì!" Tôi công nhận lời nói của Lê Đạt; chẳng những Lê Đạt mà anh em trong văn nghệ thường cũng nói như vậy. Lê Đạt lúc nào cũng lại đưa tay vỗ vỗ lên trán nói: "Tao nghĩ, về văn ông anh đã bội thu, còn muốn gì nữa cho

nhọc xác!" Tôi chưa kịp đáp lời, Lê Đạt mau miệng tiếp: "Bọn mình nhặt được vài hạt khôn của ông anh rơi vãi thì cũng lấy làm mãn nguyện phải không mà?"

Tôi bần thần cả người, tâm trạng tôi ngổn ngang, không vui, cũng chẳng buồn, chẳng ước ao hay nướn tiếc gì cái hạt khôn của anh Tô Hoài để rơi vãi.

Tiếc thay! Nếu anh không ử một mưu mẹo gì cao hơn; đến bây giờ mới ngoặt bước sang một đường mới khác thì hơi muộn. Dấu sao thì cũng là giả. Có lẽ anh nhạy bén trong lúc thật giả lộn sòng nên mới quyết tâm như vậy chăng? Tôi nghĩ trách ông Xanh kia vẫn còn ông ẹo, đã cho người ta cái ngoại hình hấp dẫn thế này, sao không phóng tay mà còn bủn xỉn đắn đo tiếc rẻ không cho nốt cái chút nhỏ bé cần thiết; để người ta được trở thành một giai nhân hoàn mỹ; để người ta mang cái thân hình ngà ngọc ngay từ tuổi măng măng bẻ gãy sừng trâu, hành hương trên đường tìm Chân Mỹ. Tôi chẳng dại dột gì mà dính Mỹ với Thiện ở đây. Nếu người ta không đem được cái Chân Mỹ dáng hoa ban phát nơi nơi thì ít nhất cũng cho một vùng không nhỏ. Mặt này thiết tưởng người ta còn gặt hái gấp bao nhiêu lần gặt hái văn chương. Cái tháp ngà Chân Mỹ hẳn mở rộng cửa đón chờ. Người ta khỏi phải khéo khôn, loay hoay; khỏi bị ngộ nhận, rất tội nghiệp!

Lê Đạt kéo vai tôi lên trên đường, tìm ăn phở, vừa để hóng mát, quanh quẩn dưới chợ, thế đã đủ rồi. Tôi và Lê Đạt vừa lên khỏi dốc, đến đầu hàng cây cảnh. Lê Đạt đang bận để mắt tìm hàng phở. Tôi đứng xem cây cảnh. Bỗng từ trong chậu cảnh hoa giấy phơi phới màu đỏ, một người bước ra, dáng vẻ mãn nguyện đàng hoàng như từ Pô-đê-ga bước ra. Lẽ ra tôi phải kinh hãi cái lối tàng hình hoá phép. Nhưng không hiểu sao tôi lại coi là chuyện bình thường; chuyện tầm thường! Tóc rẽ cánh phượng, trên khuôn mặt chim, trợn không lẫn. Nách trái cặp một tập nhạc. Tôi biết ngay là ai rồi. Hình như anh ta đã nhìn thấy hai chúng tôi; anh ta đưa bàn tay lên che miệng cười - cái thói quen cố hữu. Lê Đạt quay đầu lại lấp bắp lên tiếng trước: "Chào cụ Tiên". Chỉ mấy tiếng của Lê Đạt, tôi có cảm tưởng như anh đang giỡn, đang yêu cầu con tàu lịch sử dân tộc cài số lùi hàng vài thập kỷ - cái thời Tiên thứ chỉ, đầu gà má lợn - cái thứ bông phèng thiếu ý thức ấy mà lọt đến tai trên thì kiểm điểm mệt! Cụ Tiên hỏi: "Tại mà đi đâu đến đây?" Lê Đạt trả lời gặng: "Chơi!" Cụ Tiên ta lại che miệng cười: "Có thể dẫn tao đi Văn Phú hàng Lạng được chứ?" Lê Đạt hơi ngần ngừ, đưa mắt cho tôi. Cụ Tiên kịp thời theo mắt Lê Đạt hỏi tôi: "Khá không? Nghe Phùng Quán nói dạo này sáng nào mà cũng luyện thái cực quyền à?" Tôi chưa hiểu hai tiếng "khá không" là khá về mặt nào, khá cái gì? Tôi trả lời: "Múa may vài cái cho nó qua giờ ăn sáng chứ còn quyền gì đâu!" Tôi cũng tin rằng anh ta hỏi là hỏi chứ cũng biết thừa hoàn cảnh tôi nghèo lỗ ra chứ có gì. Lê Đạt đầu cứ gật gật khề - gật đầu kiểu này không phải là đồng ý. Cụ Tiên chép miệng: "Bấy lâu nay tao chưa xem lại cái tiết mục Náo long cung!" Thật ra lúc này tôi mới hiểu rõ ý muốn của cụ Tiên. Cách đây mấy năm, đoàn xiếc Tề Tề Cáp Nhĩ Trung Hoa có sang biểu diễn tại nhà hát nhân dân; trong đó có tiết mục "náo long cung" gồm đủ loại thủy tộc, ba ba, lươn, ếch nhào lộn. Từ đấy cửa hàng ăn Văn Phú mới đặt tên cho một thực đơn là "náo long cung". Tôi cũng đã có một vài lần được các ông anh Hoàng Cầm, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Cụ Tiên và cả Lê Đạt, cho đến dự tiết mục đó - ai trả tiền thì không nhớ.

Trước mặt nhau đây, thấy "Cụ Tiên" vui vẻ tôi cũng mới dám chuyện trò cời mở. Với "Cụ Tiên" tôi vốn ngại, sợ thì đúng hơn. Bởi tôi biết cụ Tiên có kèm một công tác đặc nhiệm; và đã vài lần lập chiến công tuy thâm lặng nhưng hiển hách. Tôi có lần được Tử Phác nói cho biết chơi với cụ Tiên là vẫn phải cảnh giác. Vui vẻ đấy nhưng lỡ miệng chuyện nọ xọ chuyện kia, cụ Tiên cho là phạm vào "tín điều", "đệt" cho một cái, mình toi mạng! Bởi vậy, cũng như hôm nay, mỗi lần gặp cụ Tiên, tôi chỉ giao tiếp lấy lệ để cụ Tiên khỏi méch lòng. Tôi vẫn tính bài lảng.

Phở chưa ăn, Văn Phú chưa quyết, chưa đi. Bỗng một loạt đại bác, chẳng biết từ đâu, chẳng biết vì sao, ầm ầm rung chuyển cả một không gian. Dưới chợ, trên đường huyền ảo, người người đổ

xô chen lẩn, la hét, gà lợn chó má cũng kêu lên thất thanh. Kẻ chạy xuôi, người chạy ngược, xéo lên nhau mà chạy - đều chạy người không - bỏ của chạy lấy người - Cụ Tiên và Lê Đạt đã biến nẻo nào rồi?

Trong cơn kinh hoàng, hoảng loạn, một mình tôi bơ vơ, không biết nên chạy đi đâu? Tiếng nổ mỗi lúc một dữ dội tưởng như vỡ trái đất; tưởng như phụt núi lửa, tưởng như trời sập; tưởng như Trần Châu cảng hay Hi-rô-si-ma. Cuồng phong, bão tố nổi lên tiếp tay cho tiếng nổ. Cây cối ngã nghiêng, đất, trời chao đảo. Trên không trung, mây ngũ sắc xanh vàng tím đỏ vun vút như cò thiên lôi từ bắc phương tràn xuống, từ tây phương đổ về. Vừa bay vừa đổi màu biến sắc. Tất cả gặp nhau, tùm lại, tạo một vòm trời đỏ như máu. Tôi đứng dưới vòm trời, ba hồn bảy vía chỉ may ra còn lại một hai.

Tôi tự hỏi thế này là thế nào? Đòi tôi chưa được nghe ai kể; chỉ khi còn thơ ấu được nghe ông lão hàng xóm nói chuyện đời đời; nghe xong ngày đêm sợ hãi. Lần ấy chị gái tôi cũng còn bé, chị cóp được mấy hào, nghe nói sắp đổi đời đến nơi, hai chị em rủ nhau đem tiền mua kẹo bánh ăn bằng hết, kéo bỏ phí. Câu chuyện đó tôi lớn lên vẫn còn bán tín, bán nghi; khi trưởng thành thì quên mất...

Câu chuyện ông lão hàng xóm kể có lẽ là lúc này đây! Đã bơ vơ vì bạn, lại bơ vơ vì thiếu mặt gia đình! Lúc này thì tiếng nổ không còn, chỉ còn tiếng gầm rú của bão tố như ngàn vạn tiếng hổ gầm, voi rống, nghe càng hãi hùng! Dưới vòm trời tất cả đều nhuộm nhanh màu đỏ. Tôi bỗng choáng váng, đầu nhúc, mắt hoa lên! Tôi phải đưa hai bàn tay đập lên mặt, vì cảm thấy mặt đất quá cheo leo! Tôi sợ ngã!

Tôi vừa mở hai bàn tay không biết từ lúc nào và từ trên trời lao xuống, hay từ dưới đất trời lên, một trái núi - trái núi hình nón - có lẽ là ngọn tháp, tôi chưa kịp phân biệt. Thì cứ gọi là một ngọn tháp khổng lồ. Ngọn tháp rung rinh lay động. Trên đỉnh tháp là một tàn vàng chói lóa, hơi giống mặt trời chiều lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vàng là một lá cờ đại; xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ - đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diềm cờ không đính tua kim tuyến mà là lưới câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra do cờ bay mà tiếng gầm rú hãi hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm!

Ngọn tháp mỗi lúc một to ra, cao lên, cờ cũng nhiều gấp bội. Có thể nói: đây mới đúng là rừng cờ, là nguồn sinh của cờ - cũng đều diềm lưới câu, cũng quay tít. Tôi đưa mắt nhìn kỹ thêm ngọn tháp từ chân tới đỉnh toàn người là người lớp nọ cưỡi lên cổ lớp kia ngất ngư. Cái tháp người này sẽ là kỳ quan thứ mấy của thế giới đây? - Tôi nghĩ vậy - Thật là một sự kỳ lạ! Tạo được ngọn tháp này phải là các nghệ sĩ xiếc có hạng. Ai ở trên đỉnh chót nhỉ? - Tôi tự hỏi?

Thoắt một cái, chẳng biết từ đâu, người người lớp lớp đang chạy vòng quanh tháp - như đèn kéo quân. Chạy theo hướng cờ bay, chạy dưới bóng cờ. Từ chân tháp đổ ra không sao đếm xuể được số vòng trong, vòng ngoài là bao nhiêu. Tôi cũng là kẻ đang chạy vòng ngoài cùng. Tôi ngỡ ngàng không hiểu do sự xấp xếp nào mà tôi có mặt trong vòng chạy này? Làm sao tôi không biết? Vòng nào cũng đủ các loại người già, trẻ, đàn bà, đàn ông - bách tính tứ dân: sĩ, nông, công, cổ - Nhiều nhất vẫn là dân áo vải, chân lấm tay bùn - Hình như có cả Tây lai. Người nào cũng cầm vũ khí từ tối tân đến thô sơ: Tối tân đây là súng; nào là Rơ-manh-tông, Mút-cơ-tông, Anh-đô-si-noa, cả súng hỏa mai; nào là cuốc, xẻng, mai, thuổng, đòn càn, đòn gánh, nào là tay thước, dao quắm, mã tấu. Có cả mấy vị Trư Bát Giới cũng vác cào lạch ếch, hoặc xích trượng; cả mấy vị áo chùng thâm vác thánh giá chạy vòng gần chân tháp. Trong đế của đại tháp, tôi thấy đủ mặt: ông anh đẹp giai tay cầm một côn đỏ, Viện trưởng, Viện phó viện múa lưới. Cụ Tiên hai tay hai súng lục. Ông anh Tô Hoài, cả Hoàng Cầm, Lê Đạt cùng bao nhiêu người khác tôi đã từng gặp mặt ở chiến khu Việt

Bắc; điều kết thành một khối tháp vững chắc sống động. Các dòng người đều nhất loạt hướng tai lên đỉnh tháp nghe lệnh sang sảng "Kẻ thù phía trước! Kẻ thù phía trước!" Giữa người nọ với người kia nhất tề giữ đúng khoảng cách một tầm lê dậm trộm!

Đêm xuống lúc nào không biết. Đò pha đen, không gian là một màu huyết dụ; một thứ mùi rờn rợn, tanh tanh như mùi thép rỉ vẩy quanh. Tay tôi, chẳng biết ai đã trao cho một dùi gỗ, và tôi đã nhận làm vũ khí từ lúc nào? Dùi gỗ dài chừng nửa thước tây - bết máu. Chắc là chiến lợi phẩm thu được của kẻ thù tử trận. Ôi chào! Tôi nhìn gáy người phía trước tôi. Chẳng phải ai, chính là ông thầy học của mình. Trông vóc dáng của thầy; nhất là sau gáy có hai nút ruồi đen, to, liền nhau. Tôi khẽ lên tiếng: "Phải thầy Đoàn đây không?" Thầy Đoàn giật mình, không dám ngoái đầu, không dám lên tiếng. Nước mắt tôi trào ra, cổ tôi nghẹn lại, tôi lại hỏi tiếp: "Cung đây! Thầy còn nhận ra con không?" Thầy Đoàn giật mình, co cổ lại. Thầy Đoàn biết mình đang ở vị trí kẻ thù của tôi!!! Tôi bàng hoàng! Tôi đang là kẻ thù của ai phía sau tôi?

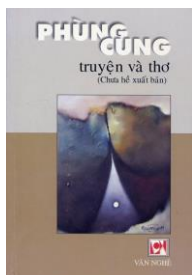
Tôi rùng mình kinh hãi, hai chân lão đảo, loạng choạng, xéo phứa lên một bãi cứt. Tôi bị trượt chân văng ra khỏi vòng hiểm họa, ngã sấp mặt, nhờ một "bãi cứt cứu sinh". Tôi đau ê ẩm, nhưng vô cùng sung sướng. Tôi định thần, để ghi nhớ công cứu sống tôi. Tôi nghĩ sau này tôi phải viết một bài "Cứt tưng". Dù ai có chê bai cũng đành chịu vậy thôi. Trong đầu tôi mới xuất được một từ: "Cứt không thềm với tay vịn gió đổi mùi; nguyện hôi thối hết mình để người đời khỏi ngộ nhận!..."

Tôi nằm ngoi; lúc này tôi mới nhận biết mình đang nằm trên đồng máu - máu chiến thắng kẻ thù đồng loại! Gió mặt đất va vào tai tôi những tiếng khóc thê thảm tập thể từ đâu vọng lại. Tội nghiệp thầy Đoàn bây giờ ở đâu? Thầy Đoàn đang là kẻ thù của ai? - Tôi cầu khẩn đất trời ra tay cứu vớt để những đau thương tràn ngập được giải thoát. Lòng tha thiết bằng an của tôi có lừa dối tôi không? Chiêm bao trong chiêm bao - Vậy hẳn là tội trẻ con mất dạy tinh nghịch bày trò chơi đại dột!

Chợt có tiếng từ đỉnh tháp dài sang sảng lói tai: "Bắt lấy nó! Bấm nát thằng đào ngũ!" Tôi sợ quá, cứt máu đầy người vùng dậy chạy trốn. Tiếng súng ưu binh "chúu chúu" cùng tiếng chân huỳnh huỳnh đuổi phía sau tôi. Nghe mỗi lúc một gần, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Tôi cắm cổ chạy, hồm đá cheo leo, vực thẳm ngay trước mặt. Hàng ngàn vạn con rắn đỏ, rắn vàng, to bằng thân cây cau, dựng đầu, giương bành, múa đuôi âm âm như bão tố dưới vực. Cùng đường, trước mặt, sau lưng, hai cái chết rùng rợn! Vừa lúc lại một loạt đạn rít lên sát vành tai bên trái, tôi nghiêng đầu tránh đạn, sẩy chân dậm vút xuống vực, chỉ kịp rú lên một tiếng "Trời!" Tôi giật mình choàng tỉnh! Một cơn ác mộng khủng khiếp!

Cánh tay tôi làm bật cả hai thằng con ốm xô vào nhau trên ngực tôi. Chúng hoảng hốt, ngơ ngác. Dưới ánh sáng của bóng đèn bốn mươi nển, trống ngực tôi rộn rã liên hồi. Từ vô thức tôi buột miệng: "Dẫu sao thì thằng anh vẫn là anh thằng em!"

Hà Nội 9-1959



Phụ đính i:

Thơ Phùng Cung Nguyễn Đình Toàn

Tuy được in chung trong tuyển tập truyện ngắn, nhưng “Trăng Ngục” của Phùng Cung là một phần riêng biệt. Có thể coi “Trăng Ngục” như tập nhật ký trong tù của Phùng Cung. Một tập nhật ký không đề ngày tháng.

Những người từng bị ở tù cộng sản rồi, ở tù mà không biết vì sao, không xét xử, không án lệnh, không biết bao giờ được tha, sẽ hiểu rằng sau một năm, hai năm, và càng lâu hơn, người ta càng không còn để ý hay biết đến ngày tháng nữa. Người ta tồn tại chứ không còn sống nữa. Và tồn tại trong những điều kiện gần như không một con vật nào chịu đựng nổi chẳng hạn chỉ làm chứ không được ăn, đừng nói đến những cái khác.

Dấu hiệu duy nhất để người ta biết chắc mình còn sống trong những ngày địa ngục ấy là người ta còn suy nghĩ được.

Thơ của Phùng Cung là những điều ông suy nghĩ trong những ngày như thế.

Những ngày như thế là một chuỗi trắng, một cái khuôn, hay dùng chữ của Ôn Như Hầu cái “lò cừ” [lò cừ nung nấu sự đời] không cần ghi dấu.

Trong bài “Vay Nóng”, Phùng Cung viết:

Đất nước tôi
Triền miên bất hạnh
Tụi mặt dày - tay bẩn
Tim rắn - lời cừu
Văn hóa lớp hai
Điều hành cuộc sống
Tránh làm sao
Khỏi nát ngọc nhân quyền
Nhân danh một nạn nhân
Đứng giữa mệnh mông
Cùm lim - rào kẽm
Khản cổ - chìa tay
Khấn xin những quốc gia
Văn minh - từ thiện
Cho dân Việt Nam tôi
Vay nóng chút dân quyền

“Vay nóng”? Lâu lắm người ta mới được đọc, mới được nghe lại hai cái từ buồn bã đó. Vay nóng. Vay xối. Vì cần thiết quá. Tự mình không còn biết kiếm ở đâu ra nữa. Vay cũng hàm ý là sẽ trả. Trông cậy vào đâu để trả chỉ có người vay biết.

Thật tàn nhẫn khi đọc những lời như thế, viết trong những hoàn cảnh như thế, mà người ta lại muốn nó phải hay, phải văn chương, phải có ý mới, hình tượng mới, ngôn ngữ mới...

Đáng lẽ vấn đề chỉ nên được nêu ra là: làm thế nào con người có thể sống được, tồn tại được trong hoàn cảnh như thế?

Thơ cứu rỗi người ta chăng?
Trước mắt trẻ thơ, mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ
Càng tối đen càng nhìn rõ xa/xanh
Mắt phàm tục đăm đăm vương chút lệ
Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người
Hỡi biển cả
Diện tuy rộng nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy xanh - sâu
Xanh sâu đầy mặn chát
Bỏ mắt mênh mông, chúc lấy ồn ào
Tự thao túng - cái thói hư nộ cuồng sóng vỗ
Trống trải bơ vơ, chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ
Ôi! Bao yên lặng thanh cao
Đều chìm lặn trong thét gào man rợ
Thì nhắm mắt, bưng tai
Nhưng phải đâu khiếp sợ
Chỉ điếc đui vừa đủ, để làm ngơ
Ai cho phép người tự dành phần hương hỏa nhỏ to
Một giọt nước
Vẫn tình nguyện tách đôi
Để cùng thấy rõ
Vậy dấu vô cùng lớn lao gì đó
Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa
Vớ vớ vô cùng bé nhỏ mà thôi!

Điều khiến người đọc rùng mình khiếp sợ tự hỏi, thế những người vợ, những đứa con, người ta đi công tác vài ba năm, có khi dăm bảy năm mới được phép về thăm nhà một lần/ để lại/ đâu/ không thấy nhà thơ nhắc đến nhỉ?

Tổ quốc, quê hương, ý nghĩa cuộc đời là những điều to lớn đã chiếm hết tâm trí người ta hay sự thực là người ta phải quên những điều nhỏ bé kia đi mới sống nổi?

Tổ quốc ư?

Đây là những lời Phùng Cung nói với tổ quốc:

Tổ quốc kính yêu ơi
Văn hiến - thuần phong - mỹ tục
Phút chốc bàn tay cộng sản đập vùi
Định nghĩa - tên người
Tôi không nói được
Nếu bị dồn hỏi
Tôi chỉ có thể trả lời
Bằng hai hàng nước mắt
Tổ quốc kính yêu ơi!
Quê hương ư?

Đây là những điều Phùng Cung nói với quê hương:

Quê hương ơi!
Đường quan lầy nước mắt
Điệu sáo hết du dương
Mây chim, gió ngủ
Chiều nắng da bò
Vấn nhăm biên giới ưu tư
Rầu rầu đổ bộ
Sông sâu bật tiếng gọi đờ
Chim hãy giùm ta
Gọi cành xanh ngóc dậy
Quê hương thấy lại quê hương
Ý nghĩa cuộc đời ư
Còn có gì quan trọng hơn sống, chết?

Phùng Cung nói về sống chết như sau:

Sống quá khó khăn
Chết chẳng dễ dàng
Ta phải sống
Vì ta còn phải chết
Ơi! Những cánh buồm xanh biếc
Ngược dòng ngân - lộng gió
Có phải đang đưa những oan hồn
Về bên Thượng Đế chí nhân?

Thơ Phùng Cung là những gì được vắt ra từ trí não và tàn lực của một người, bị treo giữa đời sống và cái chết, hay nói như chính ông: “Sống quá khó khăn, chết chẳng dễ dàng”. Nó là những tiếng kêu thất thanh nhưng lại chỉ thốt ra trong yên lặng, bằng chữ viết. Những câu thơ người ta có thể phải trả giá bằng mạng sống. Và, quả thật ông đã trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những câu thơ như vậy, chúng ta phải đọc thế nào cho phải đây?

Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung Tô Hoài



Trước bước kiểm thảo, chúng tôi được nghiên cứu và phổ biến lại vấn đề Nhân Văn đã xảy ra năm trước. Sự việc ấy phức tạp cả trong nhiều tầng lớp xã hội ở thành phố, không phải chỉ có mấy cái truyện ngắn, bài thơ trên báo là tất cả. Trong những người dính líu không phải ai cũng đều biết tác động nhuộm màu chính trị lan truyền trong hoạt động đảng xã hội Pháp cũ (Sfio) và những người đang lo lắng lên tư sản hay những người liên quan, con cái và địa chủ các nơi lên về ẩn náu. Lại có ông tuy viên văn hóa Duy rằng con, tay chơi đồ cổ có hạng, nói tiếng Việt như ta, lại có thư luân lưu tổng giám mục Duy lây địa phận Hà Nội dạy dỗ giáo dân sống với quỷ ác, biết nhẫn nhục, ép mình, thư luân lưu lan đến những vùng công giáo cơ sở du kích cũ ở Hà Nam - vẫn địa phận Hà Nội của bên đạo. Các nơi ấy, chín năm kháng chiến không có lễ cho người chết cho trẻ sơ sinh, cho các đám cưới, bây giờ cha cố về làm lễ dòng đã mấy tháng qua các làng chưa hết. Cái họ đạo xôi đỗ làng

du kích Đại Hoàng của Nam Cao cũng trải những việc đạo việc đòi nhiều khê thế. Những người nước ngoài vi phạm an ninh của đất nước đã bị trục xuất. Người có quan hệ với họ, Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo trên đường xuống Hải Phòng bị bắt ở ga Phú Thái. ở hội trường, được phổ biến thế.

Tiếng vỗ tay rào rào. Tôi ngồi im. Tôi ngậm ngùi nhớ hơn mười năm trước, tổ văn hoá cứu quốc chúng tôi bị giải xuống Nam Định. Mật thám đã xong cung, còn nằm nhà giam đợi ra toà. Dối dãi, cả ngày chuyện tào lao, Nguyễn Hữu Đang có một nhận xét chua chát về đàn bà:

- Những thằng ăn nói lém lỉnh như tao, đàn bà không thích. Chúng nó ưa những đứa lờ ngờ một chút, dễ sai bảo. Tao có kinh nghiệm thế rồi.

Nguyễn Hữu Đang ngâm thơ giọng thủ thỉ rất buồn: Nào những ai bày thước thân nam tử. Bón bề chí tang bồng... Ngàn mây bay bồng...

Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt, Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội Văn Nghệ từ trên Tuyên Quang. ở rừng, những việc tẩn mẩn không tên, giấy tờ công văn, giữ sách thư viện, làm sách mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan... Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến. Hồi ấy nhiều người ở đâu vào làm cơ quan, tuy khổ song chắc chân hơn long đong đồ giang chạy chợ.

Nhưng mà cũng là ở đâu yên thân thì người ta tự lại không dinh tề về thành, mặc dầu thật ở nơi đèo heo hút gió lại khác. Báo Cứu Quốc Việt Bắc chúng tôi ở Bắc Cạn có anh bỏ cơ quan ra lấy vợ người Tày trong làng rồi đi cắt tóc, đi sơn tràng. Bây giờ anh Ban ra ngoài làng vẫn còn sống, ở vùng chè Tân Cương trên Thái Nguyên. Tết, tôi thường nhận thư. Phùng Cung từ cơ quan nào dạt đến, không nhớ - có lẽ ở ty thông tin Tuyên Quang. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đạp xe đèo đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn Con ngựa già của chúa Trịnh Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù.

- Thằng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm nên cháo đấy, con ạ.

Phùng Cung cũng điệu đóm và tập tành như tôi ngày xưa, đầu dễ mà có sừng có mỏ ngay. Phùng Cung bị bắt khi nhân văn, nhân võ đã được dọn dẹp yên ắng, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được mấy anh này phong chức tay truyện ngắn nhất Đông Dương. Chắc là la đà chiếu rượu với nhau, ăn nói càng ngổ ngáo ganh nhau, càng bạt mạng. Lại viết tập Dạ ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm.

Tôi không thể tưởng tượng ra được một Phùng Cung thế nào mà bị bắt. Tôi vẫn mơ màng về chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vết vết nặn trứng cá, cứ ngồi bên bàn đọc sách, có lúc gãi gẻ hay lúi húi làm gì, con mắt đỏ đỏ mà tinh, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng cháng cà phê Phúc Châu phổ trên. Hình như Phùng Cung quê ở trung du và nổi nhà địa nhà phú thế nào ấy cũng không bao giờ tôi hỏi.

Lại hơn mười năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng ủ rũ, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được a?
- Cũng không hiểu tại sao, anh ạ.

Từ ấy, thỉnh thoảng có gặp lại. Trước kia tôi đã không biết, bây giờ chẳng muốn đụng đến vết đau. Lại bình thường. Có hôm Phùng Cung nói chuyện ở tù, cứ như chuyện ai, ở đâu. Hồi ấy, thuốc viên rửa, loại độc bảng A rất hiếm, dù đây là dược phẩm của ta. Phùng Cung hỏi và kể luôn:

- Anh có biết sao thuốc hiếm không? Trong viên rửa có thuốc phiện. Người ta mua, gửi cho thằng người nhà ở tù hãm nghiện, cai nghiện. Có đưa uống viên rửa, cả tháng không ỉa được, gãi tuột da, phát điên.

Hôm ấy, chúng tôi đi ăn phở, Phùng Cung trả tiền rồi rủ lên cà phê bà Sính ở Cột Cờ. Tết, Phùng Cung đem biếu chai rượu thuốc. Tôi mừng, cái thằng chớm lao ngày ấy - bệnh lao đã nặng lên trong tù tuy ngày nay không phải là bệnh chết mấy nữa, nhưng vẫn là ho lao. Phùng Cung hỏi tôi:

- Anh có biết tôi phải giam bao nhiêu năm?
- Không biết.
- Vâng, mười một năm tù biệt giam.

Đã tù lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng, một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải bắt. Các anh phụ trách Hội Nhà Văn bây giờ đều là người các khóa mới không chịu trách nhiệm quãng thời gian ấy. Tôi lại phải làm cái việc qua đã lâu rồi.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.

- Chứng nhận để làm gì?
- Có liên tục công tác thì mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục thế ạ.
- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hờn nhiên, chào cảm ơn bác. Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở một xóm trên Quần Ngựa. Nghe nói con cái nên người đã khấm khá, làm được nhà mới. Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký - hay tiếp tục Dạ ký sau hơn ba mươi năm, hả đời? Bảo có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được.

Phùng Cung, ai liệu tảo mộ chiều nay Thụy Khuê

Phùng Cung sinh ngày 18 tháng 7 năm 1928 tại Vĩnh Yên và mất ngày 9 tháng 5 năm 1997 tại Hà Nội, năm năm sau, mùa đông 2003, nhà xuất bản Văn Nghệ California cho phát hành cuốn “Phùng Cung, truyện và thơ”, do Lâm Thu Vân ở Canada chủ trương và tập hợp những sáng tác của Phùng Cung chưa bao giờ được xuất bản. Sách dày hơn bốn trăm trang, gồm hai phần: Phần

truyện có 10 truyện ngắn cùng phụ lục in lại “Con ngựa già của Chúa Trịnh”, đã đăng trên Nhân văn số 4 (tháng 10 năm 1956) và phần thơ là tập “Trăng ngọc” gồm 35 bài thơ làm trong 12 năm tù từ 1961 đến 1972, tại các trại biệt giam Bất Bạt (Sơn tây), Yên Bái, Lào Cai, v.v...

Nói đến Phùng Cung, chúng ta không khỏi nghĩ đến câu hỏi: “Trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, Phùng Cung chỉ là một người viết trẻ, vừa nổi tiếng với truyện ngắn “Con ngựa già của Chúa Trịnh”, vậy tại sao ông lại phải chịu kỷ luật khắt khe 12 năm tù như một tội nhân chính trị, khác hẳn một số đồng nghiệp nhà văn, nhà thơ đương thời đã tham gia Nhân Văn Giai Phẩm. Tại sao?”

“Con ngựa già của Chúa Trịnh” là một tác phẩm đặc sắc, đầy tính ẩn dụ, viết về con thần mã Kim Bông của lão Nông ở Sơn Tây, nó có sức vượt hàng nghìn dặm với cái thể “cao đầu phóng vĩ” của nòi ngựa chiến. Bất cứ cuộc đua nào Kim Bông cũng đứng đầu. Tin đồn đến tai Chúa Trịnh, nhà Chúa bèn cử người đến mua con ngựa quý. Dù luyến tiếc vô cùng, lão Nông bắt buộc phải giao ngựa về kinh. “Kim Bông phi như gió, trả lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn Tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng Long”. Về kinh, Kim Bông trở thành con vật sủng ái của Chúa, chuyên kéo xe hầu nhà Chúa. Sống trong nhung lụa, nó được ngựa trong mã đài ngày ngày chỉ có việc ăn và tắm. Nó được nhà Chúa ban áo mao cân đai, đặc biệt là cái mũ cánh chuồn, như hai chiếc lá đa che tai, che mắt, chỉ để lộ mỗi con người nhìn thẳng về phía trước. Rồi đến lúc can qua, Chúa cần con ngựa chiến dũng mãnh ngày xưa, nhưng than ôi, con thần mã đã quen thói cung đình, bao nhiêu năm bị che tai, bịt mắt, khi tháo mũ áo ra, nó hoa mắt, đầu choáng váng, chân không phóng được nữa. Thần mã cố sức bình sinh, dốc hết tàn lực rồi ngã vật xuống đất, đứt ruột mà chết. Kim Bông tượng trưng cho những thành phần tài năng của đất nước, nhưng khi đã một đời úp mặt phục vụ thế quyền để tìm bổng lộc thì đều trở thành những con ngựa già, vô dụng.

Là một trong những truyện ngắn hay nhất của thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, “Con ngựa già của Chúa Trịnh” mang tính chất ẩn dụ tế nhị kín đáo chứ không đả phá trực tiếp như một số những sáng tác thơ văn thời đó. Phải chăng vì nó mà tác giả đã phải trả nợ 12 năm tù, hay vì những lý do khác, trải dài trong thân thể, tài năng và nhân cách sống của Phùng Cung?

Những tác phẩm in trong tuyển tập Phùng Cung truyện và thơ, viết trong khoảng từ 57 đến 60, tức là trước khi ông bị bắt, và hơn bốn mươi năm sau mới được đến với độc giả, nhưng chúng vẫn giữ nguyên phong độ của những tác phẩm có sức vượt thời gian. Đó là những đoạn thiên hiện thực viết về những kiếp người như lão Thiều trong Mạt kiếp, sống trong cái đói triền miên, lão đục đáy cốt ngô để ăn cắp, bị ngô tươi xuống đê chết. Truyện Mạt kiếp, là một trong những truyện ngắn thâm nhất về cái đói của con người.

Ngay dòng đầu, không khí bạo lực đã hực lên trong một mạch văn có chất họa và chất nhạc, đầy khí phách và quyết liệt : “Chiều xuống chói với trên đầu làng Chu Trần. Một con chó vàng nhạt, hơi gầy đứng trên bờ đê ngهن phía tây nam nơi mặt trời như một chậu máu, loang vãi từ đỉnh Ba Vi hắt lại. (...)

Thình lình tiếng tù và rúc ba hồi dữ dần từ cầu Đạc Ba -điểm tuàn của làng- gió tiếp âm, gom tiếng dữ trình làng. Mấy nhà gần điểm còn nghe được cả tiếng “hự hự” của kẻ phạm pháp đang chịu đòn bằng đám đá, lên gối vào ngực, vào bụng. Nghe đủ tiếng động, đàn chó làng cất tiếng tập thể tru lên một lúc rồi im bật, quý hồ đủ tư cách chó, bởi dẫu có mỗi mồm cũng chẳng ăn nhằm gì.” (trích Mạt kiếp, trang 27).

Đó là khúc chó tru dạo đầu cho thân phận lão Thiều. Thiều không phải tên của lão, lão tên là Vị, Thiều là tên đứa cháu ngoại. Lão có một quá khứ tù mù, có thể trước lão đã có thời chân đi giày “săng đá”, đầu đội mũ chào mào khổ xanh, khổ đỏ thật, nhưng bây giờ lão thân tàn ma dại, vợ lão

bỏ hay vợ lão chết cũng không ai biết. Lão phải ở nhờ nhà con rể cũng đến cả chục năm rồi. Ăn uống lão phải tự túc. Gặp lúc nhà người ta có việc gọi đến, lão còn được miếng no. Nhiều ngày chẳng ai đoái hoài, lão đói rã họng, đành thậm thọt vụng trộm củ khoai, bắp ngô của làng. Bị tuần bắt được trói gô vào cột đình đánh, lão chày mặt ra chửi đổng. Lão nghĩ bụng “no nên bụt, đói ra ma”, “ngũ cốc còn ghê hơn thuốc phiện, chưa rã họng chưa biết!”, “trên đời này ông sợ nhất cái đói, ông khinh nhất cái đói, ông căm thù nhất cái đói” (trang 31). Lão Thiều ăn nói phạm thượng rất Chí Phèo; Chúa, Phật lão chả coi ra gì, quỷ ma thần thánh lão cũng theo tuốt miễn là có cái gì bỏ vào miệng. Lão làm tất tần tật, từ việc đánh thần trùng, bốc má, nhảy xuống ao cứu trẻ chết đuối, không từ một việc nào. Vì cứu trẻ ở xóm đạo, lão đã được mang tên thánh Phê Đô Vị, rồi xóm đạo hết việc, lão mon men đến chùa, giúp bà vải đốn tre, cạp rổ cạp rá... Lão đã trải hết các “thời”, vậy mà “ngày tháng lão lại vẫn lênh đênh trong bể trần đầy thèm khát”. Cho tới cái năm ấy. Lão cố nhớ lại: “Năm ấy là năm gì nhỉ? Nước sông Hồng vua Thủy dâng to hơn mọi năm nhiều. Nước tràn lên đánh úp bờ bãi, cướp trắng hoa màu chưa đến tuổi thu hoạch, đe dọa đe điều đe dọa cả một vùng đói kém!” (trang 56). Chẳng biết lão Thiều có ý nói kháy đến cái đói năm nào năm nào trùng hợp với biến cố lịch sử nào không. Dám lắm, mồm mép lão còn nể gì ai. Nhưng dù sao thì lão cứ nhấn mạnh vào cái năm thổ tả ấy làm cho người ta đắm nghi ngờ, năm ấy, lão Thiều đến bước đường cùng, lão thoá mạ cái đói “Mày đang tâm biến người thành chó, chó thành người!” (trang 67). Lão bèn tính một nước cờ chót, lão lợi lựu vào tận đáy cốt ngô của nhà Tư Tâm, đục cốt cho ngô chảy xuống, lão hứng bằng hai ống quần, nhưng không ngờ, ngô chảy mạnh quá. “Đói, lạnh, nặng, cả ba lực giáp công, lão không sao góc đầu lên được. Chỉ trong chớp mắt lão ngihm hẳn”. Truyện Mạt kiếp, được viết với một giọng văn lạnh lùng, châm biếm, hài hước hoá nghịch cảnh khá tài tình và đó là nghệ thuật trình bày cái bi đát trong thân phận con người sâu sắc nhất. Lão Thiều bị cái đói nghiền nát nhân phẩm, lão cố góc đầu lên để được sống làm người, sống như người nhưng cuối cùng lão cũng bị quật ngã, bị tiêu diệt.

Biệt tích là truyện ông Lâm, một người thợ mộc, không thể hội nhập được với “đời sống mới”. Nói đúng ra thì người thợ đầy lương tâm và nhân cách này không thể chấp nhận lối “ăn thật làm dối” trong cái “đời sống mới” này được. “Vớí phó Lâm, tua, mộng là tuyệt kỹ, khi vào mộng, không tháo ra, chêm lại làm đau gối!” (trang 155). Nhưng bây giờ ủy ban lại ra lệnh cho phó Lâm phải làm nhanh, phải đóng bàn không có tua, có mộng gì cả, chỉ ghép lại bằng đinh năm phân, chặt bỏ mũ, đóng ngậm là đủ. Ông chủ tịch xã ra lệnh:

“- Cứ mẫu ấy mà đóng!

(...)

- Dạ! Thưa ủy ban không làm được ạ!”

Phó Lâm cứ lẩm bẩm trong miệng những: dạ thưa, không làm được ạ, dạ thưa, khó quá ạ.... cho tới lúc bị ủy ban đuổi về.

Ít lâu sau, phó Lâm đi đâu biệt tích...

Có người đồn rằng họ thấy phó Lâm, vai vác rìu, tay xách hòn đục đi ngược dòng sông lên núi Tân Viên. Phó Lâm đi trên mặt nước mà như người đi trên đường vậy. Bà Lâm được tin lạnh cả người! Ở đây ai cũng biết chuyện đức Thánh trên đỉnh núi Tân cứ ba năm lại một lần xuống núi tìm thợ giỏi lên sửa điện đài trên ấy. Bà Lâm chờ chồng ba năm, rồi sáu năm, rồi chín năm... không bao giờ thấy chồng trở lại, bà chọn tháng bẩy ngày rằm “xá tội vong nhân” làm ngày giỗ chồng.

Biệt tích có những nét thần thoại mơ hồ và đầy ẩn dụ về một thời mà sự mất tích, biệt tích của con

người có nhiều ý nghĩa mờ ám, tối tăm và những giá trị đạo đức nghề nghiệp không còn chỗ đứng trong sự lên ngôi của dốt nát, lười biếng, cầu thả. Phó Lâm chỉ muốn bảo tồn đạo đức nghề nghiệp của mình, nhưng không thể được và cuối cùng Phó Lâm đã phải về trời, về với thần núi Tản, để được tự do sáng tạo, giữ trọn phong cách của một nghệ nhân chân chính.

Một phách đặc sắc nhất trong mười truyện. Một phách viết về thời kỳ cấm ca trù, đập đàn đáy, chôn phách, vì, người ta cho rằng: “từ nay cái nghề ca trù càn rỡ đồng dài phải tự tay đào sâu, chôn chặt, không để nắm mồ, không luyện tiếc” (Một phách, trang 204).

Truyện vợ chồng kép Tư Chấn và Đào Khuê, cả đời gắn bó với cây đàn tiếng hát, không khỏi gọi nhớ đến Cô Tô và Chánh Thú trong Chùa đàn của Nguyễn Tuân. Ông bà Tư Chấn có hai con, một trai một gái, chỉ mong sao cho chúng sau này lớn lên nối tiếp nghề tổ để một đời có đủ cơm no áo ấm. “Thằng Thuyên, con trai độc nhất, khi nó mới biết lẫy, ông đã nắm ngấm bàn tay của nó và lấy làm mãn nguyện. Ngón tay dài, ắt hẳn dài hơn tay bố, mai này nhẹ nhàng nhún, vuốt dây tơ...” (trang 205).

Ngoài thằng con trai, Tư Chấn chỉ còn cây đàn là quý: “Đàn này của cụ Kép thân sinh của Tư Chấn để lại. Cụ kép Điều đã thành người thiên cổ; khi cụ Kép chọn gỗ, thuê thợ Kim Sa đóng cây đàn này lúc Tư Chấn mới tám tuổi. Đáy đàn bằng gỗ dâu vàng, cần đàn bằng gỗ xàng chun, trục vặn bằng gỗ sưa. Phần trên của đáy đàn, hai khoáy gỗ đối nhau như hai con mắt. Cây đàn lên tiếng ngân vang gần một nửa thế kỷ.(...) Ba ngôi âm thanh của đàn đáy “Tiếng tòng! tiếng dụng! tiếng dên!” hợp thành đưng trong bầu đáy; nhà nghề gọi là “hồn đàn bắt tử!”

Tư Chấn quan tâm đến cây đàn nằm đây như nâng giắc một người cha ốm. Trên bàn thờ sát vách bên trái, - cố để khuất mắt người lạ - cây đàn được nằm trong tư thế, dày, trục nghiêm trang. Trên đáy phủ tấm khăn the màu hoàng yến, nay đã ngả màu lồi mịt che bụi và che tất cả.

Ngày nào ông cũng hai lần nâng tấm khăn, nhìn kỹ toàn cây đàn. Sóc, vọng hai lần mỗi tháng; vào buổi tối, ông đều lau bụi, và bàn tay lại chạm khế lên dây tơ, lắng nghe tiếng xa xưa vọng lại. Ông đứng ngẩn ngơ, quên, nhớ, mông lung. Trước khi quay lưng ông không quên chấp tay thành kính vái cây đàn đủ bốn vái.” (Một Phách, trang 207-208).

Rồi thời thế thay đổi, thằng con trai lớn lên đi bộ đội cầm súng thay đàn...

Vợ chồng Tư Chấn “nhớ dòn thương góp”, âm thầm lấy đêm 17 tháng 8, cúng tổ tiền thu. Họ chờ lúc trăng khuya, công đóng then cài, tìm lại nghề cũ, tiếng đàn chen tiếng phách, nổi chìm giọng ngâm tha thiết của những đêm xưa... Khúc “Cung bắc” đang chơi vui như đồ chưa cập bến. Bỗng tiếng chó sủa rộ từ phía nhà thím Vượng hắt sang. Đàn phách im bật. Hai linh hồn đang rong ruổi quá khứ vụt trở về thực tại. Chó vẫn sủa dai dẳng. Ngờ đâu tiếng tơ, tiếng phách đã leo rào, lọt đến tai người, va vào miệng chó”. (trang 210). Từ đêm đàn ca bất hạnh vụng trộm đó, hai vợ chồng nơm nớp lo sợ, sợ người và sợ chó, sợ chó dưới dạng người.

Và chuyện gì phải đến đã đến. Chính người con trai duy nhất của họ, đang đợi được kết nạp vào Đảng, đã đứng ra xử lý cây đàn, Thuyên khẳng định: trước mắt, đòn địch là cây đàn đáy và như một chiến sĩ, Thuyên xông vào tóm lấy cây đàn “Thuyên hăng hái nhẩy tới bên cạnh bàn thờ, tóm lấy cây đàn đáy - Cây đàn va vào vách “Cang!” một tiếng từ đàn đáy vọng ra như tiếng kêu cứu thất thanh của một tội nhân đến giờ hành quyết” (trang 233). Kêu cứu thất thanh cũng vô ích, cây đàn không thoát khỏi định mệnh oan trái của mình. Sau khi bị đập tan tành nó được dùng làm củi nấu nước tắm cho cậu quý tử: “Lửa cháy vù vù dưới thùng nước tắm. Ông Chấn đang loạn bước ngoài ngõ, ngoài vườn, xéo nát cả luống rau mới cấy. Tai ông nghe lửa réo và ngửi thấy mùi đàn cháy khen khét như một vật có xương có thịt. Ông thẳng thốt nghe rõ tiếng đàn từ trong cháy phi

ra. (...) Ông hỏi vợ có nghe tiếng gì không?” (trang 234).

Và từ đấy, ông cứ trầm trầm đi tìm lại tiếng đàn, mấy tháng sau ông mất. Bà Chấn chọn ngày cúng chồng rồi tìm miếng lụa liệm cổ phách quý của mình, nó tên là Kim phách. Kim phách cũng có một sử thi lầy lừng không kém cây đàn đáy của chồng. Bà mai táng Kim phách trong ngôi mộ chôn cạnh bờ ao.

Mộ phách là một trong những truyện ngắn hay nhất mà chúng ta có thể đọc được trong những thập niên gần đây. Tác phẩm ngân lên như một khúc nhạc cổ điển ai oán, não nề, nó là bài điệu văn cho thi ca, cho âm nhạc trong một thời mà nghệ thuật đích thực không còn chỗ đứng. Với Mộ phách, Phùng Cung đã để lại một chứng từ, một âm giai không bao giờ tắt với thời gian về cái chết bức tử của cây đàn và sự thủ tiết của cổ phách.

Trăng Ngục

Như trên đã nói, hầu hết những truyện ngắn của Phùng Cung đều được viết trước 1960, thời kỳ chưa bị bắt, có lẽ vì vậy mà nhà văn còn giữ thái độ tương đối ôn hoà, ông dùng rất nhiều hình thức ẩn dụ để nói lên bộ mặt thực của đời sống hàng ngày. Tuy vậy, những vấn đề mà Phùng Cung đưa ra, thường có tính cách xoáy sâu vào nền tảng của chế độ cực quyền, mà thực chất dựa trên sự kiểm soát gắt gao mỗi hành động của người công dân. Một mặt khác, tư tưởng của Phùng Cung, không chỉ khoanh vùng trong sự đã phá chế độ chính trị mà còn mở rộng ra nhiều lãnh vực, đặc biệt trong phạm vi chống chiến tranh, đã phá sự kích lệ lòng căm thù, đã phá chính sách tuyên truyền giục giã con người xung trận và đó là điều ông trình bày rất rõ, trong thơ.

Điểm khác biệt sâu xa giữa Phùng Cung và phần lớn những thành viên trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm và tất cả các nhà văn nhà thơ miền Bắc có lẽ là ở chỗ ấy.

Bởi hầu như tất cả đều chấp nhận cái lý tưởng chung ở miền Bắc thời ấy là “*giải phóng dân tộc*”, nói đúng hơn là thống nhất đất nước bằng mọi giá xương máu; chỉ có một vài người như Phùng Cung... ở ngoài Bắc và Trịnh Công Sơn... trong Nam, nhìn thấy tính cách bạo tàn của chiến tranh nòi da xáo thịt và họ đã cất tiếng thơ, tiếng hát, hát cho những xác người. Sự phản đối chiến tranh của Trịnh Công Sơn, thời ấy được một nửa nước say mê, tôn thờ. Còn sự phản chiến của Phùng Cung đã bị vùi sâu trong ngục thất, rất có thể là vì nó mà tác giả đã phải trả giá 12 năm tù, hoặc vì những lý do khác, trải dài trong thân thể, “*lý lịch*” của Phùng Cung.

Nhưng trước khi đi xa hơn, có lẽ chúng ta nên tìm hiểu sâu hơn về thân thể, lý lịch của Phùng Cung.

Phùng Hà Thủ, nay cũng đã qua đời, kể lại trong bài viết “*Nhà thơ Phùng Cung*” như sau: “*Là con trưởng của một gia đình đông con và giàu có. Ngay từ lúc nhỏ, bố tôi đã được cha mẹ gửi trọ học ở Sơn Tây. Đến khi Nhật đảo chính Pháp mới trở lại quê nhà. Khi cách mạng nổi dậy cướp chính quyền (9-1945), vốn tuổi trẻ, năng nổ lại là người có văn hoá, bố tôi được dân bầu làm chủ tịch liên xã Hồng Châu - Liên Châu năm mới 17 tuổi. Và tên của địa phương do bố tôi đặt vẫn còn giữ cho đến tận bây giờ. Làm chủ tịch được vài năm thì “phá tề”, thực dân Pháp quay trở lại càn quét tái chiếm, bố tôi phải trốn lên chiến khu Việt Bắc và kéo theo mấy em trai còn ít tuổi theo cùng. Tại quê nhà, gia đình họ hàng bố tôi gồm bố, mẹ và các anh chị em khác đều bị liên lụy vì có con trốn đi làm cách mạng.(....)*

Trong suốt thời gian tham gia cách mạng, bố tôi ít có điều kiện trở lại quê nhà (...). Một lần nhân dịp Tết Nguyên đán, về thăm gia đình, thấy cảnh tượng cửa nhà, ruộng đất bị chia cướp, phá phách. Ông nội tôi rất lo lắng vì gia đình đang sợ bị quy là thành phần địa chủ cường hào. Bố tôi có an ủi động viên ông: “Con đi làm cách mạng, thoát ly đã lâu thì thế nào gia đình mình cũng

được chiếu cố. Cùng lắm là nhà nước lấy lại hết ruộng đất chia cho người nghèo hơn, bố cứ yên tâm, đừng lo lắng gì cả, vả lại bố cũng nhiều tuổi rồi”. Nhưng thật không ngờ, sau đợt về thăm nhà và trở lại cơ quan được ít lâu, thì bố tôi được tin gia đình bị quy là địa chủ cường hào ngay trong đợt phát động tiếp theo. Thực ra, ông nội tôi là người sống rất phân minh và tốt bụng, rất quý người và không ai trong số họ đứng ra tố cáo ông cụ. Sau khi bị tổ chức đấu tố tại địa phương mất mấy ngày, ông cụ lại tiếp tục bị bắt đưa đi giam ở trại Cò Nỉ - Thái Nguyên. (...). Trong một lần kết hợp đi công tác, bố tôi có tìm lên thăm và những mong gặp mặt để tiếp tế cho cụ. Nhưng tới nơi thì được một người bạn tù già cùng lán với cụ, chưa kịp nói câu nào vội vã dẫn bố lên khu đối trọc phía sau trại giam và chỉ cho bố lùm đất mà ngọn sắn làm dấu mới héo lá. Quá bất ngờ trước cái chết của ông cụ, bố tôi quay ngay về Hà Nội, rất buồn, suy nghĩ nhiều và tránh tiếp xúc với bên ngoài.

Năm 1956, một nhóm văn nghệ sĩ gồm những người tham gia kháng chiến cũ tập hợp nhau đứng ra thành lập báo Nhân Văn và Giai Phẩm. Ông Nguyễn Hữu Đang đến gặp và bảo bố tôi tham gia viết bài. Truyện Con ngựa già của chúa Trịnh đăng trên báo Nhân Văn ngay sau đó.” (Phùng Cung truyện và thơ, trang 16- 17).

Như chúng ta đã biết, rồi báo Nhân Văn ra được sáu số thì bị đình bản. Trong thời kỳ này, Phùng Hà Thủ kể tiếp: “Cũng trong thời gian này, bố tôi bị đình chỉ công tác để làm kiểm thảo. Bố tôi ít đến cơ quan và chỉ viết lách ở nhà, (...).

Một buổi sáng như thường lệ, khi mẹ tôi đi làm (lúc đó hai anh em tôi còn nhỏ, chưa đến tuổi đi học), thì ở nhà, căn hộ mà gia đình tôi ở bị công an mang xe ô tô đến vây bắt khám xét. Sau khi khám nhà và tịch thu toàn bộ sách vở, tài liệu, bố tôi bị đưa ngay vào giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Đó là tháng 5, 1961. Kể từ ngày đó mãi cho tới thời gian chuẩn bị ký hiệp định Paris, tức là 12 năm sau, bố tôi mới được tha về nhà. Thời gian đầu bố tôi bị giam ở Hỏa Lò, sau đó đưa lên Bát Bạt (Sơn Tây), rồi Yên Bình (Yên Bái), Phong Quang (Lào Cai).

Bố tôi bị bắt và giam giữ nhưng không có án mà gọi là đi tập trung cải tạo (...). Khi bố tôi mới bị giam giữ thì nghe nói thời hạn tập trung là ba năm, sau đó là sáu năm và chín năm hơn cũng chẳng thấy được tha về.”(trang 18).

Qua lời chứng của Phùng Hà Thủ, chúng ta được biết, tháng 11 năm 1972, Phùng Cung được tha về cùng với hai người nữa là Ông Vũ Thế Hùng bên Công giáo và ông Doãn Tĩnh trưởng Vĩnh Yên cũ. Bài viết này làm lộ một số uẩn khúc trong cái án không có án của Phùng Cung và làm sáng tỏ thái độ tư tưởng của Phùng Cung.

Tập thơ *Trăng Ngục* biểu hiện cho chiều hướng tư tưởng đối lập đầy chất bất khuất, tác phẩm chứa đựng những lời thơ mạnh, khẳng khái, “có chất thép”, như những mũi dao nhọn đục thủng màng lưới bủa vây nhà thơ, chọc thủng bức tường tù tội, để lộ diện con người tự do, sẵn sàng chịu trả giá cho hành động và tư tưởng của mình.

Vào đầu là bài *Biển cả*, làm tại trại biệt giam Bát Bạt năm 61. Nhà thơ ví chế độ cực quyền như biển:

Biển cả khoác triều phục đại dương
Họm mình - uy nghi đồ sộ
Song đòi phen
Nghiêng ngửa- đáng thương (...)

Hỡi biển cả !

*Diện tuy rộng
Nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy xanh - sâu
Xanh sâu đầy mặn chát....*

*Nộ cuồng sóng vỡ
Trống trải bơ vơ*

*Chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ...
Ôi! Bao yên lặng thanh cao
Đều chìm
Trong thét gào man rợ...*

Đối diện với một thế quyền vũ bão như thế, con người là gì? Phùng Cung trả lời:

*Biển cả mệnh mông
Như biển cả
Trước mắt trẻ thơ
Mỗi tinh cầu
Chỉ là chấm nhỏ
Càng tối đen càng nhìn rõ xa xanh.*

Lời thơ hào hùng bày ra trước mắt chúng ta hai thực thể: một bên là cái thế quyền lồng lộng, khoác triều phục đại dương, mệnh mông như biển cả, sẵn sàng vùi sâu mọi sinh linh, nhưng trước mắt đứa bé, thế quyền lồng lộng ấy là gì?

- Chẳng là gì cả, nó chỉ là con số không, bởi vì, dưới mắt trẻ thơ: “mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ, càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh”.

Và đối với người lớn - người lớn ở đây là những con người bất khuất, trải nhiều đau khổ, đã chịu những đè nén nhục nhằn, nhưng không hề quy phục - thì họ làm gì?

*Thì nhắm mắt
Thì bung tai
Nhưng phải đâu khiếp sợ
Chỉ điếc đui vừa đủ
Để làm ngơ.*

Giọng thơ hào hùng, phù hợp với tinh thần kẻ sĩ của một thời, thời Nhân Văn Giai Phẩm, nay không còn nữa.

Bài *Biển cả* tung ra trên trang đầu tập thơ *Trăng Ngục* như một thách đố đầy tính cách trí tuệ, gói gọn triết lý tương đối và trung dung của tác giả, đòi hỏi sự hài hoà trong vũ trụ, đòi hỏi quyền sống cho những cái nhỏ, bên cạnh cái lớn, đòi hỏi sự bình đẳng không những về mặt chính trị văn hóa mà cả về thiên nhiên môi trường để cùng nhau hiện hữu.

Vẫn giọng hào hùng ấy, tiếng thơ không dứt được lãng mạn của tình riêng, bài *Trăng Ngục* chỉ có vài câu, nhưng đã tập trung tất cả những tái tê bất hạnh của người tù, tình tù mà chỉ có vàng trắng, chỉ còn vàng trắng, vàng trắng thay áo, vàng trắng là người bạn tri kỷ để nhà thơ tâm sự:

Trăng qua song sắt
Trăng thắm ngục
Bỗng ta chợt tỉnh- sững sờ
Trên vai áo tù
Trăng vá lụa
Ngày xưa ơi!
Xa mãi đến bao giờ...

Hình ảnh “trên vai áo tù trăng vá lụa” thật đẹp, thật êm ái, thật tri âm tri kỷ, đó là sự hài hòa giữa cái lớn và cái nhỏ, giữa xa và gần, người và trăng, biển và người như nhà thơ thắm ước, trong bài biển cả, nhưng không thấy biển cả trả lời mà chỉ có vầng trăng đáp lại.

Phản chiến là tư tưởng chủ yếu trong tập *Trăng Ngục*. Phản chiến toàn diện, bất cứ “*thể loại chiến tranh*” nào. Trong bài *Gãi đất* Phùng Cung gọi những kẻ chủ trương chiến tranh là bọn:

Lái buôn binh lửa
Ôi! binh lửa triền miên
Tuổi trẻ gái- trai
Bị lôi đi- hết
Dờ dật sức già gãi đất.

Chiến tranh nào cũng chôn hết những tài hoa anh hùng, chỉ để lại người già ngồi gãi đất.

Bài *Thu xa* viết nên những lời tâm sự tha thiết của người chinh phụ trong chiến tranh, *Thu xa* đẹp như một giấc mơ cổ điển của thời nay, với những yếu tố, vần điệu đầy những nét thơ mộng của thời xưa:

Gió vàng đếm lá vàng rơi
Mười hai bến nước
Em ngồi quay xa
Xa quay gấp
Làn tơ vợi đứt
Em nhủ lòng
Tơ đứt vì xa
Tơ vương vó ngựa quan hà
Xa in dấu ngựa
Canh gà gọi thu
Quan hà lộng gió chinh phu
Rừng thu tẩm máu
Máu thu gọi chiều
Tơ vàng nhỏ giọt lệ điều
Đăm đăm tay vẫn chiều chiều quay xa
Xa quay nhẹ
Làn tơ vẫn đứt
Em hỏi lòng
Tơ đứt vì đâu
Sông ngân lở bắc nhịp cầu
Mà người trần thế
Mang sầu thiên cung.

Có lẽ trong các thi sĩ Việt Nam, nhất là miền Bắc, chưa ai dám dấn động đến “*chính nghĩa của cuộc*

cách mạng giải phóng dân tộc” như thế. Đó là một “*chân lý tuyệt đối*”, đụng đến khói hương là trở thành “*phản quốc*”, cho nên chưa ai dùng hoặc dám dùng những hình ảnh đẹp và khốc liệt như “*Rừng thu tẩm máu, máu thu gọi chiều*”, để viết về một mùa thu như thế. Rồi tất cả những chữ khác như quay xa, tại sao nhà thơ lại viết “*quay xa*” mà không viết quay tơ, bởi vì chữ xa nhập nhoè nhiều ý nghĩa: xa vừa là bánh xe của guồng tơ guồng cửi, xa còn là bánh xe chiến tranh, chiến xa, xa còn là xa lia đứt đoạn. Người chinh phụ thời mới này, không chỉ là nạn nhân của chiến tranh, chịu hậu quả của chiến tranh như những người chinh phụ thời xưa, mà chính nàng cũng góp phần vào bộ máy chiến tranh, nàng cũng quay bánh chiến xa, nàng cũng “*tẩm máu rừng thu*” như chồng. Đó là cái nhìn táo bạo và độc đáo của nhà thơ, người đã sáng suốt nhận thức được trách nhiệm mỗi cá nhân trong chiến tranh, nam cũng như nữ. Phùng Cung không chỉ dừng lại ở đây, để truy lùng thủ phạm chiến tranh, ông còn đi sâu hơn, ông đã đụng đến cả những biểu tượng được tôn sùng nhất:

*Cờ máu rợp trời
Lợm gió!
Tiếng quốc thiều tăng âm
Cực đại thét gào
“...Thề phanhtây uống máu!...”
Ta lũng trong kho nhớ
Nhắm biên niên sử
Xin hỏi loài người
Có quốc thiều nào man rợ thế không?*

Bên cạnh những lời hỏi tội tày đình như vậy, là những lời thơ trữ tình đằm lẹ, bài Quê hương, đưa ra một hình ảnh đất nước tang thương đầy máu và nước mắt:

*Quê hương ơi!
Đường quan lầy nước mắt
Điệu sáo hết du dương
Mây chìm
Gió ngủ (...)
Sông sâu bật tiếng gọi đờ
Chim hãy cùng ta
Gọi cảnh xanh ngóc dậy
Để một lần
Quê hương thấy lại quê hương
Ráng chiều ngụy tạo bình minh
Lá thuyền tình
Chỉ lênh đênh giữa dòng.*

Trên mảnh đất quê hương này, dưới mắt nhà thơ, chiến tranh không chỉ là những tiếng thúc giục giã lên đường, không chỉ là những tiếng hô thảng trận, mà đằng sau tất cả những cờ xí rợp rã đó là bộ mặt kinh hoàng của thần chết:

*“Phát lệnh chia bơi...
Ngọn gió giao liên
Gửi tiếng xa gần
Trống phát dẫn
Gia nô thần chết cầm dùi
Dám dúi vùi nông
Chiều bạc mệnh*

*Khói hương ơi!
Đền miếu tan rồi!...
Năm tận tháng cùng
Hòng hồng mong thư tuyền lửa”.*

Những hình ảnh chết chóc cứ sừng sững và rũ liệt đi vào lòng người đọc như thế. Những cái chết “không trẻ” “không mới” như hình ảnh “người chết hai lần” của Trịnh Công Sơn (ra đời cùng thời với thơ Phùng Cung, nhưng ở phía Nam). Thơ Phùng cổ điển hơn lời ca của Trịnh, có lẽ vì Phùng lớn tuổi hơn, vì không cùng một hệ suy tưởng, cho nên thơ Phùng đạo đức “gia tiên” hơn nhạc Trịnh. Tuy cùng viết về một nỗi đau, nhưng Bắc Nam giọng điệu có khác, Phùng Cung viết:

*Bấm đốt ngón tay (...)
Nhớ người thiên cổ
Cạn máu kho thiêng
Kho thiêng rạn vỡ
Tiếng gia tiên
Thôn thức dưới mồ
Những lúc chim về
Tím lịm chân mây
Ai liêu tảo mộ chiều nay
Mà hương tảo mộ bay đầy hoàng hôn.*

Và để tạm biệt Phùng Cung, chúng tôi gửi đến các bạn bài thơ Vay tuổi, như một điệu văn những linh hồn trẻ đã mãi mãi nằm xuống, và cũng để khâm liệm tâm hồn những bà mẹ già trong đêm tối bạc đầu vì nhớ thương, hương khói:

*Con vừa mười sáu tuổi đời
Nửa đêm vay tuổi lấy người chiến tranh
Đèn con tiến đến cổng đình
Quay về hụt bước ngỡ mình chiêm bao
Khe Sanh- Dốc miếu là đâu
Vắng con nhớ đến bạc đầu cô đơn
Máu chiều gọi đỡ hoàng hôn
Nghĩa trang mồ giả, nắm xương không mồ
Đồng chiều gió tím mấp mô
Nén hương đẹn khói, mấy mùa khóc vay.*

Dưới mồ, dường như có tiếng Phùng Cung nhắc lại: thanh niên ơi! Đừng bao giờ chọn giải pháp chiến tranh cho đất nước này.

tháng 3, 2004

Phùng Cung giữa trăng sao và mộ chí Tường Năng Tiên

*Trăng qua song sắt
Trăng thăm ngục
Bỗng ta chợt tỉnh – sững sờ
Trên vai áo tù
Trăng vá lụa*

*Ngày xưa ơi!
Xa mãi đến bao giờ...
(Trăng Ngục – Phùng Cung)*

Những người không uống rượu thường (hơi) nhạt nhẽo. Tôi ít khi giao du với họ. Ông Nguyễn Mộng Giác là một người như thế. Bởi thế, trong suốt thời gian ông ấy còn sống độc thân (tại chỗ) chúng tôi chỉ ngồi lâu được với nhau – đàm thắm và tương đắc – chỉ độ mười lần. Có lần, ông Giác có tâm sự chi buồn, và (chắc) buồn ghê lắm. Thoáng thấy tôi, đương sự mừng ra mặt, lật đật lôi đâu ra một chai rượu bự, và hào sảng rót ngay ra hai ly đầy ắp. Sau vài lần cạn ly đầy (rồi đầy ly cạn) thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác (bồng) biến thành một... nhà thơ. Ông cao giọng đọc thơ Phùng Quán:

*Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phần uất ...*

Rồi trầm giọng bình thơ Khoa Hữu:

“Thơ không còn là món trang điểm đua tranh sức chói lọi nơi cung đình. Thơ không còn là món đưa cay trong những cuộc say túy lúy. Thơ không còn là cái áo giáp cho người ta phùng xòe trước đám đông và che dấu những thân thể suy nhược. Thơ không còn là khẩu hiệu cho những cuộc biểu dương lực lượng... Thơ là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” (*)

Coi: mới hết có nửa chai mà thằng chả đã “xin” hết biết luôn! Thay vì nói rằng “tiền là chiếc nạng vững chắc cho người già, là chỗ dựa cho những người thất thế từ đó đứng lên làm lại cuộc đời...” thì ông Nguyễn Mộng Giác nói lộn thành “thơ”. Ở đâu mà ra cái thứ thơ văn bánh bao và ngon lành (quá cỡ) như vậy, cha nội?

Tôi cũng thường xuyên uống quá chén, và nói quá lời như thế, nên chả bao giờ bận tâm đến những câu phát ngôn (ấu tả) theo kiểu đó. Tưởng đâu là nghe qua rồi bỏ, và sẽ quên luôn, như thường lệ. Tưởng vậy mà không phải vậy.

Hôm rồi, từ Canada, chị Lâm Thu Vân ghé qua California và có cho tôi tập Truyện Và Thơ của Phùng Cung (**). Tôi đọc gần hết đêm, rồi thức luôn tới sáng chỉ vì (chợt) nhớ lại những câu thơ mà Nguyễn Mộng Giác đã lớn tiếng ngâm nga mấy năm về trước:

*Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phần uất ...*

Bữa rượu hôm ấy, không chừng (dám) tôi say chớ không phải là ông Giác. Nhận là mình uống say, hay viết dở, là điều (hơi) khó đối với rất nhiều người – trong số đó có tôi. Dù vậy, xem xong thơ Phùng Cung tôi không chối được rằng:

*Sứ mệnh thơ ơi
Trong sáng tuyệt vời!*

Thơ quả đã giúp cho Phùng Cung sống sót, sau những năm dài tù ngục, và là chỗ dựa cho những người thất thế (như ông) đứng lên làm lại cuộc đời.

Và cuộc đời te tua, tả tơi, bầm dập của Phùng Cung cũng khiến tôi thốt nhớ đến những người cầm viết khác – cùng thời với ông – những kẻ đã dựa vào thơ văn chỉ để kiếm chút công danh, hay bổng lộc. Theo giáo sư Nguyễn Huệ Chi, sở dĩ ông Trần Thanh Mại được mời về làm cột trụ ở Viện Văn Học là nhờ vào công lao chống... Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Tuy nhiên, trong cuốn Trần Thanh Mại Toàn Tập (Văn Học xuất bản năm 2004) người ta đã không thấy có in lại những bài viết đấu tranh quyết liệt và nẩy lửa này.

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã nhắc đến sự “thiếu sót” đó với (đôi chút) mỉa mai:

“... toàn tập chỉ là những gì còn ‘ăn khách’ được với hôm nay? Còn những ‘miếng xấu hổ’ ‘khạc chẳng ra nuốt chẳng vào’ thì thôi, đành theo ý ai đấy giấu nhem đi để người ta quên đi một thời người cầm bút phải thoá mạ nhau tui bụi ‘cho vừa lòng bề trên’ ... Có lẽ như thế cũng là cách xử sự hữu lý chăng?”

Giời ạ! Trường sao chứ như thế thì có gì đâu là lạ. Trước đó 20 năm, năm 1984, người ta cũng đã chứng kiến cách “xử sự cho vừa lòng bề trên” (gần như thế) trong Tuyển Tập Xuân Diệu:

“Nếu khi khai sinh, nhiều bài thơ của ông có lời đề tặng ở bên cạnh như *Đi thuyền tặng Khái Hưng*, *Đây mùa thu tới tặng Nhất Linh*, *Vô biên tặng Hoàng Đạo* thì trong công trình mà ông đích thân tham gia chuẩn bị là *Tuyển tập Xuân Diệu* ở trên vừa nói, những giấy mơ rề má đó được ông xoá sạch.”

“Sợ liên lụy vì những người bạn cũ, trong các tài liệu chính thức, chẳng hạn, tiểu sử bản thân, đề ở đầu *Tuyển tập Xuân Diệu* (mà đọc kỹ thấy đúng giọng ông, tức do ông tự tay viết ra) nhà thơ giấu biệt chuyện mình đã từng là một thành viên của *Tự lực*”

“Và có lẽ chịu sự chi phối của ông – những lời năn nỉ thiết tha – nên các tài liệu nghiên cứu về ông, các giáo trình đại học viết về văn học trước 1945, hoặc trong *Từ điển văn học* in ra năm 1984, chuyện này cũng được lờ đi hoàn toàn.”

“Đúng là *Xuân Diệu* chưa kịp viết hồi ký. Nhưng giá có viết nữa, thì chắc ông không định viết tiểu sử như ông có thực, mà sẽ chỉ viết tiểu sử của ông như nó nên có, như ông bạn đọc biết”. (Vương Trí Nhàn, *Cây Bút Đồi Người*, Phương Nam Corp., 2002, 319 -320).

Xuân Diệu đã không có dịp “đeo gọt đời mình cho vừa với lịch sử” nhưng *Tố Hữu* thì có. Cuối đời, ông ấy đã cố “đeo” mình theo hình ảnh ... Bụt! Những lời tâm sự của *Tố Hữu* – trước khi nhắm mắt – nghe (rất) đôn hậu, thiết tha và (vô cùng) thương cảm:

- *Tôi đặc biệt cảm ơn nghệ sĩ Hoàng Cầm về những lời phê bình sắc sảo, chính xác và chân thành của anh bốn mươi năm trước đây đối với thơ tôi.*

- *Tôi khâm phục tài năng và ý chí của nghệ sĩ Đặng Đình Hưng. Đối với tôi, cuộc đời anh Hưng là một bài giảng cao cấp về niềm tin ở sự thật.*

- *Trần Đức Thảo là một mẫu mực của lòng say mê nghiên cứu và sáng tạo vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực triết học. Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường đã góp phần khẳng định được vị trí tiên phong của đội ngũ trí thức cách mạng kiệt xuất và hùng mạnh ...*

- *Văn Cao là một trong những nhạc sĩ lớn nhất...*

- *Quang Dũng là một trong những cánh chim đầu đàn của nền thơ cách mạng Việt Nam thế kỉ 20.*

- *Sau Quang Dũng và Hoàng Cầm, Trần Dần cũng là cây bút hạng nặng...*

- *Ngoài ra, phải kể đến Hữu Loan, Lê Đạt và Phùng Quán, ba nhà thơ ba vẻ khác nhau nhưng cùng sâu sắc, nóng bỏng tính chiến đấu không kém phần lãng mạn.*

- *Nhà văn Phùng Cung cũng cần phải được minh oan cùng với truyện ngắn *Con ngựa già* của chúa Trịnh. Cần lắm. Con ngựa già của chúa Trịnh chỉ là con ngựa già của chúa Trịnh mà thôi, không có ẩn ý gì xấu như bốn mươi năm trước đây một số người làm tưởng...*

(*Nhật Hoa Khanh, Gặp Tố Hữu Tại Biệt Thự 76 Phan Đình Phùng, 2004, không ghi nhà xuất bản*)

Mô Phạt! Cuối cùng *Tố Hữu* đã buông đao, sau khi đã làm cho vô số cuộc đời bị “rạn vỡ, bị ruồng bỏ và bị lưu đầy” – nếu nói theo lời Phùng Quán. Và đó chỉ là những chuyện nhỏ, những hiện tượng lẻ tẻ và cá biệt của văn học thời “cách mạng.”

Ở bình diện tập thể, còn nhiều vụ đáng ngại hơn nhiều. Xin đơn cử một thí dụ:

“*Trong cuốn *Lịch Sử Và Văn Hoá Việt Nam, Những gương Mặt Trí Thức, tập Một*, do Dương Trung Quốc, Nguyễn Quang Ân và Tạ Ngọc Liễn sưu tầm và biên tập, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin Hà Nội xuất bản năm 1998, các soạn giả đã chọn ra 71 nhân vật mà họ vinh danh là những trí thức Việt Nam tiêu biểu trải qua 770 năm lịch sử, với 9 thời đại và thời kỳ (Trần, Hồ, Lê,*

Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn, Nguyễn, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, và Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa V.N.)”.

“Nhưng nhìn vào danh sách là chúng ta thấy ngay sự ăn gian của những người làm sách: trong suốt 720 năm (1225 – 1945) họ chỉ chấm có 38 nhân vật tức 53 %. Đó là Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh, Hồ Nguyên Trừng, Nguyễn Trãi, Triệu Thái, Lê Thánh Tông, Lê Sĩ Liên, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lê Hữu Trác, Nguyễn Thiếp, Lê Quý Đôn, Lê Thị Sĩ, Ngô Thị Nhậm, P Huy Ích, Trần Văn Kỳ, Võ Trường Toản, Phan Huy Chú, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Thuật Duật, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Quang Bích, Lương Văn Can, Nguyễn Phạm Tuấn, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn An Ninh, và Phạm Tuấn Tài.”

“Trong 50 năm sau cùng (1945 – 1995), họ đưa ra một số lượng khổng lồ là 33 người, tức 47 %. Trong số 33 tên, chỉ trừ giáo sư Hoàng Xuân Hãn sống ở Pháp, còn lại 32 tên không ai khác hơn là những đảng viên cao cấp của Đảng Cộng Sản Việt Nam và những người phục vụ chế độ cộng sản. Đó là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát” (Trần Anh Tuấn, “Khi Chính Trị Chi Phối Văn Hoá,” Khởi Hành Aug. 1999).

Theo truyền thống, những người độc quyền lãnh đạo cũng sẽ là những kẻ độc quyền đi vào lịch sử. Truyền thống này được giữ vững suốt từ thời phong kiến đến... nay, ở Việt Nam. Nó chỉ chấm dứt khi bắt đầu có hiện tượng viết... chui. Phùng Cung là một trong những người làm thơ chui như thế. Khi có “đeo gọt” đòi mình cho thành một “thi sĩ bồ tát” (chắc chắn) Tố Hữu đã không biết rằng chân dung, cũng như chân tướng, của ông đã được “tạc” xong – vào năm 1972, tại trại biệt giam Bảo Thắng, Lào Cai – bởi Phùng Cung:

*Tội nghiệp nhà thơ!
Bơ vơ một nẻo
Hết móc ruột moi gan
Lại réo tên chỉ mặt
Bởi không biết sống
Nên không biết chết
Nửa thế kỷ
Bị lưu đầy
Trong cũi tung hô.*

Tương tự, khi quý vị lãnh đạo đảng CSVN chen lấn để đi quá giang (cho bằng được) vào lịch sử – có lẽ – không ai ngờ rằng nhân cách và trình độ trí thức của họ cũng đã được Phùng Cung ghi nhận từ lâu, trước đó:

*Đất nước tôi
Triền miên bất hạnh
Tụi mặt dày – tay bản
Tim rắn – lời cừu
Văn hoá lớp hai
Điều hành cuộc sống*

Đám “văn hoá lớp hai” này (chắc) “chưa bao giờ nhìn kỹ vào những nắm mồ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng... Bởi vì bất kỳ ai trò chuyện với các nắm mồ, đối thoại với các vì sao đều sẽ tốt hơn, nâng cao được nhân bản, giảm đi sự tàn ác, bất công với đồng loại. Họ đều sẽ hiểu cái phù du, cái vô nghĩa lý của kiếp người” [Bùi Ngọc Tấn, Chuyện Kể Năm 2000 (Toronto: Thời Mới, 2000), 279].

Phùng Cung cũng đã nhiều lần ngược nhìn như thế, với nỗi băn khoăn tương tự:

*Tôi đứng trong đêm
Ngủng đầu nhìn cao xa*

Vọng hồi
Có phải nước mắt con người
Đầm đằm dội xuống
Mà trên thiên cầu
Bao vì sao xao xuyên đổi ngôi.

Tôi (trộm) nghĩ thêm rằng nếu chợt có lúc “nhìn kỹ vào những nắm mồ hay để cả một buổi tối nhìn lên bầu trời thăm thẳm, lấp lánh những ngôi sao im lặng” thì “tụi mặt dày tay bẩn” (rất có thể) cũng sẽ thôi làm những chuyện lố lăng, kịch cỡm – như đéo gọt đời mình, hay cố chen chân (cho lọt) vào lịch sử.

© Đàn Chim Việt

Phùng Cung trong tôi Ngô Minh

Khoảng năm 1986, tôi được mời đi dự trại viết văn dành cho người viết văn trẻ ở Việt Trì một tháng, xong về Hà Nội nằm ở “Chòi ngắm sóng” của Phùng Quán chơi thêm cả tuần nữa. Thông dong thế nên biết được nhiều chuyện lắm. Những ngày đó ngày nào anh Quán cũng đạp chiếc xe đạp cuộc Liên Xô cao lênh khênh, giải thưởng cuộc thi viết về Lenin, truyện ngắn “Như con cò vàng trang cổ tích”, chở tôi đi ăn các món Hà Nội và thăm các đại gia văn chương như Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt,... Một buổi sáng, uống xong mấy chén rượu “diệt sâu bọ”, Phùng Quán bảo: “Hôm nay mình sẽ chở Ngô Minh đến thăm một người lạ lùng, người đất giá nhất trong làng *Nhân văn* xưa. Một người mà chỉ một truyện ngắn đã phải đánh đổi cả một đời người, một ‘nhà thơ chữ quê kiệt xuất’ - đó là anh Phùng Cung... Nghe đến tên Phùng Cung tôi đã nhớ ngay đến “Con ngựa già của Chúa Trịnh”, cái truyện ngắn tai ương một thời mà ông anh trai mê văn chương của tôi ở cái làng Thượng Luật heo hút góc biển Quảng Bình ấy dầm dúi tha về không biết từ đâu bản chép tay trong cuốn vở học trò cho tôi đọc thời còn học cấp hai trường làng. Hồi đó tôi không hề biết truyện ấy bị cấm kỵ, nên cứ đọc vô tư. Hơn nữa tôi đọc truyện mà chưa hiểu hết ý tứ sâu xa gì, chỉ thương hoài con ngựa Kim Bồng Thiên lý mã khi đã già, vì bao nhiêu năm chỉ lo phục vụ trong phủ Chúa với hai chiếc lá đa che hai bên mắt, không được xông pha nơi chiến trận cho thoả chí tang bồng. Nên khi ra trận sống mái cuối cùng, ngựa Kim Bồng “*chỉ trong chớp mắt nó tụt lại. Không chịu, nó càng lồng lên. Bỗng nó thấy nhói một cái ở ngang bụng như bị một nhát gươm chém mạnh. Nó ngã vật xuống, vùi đầu trong bụi lốc của đàn ngựa bay qua...*” Tôi giục anh Quán: “Đi ngay đi anh, ‘Con ngựa già của Chúa Trịnh’ phải không?”...

Anh Quán đạp xe chở tôi từ trường Chu Văn An bên Hồ Tây về đến 135 phố Mai Hắc Đế thì dừng lại. Cửa đóng kín. Anh Quán dựng xe đạp rồi gõ cửa nhẹ. Một ông già thanh mảnh, lịch lãm mặc bộ pijama màu trắng, đi guốc mộc, đôi mắt thăm thẳm, long lanh hiền dịu, đeo kính lão dày cộp, ra mở cửa. Thấy Phùng Quán, gương mặt ông đang từ ưu tư căng thẳng chuyển sang tươi cười niềm nở. Anh Quán quay sang tôi chữ nghĩa ý tứ: “Đây là nhà văn Phùng Cung, vừa mới được về với đời từ mấy năm nay”, rồi lại quay sang giới thiệu với Phùng Cung: “Thưa anh, em đưa Ngô Minh, đưa em làm thơ ở Huế quê em, đến thăm anh”. Ông bắt tay tôi rồi giục: “Anh em vào nhà đi. Đứng ngoài này nói chuyện không tiện!”. Tôi nhớ hình như lúc đó ông ở trong một căn nhà hai gác. Ông dẫn chúng tôi lên gác. Tôi quan sát thấy ở ban công nhà có cây cau cảnh đặt cạnh cái vại nước nhỏ, một cảnh thu nhỏ thường ở các làng quê Bắc bộ. Tôi đã từng sơ tán trọ học ở Kim Động, Hưng Yên hai năm khi đang học Đại học Thương mại Hà Nội, thấy nhà nào trong xóm cũng có vại nước đặt ở dưới cây cau cao ở sân dùng để rửa chân mỗi khi đi đâu về. Còn cây cau đến mùa ra hoa thơm lừng, mùa cau ra hoa rụng lấm tẩm đầy mặt nước, thơm lừng lừng. Sau này gia

đình nhà thơ Phùng Cung đã chuyển về Bưởi, chỗ Quán Ngựa. Một lần tôi cũng theo anh Phùng Quán đến thăm, cũng thấy ở sân ông trồng cây cau, phía dưới có vại nước. Trước khi nhà thơ mất vài tháng, ông chỉ cây cau và nói với một người bạn tên là Lữ đến thăm nhà: “*Anh thấy không, cây cau nhà tôi èo uột, không lớn nổi vì thiếu ánh sáng. Nhưng mỗi lần nhìn nó thì tôi nghĩ đến thân phận đất nước, và tôi càng thấy thương người dân mình hơn. Không giận ai được, chỉ có thương thôi*” (Lữ “**Cây cau của Phùng Cung**”, talawas 11.9.2007). “Cây cau - vại nước” là một hình ảnh đặc trưng, ám ảnh mà mỗi khi nhắc đến Phùng Cung tôi lại nhớ, lại hình dung ra gương mặt thân thuộc của ông.

Suốt buổi sáng hôm ở phố Mai Hắc Đế ấy, Phùng Cung điem đàm pha trà, thủng thỉnh làm từng động tác một. Hình như ông vừa pha trà vừa nghĩ tới điều gì đó lung lăm. Tôi thấy ông như một thầy giáo vừa nghiêm trang vừa từ tốn. Sáng ấy chủ yếu hai người Phùng Cung - Phùng Quán nói chuyện với nhau, còn tôi chỉ ngồi nghe như một đứa trẻ thích hóng chuyện người lớn. Tôi biết anh Quán cố tình gọi chuyện để Phùng Cung kể cho tôi nghe cuộc đời ông. Phùng Cung kể chuyện đám cưới của ông do Phan Khôi làm chủ hôn, mặc dù cơ quan không đồng ý vì gia đình bên vợ thuộc “thành phần giai cấp phong kiến bóc lột”, chuyện bí mật làm thơ trong tù... Chốc chốc ông quay sang hỏi tôi đôi điều về Cổ Đô Huế, như thể hiện sự quan tâm đến “khách đường xa”. Tôi thấy thảnh thơi Phùng Cung đang câu chuyện sôi nổi lại liếc ra cửa với thái độ rất cảnh giác. Quan sát cử chỉ của ông, tôi cứ tưởng tượng có ai đó đang rình ngoài cửa. Qua câu chuyện tôi biết Phùng Cung mới 17 tuổi đã làm chủ tịch liên xã Hồng Châu – Liên Châu, huyện Yên Lạc, Vĩnh Yên khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Có lẽ ông là một cán bộ xã thuộc loại trẻ nhất nước thời ấy. Chính tên cái xã ấy là do ông đặt, người ta vẫn giữ đến bây giờ. Vì hồi ấy ông là người cách mạng có chữ nhất trong xã. Rồi sau đó, Pháp tái chiếm Vĩnh Yên, ông lên chiến khu Việt Bắc hoạt động văn nghệ. Rồi vào Đảng. Tôi rất bất ngờ khi nghe ông kể ông có hoàn cảnh đau buồn rất giống tôi là trong Cải cách Ruộng đất, bố ông bị quy là địa chủ cường hào, bị bắt và chết trong tù Cò Nỉ, Thái Nguyên (còn bố tôi thì bị xử bắn trước khi lệnh ngừng bắn địa chủ về đến làng một ngày). Ông tìm đến nhà tù để thăm bố nhưng rồi đau xót phục xuống khóc và thấp nhang lạy bố, vì bố đã thành nắm cỏ trên đồi... Sau này đọc cuốn *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài (NXB Hội Nhà văn, 1992) tôi mới biết thêm một số nét về cuộc sống của Phùng Cung ở trong tù. Tô Hoài kể rằng, Phùng Cung mới ra tù, đến thăm Tô Hoài “*Dáng cù rù, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà cái bóng của Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chỉ mờ mờ. – Còn sống về được à? – Cũng không hiểu tại sao anh ạ*”... Tô Hoài kể, tan lớp kiểm điểm *Nhân văn* ở ấp Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt tù 12 năm không có án, trong đó biệt giam 11 năm. Đã tù biệt giam, lại bị bệnh lao, thể mà không chết, mới lạ. Có lẽ nỗi đau đó đã lặn vào hồn, vào tim, đã rèn nên tính suy tư thể sự cuộc đời vô cùng sâu sắc trong văn chương Phùng Cung chăng? Sau này được đọc bài viết “**Nhà thơ Phùng Cung**” của Phùng Hà Thủy, con trai nhà thơ in trên talawas, tôi mới biết thêm nhiều chi tiết cụ thể hơn của cuộc đời gian truân đau khổ của nhà thơ mà tôi vô cùng yêu mến. Đó là chuyện Phùng Cung ngày đầu bị bắt trong tháng 5-1961; Những nhà tù mà Phùng Cung từng trải qua; chuyện Phùng Cung bị các văn nghệ sĩ cùng cơ quan xa lánh, rồi bị chính những người đó đả tấu, kiểm điểm v.v... Tất cả những chuyện ấy làm cho tôi càng thêm khâm phục, kính trọng nghị lực phi thường và phẩm chất ngời bút của ông!

Tôi rụt rè hỏi ông: “Em đọc ‘Con ngựa già của Chúa Trịnh’ thấy truyện hay thế, nhân văn thế, sao lại sự tình khôn khổ thế hở anh?” Ông chớp chớp mắt, thờ dãi: “Chuyện dài lắm Ngô Minh ạ. Nhưng thôi đừng nói chuyện này nữa, Quán nhỉ...” Nói rồi ông đứng lên mở ngăn kéo bàn lục tìm hồi lâu mới lấy ra một tập vở bé bằng bàn tay, bìa bọc giấy xi măng cáu bẩn, cầm đến đưa cho Phùng Quán: “Sau mười hai năm khổ ải, mình về với vợ con là mừng. Nghĩ đến tù đày là sợ lắm.” Phùng Cung trầm ngâm: “Quán ạ, mình cố quên hết văn chương. Nhưng không sao quên được. Đêm ngủ thơ nó cứ kéo về trong mộng. Thế là mình thủng thủng ghi lại từng ngày. Như là viết nhật ký. Đây là những bài thơ nho nhỏ về chuyện quê nhà. Nhưng bây giờ thì gay rồi. Hôm qua chú công an khu vực đến chơi nhà, bỗng dưng chú cười hỏi: ‘Chào bác Phùng Cung, nghe nói

dạo này bác lại viết thơ nữa à?’. Chỉ câu hỏi vui thể mà làm mình nổi da gà. Sợ quá. Tập thơ này toàn hình ảnh quê, mình viết để giải khuây, không có ‘chuyện gì’ trong đó cả. Nhưng nếu mà họ thu mất thì tiếc lắm. Nên Quán cứ giữ hộ cho mình cho chắc.”

Anh Quán nhận tập vở thơ rồi nói vui: “Anh suốt ngày xoay tròn làm nghề đập đinh, rồi rán bánh giúp chị Thoa để bán kiếm tiền nuôi ba con nhỏ đi học, tưởng anh đã quên mùi bút mực rồi, hoá ra vẫn còn vương vấn...” Phùng Quán đưa cho tôi xem tập thơ chép tay. Tập vở mỏng, giấy học trò đen hùn. Trong đó mỗi trang chép một đến hai bài thơ, bài nào cũng ngắn, có bài chỉ hai ba câu, bốn năm câu giống như thơ Haiku của Nhật Bản, nét chữ Phùng Cung viết bằng bút chì rất nắn nót, hoa tay, nhưng không ghi tên tác giả. Tôi liếc bài thơ hai câu đầu tiên nhan đề là “Bèo”, bỗng nổi da gà: Thơ ghê quá, bất ngờ quá:

*Lênh đênh muôn dặm nước non
Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh*

(Sau này in trong tập thơ *Xem đêm*, câu thứ hai bị ngắt ra thành hai câu: *Dạt vào ao cạn / Vẫn còn lênh đênh*).

Chỉ một cánh bèo quê đơn sơ thôi mà khái quát được cả một phận người! Loại thơ kiệm chữ mà đầy ngẫm nghĩ này hiếm lắm, quý lắm. Tập thơ nhỏ hút hồn tôi. Thế là tôi vừa tò mò lắng nghe hai ông anh nói chuyện với nhau, lại đọc ngấu nghiến hết cả tập thơ. Có thể nói lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với một loại “thơ quê” ấn tượng như thế. Nó vừa dân gian vừa bác học, vừa tâm can vừa chữ nghĩa.

*Áo cũ gói đầu
Đêm tỉnh giấc
Sao khuya dạt chân rêu
Lạnh biếc
Bầu buông chày ngọc
Cõi Lam Kiều
Về bên góc sân con
(“Góc sân con”)*

*Đêm về khuya
Trăng ngả màu hoa lý
Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông
(“Đò khuya”)*

*Quát mãi nước sôi
Trà đau nát bã
Không đổi giọng Tân Cương
(“Trà”)*

Chao ôi là chữ! *Quát nước sôi, Bầu buông chày ngọc, trăng ngả màu hoa lý, tiếng gọi đò căng chỉ, trái gấc chín ngập ngừng, tiếng tù và bết gió, trời xanh cánh chấu, nắng ngã tương, sáo diều hóc gió, mảnh trời da báo, mồ hôi xương, nắng bỏ cau, con giun đất mạ vàng v.v...* Rất nhiều, rất nhiều, toàn chữ quen mà quá lạ. Người ta nói *mồ hôi da* chứ ai nói *Mồ hôi xương*? Vậy *mồ hôi xương* là mồ hôi gì? Có lẽ đó là những giọt mồ hôi cuối cùng của con người lao lực, bị vùi dưới đáy xã hội chẳng ai quan tâm. Rót nước vào ấm trà là “*quát nước sôi*”, *quát* chứ không phải *rót*. *Quát* là đánh. Đánh đến mức trà mới “*đau nát bã*”. Nhưng kỳ diệu là “*không đổi giọng Tân Cương*”, nghĩa là trà vẫn là trà Tân Cương chính hiệu. Phải chăng ông đang nói về đời mình!

Lao động thơ ghê gớm lắm mới chiết ra được những chữ quê hút hồn người như thế. Có lẽ ông đã nghĩ đến những con chữ ấy bao nhiêu lần trong những năm tháng ngồi một mình nơi tù biệt giam lạnh lẽo không khí chết chóc. Nó giống như gỗ lũa, như đá cuội. Vâng, đời chữ là đời người. Tôi đã đọc thơ của một số nhà thơ rất tâm huyết trong việc “làm chữ”. Đối với họ làm thơ trước hết phải là “làm chữ”. Điều đó đúng lắm, quý lắm. Nhưng hình như chữ ấy của họ vẫn là chữ của thành thị, mang hơi hướng phương Tây. Còn chữ của Phùng Cung là chữ đẻ ra, luyện nên từ cánh đồng, bờ tre, mái rạ, hương lúa, hương cau, ánh sáng đom đóm, từ đống đau, chiêm nghiệm một đời người trầm luân khổ ải.

Tôi cứ nghĩ, chữ ấy mới là chữ của hồn thơ Việt. Có thể nói Phùng Cung là bậc thầy về “chữ Việt” trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ là để cho người đọc xúc động, chia sẻ, thơ phải làm cho người đọc nổi da gà, ứa nước mắt, mới là thơ thật. Còn loại thơ luận đề, triết lý, người đọc xong chỉ khen nhà thơ thông minh thôi, chứ họ không xúc động. Thơ Phùng Cung “ý tại ngôn ngoại”, là loại thơ làm người đọc nổi da gà! Phùng Cung gọi mùa nước lụt là *mùa nước mắt* là rất thật đối với người nông dân đồng bằng Sông Hồng, cũng như chính đời ông: *Đề tiền triều gẩy khúc / Đồng ngập trắng / Con lênh đênh công - vắng - bơi - suông / Thương em đứng giữa mùa nước mắt*. Không phải đó là sự quan sát, ghi nhận, mà đó là tâm cảm, là chiêm cảm.

Trên đường về lại Hồ Tây, tôi bảo anh Quán: “Anh để em giữ tập thơ này cho. Anh giữ cùng chưa chắc an toàn”. Anh Phùng Quán đồng ý. Thế là tôi mang vào Huế. Năm 1988, nhờ không khí đổi mới, *Tạp chí Sông Hương* do nhà văn Tô Nhuận Vỹ làm Tổng biên tập đã trở một tạp chí văn học hàng đầu của cả nước, luôn được độc giả trong và ngoài nước đón đọc từng số vì tạp chí đăng rất nhiều thơ, truyện ngắn, bài viết về “cởi trói”, “đổi mới văn chương” tâm huyết. Tôi đã chọn hai chùm thơ Phùng Cung và đưa tập thơ viết bút chì của Phùng Cung cho nhà văn Nguyễn Khắc Phê, lúc đó là phó Tổng biên tập *Sông Hương*, sau này một giai đoạn là Tổng biên tập. *Tạp chí Sông Hương* năm 1988 đã hai lần giới thiệu thơ Phùng Cung với những bài như “Nghiêng luy”, “Bèo”, “Người làng”, “Chiếc lá rụng”, “Cô lái đò”, rút trong tập thơ chép tay bằng bút chì ấy. Có thể nói văn chương Phùng Cung lần đầu tiên sau 32 năm kể từ *Con ngựa già Chúa Trịnh* (1956) mới được xuất hiện trở lại, đã gây ấn tượng mạnh đối với độc giả *Sông Hương* và cả nước. Chắc hẳn những ngày cuối năm 1988 ấy ông vui lắm.

Gần đây tôi mới biết, khi nhà thơ Phùng Quán còn sống, một lần nữ nhà văn Hà Khánh Linh ở Huế ra Hà Nội, anh Phùng Quán cũng dắt đến thăm nhà thơ Phùng Cung ở Bưởi. Buổi trưa hôm đó Phùng Cung, Phùng Quán và ông Nguyễn Hữu Đang mời cơm nữ sĩ Hà Khánh Linh. Tại bữa cơm ấy Phùng Cung cũng đưa cho Hà Khánh Linh một tập thơ chép tay như thế, nhưng viết bằng bút mực, chú không phải bút chì. Có lẽ để nhờ nữ sĩ giữ hộ chứ không phải tặng, vì không thấy đề tặng. Tập thơ gồm 106 bài chép trên giấy in roneo màu vàng rơm, bìa tập vở học trò bọc loại giấy can bản vẽ cũ. Ở trang đầu cuốn vở đề tên là Phó Châu. Có lẽ thơ ghi trong hai cuốn vở mà tôi đã đưa cho *Tạp chí Sông Hương* và chị Hà Khánh Linh đang giữ đã được chọn vào tập *Xem đêm* (200 bài, NXB Văn hoá Thông tin 1995). Nhưng kẹp trong tập thơ chép tay chị Linh đang giữ còn có bài thơ mới làm ghi trên hai mặt một tờ giấy cũ là bài “Chiều cun cút”, bài thơ rất hay nhưng không thấy trong tập *Xem đêm*:

Áo song chàng

Nón lá

Phối về quê

Dệt dạt tối ngày khoai dáy

Lúc thành thơ

Quần vận khẩu bò

Rong ruổi chốn rau dưa

Tôi gỡ rối

*Khe khê ê a
Chiều cun cút
Một mình
Không lửa không đèn
Nhòm nhòm thâu đêm
Chết thêm cái bóng
Xa là trời sao
Gần là đom đóm.*

Mới hay, gửi cho bạn bè giữ hộ là cách “lưu trữ” thơ của Phùng Cung. Ông phải chép thành nhiều bản để đề phòng bị mất...

Tôi rất vinh hạnh được gặp Phùng Cung một số lần nữa ở nhà Phùng Quán. Ông vẫn từ tốn, đĩnh đạc, như cuộc đời chưa từng bị phong ba bão táp gì. Bao giờ ông cũng lặng lẽ, cười tủm tỉm với ánh mắt chứa chan đồng cảm. Ông cùng mang họ Phùng, nhưng không có huyết thống gần với Phùng Quán. Phùng Cung quê ở Sơn Tây còn Phùng Quán quê ở Huế. Trong “đám” tài tử *Nhân văn* thời ấy, cho đến khi “nằm dài dưới đáy huyết”, hai người Phùng Cung - Phùng Quán luôn thủy chung son sắt. Phùng Quán ngưỡng mộ Phùng Cung vì đó là một người người luôn sống và viết thực lòng mình, đó là một người anh cả về tuổi tác cũng như tài năng văn chương chữ nghĩa. Phùng Quán đã làm hết sức mình để tập thơ *Xem đêm* của Phùng Cung ra mắt độc giả với sự nhiệt tình đóng góp tiền trong sổ tiết kiệm hưu của ông Nguyễn Hữu Đang. Còn Phùng Cung thì luôn yêu thương, tin cậy đối với Phùng Quán. Coi Phùng Quán như một người em can trường, chí cốt. Nên khi Phùng Quán mất, Phùng Cung là người được bạn bè và gia đình Phùng Quán chọn mời làm trưởng Ban tang lễ. Ông đã đọc bài điệu văn “Sống là thể phách, còn là tinh anh” cực kỳ cảm động và súc tích. Bài điệu văn ấy cũng là một áng văn chương tình nghĩa và đẹp thâm hậu mà tôi đã đưa lên trang đầu trong tập sách *Nhớ Phùng Quán* (NXB Trẻ 2002).

Năm 2004, tôi được một bạn văn ở nước ngoài điện thoại cho biết, anh vừa được đọc cuốn sách rất giá trị in bằng tiếng Việt. Đó là cuốn *Phùng Cung - Truyện và thơ* in rất dày dặn (NXB Văn nghệ, Mỹ, 2003). Mới hay Phùng Cung không chỉ có “Con ngựa già của Chúa Trịnh”, *Xem đêm*, Phùng Cung còn có rất nhiều thơ và truyện ngắn viết từ trước khi bị bắt và viết trong suốt 12 năm ở tù như “Mộ phách”, “Chiếc mũ lông”, “**Dạ ký**”, “Kép nghề”, “Quản thời” v.v. Anh bạn tôi bảo trong tập sách này có một số truyện hay hơn “Con ngựa già của Chúa Trịnh”. Tôi chưa được đọc, nhưng tin vào nhận xét của bạn. Chứng tỏ Phùng Cung là một người lao động văn chương bền bỉ, trong hoàn cảnh khổ cực nhất ông vẫn viết và viết hay. Tiếc là những sáng tác đó chỉ được in ở hải ngoại, không được in trong nước!

Trong tôi, Phùng Cung luôn là một nhà thơ dân tộc tầm cỡ, một nhà văn có bản lĩnh sáng tạo và nhân văn cao cả và đặc sắc. Nhưng ông cũng là một người viết văn luôn ám ảnh bởi nỗi sợ hãi thời đại...

*đứng đỉnh
áo thao guốc mộc
ngó đêm
hương cau hôn nước
gió quê
len len
vén rèm
cú khuya chọt rúc
thắc thòm
trăng già tái mặt
phòng văn*

vội khếp
thở dài
xâm xấp mờ hôi trán
Ồ, ngựa Chúa
hồn ma
(“Một chút Phùng Cung” – Ngô Minh)

Tiếc là văn chương của ông đã không được đến nhiều với độc giả bởi do quá nhiều đa đoan ngáng trở. Tôi cứ mong ước lúc nào đó xuất bản một tuyển tập văn thơ Phùng Cung chắc thú vị lắm... Nhưng đến bao giờ? Trong tập thơ *Xem đêm* có một bài thơ mà nhà thơ nhắn gửi với những người làm thơ hôm nay. Đó là bài “Tội nghiệp”.

Để kết thúc bài viết, mời bạn đọc cùng tôi đọc lại bài thơ đó:

*Tội nghiệp nhà thơ
Họm mình
Lắm lạc
Biết không biết sống
Nên không biết chết
Nửa thế kỷ
Bị lưu đày
Trong cũi tung hô...*

Tôi biết ông đang nói điều gì!

Huế, 3-2008

Gặp Phùng Cung trong Hoả Lò Nguyễn Chí Thiện

Tôi mến và phục Phùng Cung ngay từ khi được đọc truyện “Con ngựa già của chúa Trịnh” đăng trên báo Nhân Văn. Trong tất cả các bài văn, bài thơ in trên tờ Nhân Văn, trong các tập giai phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Mùa Đông, tôi thấy “Con ngựa già của chúa Trịnh” là đặc sắc nhất, về nghệ thuật cũng như về nội dung. Nó vừa thâm trầm, vừa tinh tế đúng như con người anh. Nó còn điểu đúng huyết của Đảng. Chính vì vậy, Đảng đã căm giận bỏ tù anh không xét xử hơn mười hai năm. Nhiều người nhận định rằng truyện chia vào các văn nghệ sĩ có tài, nhưng vì đã ngoạm vào miếng đỉnh chung Đảng ban phát, nên chẳng những tài tận, mà nhân cách cũng diệt. Điều đó đúng. Nhưng nếu chỉ dả mấy anh văn sĩ, thi sĩ cô đầu, nhưng kẻ mà chính các “đồng chí bố” trong bụng cũng khinh rẻ, nhân dân cũng tởm lợm thì Đảng đâu có cay cú đến thế. Điều Đảng không thể không trừng trị nặng là anh đã dám nêu bật lên một sự thực nhục nhã: Văn nghệ sĩ, trí thức, toàn bộ dân tộc, giống như con ngựa già của Chúa Trịnh, bị Đảng gắn vào hai bên mắt hai cái lá đa bằng da, chỉ được nhìn thẳng một hướng hạn hẹp, trời mây, sông núi hoa lá không được thấy gì hết!

Cái cảnh con chiến mã Kim Bông đứng mãnh tung vó, phi nước đại, vất lại sau mông cả một vùng Sơn Nam Thượng, xông pha trăm trận, tung hoành là thế, mà khi thanh bình trở lại, nhàn nhã bước vào lâu đài cung điện Chúa, mới đặt chân lên nền đá xanh mát đã thấy bàng hoàng, rùng cả mình, chợt nghe tiếng chim hót trong trẻo trên các lùm cây xanh tươi mà hốt hoảng, ngơ ngác, Đảng cũng cho là chửi sỏ Đảng. Thực ra, đó chỉ là sự tha hóa tâm thường của những kẻ thiếu Tâm, thiếu Đức, khi được vinh hoa, phú quý, lo lắng bảo vệ cho địa vị của mình.

Mùa đông năm 1970, tôi rời Yên Bái lúc bốn giờ sáng. Sau 18 tiếng đồng hồ vừa đi ca nô, đi xe tải, xe lửa, chen chúc nhau trong một toa đèn kín mít, nhầy nhựa phân lợn, tay bị khóa số 8 khóa từng cặp hai người một, đoàn tù chúng tôi tới trại Phong-Quang khoảng mười giờ tối, người nào cũng nôn mửa rữa rượi, kiệt lực. Ngồi xếp hàng trên sân đất, dưới mưa bụi, gió buốt, nghe điểm danh, nghe cán bộ quát nạt, huấn thị, rồi giúp mấy anh tù tự giác khám xét hành lý toàn đồ giẻ rách, hôi hám. Tới tận gần 12 giờ đêm, chúng tôi mới được phân chia vào các phòng. Trong tất cả các cuộc trùng phùng trên thế gian này, khó có cuộc trùng phùng nào có thể vui mừng bằng những cuộc gặp lại nhau trong tù của những người bạn tù. Tôi vừa bước vào phòng thì bốn, năm ông đã ập tới, cười nói, hỏi han, nắm tay, nắm vai, đỡ hộ túi quần áo, mời nước, mời thuốc. Tôi cũng vui không kém gì họ. Thôi thì đủ thứ chuyện. Bao nhiêu mệt nhọc tan biến hết. Sức mạnh của tình cảm thực là kỳ diệu, không loại thuốc hồi sức nào sánh kịp!

Các anh nói Phùng Cung cũng ở trại này, đang nằm bệnh xá vì bị lao phổi. Mắt tôi sáng lên. May quá rồi, thế là tôi sắp được chuyện trò với anh, người tôi mến phục đã lâu mà chưa được biết mặt. Vài hôm sau, tôi lảng vảng xuống bệnh xá tìm anh. Đó là giờ tù đang chia cơm, chiều hôm ấy lại ăn tươi, có “mều ngạnh” (thịt trâu) nên việc chia bồi rất vất vả, mất nhiều thời gian. Thịt chia riêng, xương chia riêng, da chia riêng, nước đong từng thìa. Tất cả đều phải cân bằng một loại cân tự tạo, nhưng độ nhạy có lẽ chẳng kém gì cân tiểu ly. Chia xong lại phải viết tên từng người vào những mẩu giấy nhỏ, gấp lại, trộn lẫn lộn, rồi đặt bên cạnh từng bát, mỗi phần không quá một lạng. Đọc đúng tên ai, người đó lấy bát đó. Tù nhân đứng vòng trong, vòng ngoài, “góp ý” cho người được cử ra chia, thường là người có uy tín, trung thực, không lèm nhèm. Mấy chục bệnh nhân ở bệnh xá cũng đương xúm xít tham dự công việc chia chác thiêng liêng đó, trừ mấy người háp hổi. Tôi nhìn tất cả họ, từng khuôn mặt một. Không ai có vẻ là Phùng Cung cả. Tôi vòng ra phía sau bệnh xá. Một người trung niên mặc áo bông, đứng trước cây ốt chỉ thiên, nhưng đầu lại ngẩng nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt xám nhợt, bất động. Phùng Cung đây rồi! Tôi đoán vậy, và bước lại gần, khẽ hỏi:

- Xin lỗi, có phải anh Cung không?

Phùng Cung nhìn mặt tôi một thoáng, rồi đáp:

- Vâng, sao anh biết?

Tôi cười:

- Tôi mới từ Yên-Bái tới mấy hôm. Nghe anh Lê-Quang-Dũng nói anh ốm, tôi tới hỏi thăm. Tôi tù tất cả đã hơn tám năm rồi.

- Anh kém tôi hai năm. Nhưng tù về tội gì vậy?

- Cần gì tội mới tù! Bao nhiêu người ở đây, tội gì? Nhưng chúng nó bảo tôi làm thơ phản động.

Phùng Cung hững hờ, có vẻ trích thượng:

- Làm thơ? Có thể đọc nghe vài câu không?

Sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là phải hết sức thận trọng. Bao người chỉ vì mắc bệnh “ngựa hợm” khi trà lá với bạn bè mà tan đời! Trong tù càng phải kín miệng hơn. Nhưng khi nhìn thấy Phùng Cung, tôi linh cảm anh không là người hại tôi. Tuy vậy tôi vẫn phân vân. Tôi chọn một bài “vừa phải”, không quá “nặng dose”.

- Anh đang nằm bệnh xá. Tôi đọc một bài về cảnh bệnh xá trong tù cho anh nghe.

Gió bắc, mưa phùn lướt thướt qua

Củ khoai hà dím thành vô giá

Bệnh cũ âm thâm lại phát ra

Lũ tôi đã đoán bao người ngã

Trong vụ đông này khó đứng qua

Thân xác như hình nan, cốt mã

Mong cầu đông giá nói tay tha!

Tôi đọc hết bài, chờ đợi một câu phê bình. Nhưng anh im lặng. Một lúc, anh hỏi tôi:

- Anh ở toán nào?

- Tôi ở toán đan, gần ngay đây, toán mà lưu manh gọi đùa là “Mầm non của nghĩa địa”. Tôi cũng lao như anh, thỉnh thoảng lại ho ra máu, ít đi làm lắm. Hôm nào hứng, anh tới phòng tôi chơi. Vào ngày thường, đi làm hết, chuyện trò tiện hơn.

Đã bắt đầu đọc tên lấy thịt. Tôi bắt tay anh Cung:

- Anh vào ăn đi. Hôm khác chúng ta gặp nhau. À, tôi là Thiện, Chí Thiện thiền sư. Au revoir!

Tôi không phải chờ lâu. Hai hôm sau, vào buổi sáng, khi trại đi lao động hết, vắng ngắt. Phùng Cung vào phòng tôi. Tôi mời anh leo lên sàn trên, chỗ tôi nằm. Anh vừa leo, vừa nói:

- Ôm yếu sao không nằm dưới, đỡ leo trèo vất vả.

- Cái gì cũng có lý do của nó cả. Nằm sàn trên đun nấu đỡ bị lộ, đỡ bụi hơn, mùa đông lại ấm hơn nằm phía dưới.

Anh Cung ngồi xuống chiếu, móc trong túi ra một gói con con:

- Dững nó bảo anh nghiện trà nặng lắm. Hôm nay mới tới gặp anh là vì còn phải kiếm trà.

- Trà lúc nào tôi chẳng có, nhưng toàn là trà gói ba hào loại bét, chua loét.

Tôi mở gói trà của Phùng-Cung ra, kêu lên: Trà búp, loại ngon!

Tôi đổ tất cả vào cái ca tráng men, lấy dăm cái đóm cật, đun độ hai phút là sôi, lấy miếng giẻ ướt lau sạch ca, lau tới đâu trắng tới đó. Tôi giải thích:

- Phải lau ngay khi đun xong, ca còn nóng bỏng mới sạch trắng được. Để nguội, cọ bằng cát cũng mệt mới trắng. Quần giặc mà thấy ca đen thì cùm. Cái gì cũng phải đánh nhanh, rút gọn! Bây giờ mình ngồi uống ung dung. Trời lại mưa, không sợ gì nữa.

Tôi lấy hai cái chén, tiện bằng ống nứa, rót trà vào. Chúng tôi đưa ly trà lên miệng, tận hưởng hương trà thơm ngát, rồi nhấp một hớp nhỏ. Khoan khoái, tỉnh táo hẳn. Tôi hỏi anh Cung:

- Anh có biết tại sao lại kiến hiệu đến thế không? Trà ngon không cần phải vào tới dạ dày, xuống ruột, thấm thấu vào máu, rồi mới tác động tới chúng ta. Nó đi thẳng từ khứu giác, vị giác lên thần kinh não, nên vừa mới nhấp một tí đã sáng khoái cả người rồi!

Chúng tôi mỗi người hút một điếu thuốc lào, uống một ly trà nữa, cho ấm người lên, rồi mới bắt đầu vào chuyện muốn nói:

- Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không?

Anh Cung lắc đầu:

- Mấy năm đầu rầu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. Đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài. Hôm nọ nghe anh đọc bài thơ về bệnh xá, tôi cứ ngẫm nghĩ mãi. Tôi nằm bệnh xá nhiều. Những cảnh, những tâm trạng bi đát tôi thấy hàng ngày, sao tôi không làm được bài nào? Hiện giờ, chúng tôi đã đoán trước được có ba người sẽ không qua khỏi mùa đông này. Nhìn thấy chết đến từ từ mà không cứu được! Khoai sắn còn chẳng đủ, thuốc men thì vớ vẩn, kiệt dần, rồi gục. Mùa đông như một vị hung thần, chỉ biết cầu mong nó đỡ rét, nó nới tay buông tha. Thơ anh thực lắm!

- Thật ra, lượng không quan trọng. Cuộc đời một thi sĩ mà có được vài trăm câu thơ hay đã là thành công lắm rồi. Truyện Kiều hơn 3200 câu, những câu thơ hay cũng chỉ ở con số trên 200 là cùng. Nhưng Việt Nam mình chưa ai bằng Nguyễn Du cả. Anh đọc nghe vài bài của anh đi.

Ngồi hút thuốc lào, uống trà ngon, nghe thơ, đó là những giờ phút hạnh phúc nhất trong tù. Hạnh phúc vì chúng tôi quên hẳn chúng tôi đang tù tội, ốm yếu, quên hẳn mọi ô trọc cuộc đời. Chúng tôi chìm đắm, hay đúng hơn, bay bổng trong say sưa: say trà, say thuốc, say thơ. Anh Cung đọc liền một lúc ba, bốn bài: giọng trầm nhẹ, nghe rất rõ. Càng nghe, tôi càng ngạc nhiên, càng bị cuốn hút vào dòng thơ anh. Tôi chưa từng được đọc thơ nào như thế. Nó mới tinh. Mới về ý, về tình, về ngôn ngữ, và nhất là về hình tượng, âm điệu. Thơ anh thực là đẹp. Anh đọc tới đâu, tôi thấm tới đó. Thơ đẹp, cũng như mọi vẻ đẹp trên thế gian này, đâu cần phải nghiên cứu nát óc mới thấy. Nó đi thẳng vào tim, vào óc ngay. Tôi biết anh tốn nhiều tâm huyết lắm mới tạo được những câu thơ như thế. Anh tìm tòi nhiều về chữ nghĩa, những không mắc “ngữ bệnh” như Âu-Dương-Tu hàng

ngàn năm trước đã than phiền. Anh tìm tòi nhiều về hình tượng, về âm điệu nhưng không trở thành cầu kỳ, quái gở, thậm chí tới mức ngớ ngẩn như một số người! Càng đọc nhiều thơ, tôi càng nể các vị thâm nho ngày xưa. Các vị đó nhận xét ngắn gọn, như muốn cô đúc chân lý vào một câu. Sau này gần Phùng-Cung nhiều, thấy anh làm thơ quá khó nhọc, tôi thấm thía câu nói của Lục-Du: “Cái tận cùng của công phu là sự bình dị”.

Khi anh Cung ngừng đọc, tôi hút thêm một hơi thuốc lào, nhả khói ra mù mịt, hãm một hớp trà, rồi đặt tay lên đùi anh:

- Anh quả là có tài, kỳ diệu lắm! Bài “*Biển cả*” của anh có thể là một bài dạy về đạo lý làm người cho các vị đế vương. Tôi không bốc anh đâu. Mà bốc cũng chẳng được. Hay dở nó rành rành ra đấy. Khen chê lung tung, người ta khinh! Nhiều câu thơ của anh tuyệt vời! Thí dụ như:

“*Trước mắt trẻ thơ, tinh cầu chỉ là chấm nhỏ*

Càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh.”

“*Mắt phàm tục đăm đăm vương chút lệ*

Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người.”

“*Hỡi biển cả*

Diện tuy rộng, nhưng thiếu những giác quan cần thiết

Lòng tuy sâu, mà chứa đầy mầu xanh mặn chát!

Bỏ mắt mênh mông, chuốc lấy ồn ào

Tự thao túng cái thói hư nộ cuồng sóng vỗ

Trống trải, bơ vơ, chiều quả phụ

Bình minh vô vọng phương mờ...

Ôi, bao im lặng thanh cao

Đều chìm lặn trong thét gào man rợ!”

“*Vậy đâu có vô cùng lớn lao gì đó*

Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa với vô cùng bé nhỏ mà thôi!”

Chỉ một bài “*Biển Cả*” đã nhiều câu hay thế rồi, tôi đâu có nói quá!

Anh Cung xúc động, nắm tay tôi:

- Cảm ơn, anh đã khích lệ tôi nhiều lắm.

Có tiếng mở cửa. Chúng tôi im lặng. Thiếu úy Võ, cán bộ trực trại đi vào phòng. Nhìn lên sàn, thấy chúng tôi, hấn quát:

- Ốm đau nghỉ nhà, lại tự tập trà lá, văn thơ chửi chế độ. Ai cho phép đun nấu? Tôi cùm cổ các anh lại! Hấn đi cả giày đầy bùn ướt, leo lên chiếu tôi:

- Đưa cái ca đây!

Tôi ôn tồn trình bày:

- Tôi xin nước sôi ở nhà bếp, không đun nấu. Anh Cung với tôi biết nhau từ ngoài xã hội. Anh đem cho tôi ít thuốc lào. Trời mưa rét, chúng tôi uống tí trà cho đỡ lạnh. Họ lao sắp chết cả, thơ văn gì nữa.

Võ trợn mắt:

- Im, không được chửi. Tôi đứng ngoài nghe hết cả rồi!

Anh em ở trại đã cho tôi biết cán bộ Võ, người miền Nam tập kết đã nhiều tuổi, nghiện trà cực nặng, không ác, chỉ phải tính hay nạt nộ nhưng lại thích người khác nói nhẹ nhàng.

Tôi chống chế:

- Cán bộ ở ngoài nghe thì đã rõ là chúng tôi không nói xấu chế độ. Anh Cung theo Đảng chống Pháp từ 16 tuổi, nhất thời lệch lạc về tư tưởng, Đảng chỉ cho vào đây “uốn nắn” lại. Đòi nào anh ấy nói xấu Đảng.

Võ trợn mắt nhìn anh Cung, quát to hơn:

- Về ngay bệnh xá!

Rồi quay sang tôi:

- Chiều đi làm ngay!

Thế là chúng tôi hết bay bổng. Rơi tõm xuống thực tại.

Từ đó chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau. Khi có trà, khi không. Toàn nói về thơ. Mấy tháng sau, anh Cung ra khỏi bệnh xá, vào toán đan lát. Cùng một toán, chúng tôi ở cùng một phòng, tha hồ chuyện trò.

Anh em tù cũng xếp Phùng Cung vào loại phạm binh, phạm cán, nghĩa là những kẻ “Hồng Kỳ sinh, Hồng Kỳ dưỡng”, lạc điệu một chút, bị Đảng tổng vào trại giam, nhưng vẫn còn tương đối “vững lập trường”, vẫn “cách mạng”. Lúc đầu họ tưởng họ chỉ cải tạo ngắn hạn rồi Đảng sẽ “xét lại” cho về. Họ cũng ăn, ở, làm, y hết chúng tôi, nhưng họ vẫn tự hào tuyên bố là họ “Tù khác!” làm tôi phì cười. Số phạm binh, phạm cán này khá nhiều, Ban Giám Thị không ưu tiên hết được. Chỉ một số nhỏ được làm văn hóa, trật tự, trực phòng, toán trưởng các toán... Những năm đầu, chúng tôi khổ với họ. Những cuộc họp trong toán thường do họ điều khiển. Những phương pháp kiểm điểm, phê bình, tố giác, chụp mũ họ sử dụng thô bỉ, đều cáng hơn ngoài xã hội nhiều! Nhưng rồi ba năm, sáu năm, chín năm... Ăn hết “lệnh” này tới “lệnh” khác, vẫn tù (lệnh là “lệnh tập trung”, ba năm một lệnh). Họ uất ức, lên án chế độ thậm tệ, và... đi cùm, tỉnh dần dần. Công bằng mà nói, cũng có một số phạm binh, phạm cán có tư cách, không cáo cò, không hành hạ bạn tù, mà thông cảm với số phận oan khổ của mọi người. Họ nhận thức được họ cũng cùng một kiếp, cũng là nạn nhân cả, không có “Tù khác” gì hết! Làm ăng-ten mà tù miền Bắc chúng tôi gọi là Béc-giê, thành phần nào cũng có: Tư sản, địa chủ, công nông, sĩ quan, binh lính, viên chức thời chính phủ quốc gia Bảo-Đại, trí thức... Chỉ riêng những người Công giáo, Phật giáo, những linh mục, tu sĩ, nhà sư là rất hãn hữu. Điều này chứng tỏ Tôn Giáo là vô cùng hữu dụng trong việc duy trì nhân phẩm, đạo đức loài người!

Phùng Cung là một trong số rất ít những kẻ “Cờ đỏ để, cờ đỏ nuôi” nhìn suốt vấn đề, dứt khoát với Đảng với chủ nghĩa Mác-Lê khá sớm. Nhiều đảng viên tù lâu cũng chán Đảng, Bác. Nhưng tâm trạng họ vẫn là tâm trạng “*Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng*”. Anh Cung tâm sự với tôi là phải trải qua nhiều năm suy tư, nhận xét, phân tích nghiêm túc, anh mới khai tử được chuỗi mơ hồ, mới làm nổi những câu thơ như:

Ngộ độc rồi, lại chúc độc lẫn cho nhau!

Độc đây là chủ nghĩa Mác-Lê, là thiên đường Cộng Sản đầy ảo ảnh huyền hoặc như “*Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu*”, “*Thế giới đại đồng không còn biên giới*”, “*Xã hội không còn giai cấp, không còn người bóc lột người*”, mọi bất công, áp bức đều tan biến, chỉ còn lao động sáng tạo và thương yêu. Để đi tới cái tương lai lấp lánh đó thì bạo lực phải là bà đỡ của cách mạng, giai cấp vô sản phải là kẻ đào mồ chôn giai cấp hữu sản, nông dân phải đập đầu địa chủ xuống bùn đen vạn kiếp, Đảng Cộng Sản phải là Đảng duy nhất lãnh đạo, Đảng kiểu mới, phải có nền chuyên chính bằng thép; văn hóa, nghệ thuật, giáo dục chỉ có một nhiệm vụ duy nhất là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, nhà văn, nhà thơ phải là “*kỹ sư tâm hồn*”, trái tim của nghệ sĩ phải thuộc về Đảng, phải coi tôn giáo là thuốc phiện, là phản động, và như Lê-Nin nói “*Không thừa nhận một thứ đạo lý nào khác. Cái gì có lợi cho Đảng, cái đó là đạo lý*”, “*Kẻ nào không đi với chúng ta, kẻ đó là kẻ thù*”, “*Chúng ta không xoa đầu kẻ thù, mà chúng ta phải bóp vỡ sọ chúng!*” Đến nỗi Maxim Gorki phải kêu lên: “*Nếu quan niệm đơn giản như thế, thì mọi giá trị bị phá hủy hết!*”

Nhiều người nhiễm độc nặng đến nỗi như bị quỷ ám, không nhận ra rằng họ đang xây con đường lên cái chân trời Cộng Sản mù mịt đó bằng thầy người, bằng nước mắt, mồ hôi, rớt rãi, cơ hàn, chiến tranh, lao tù, gian dối, thủ đoạn tàn bạo, bằng ngu tối, vô luân, vô sỉ, bằng nô lệ kèm kẹp, bằng hủy diệt tất cả những gì mang tính người! Chẳng khác gì muốn làm một bữa tiệc ngon mà dùng toàn đồ thiu thối, đầy ròi bọ, đầy chất độc. Phật, Chúa, Khổng-Tử đều mong muốn nhân loại “yêu thương nhau”, “hỉ xả từ bi”, “bốn bề là anh em” và răn mọi người phải tu thân, phải làm điều thiện, phải có lòng lành ngay cả trong những việc nhỏ nhặt hàng ngày. Tóm lại là phải tu nhân tích đức. Cộng Sản lại coi những khuyến dụ đó là ru ngủ, là mê tín, là phản động, lạc hậu.

Từ đầu thế kỷ này, Lê-Nin đã ngây thơ khẳng định rằng chế độ tư bản đang giấy chết. Y hẳn không ngờ rằng nó giấy gần một thế kỷ rồi vẫn không chết, mà ngày càng cường tráng. Còn chế độ của y và Đảng y dày công dựng lên thì chỉ ra đời mới có bảy mươi năm đã chết không kịp giấy! Các triều đại phong kiến của một giòng họ cũng kéo dài 800 năm, 400 năm, 300 năm, 200 năm, chế độ tư bản cũng hình thành mấy thế kỷ rồi mà vẫn đầy sức sống. Tại sao chế độ Mác-Lê lại chết yếu như vậy? Chính vì tính chất Phi Nhân của nó!

Phùng-Cung vốn là tín đồ Mác-Lê, nhưng anh lại gọi chủ nghĩa Mác-Lê là “Học thuyết King Cobra”, lại nhận xét về Đảng tính như thế này:

Tổ chức rên bằng được cho tôi thú tính.

Bước quá độ vững vàng để tiến lên Đảng tính!

Để tẩy hết được chất độc, cho tâm hồn trong sáng, anh đã phải treo xác mình lên cửa quan biển hóa, như mấy câu thơ rất triết lý trong bài “Dòng Sông” của anh đã nêu rõ:

Trong sông, những giọt nước nhỏ nhoi, tôi con của vô tận.

Buổi du hành, lòng vương sầu xứ.

Nguyện treo xác mình lên cửa quan biển hóa.

Hẹn bước trở về trong sáng ngàn thu...

Giống như Khuất-Nguyên, Phùng-Cung vẫn thiên:

Nhà thơ hỏi Không Trung

Hỏi đủ ba lần

Cả ba lần đều được trả lời bằng một màu xanh bất tận!

Để đi tới một kết luận, Phùng-Cung thường phải suy nghĩ gian nan lắm. Anh nói bằng một hình tượng dân gian rất quen thuộc, nhưng dưới ngòi bút anh trở thành mới lạ:

Mỗi ý nghĩ trong ta đều trải qua lặn lội.

Như phận chiếc cò lặn lội trong phong dao...

Nằm trong tù, anh thấm hiểu rằng nuôi nấng anh, dạy anh làm người là người mẹ đầy yêu thương, đầy nghị lực, chứ không hề phải là Đảng, Bác:

Mồ hôi mẹ tháng ngày đấm đấm nhỏ giọt.

Con nínu giọt mồ hôi đứng dậy làm Người.

Hai câu thơ này, cũng như nhiều câu thơ khác của Phùng-Cung, bộc lộ rõ tài sáng tạo chữ, sáng tạo hình tượng nghệ thuật của anh. Những chữ “đấm đấm”, “nínu”, toàn là những chữ bình thường hàng ngày, nhưng dùng đúng chỗ, đắc địa, chúng trở thành độc đáo, gợi cảm vô cùng: hình ảnh người Mẹ lao động cực nhọc, làm lụi, bền bỉ, năm này qua năm khác. Người con bé bỏng nínu vào giọt mồ hôi đấm đấm chảy xuống của Mẹ, mà đứng dần lên khôn lớn làm người, diễn tả một cách xúc động công lao dưỡng dục trời biển của Mẹ. Một hôm tôi hỏi anh Cung:

- Anh có hối hận vì đã theo Đảng kháng chiến chống Pháp không?

Anh trả lời ngay lập tức. Chắc anh đã suy ngẫm nhiều về điều này:

- Theo Đảng thì hối hận. Kháng chiến chống Pháp thì không.

Tôi cười:

- Chống sự đô hộ của ngoại quốc là đúng. Nhưng nó chỉ được gọi là đúng khi thắng Pháp rồi, cuộc sống phải tốt đẹp hơn. Nếu anh biết trước cuộc sống người dân lại khốn nạn hơn nhiều lần thời Pháp thuộc, về cả vật chất lẫn tinh thần, thì anh có tham gia kháng chiến không? Thoát khỏi chiếc chảo bỏng để rơi thẳng vào than lửa, anh không hối hận sao? Tôi kính phục tinh thần yêu nước của dân mình dám hy sinh tất cả để giành độc lập. Nhưng dân mình đã bị lừa gạt, phản bội. Bị lừa phản ê chề như thế mà anh không hối hận? Nhìn cuộc sống trần trụi đều cang, khủng khiếp bây giờ, tôi đã tự hỏi:

Phải chăng đó giá công lao huyết hãn

Mấy ngàn ngày đánh Pháp những năm xưa?

Cuộc khởi nghĩa của Lê-Lợi kéo dài 10 năm cũng hy sinh, gian truân lắm! Nhưng nếu Lê-Lợi bằng xương máu của dân, thắng quân Minh, lại thiết lập một triều đại tàn bạo hơn cả quân Minh thì lịch sử đánh giá Lê-Lợi là có công hay có tội? Lê-Lợi được coi là anh hùng dân tộc hay bạo chúa vô

song? Giả thử những Phạm-văn-Xảo, Trần-Nguyên-Hãn, Nguyễn-Trãi sống lại tôi hỏi các vị đó là nếu biết trước bị chặt đầu, bị tru di tam tộc bởi chính cái triều đình mà các vị là khai quốc công thần, các vị có vào Lam-Sơn tìm Lê-Lợi không? Hay các vị đã tìm nơi ẩn cư? Dù cuộc nổi dậy chống Minh là chói lòa chính nghĩa, người dân có cuộc sống tốt đẹp hơn nhiều dưới thời Minh Triều cai trị...

- Nhưng...

Anh Cung định nói. Tôi giờ tay ngăn lại:

- Anh đừng trả lời ngay. Đây chỉ là một ý kiến. Anh hãy suy ngẫm cái đã.

Trong cuộc đời tù 27 năm của tôi, tôi chơi với nhiều phạm binh, phạm cán. Nhiều bạn tù không bằng lòng về sự giao thiệp này. Tôi nghĩ họ chỉ là những công cụ mù quáng của Đảng, cần phải soi sáng cho họ bằng những lý lẽ xác đáng, vô tư. Hơn nữa, có thực quyền quyết định tới vận mạng dân tộc chỉ có mấy chục tên trong Bộ-Chính-Trị, trong Ban-Bí-Thư. Tội lỗi với Tổ-Quốc cũng chỉ những tên đó là Chính Phạm. Vả lại, đã vào tù, thời những công cụ mù quáng kia đã trở thành nạn nhân, một điều kiện rất thuận lợi để giúp họ nhìn rõ sự thật mà họ đã thấp thoáng nhận thấy. Tại sao lại phải xa lánh họ? Nhất là khi lẽ phải ở về phía ta? Các cụ ngày xưa đã chẳng bảo là “Nói phải củ cải cũng phải nghe”. Huống chi họ cũng là người, dù bị ngộ độc nặng! Trừ những tên tay sai đắc lực có nợ máu đã trở thành đao phủ của dân lành. Trừ những kẻ quyền uy nghiêng ngả hưởng thụ thừa mứa đã biến thành Yêu, thành Quỷ! Chỉ những kẻ không thể gọi là người được nữa, mới có thể ra những nghị quyết bắn bỏ hàng vạn dân vô tội, tù đầy không xét xử hàng bao nhiêu vạn người lương thiện, phá tan nát bao gia đình, đẩy hàng triệu thanh niên nam nữ đi chết vùi, chết giập trong giải Trường-Sơn, nhằm mục đích xây dựng một nước Việt-Nam thống nhất trong lao ngục, xiềng xích, cơ hàn, tối tăm. Tôi thường trao đổi như vậy với Phùng-Cung, với các bạn khác. Chẳng ai đánh giá tôi là cực đoan. Một số người còn coi tôi là quá bao dung !

Một hôm Phùng-Cung mỉm cười nói với tôi:

- Mình vừa làm xong một bài thơ hiện thực kiểu Thiện làm. Nghe thử xem.

Anh đọc một bài thơ dài đến hơn 30 câu. Tôi yêu cầu anh đọc lại cho tôi nghe tới ba lần. Tôi lắng đầu:

- Tôi cũng thích giọng thơ của anh lắm. Tôi đã cố thử mãi, nhưng không ổn. Anh cũng không nên nhảy vào lĩnh vực của tôi. Chúng ta hãy phát huy cái sở trường của riêng mỗi người. Như thế đỡ phí công vô ích.

Thấy Phùng-Cung không vui, tôi nói thêm:

- Văn, và nhất là Thơ, nó là Người, anh ạ. Chúng ta đọc thơ Nguyễn-Du, Tú-Xương, Xuân-Hương, Yên-Đỗ, chúng ta thấy như được sống gần gũi thân thiết với họ. Chúng ta có thể hình dung nổi được tính khí của từng người từ cái đặng háng, cái lờm, cái ho, cái cười khẩy, từ điệu bộ, giáng dấp, thái độ, phong cách ăn nói, đi đứng, cảm xúc, rung động của họ. Không ai giống ai. Chẳng hạn như anh, tôi trước có gặp anh bao giờ đâu, ảnh cũng không thấy. Chỉ vì đọc “Con ngựa già” của anh, nên khi nhìn thấy anh, tôi nhận ra ngay. Thậm chí cùng một bài thơ mà phong cách tác giả khác, phong cách dịch giả khác. Như Tỳ Bà Hành của Bạch-Cư-Dị và bản dịch của Phan-Huy-Vịnh. Đọc ta thấy hai người khác hẳn nhau. Thí dụ như mấy câu:

Cùng một lứa bên trời lận đận

Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau

Từ xa Kinh nguyệt bấy lâu

Tâm-Dương đất trích gổ sấu hôm mai.

Dịch vừa sát ý vừa chau chuốt, đẹp. Nhưng không phải là Bạch-Cư-Dị nữa, mà là Phan-Huy-Vịnh, một nhà nho hiền lành, đa cảm, ủy mị. Trong khi nguyên văn:

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân

Tương phùng hà tất tăng tương thức

Ngã từng khứ niên từ đê kinh

Trích cư ngộa bệnh Tâm-Dương thành.

Tôi dịch từng chữ để anh thấy:
*Cùng là kẻ lưu lạc nơi chân trời
Gặp nhau hà tất phải từng biết nhau
Ta từ năm trước rời Đố Kinh
Làm kẻ lưu đầy nằm óm ở thành Tâm-Dương này.*

Những câu thơ đầy khí phách của một chí sĩ, đượm tinh thần tứ hải giai huynh đệ, bi nhưng hùng, khác hẳn với họ Phan. Nhiều nhà phê bình Trung-Quốc không cảm nhận được cái hồn của họ Bạch, liệu lĩnh nói thơ ông là bạch thoại, thơ để các chị vú em đọc, gần bốn nghìn bài thơ của ông không có tới một gram chất thơ! Còn Xuân-Diệu nữa, anh biết là một tay Pédé chứ? Đọc thơ hẳn là rõ ngay!

- Sao thơ hẳn cũng lộ ra là Pédé à?

Đây nhé:

*Chớ đập hồn em, trăng từ viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn.*

- Anh có thấy giáng điệu eo ợt của một tay đồng cô không?

Phùng-Cung cười tít cả mắt:

- Đúng quá, không sai tí nào!

- Còn nhiều nữa, như:

*Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang, nắng trở chiều.*

Anh có thấy nó là lời, ông ọ không? Có tí gì là đàn ông đâu!

Cụ Vũ-Thế-Hùng, một trí thức đã du học ở Pháp, một nhà thơ, một giáo dân có uy tín, một quan huyện thời trước 1945, trở ngón tay vào mặt tôi vừa cười vừa nói:

- Phải gọi mày là thằng quái ác, chứ không gọi là Chí-Thiện được!

Cụ Hùng cũng như cụ Nguyễn-văn-Tiến, cựu đảng viên đảng Cộng Sản Pháp, đều rất thích thơ Phùng-Cung. Khi nghe Cung đọc thơ, cụ Tiến thường gật gù: "Merveilleux! Merveilleux!" (Kỳ diệu! Kỳ diệu!)

Nhờ thơ, nhờ bạn bè, đời tù của chúng tôi bớt phần nặng nề, u uất.

Phùng-Cung sống rất sơ sài, không bao giờ để ý tới chuyện ăn, chuyện mặc. Ước vọng của anh đối với dân tộc cũng không cao xa. Anh chỉ dám mơ cho người dân được sống xum hòa, đầy đủ rau gạo, thế thôi. Ước vọng đơn sơ này được anh thể hiện bằng những vần thơ tươi mát, nhiều màu sắc, nhiều hình ảnh đẹp:

*Cây đại xuân ngạt ngào hương vạn thọ
Muôn chim hỡi, hãy về đây xây tổ ấm
Để chào đón một bình minh
rau gạo xanh trắng toàn phần!*

Nằm trong tù, anh mong cho thế giới an bình, lòng người dịu lắng, thô chém giết. Tư tưởng nhân ái này, anh diễn tả bằng những vần thơ êm ả, tuyệt mỹ:

*Vùng châu thổ Lương Hà gà vang tiếng gáy
Lớp lớp thương vong lòng bằng an ngồi dậy
Dưới ánh sao mai ưu ái trong lành...*

Sao mai là biểu tượng của Đức Mẹ, của lòng lành, của sự quan phòng ưu ái!

Phùng-Cung không phải là người Công giáo, anh xưa tin theo Đảng, tin vào chủ nghĩa cộng sản. Nhưng anh thấy bất cứ nước nào đem ứng dụng chủ nghĩa vô thần này đều gây ra những thảm họa gớm ghiếc. Anh hướng về Chúa, cầu mong sao có ngày:

*Khấp nẻo xanh Nam Bắc bán cầu
Chim hót thánh thi!*

Tuy nhiên, ý thức rõ ràng ngày nào còn Đảng, ngày đó dân tộc còn chìm đắm, còn quần quai trong vực thẳm, anh khao khát được xuống đường xung trận, chém sả vào đầu con Rắn Đổ để đón

Ròng Thiêng về lại xứ sở. Xong việc, anh sẽ quỳ xuống để Thượng đế phán xét hành vi xung sát của anh. Hãy nghe những vần thơ mà âm điệu thực kỳ diệu, mới lạ:

*Còn ta
Lưng đeo roi
Ta quỳ dưới chân Thượng Đế nhân từ
Để Người tiện xét hành vi ta xung sát
Ôi, bóng xế ngả dài
Dài như sâu muộn
Nẻo hoàng hôn chưa gột rửa
Vương máu xa xăm...
Dấu xưa ơi, ta đừng cương
Chùm chuông nhỏ trên tháp thiêng làng cũ
Mẳng nghe tiếng chiều, sầu đổ
Dư âm siêu hóa
Cõi bụi hồn ta vượn cánh xanh, lằng lằng...*

Một buổi sáng, cán bộ giáo dục Cửu đưa anh Cung lên gặp Ban Giám Thị. Hơn một tiếng sau, anh trở về, mặt rầu rầu:

- Vừa gặp hai nhà văn làm việc cho Công An, Nguyễn Công Hoan và Đồ Phồn. Họ nói ở đây cảnh trí đẹp, thoáng đãng, đúng với cái tên Phong Quang! Rồi an ủi mình “Cứ an tâm nghỉ ngơi, Bộ sẽ cứu xét”. Mấy anh tù giỏi về nấu nướng đương thịt một con dê để ban giám thị “mời cơm thân mật” họ. Hai ông có vẻ thoải mái lắm. Họ khoe chiều họ đi săn bắn. Họ bảo mình ở đây trong cái rủi cũng có cái may. Ở ngoài đương đánh Mỹ ác liệt. Tất cả dồn cho chiến trường miền Nam. Riêng tỉnh Thanh-Hóa đã động viên tới 45 vạn bộ đội. Nhiều xã không còn thanh niên nữa. Đồng chí Lê-Duẩn nói nhân dân ta dù có phải mặc quần xà lỏn, đốt đuốc, cũng đánh Mỹ tới cùng. Bác trước khi mất cũng nhắc lại với họ là dù có đốt cháy cả dãy Trường-Sơn cũng phải chiến đấu. Nhân dân ta không sợ hy sinh. Nhất định thắng!
Nguyễn-Công-Hoan còn đọc cho mình nghe một bài thơ y làm đề ca ngợi công lao “Trị bệnh cứu người” của cán bộ trại. Thơ lục bát, mình chỉ nhớ có hai câu đầu.

*Ra đi cứ tưởng rừng hoang
Tới nơi mới biết Phong Quang đẹp giàu!*

Trung úy Cửu dẫn mình về trại nói là hẳn còn phải chuẩn bị trà ngon, nắm hương, mật ong, rượu tắc kè, thịt nai sấy để tiễn các ông ấy. Tiếng nói của các ông ấy có trọng lượng lắm!

Mấy hôm sau ngồi chề nan cốt cạnh tôi, anh Cung thở dài:

- Tất cả cuộc chiến tranh tai hại này đều do ý thức hệ Mác-Lê đẻ ra cả. Mọi tổn thất nhân dân hứng hết. Anh nghe thử ý mấy câu này xem có được không:

Trong vạc nước sôi đang luộc lá cờ

Quần quại, nổi chìm

Chợt phai, chợt thắm

Bây giờ gia đình nào cũng chia ly tan tác, nên tôi phác thảo mấy câu rồi hoàn chỉnh sau:

Một bước ra đi

Một bước sinh ly

Phố vắng ngả bóng chiều rầu rĩ

Ngậm ngùi tìm dấu cổ nhân...”

Có tiếng cười nói tục tĩu, nhốn nháo. Trên đường sát ngay chỗ chúng tôi ngồi làm, mấy chục thiếu phạm tuổi từ tám, chín, tới 14, 15 vác xẻng, cuốc, quang gánh đi qua. Thường gần trại giam nào cũng có một trại dành cho thiếu phạm mang cái tên khó hiểu là “Trường Phổ Thông Công Nông Nghiệp 2”. Các thầy, các cô đều là công an trại giam cử sang. Các em trai đều gày nhom. Mấy em

gái thời đầy đà, khỏe mạnh do được các thầy quan tâm giáo dục, bồi dưỡng. Tôi cười, nói với anh Cung và mấy ông bạn già ngồi cạnh.

- Các bác nhìn xem, mấy con bé kia, tuổi đời mới độ 13, 14. Nhưng tuổi bộ ngực thời phải 17, 18. Phát triển lạ như thế là do các thầy đấy.

Trước đây có vài em 9, 10 tuổi, vì phạm nội quy nặng, bị đưa sang trại tù sống với chúng tôi. Các em nói chuyện như người lớn. Cuộc sống của các em đã dạy cho các em hiểu về chế độ xã hội chủ nghĩa hơn cả mấy ông đại trí thức. Tôi hết sức kinh ngạc. Có lẽ đầu óc trong trắng của các em chưa kịp ngộ độc bởi tuyên truyền thì tai họa đã giáng xuống các em rồi. Mắt các em nhìn thực tế thế nào thì hiểu như thế, không bị các kiểu lý thuyết hảo huyền làm mù mắt. “Nhiều cục trưởng, vụ trưởng mà ngu, gửi các con vào chỗ chúng cháu, mong Đảng giáo dục thành cháu ngoan bác Hồ. Các thầy, các cô toàn ăn chặn của các cháu. Các cháu đói lắm rồi phải lao động. Ở với các chú còn sướng hơn! Trên đời này phải cướp phá, chém giết để mà sống. Nhân đạo là tự sát!” Chắc chắn đó là những lời các em học được ở các đàn anh lưu manh lớn tuổi hơn. Những người có tiếp tế thường cho các em quà. Tôi cũng quý các em, thường ôm các em vào lòng, khuyên bảo các em được chút nào hay chút ấy. Tôi làm được hai bài thơ nói về các em trong dịp này.

Một tối, tôi đọc hai bài thơ về Mao cho anh Cung nghe. Mấy bạn tù ngồi nghe cười thích thú. Anh Cung nghiêm nghị:

- Phải thận trọng. Tránh bôi nhọ bừa bãi. Cần phải xác thực. Sao anh biết Mao dâm dăng mà dám nói: “*Nó là Đổng-Trác, nhưng dâm hơn nhiều*”?

Tôi bực mình, hơi gắt:

- Chẳng lẽ tôi là người vu vạ? Được, tôi sẽ cho anh rõ.

Đến chủ nhật, tôi đưa anh Cung và anh Vương-Diệu-Dếnh tới bệnh xá nói chuyện với hai người tù Trung-Quốc vừa chuyển tới vài tuần. Một người nguyên là Thiếu Tướng. Một người từng là Tổng Công Trình xây dựng thủy điện Thác Bà. Tôi kiểm bao thuốc Tam-Đảo, một ấm trà búp mồi họ. Chúng tôi ngồi nói chuyện. Anh Đếnh phiên dịch. Anh Đếnh là người Trung-Quốc ở Lào, vượt biên giới năm 1958, sang thăm một người bạn ở Thanh-Hóa. Anh bị bắt, bị nghi là gián điệp, và bị giam hơn 20 năm cho tới chết. Hai người cộng sản Trung-Quốc kể lại nạn đói kinh hoàng vào những năm 59, 60, 61 do phong trào Đại Nhảy Vọt và Toàn Dân Luyện Thép gây ra làm chết hàng chục triệu người. Theo họ nói, có những phụ nữ đói đến nỗi tắt cả kinh. Dân chết như vậy, Mao vì sĩ diện, vẫn dùng nhiều triệu tấn lương thực trả nợ cho Liên-Xô! Chuyện ăn thịt người xảy ra ở nhiều nơi. Rồi tới Đại Cách-Mạng Văn-Hóa, tàn sát không biết cơ man là người. Họ chạy sang Việt-Nam cũng là để trốn sự truy lùng của Hồng Vệ binh. Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Sang tới biên giới Việt-Nam, họ vào tù ngay. Ông thiếu tướng có dịp được gần Mao, kể lại Mao thường hay lang chạ với các cô văn công quân đội, các gái quê kháu khỉnh. Các đồng chí bảo vệ Mao, kiểm luôn cả chức ma cô đưa dất gái phục vụ cho người cầm lái vĩ đại.

Anh Cung nghe mà sững sờ. Tôi nói với hai người Trung-Quốc là các Hoàng Đế xưa còn có nhiều cung nữ hơn Mao. Điều đáng trách là Mao lại lên mặt “Đạo đức cách mạng”, “Lương tâm cộng sản” mà xử tù người khác về tội hủ hóa. Đôi khi còn xử tử nếu dám liêu mạng chơi trò đê lên các nữ đồng chí có chồng là cán bộ cao cấp công tác xa.

Hai người cộng sản Trung Quốc độ một năm sau bỏ xác tại trại tù Phong Quang.

Phải nói hiếm có nhà thơ nào mê thơ như anh Cung. Có lần chúng tôi mải tranh luận về một chữ. Anh em đang chia cơm. Họ gắt âm lên, gọi chúng tôi ra đặt bát để lấy cơm. Chúng tôi hấp tấp chạy ra! Anh Cung ngã xuống giao thông hào (đào để tránh máy bay Mỹ oanh tạc và cũng để vùi xác chúng tôi, nếu máy bay Mỹ tới cứu. Ban giám thị nói thẳng với tù như vậy). Anh ngã, văng cả cà thìa, cả bát.

Vài anh em thỉnh thoảng lại thì thầm với tôi:

- Anh Thiện này, ông Cung hình như bị bệnh thần kinh ấy.

Tôi cười:

- Ông ấy tình như sáo, kinh kệ gì!

- Không, đúng thật mà, tôi thấy ông ấy hay ngồi bên giao thông hào, miệng lẩm bầm, bầm bầm ngón tay như bầm độn!

Tôi hiểu ra. Đó là anh đang làm thơ, lẩm bầm đọc đi đọc lại để sửa chữa. Bầm ngón tay là đếm chữ.

Các bạn tù kể lại trước khi tôi tới trại Phong Quang, có lần anh Cung ho ra máu nhiều, tưởng chết, đã nhờ bạn bè, nếu anh chết, hãy nhắn cho vợ anh, chị Thoa, là có thể đi lấy chồng. Nhưng rồi các bạn cố xoay sở kiếm cho anh thuốc chữa, anh qua khỏi.

Khi hiệp định Paris sắp sửa ký, anh, cụ Vũ-Thế-Hùng, cụ Nguyễn-Văn-Tiến được thả. Mừng cho các người được về, nhưng lòng tôi buồn rười. Những cuộc vĩnh biệt, ly biệt, hội ngộ, tái ngộ ở trong tù bao giờ cũng xúc động hơn ở ngoài xã hội. Có lẽ vì nó xảy ra bất ngờ, cũng có lẽ vì người tù, do bị cách biệt với cuộc sống nên tình bạn thường rất gắn bó, sâu nặng.

Đến năm 1977, tôi và đa số bạn tù của tôi được thả. Các anh Trần Nhu, Nguyễn-Ký, Lương biệt kích, Sơn biệt kích, Vũ-Thư-Hiên, Kiều-Duy-Vĩnh, Lê-quang-Dũng v.v... lần lượt ra về, số tù còn lại không nhiều. Nhưng đã có những tù mới tới bổ sung! Khi thả tôi cùng độ hai chục người nữa, chánh giám thị trại Trịnh-Văn-Thích nói: "Tha các anh là tha những cái xác vật vờ. Đảng còn phải cho cái bọn miền Nam nó hiểu thế nào là chuyên chính vô sản!"

Quả thực từ 1975, quản giáo phải chuyển vào miền Nam rất nhiều. Tù từ Nam chuyển ra Bắc cũng không ít. Guồng máy chuyên chính hoạt động rầm rộ trên địa bàn cả nước, nên tạm thời thiếu cai ngục.

Về tới Hải-Phòng, tôi sống với bà chị là Nguyễn-Thị-Hoàn và gia đình con bà. Căn nhà 136 phố Ga có tới 10 hộ chen chúc. Toàn là các gia đình cán bộ đảng viên, tổ trưởng khu phố và một gia đình của chính công an phường tên là Thanh. Công an Phường, công an Quận, công an Sở thường xuyên tới "hỏi thăm sức khỏe". Sống trong tình thế như vậy, tôi không dám ngồi trong cái buồng con 8m2 của tôi để viết lách. Tôi thường đạp chiếc xe đạp con gấu, loại xe kẻ cấp không thêm lầy, đi ra ngoài thành mua dấm lít rượu về bán cho các hàng thịt chó. Khi lò nấu rượu bị lộ vỡ, tôi lên Hà-Nội nhờ anh Vũ-Thư-Hiên giao bột nở, nhờ anh Trình, Trung úy quân đội Pháp, giao cho mấy bó nan hoa xe đạp mang về Hải-Phòng bán, sống qua ngày. Cuộc sống của Phùng Cung cũng khổ sở chẳng khác gì tôi. Bạn bè đều phải lo kiếm sống, họa hoàn lăm mới gặp nhau.

Ngày 16-7-1979, tôi vào Tòa Đại Sứ Anh giao tập thơ gần 400 bài cho họ, rồi trở ra và được chở thẳng vào xà lim 1 Hỏa-Lò. Lại bắt đầu cuộc đời tù tội, cung kẹo, cùm kẹp, đói rét trong suốt 12 năm. Tôi và anh Cung, dù ở trong lao ngục hay ở ngoài, vẫn làm thơ, mỗi người một kiểu thơ khác nhau, dù thơ vẫn chỉ mang lại toàn tai vạ cho chúng tôi. Đúng là cái nghiệp!

Ngày 28-10-1991, tôi được thả về, ở 65 Nguyễn-Công-Trứ với bà chị thứ hai là Nguyễn-Thị-Hảo và gia đình con bà. Lúc này tôi rất yếu, nặng có 42 cân, lại đau đầu, trĩ nội, trĩ ngoại. Sau 12 năm xa cách, ra ngoài bạn bè người thì chết đói, chết bệnh, tự tử, vượt biển mất xác, tâm thần, người thì vào tù nữa, người thì may mắn trốn thoát ra nước ngoài. Những bạn còn lại trong nước lần lượt mời tôi tới nhà tổ chức ăn mừng liền mấy tuần. Trong những tiệc vui đó, tôi phải kê gối nằm nghiêng vì trĩ quá nặng không ngồi lâu được. Tình cảm bạn tù chúng tôi thật quý báu. Bất chấp sự rần ã, sự theo dõi, chụp ảnh trộm của công an, chúng tôi vẫn giao tiếp với nhau công khai. Liên-Xô đổ đã làm Đảng choáng váng, chùn tay lại. Căn nhà của các anh Phùng-Cung, Phùng-Quán, Trung úy Phan-Hữu-Văn, Đại úy Kiều-Duy-Vĩnh bị bộ công an theo dõi chặt chẽ, vì chúng tôi thường gặp nhau ở những nơi đó. Hàng tháng, vào những ngày chủ nhật, tôi đi xích lô tới nhà anh Cung, ở chơi với anh cả ngày. Lại hút thuốc Lào, uống trà, chuyện văn thơ, ngồi ngay trên nền nhà. Nhìn chị Thoa vợ anh Cung xới cơm, múc canh, tôi nhớ hai câu thơ anh viết về những người vợ, người chị Việt-Nam dịu hiền, chịu thương, chịu khó, nhường nhịn:

Từng đội cháo, lưng rau, chia sẻ bàn tay

thanh thảo

Hiu hắt lẻ quê hai bữa cơm đèn...

Anh Cung vẫn say thơ, còn tôi thì đã ngừng từ năm 1988 vì suy nhược thần kinh, hay bị đau đầu khi phải suy nghĩ lâu. Bác Nguyễn-Hữu-Đang, anh Phùng-Quán, anh Lê-Quang-Dũng cũng thường có mặt.

Anh Cung thấy tội nghiệp cho Tố-Hữu. Nhân dân chẳng còn ai nhắc tới thơ hán nữa. Gần 40 năm trời, cả một bộ máy tuyên truyền khổng lồ nâng đỡ, hà hơi tiếp sức mà vẫn chết. Thực hoài công!

Tội nghiệp nhà thơ

Họm mình

Lắm lạc

Bởi không biết sống

Nên không biết chết

Nửa thế kỷ bị lưu đày

Trong cũi tung hô!

Tuy anh Cung khinh Tố-Hữu, nhưng cũng như chúng tôi, anh không liệt hán vào loại bồi bút. Chúng tôi nghĩ Tố-Hữu làm thơ ca ngợi Hồ-Chí-Minh, Lê-Nin, Stalin, Mao-Trạch-Đông, ca ngợi Liên-Xô, Trung-Quốc, phe xã hội chủ nghĩa, vì hán thực sự là một người cộng sản. Hán ca ngợi đảng hán, chế độ hán, các lãnh tụ hán. Không cần làm thơ, hán cũng quyền cao chức trọng, hưởng mọi ưu đãi. Cũng như đối với các văn nghệ sĩ trẻ, những người nào thực lòng tin tưởng là chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, Đảng, Bác là vĩ đại, do bị tuyên truyền nhồi sọ từ khi còn là thiếu niên, là nhi đồng họ cũng không phải là bồi bút. Họ chỉ sai lầm. Đầu độc họ chính là những văn nghệ sĩ, những trí thức lớn tuổi, những người ít nhiều đã có danh từ trước 1945. Từ sau Cải-Cách Ruộng-Đất và vụ Nhân-Văn, tiếp sau càng ngày càng phải sống dưới sự khống chế toàn diện và triệt để, bị trói chặt! Những vị này thừa hiểu rằng cuộc sống dưới thời Pháp thuộc tuy chẳng tốt đẹp gì, tuy chịu cái nhục mất nước, cũng còn dễ thở hơn nhiều dưới cái ách của Đảng. Họ rất rõ Đảng là một tổ chức siêu phát xít, cực kỳ hung hiểm, nên họ rất hoảng sợ. Họ tán tụng Đảng, cổ võ mọi chính sách của Đảng, giúp Đảng làm công việc đầu độc lớp trẻ là để được yên thân, để được ưu đãi về vật chất. Họ đi nước ngoài như đi chợ, con cái cũng du học ngoại quốc. Họ mới thực xứng đáng với danh hiệu bồi bút, nghĩa là dùng ngòi bút làm tôi tớ để hưởng bổng lộc đãi ngộ, vất bỏ tất cả những gì gọi là lương tâm, liêm sỉ!

Từ ngày ra tù, suốt 20 năm, Phùng-Cung luôn bị cái đói "*bám thắt lưng mà đánh*". Anh tôn kính hạt gạo lắm!

Tôi rạp đầu

Bạc tóc rạp đầu

Lạy hạt gạo thiêng!

Chị Thoa tần tảo hôm sớm nuôi chồng, nuôi con, thân gầy như thân ve, làm anh đau lòng. Anh làm bài thơ "*Mồ hôi xương*" tặng vợ:

Em vất vả

Tối ngày vất vả

Lưng áo em

Ngoang vôi trắng xóa

Cái trắng này vất tận trong xương!

Vợ chồng anh sống trong cảnh:

Trệu trạo trái sung

Ruột tím cơ hàn

Mà trong lòng vẫn nơm nớp tai họa:

Mắt trước, mắt sau

Kinh hoàng di lụy

Quy gối, chống tay, vẫn còn sợ ngã!

Chính sách khủng bố của Đảng quả là ghê gớm. Chẳng trách bao năm đất nước hơn 70 triệu con người mà cứ bất động, cứ im lặng mênh mông!

Suốt mấy chục năm, công an thường tới nhà anh, gọi anh lên đồn, lên sở đe dọa, khủng bố tinh thần. Có lần, không biết ai tố giác, công an bắt anh và Phùng Quán phải nộp cho chúng tập thơ chép tay của anh độ 50 bài. Cả gia đình anh lo âu, hồi hộp. Cuối cùng đành nộp cho chúng. Cũng may, toàn là thơ tả cảnh cả, không đụng gì tới chế độ, nên chỉ bị tịch thu tập thơ và nghiêm khắc cảnh cáo! Anh mĩa mai ví thân phận anh như cánh bèo, tới cạn kiệt rồi mà không yên:

Lênh đênh muôn dặm nước non

Đạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh.

Nhưng từ khi Đông-Âu tan, rồi Liên-Xô đổ, anh không còn “quỳ gối, chống tay, vẫn còn sợ ngã” nữa, mà ngang nhiên đương đầu với mọi hiểm họa. Năm 1992, anh và Phùng-Quán tổ chức mừng thọ bác Nguyễn-Hữu-Đang 80 tuổi (tuổi ta). Anh viết thư mời các văn nghệ sĩ, mời cả Đỗ-Mười, Lê-Đức-Anh. Trong giấy mời anh đề là “*Mừng sống dai*”. Điều này làm chính quyền tím ruột. Tuy trong buổi ăn uống hợp mặt, không ai trực tiếp lên án Đảng, nhưng sự việc hàng mấy trăm văn nghệ sĩ, trí thức tới mừng thọ một tên phản động bị bỏ tù 15 năm, quản thúc tại Thái-Bình hơn chục năm, đã là cái tát vào mặt Đảng! Đỗ-Mười, Lê-Đức-Anh tất nhiên không tới. Nhưng công an thì tới đông, dù không ai mời. Họ ngang nhiên quay cả video để làm tài liệu! Buổi “*Mừng sống dai*” đông vui này còn chứng tỏ một điều: nỗi sợ đã giảm nhiều. Bạo lực đã ít hiệu quả.

Ngày anh Phùng-Quán mất, Phùng-Cung đứng ra tổ chức tang lễ. Đám táng Phùng-Quán làm Đảng lo ngại. Nó quá đông. Có những vòng hoa đề những dòng chữ như “Những người cùng chung hoạn nạn”, “Một kẻ sĩ bất khuất” v.v... Nhiều bài thơ ca ngợi Phùng-Quán, chửi bóng gió Đảng cũng xuất hiện. Hôm đó tôi đứng cạnh quan tài Phùng-Quán, cùng Nguyễn-Hữu-Đang, Phùng-Cung. Tôi ghi vào sổ tang mấy chữ: “Anh Quán mất đi là một điều đau buồn chung. Nhưng cũng mừng là trước khi nhắm mắt vĩnh viễn, anh đã mở rộng mắt và nhìn rõ sự thật”. Đám táng có nhiều công an chìm, công an nổi. Nhà nước sợ đám tang trở thành một cuộc biểu tình!

Nhiều người lần lượt tới thắp hương trước linh cữu anh và nói vài lời. Tất cả đều bày tỏ lòng thương tiếc và kính phục tinh thần “*Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét*” của anh. Bài nói của nhà thơ, nhà giáo lão thành Vũ-Đình-Liên là cảm động nhất. Chỉ có một tiếng nói duy nhất lạc lõng là bài thơ Hoàng-Cầm đọc. Đại ý nói Quán là người một lòng chung thủy với Đảng, Bác. Đảng, Bác ra lệnh là Quán đi đầu làm theo. Bài thơ này sau đó được báo Văn-Nghệ đăng lại. Chị Trâm, vợ anh Quán giận dữ nói với tôi: “Anh Quán đã bỏ Đảng, Bác từ lâu rồi. Anh Cầm đã sỉ nhục chồng tôi!”

Khi tôi mới tù về, Phùng-Cung đã giơ cho tôi xem bài thơ ca ngợi Hồ nhân ngày sinh 100 năm của y, Hoàng-Cầm làm, lấy tên là “Nhớ về làng Sen” đăng kín cả hai trang báo Văn-Nghệ. Anh còn cho tôi xem tập thơ “Trường ca Bác” của Lê-Đạt cũng làm vào dịp này. Tôi đọc lướt qua, và thấy tiếc cho các anh đó. Anh Cung nói với tôi là không bao giờ mời họ tới nhà anh cả. Tôi thấy anh đã nhiều tuổi rồi, lại ốm yếu, sức thơ của anh cũng đã xuống. Tôi khuyên anh nghĩ thơ, ngồi viết hồi ký về vụ Nhân-Văn. Anh là người trong cuộc, lại là người chân thực, anh biết nhiều sự thật, kể cả những sự thật buồn lòng. Tất cả phải viết ra để mọi người, nhất là lớp trẻ biết rõ.

Từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa lung lay rồi sập, nhà nước Cộng Sản đối phó với những người không phục tùng một cách khôn khéo hơn. Tình thế đã khác. Họ trở nên xảo quyệt, ma quái, tinh vi, không trắng trợn, thô bạo quá như lúc còn cường thịnh. Họ dùng chính sách “vừa dụ, vừa dọa”. Trong một số trường hợp, họ đã thành công. Cụ Nguyễn-Mạnh-Tường viết quyền L’Excommunié (Kẻ bị khai trừ) in ở Pháp, Nguyễn-Khắc-Viện phát biểu bất đồng chút ít. Công an đến đe dọa trước. Rồi nhân dịp tết Nguyên-Đán, Đỗ-Mười thân chinh tới nhà hai vị “mừng tuổi” một số quà, một số tiền, việc này được chiếu cả lên tivi. Thế là hai cụ im hẳn. Chính quyền chỉ cần có thế!

Con trai anh Phùng-Quán, cháu Quân, dấn vào việc đánh chết người, bị bắt vào Hòa-Lò. Năm lấy cơ hội này, công an gọi anh lên sở, đề nghị anh “Có chung tiếng nói với Đảng” họ sẽ tha con anh ngay, coi như vô tội. Vợ chồng anh Quán hỏi ý kiến tôi và Phùng-Cung. Chúng tôi hiểu lòng bố mẹ thương con, không thể không cứu. Cháu Quân lại định tự sát trong nhà giam. Tôi khuyên anh Quán là chỉ cần hứa với công an là anh im lặng cũng đủ rồi. “Còn chuyện có chung tiếng nói với

Đảng” là không thể chấp nhận. Anh Quán thờ dài sườn sượt. Anh hứa với công an như tôi khuyên. Lập tức cháu Quân được về gia đình. Ít lâu sau, anh Quán qua đời.

Bác Nguyễn-Văn-Phổ, con học giả Nguyễn-Văn-Vĩnh, bạn tù của tôi từ năm 1962, hoạt động quân báo nội thành cho cộng sản hồi chống Pháp. Năm 1955, bác bị vu vạ là gián điệp, bị xử 15 năm tù, nhà cửa, tài sản bị tịch thu hết. Bác được giảm 5 năm, nhưng lại nằm tù 17 năm, một tháng, một ngày, mới được thả! Ra tù độ 7, 8 năm, tòa bí mật xử lại vụ án, và xác định là tất cả vô tội. Bác được bạn bè rỉ tai cho biết việc xử lại này. Bác đến tòa xin được văn bản tòa minh oan cho bác. Bác đã ở vào tuổi bát tuần, bác chỉ yêu cầu chính quyền trả lại ngôi nhà bị tịch thu trị giá khoảng sáu trăm ngàn đô la Mỹ. Đơn từ gửi các nơi, năm này sang năm khác, không ai buồn giải quyết. Chúng tôi khuyên bác đưa việc này ra công luận thế giới. Cuối cùng tận năm 1995, bác tới nhà tôi nói một thiếu tướng quân đội tới nhà bác, đưa cho bác 100 triệu (gần 10 ngàn đô la Mỹ). Bác đành bằng lòng cho qua hết: ngôi nhà, đồ đạc, tiền bồi thường 17 năm tù oan. Mọi chuyện êm thấm! Một số trí thức, văn nghệ sĩ, ít nhiều phản kháng khi Đảng cởi trói (thực ra là nói lỏng đôi chút) bị chính quyền dọa dẫm, mua chuộc, đã trở lại với nghề bồi bút cũ như Trần-Mạnh-Hào, Nguyễn-Thị-Ngọc-Tú, Diệp-Minh-Tuyền, Trần-Quốc-Vượng v.v... Một số co lại, im lặng. Nhưng nhìn chung, đại đa số, kể cả các đảng viên, đều chán ghét Đảng. Nhiều người đấu tranh ngấm ngấm chống lại. Cứ xem những bài văn, bài thơ được photocopy lưu truyền khắp nơi thì rõ. Tôi thường nói với anh Cung và bạn bè là tôi có thể sẽ được ra nước ngoài. Nhìn vào tình hình trong nước, tình hình thế giới, tình hình người Việt hải ngoại mà tôi ít nhiều am hiểu qua một số bạn bè từ Mỹ, Canada, từ Pháp, từ Úc về, tôi tin chắc rằng sớm là khi Mỹ bình thường quan hệ ngoại giao với Hà-Nội, muộn là khi Mỹ cho Việt-Nam tối huệ quốc, tôi sẽ được hộ chiếu sang Hoa-Kỳ. Anh Cung, cũng như các bạn tôi, đều là những kẻ sống quá lâu trong lòng cộng sản, nên hiểu rõ tẩy của chúng, đòn phép, ý đồ, đường đi nước bước của chúng. Tất cả đều đồng ý với nhận định của tôi.

Quả nhiên, khi Mỹ sắp quan hệ ngoại giao với Việt-Nam tôi được cấp hộ chiếu. Và ngày 1-11-1995, tôi rời Việt-Nam đi Hoa-Kỳ.

Trước khi đi, các bạn tôi, toàn là bạn tù, tổ chức ăn uống chia tay, chúc mừng tôi. Anh Cung gặp riêng tôi, về mặt ưu tư:

- Tôi hiểu Thiện không mang thơ tù của tôi đi được. Có vài người quen, đảng viên lâu năm cả, sắp đi công tác ngoại quốc. Họ cũng chán Đảng, chán chế độ lắm! Tôi định nhờ họ mang tập thơ đó đi, tôi viết nhỏ, gọn, dễ giấu. Hơn nữa, họ đã ra nước ngoài nhiều lần, không bị khám bao giờ cả. Tôi giật mình nhìn anh:

- Không được, việc nguy hiểm như vậy, đảng viên hay không, chán đảng hay không, đều không thể tin được. Nhờ là tình báo của Bộ Nội-Vụ thì sao? Anh cũng biết khi mở kho hồ sơ mật vụ Đông-Đức ra, có những ông văn sĩ, trí thức chống đối, bao năm mọi người vẫn nể phục, lại tóe loe ra là các ông ấy làm việc cho cơ quan an ninh. Đúng là bây giờ cán bộ, đảng viên đa số đã chán ngấy Đảng. Nhưng chắc chắn cũng có một số nhỏ làm việc cho công an. Việc gián điệp tối mật, chúng ta biết ai vào với ai! Anh cứ an tâm, chớ nóng vội. Sẽ có người tin cậy mang thơ của anh đi. Ngoài những người thực hiểu rõ nhau, anh cũng chớ nói với ai là anh có tập thơ đó cả.

Anh nghe lời tôi, và không giao tập thơ tù của anh cho họ. Anh Nguyễn-Hữu-Hiệu về Việt-Nam vài lần. Lần nào cũng tới thăm Phùng-Cung, Phùng-Quán, Nguyễn-Hữu-Đang và tôi. Anh Hiếu đã mang lọt không những thơ tù, mà cả gần mười truyện ngắn của Phùng-Cung sang Mỹ. Việc này nguy hiểm. Anh Cung đã nhờ mấy người Việt hải ngoại mang đi. Nhưng họ e ngại.

Thời gian trôi thật là nhanh. Tôi sang Hoa-Kỳ đã được 19 tháng. Phải rời quê hương, rời những người thân, những bạn bè chí cốt đã bao năm chia sẻ ngọt bùi cay đắng, tôi nhớ lắm! Luống tuổi rồi, lại xa nước, tôi thấy câu tục ngữ La-tinh: “Đâu sống tốt, đó là tổ quốc” là sai. Tôi nghĩ chúng ta vạn bất đắc dĩ mới phải rời bỏ đất nước. Quê cha đất tổ càng đau khổ, chúng ta càng xót thương. Tôi hằng mơ ước một ngày không xa, quê hương Việt-Nam yêu dấu được tự do, tôi sẽ trở về tìm

lại những thứ cuộc đời không thể quên, gắn bó với hồn tôi từ thửa tôi còn mặc quần thủng dít: Những bờ tre, góc phố, những hương cau, hương bưởi, những quán nghèo, những ngôi mộ, những con trâu, con chó đầy ân tình, những mùa trăng mênh mang, những con người đôn hậu, cần cù, thông minh, hóm hỉnh, cùng chung tiếng nói, điệu ru, câu hò, giọng hát, cùng chung một lịch sử vui buồn, một nền văn hiến ngàn năm, và nhất là cùng chung bao tan tác, nổi chìm, giập vùi, tai họa trong gần nửa thế kỷ. Vào những giờ phút hoàng hôn của tuổi sáu mươi, tôi luôn có cảm giác mình đang sống những ngày ủ rũ buổi tàn thu. Hình bóng những người mà tôi đã yêu, những thâm tình mà tôi đã mất thường chập chờn trong tâm tưởng... Khi ra đi, tôi bùi ngùi nâng ly nói với các bạn:

- Cuộc đời chúng ta, tan hợp, hợp tan đã nhiều. Lần này tôi xa các bạn, lòng vẫn hy vọng có một ngày rất gần sẽ được trùng phùng, khi đất nước không còn bóng giặc. Cuộc trùng phùng này sẽ tưng bừng nhất, hào hùng nhất, vĩ đại nhất trong cuộc đời đầy bất hạnh của chúng ta. Vì đó cũng là cuộc trùng phùng, cuộc đại đoàn viên của cả dân tộc sau nửa thế kỷ chia ly, đầy đọa. Chúng ta căm giận mà không tàn ác vì chúng ta trân quý điều thiện. Chúng ta nhân ái mà không khoan nhượng, hòa hợp với tội ác vì chúng ta phẫn nộ trước mọi cái ác. Chúng ta biết ngẩng đầu trước sức mạnh đen tối của bạo lực, nên chúng ta biết khoan dung cho những kẻ biết cúi đầu hối cải, ủng hộ, khuyến khích họ trở về với Lương-Tri, với Dân-Tộc!

Từ ngày sống ở Mỹ, tôi vẫn gọi điện thoại về thăm hỏi gia đình, thăm hỏi các bạn. Cách đây bốn tuần, vào tối thứ bảy, các bạn tôi tập hợp nhau tại nhà Đại úy Kiều-Duy-Vĩnh đợi nói chuyện với tôi. Vừa bắt đầu câu chuyện, nhà thơ Lê-Quang-Dũng báo tin cho tôi biết là Phùng-Cung đã mất hôm thứ sáu tại nhà, sau hai tuần bạo bệnh. Các anh sắp đi đưa đám. Tôi bàng hoàng, lòng quặn đau. Thế là anh đã ra đi vĩnh viễn, tôi chẳng bao giờ còn được trông thấy anh, nhìn thấy nét mặt đầy ưu tư của anh, nâng cốc uống trà với anh, nghe anh đọc thơ nữa... Đành rằng cửa tử ai cũng phải qua, nhưng sao lòng lại đau, nước mắt lại ứa ra! Đêm đó, tôi nằm quay mặt vào tường, hồi tưởng lại những năm tháng gần anh, từ buổi đầu gặp gỡ trên trại Phong-Quang, một chiều đông âm ỉm, anh đứng trước cây ớt chỉ thiên, ngẩng đầu nhìn lên nền trời xám nặng, nét mặt xám nhợt bất động, tối buổi từ biệt anh, vào Sài-Gòn đi Hoa-Kỳ, anh nắm tay tôi không muốn rời, nước mắt rơm rớm...

Mai này trở về Việt-Nam, tôi chỉ còn biết cúi đầu đứng lặng trước chút thổ phần bò xéo cuối thôn, nơi thân xác anh an nghỉ...

Trời gần sáng, tôi nhắm mắt chợp đi, mơ thấy những vì sao, những cánh buồm xanh biếc, đương ngược giòng Ngân lộng gió, đưa linh hồn anh về với Thượng-Đế chí nhân!

Trích hồi ký Hòa Lò của tác giả

Phụ đính II :

Phùng Cung Thụy Khuê

I. Tại sao Phùng Cung bị bắt, bị tù biệt giam 11 năm không có án?

Tư tưởng của Phùng Cung độc đáo và ngược hướng với những người cùng thời, kể cả các thành viên NVGP và thế hệ ngày nay, trên nhiều địa hạt: *Bảo tồn văn hoá, lòng ái quốc, cách mạng mùa thu, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh Nam-Bắc, tình nước và tình người*. Chưa một nhà thơ, nhà văn nào dám đi xa như thế, viết những lời đã phá mãnh liệt như thế về quốc ca, quốc thiều, về cách mạng mùa thu, về chính sách văn hoá của Đảng Cộng Sản, về những tín điều đã mê hoặc người Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Và đó là lý do chính khiến Phùng Cung bị 12 năm tù,

không có án. Tìm hiểu Phùng Cung là tìm hiểu nguồn tư tưởng yêu nước đối lập với quan niệm chính thống và đi ngược lại niềm tự hào dân tộc cổ hữu, nhưng sẽ là kim chỉ nam cho một con đường dân tộc mới: con đường chuyển *giáo dục chiến tranh* và *giáo dục hận thù* thành *giáo dục hoà bình* và *giáo dục văn hoá*.

Bao nhiêu người bị liên lụy trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm.

1- Danh sách những người trong nhóm “phá hoại” Nhân Văn Giai Phẩm được chính thức ghi nhận trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận* năm 1959, như sau:

“Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị [Thái Hà áp] nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân văn-Giai phẩm” bao gồm những tên “đầu sỏ”, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho “Nhân văn-Giai phẩm” như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh v.v...

Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những “cây bút” trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ họa, có người bị lôi cuốn vì ngây thơ chính trị... (Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959, trang 309-310).

Trong danh sách trên đây có **34 người** bị nêu tên.

2- Danh sách những người có tên trên 5 số báo *Nhân Văn* và 5 tập *Giai Phẩm*: Nguyễn Hữu Đang, Minh Đức (Trần Thiếu Bảo), Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Duy, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, Sĩ Ngọc, Tử Phác, Tô Vũ, Nguyễn Bính, Quang Dũng, Phan Khôi, Hữu Loan, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Phác Văn, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Hoàng Yến, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Công, Hoàng Huế, Hồng Lực, Bùi Xuân Phái, Trương Tửu, Đào Duy Anh, Bùi Quang Đoài, Mai Hạnh, Chu Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trúc Lâm, Phan Vũ, Hoàng Tích Linh, Đặng Văn Ngữ, Trần Thịnh, Hữu Tâm, Thanh Bình, Trần Phương, Thanh Châu, Châm Văn Biếm, Hoàng Tố Nguyên, Cao Nhi, Trần Hải An... gồm **47 người**.

Hai danh sách trên đây không hoàn toàn giống nhau, vì ngoài *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, còn có một số sách báo khác, cùng xu hướng, như *Đất mới* của Sinh viên, hoặc *Tự do diễn đàn* (nghị luận, số 1, ra ngày 10/12/ 56 Minh Đức xuất bản, vừa phát hành đã bị tịch thu), *Sách Tét 1957*, do Minh Đức in đầu năm 1957; hoặc tạp chí *Sáng tạo* (kịch trường và điện ảnh) của nhóm Trần Thịnh-Trần Công. Ngoài ra còn có những bài in trên các báo khác như báo Văn năm 1957, sau khi NVGP bị đình bản.

3- Trong một tài liệu mới nhất, LHN cho biết: *“Số người gọi là tham gia NVGP tại Hà Nội do Bộ Công an và Công an Hà Nội quản lý, do tác giả [LHN] thống kê được gồm khoảng 170 người. Số bị xử lý nặng khoảng gần 100 người, còn số bị đưa vào danh sách để phân loại xử lý tính trên toàn miền Bắc ở tất cả các lĩnh vực phải tới hàng ngàn người. Bởi vì các ấn phẩm của phong trào NVGP đã được đón nhận nồng nhiệt, được hưởng ứng không chỉ ở Hà Nội, mà xuống đến tận các vùng nông thôn miền núi.”* (Trích bài nghiên cứu chưa công bố của LHN).

Như vậy chúng ta tạm nhận con số gần 100 người bị xử lý nặng, do LHN đưa ra, cho đến khi nào có những chứng từ khác.

Trong danh sách chính thức năm 1959, *thiếu* tên hai người: Phan Tội và Phùng Cung, mặc dù cả hai đều bị đi tù, có thể vì Phan Tội và Phùng Cung, năm 1959, chưa bị tố giác. Nhưng hai trường hợp này cần tìm hiểu.

Phan Tội không viết bài trên cả Nhân Văn lẫn Giai Phẩm. Còn Phùng Cung với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*, tác phẩm có giá trị tương đương với *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, nhưng ý nghĩa kín đáo, khó có thể kết tội công khai được.

Phan Tội và nhóm Sáng Tạo trong địa hạt điện ảnh kịch trường

Trong phiên tòa ngày 19/1/1960, xử Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Lê Nguyên Chí (người giúp Nguyễn Hữu Đang trốn vào Nam), Phan Tội bị kết án 6 năm tù giam và 3 năm mất quyền công dân.

Tội sao kịch tác gia Phan Tội, chủ đoàn kịch *Sông Nhị*, lại bị kết án nặng như vậy? Tội của ông là tội gì?

Tổng hợp lời những nhân chứng, những bài viết, ông đã “phạm những tội” sau đây:

- “Chứa chấp” Thụy An (bà Thụy An ở chung nhà với ông bà Phan Tội).
- Nhà Phan Tội – Thụy An là một “câu lạc bộ văn nghệ” (tập kịch, chiếu phim, hội họp).
- “Nhóm” *Thụy An-Phan Tội* cùng với nhóm *Sáng Tạo* của *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương thành lập một hội điện ảnh độc lập. Đả phá phim tuyên truyền của Liên Xô. Đổi mới kịch nghệ và điện ảnh theo đường lối Tân hiện thực (Néoréalisme) Ý và Nhật. Thụy An, Cao Nhị, Nắng Mai Hồng, Vũ Phạm Từ, Kỳ Nam... viết những bài giới thiệu, phê bình điện ảnh. Tổ chức chiếu lại những phim hay đã chiếu ở Hà Nội trước 1954, do Thụy An viết thuyết minh. Chiếu những kiệt tác tân hiện thực như *Miếng cơm cay đắng (Riz amer)*, *Chiếc xe đạp (La bicyclette)* của Ý, *Rashomon*, *Những đứa trẻ Hiroshima*, *Anh gắng nuôi con* của Nhật...

Những người trong *Sáng Tạo* như đạo diễn Trần Thịnh (chủ nhiệm *Sáng Tạo*), Trần Công, Chu Ngọc, Phan Vũ, Cao Nhị, v.v... đều có bài đăng trên NVGP.

Trong bài *Đi tìm dấu tích tờ báo Sáng Tạo (Hà Nội, 1956)* công bố trên Talawas ngày 3/2/2010, Lại Nguyên Ân cho biết: *Sáng Tạo* ra được hai số: Số 1 (5/11/1956) và số 2 (20/11/1956). Trong đợt đánh *Sáng Tạo*, Trần Đức Hình, chủ nhiệm tờ Điện Ảnh của Cục điện ảnh, viết:

“Nửa tháng “*Liên hoan phim Liên Xô*” khai mạc vào ngày 7-11-56, thì đúng ngày 5-11-56, *Giai phẩm mùa thu tập III* xuất bản, trong đó có đăng bài “*Chúng ta gắng nuôi con*”, hoạt cảnh của Chu Ngọc, đã kích không tiếc lời vào phim Liên Xô. Cùng ngày 5-11-56, báo *Sáng Tạo* ra số đầu, đã lộ ngay ý định xấu đối với phim Liên Xô (...) Những bài như trên phải được đặt bên cạnh bao nhiêu bài khác của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Trần Dần, v.v... đang nhan nhản lúc bấy giờ ở các số Nhân Văn, *Giai phẩm* thì mới thấy đầy đủ tính chất nguy hiểm của nó” (Trần Đức Hình “*Tẩy sạch nợ độc của chủ nghĩa xét lại trong việc giới thiệu, phê bình phim ảnh*”, *Điện ảnh số 14*, ngày 1/5/58, tài liệu của Lại Nguyên Ân).

Như vậy, có thể nói: song song với Nhân Văn và Giai Phẩm, đã có một phong trào điện ảnh kịch trường, do hai nhóm *Phan Tội-Thụy An* và *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương.

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm như vậy, không chỉ giới hạn trong phạm vi văn học, mà còn lan rộng ra các ngành nghệ thuật khác, để trở thành cuộc ***cách mạng văn hóa toàn diện*** của các trí thức văn nghệ sĩ miền Bắc, đòi tự do sáng tác và tự do dân chủ.

Phan Tội, bị đi tù 6 năm, kèm 3 năm quản thúc, có thể vì những tội: “cấu kết” với Thụy An, là một trong những người “lãnh đạo” phong trào điện ảnh kịch trường cùng với Trần Thịnh-Trần Công trong nhóm *Sáng Tạo*.

Trường hợp Phùng Cung

Phùng Cung đại diện cho tất cả những người bị tù không có án, thậm chí không có lý do, hoặc lý do mơ hồ, khó hiểu, trong danh sách hàng trăm người bị xử lý nặng, hoặc hàng ngàn người, đã “liên hệ” xa gần với NVGP, với nhóm “*Xét lại chống đảng*” những năm sáu mươi.

Mỗi cá nhân là một trường hợp, là một chân dung bị xoá, bị đưa đi biệt tích, trong cô đơn, đau khổ.

Phùng Cung cũng là khuôn mặt văn nghệ sĩ cuối cùng trong nhóm NVGP mà chúng tôi đề cập trong loạt bài chân dung này, trước khi bước sang địa hạt trí thức. Nhưng không có nghĩa là những người khác không có giá trị: Mỗi con người đã góp phần vào việc đấu tranh cho dân chủ của đất nước Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cho đến ngày nay là một giá trị, một biệt cách. Chỉ riêng trong phong trào NVGP không thôi, sự can trường của Hữu Loan không giống sự can trường của Phùng Cung. Lòng nhiệt tình của Phùng Quán không dễ ai sánh được. Sự góp phần của Bùi Xuân Phái không giống Nguyễn Sáng. Kịch của Hoàng Tích Linh không giống kịch của Chu Ngọc... Mỗi nghệ sĩ, mỗi tác giả là một chân dung, mà ký ức lịch sử và văn học sẽ không thể bỏ qua. Sau này, khi nhắc đến Phùng Cung, người ta thường cho rằng ông bị tù vì truyện “*Con ngựa già của chúa Trịnh*”. Sự thực có lẽ phức tạp hơn nhiều, nó nằm trong toàn bộ thái độ sống và sáng tác của Phùng Cung. Bài viết này cố gắng tìm hiểu những nguyên do sâu xa đã đưa Phùng Cung vào vòng tù tội và bị theo dõi suốt đời. Nguyên do ấy có thể tóm tắt như sau:

- Một tinh thần bất khuất không đầu hàng bạo lực cách mạng.
- Một sự nghiệp thơ văn chống lại chiến tranh và xây dựng văn hoá dân tộc.

Tiểu sử Phùng Cung

Những chi tiết đáng tin cậy nhất về Phùng Cung nằm trong bài *Nhà thơ Phùng Cung* của Phùng Hà Phủ, con trai Phùng Cung, nay đã qua đời.

Phùng Cung sinh ngày 18/7/1928 tại làng Kim Lân, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên. Mất ngày 9/5/1998 tại Hà Nội. Quê tổ ở xã Cam Lâm, quận Đường Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây. Vĩnh Yên (quê sinh) và Hà Tây (quê tổ) của Phùng Cung đều thuộc tỉnh Sơn Tây. Họ Phùng ở Cam Lâm dòng dõi Phùng Hưng (Bồ Cái Đại Vương).

Là con trưởng một gia đình giàu có, đông con. Phùng Cung được gửi đi trọ học ở thị xã Sơn Tây. Có bằng Trung học (Brevet). Tháng 4/45, Nhật đảo chính Pháp, Phùng Cung trở lại quê nhà.

Tháng 9/45, Phùng Cung (17 tuổi) được bầu làm chủ tịch liên xã Hồng Châu-Liên Châu. Tên xã do ông đặt và tên ấy vẫn còn giữ đến ngày nay. Phùng Cung làm chủ tịch xã được 2 năm. Đến tháng 10/1947, Pháp chiếm Tông và Sơn Tây, Phùng Cung chạy lên Việt Bắc cùng mấy anh em trai. Tại quê nhà, gia đình ông bị liên lụy vì có con đi làm cách mạng.

Phùng Hà Phủ viết: “*Khi lên chiến khu, bố tôi làm công tác thông tin ở liên khu 10 Việt Bắc, cơ quan thông tin của ông Nguyễn Tấn Gi Trọng (bác sĩ Trọng sau này làm công tác chuyên môn tại trường Đại học Y Dược Hà Nội và là người giúp mẹ tôi theo học lớp dược tá khi hòa bình lập lại). Sau một thời gian làm tại liên khu 10, bố tôi mới chuyển sang an toàn khu và làm công tác văn nghệ, cùng sống và làm việc với các ông Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, ... cho đến khi hòa bình lập lại (1954) thì cùng với cơ quan Hội văn nghệ về tiếp quản thủ đô Hà Nội.*” (Phùng Hà Phủ, *Nhà thơ Phùng Cung*, in trong *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản* (Văn Nghệ, California 2003); in lại trong *Phùng Cung* (Trung tâm dân chủ cho Việt Nam, Canada 2004); bài có trên Talawas).

Trong thời kỳ Cải cách ruộng đất, gia đình ông bị quy vào thành phần địa chủ cường hào. Cha ông bị đem ra đấu tố, rồi bị đưa lên giam giữ ở trại Cò Nỉ – Thái Nguyên. Khi ấy, Phùng Cung đang làm việc trong cơ quan văn nghệ kháng chiến ở Tuyên Quang.

Phùng Hà Phủ viết: “*Khi bố tôi hay tin, bố rất nóng lòng chuyện nhà và muốn quay về xem sự thể ra sao. Những bạn bè thân trong cơ quan biết chuyện như ông Tô Hoài (lúc này đang phụ trách công tác Đảng – Đoàn của Cơ quan văn nghệ) đều khuyên nên thật bình tĩnh, chờ Đảng sẽ sửa sai. Trong một lần kết hợp đi công tác, bố tôi có tìm lên thăm và những mong gặp mặt để tiếp tế cho cụ. Nhưng tới nơi thì được một người bạn tù già cùng lán với cụ, chưa kịp nói câu nào vội đã dẫn bố lên khu đồi trọc phía sau trại giam và chỉ cho bố lùm đất mà ngọn sắn làm dấu mới héo lá. Quá bất ngờ trước cái chết của cụ, bố tôi quay ngay về Hà Nội, bố rất buồn, suy nghĩ nhiều và tránh mọi sự tiếp xúc với bên ngoài.*” (Bài đã dẫn)

1954, Phùng Cung làm việc tại Hội Văn nghệ.

1956, ông tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh* đăng trên *Nhân Văn* số 4.

Tháng 5/1961 (theo Phùng Hà Phủ), công an đến nhà bắt Phùng Cung. Theo Nguyễn Hữu Hiệu, thì đó là ngày “19 tháng Chạp năm Canh Tý” [tức là 4/2/1961]. Ông bị tịch thu tất cả bản thảo và bị giam vào Hỏa Lò Hà Nội. Rồi bị chuyển đi các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái) và Phong Quang (Lào Cai), bị tù 12 năm, với 11 năm biệt giam, không có án.

Trong suốt thời gian từ tháng 2/58 (bắt đầu lớp Thái Hà) đến tháng 5/61, khi ông bị bắt, trong hơn ba năm, Phùng Cung vẫn sáng tác đều và không hề nhụt tay trong sự lên án chế độ.

Tháng 11/1972 ông được tha về.

Ông làm nghề thợ đinh trong những ngày tháng còn lại, ông vẫn âm thầm sáng tác, vẫn bị công an đến thăm dò và kiểm soát. Ông phải chép bản thảo làm nhiều bản gửi nhiều nơi.

Phùng Cung mất năm 1998 tại Hà Nội.

Sáng tác và sáng tác trong tù Bản thảo và gửi giữ bản thảo

1- Nguyễn Chí Thiện cho biết ông gặp Phùng Cung tại trại Phong Quang, Yên Bái năm 1970, Phùng Cung đang nằm bệnh xá vì bị lao phổi. Trong những trao đổi của ông với Phùng Cung có câu:

“- Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không?”

Anh Cung lắc đầu:

- *Mấy năm đầu rầu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài”* (Nguyễn Chí Thiện viết về Phùng Cung, *Phùng Cung truyện và thơ*, nxb Văn Nghệ, 2003, phần phụ lục, trang 397).

2- Phùng Quán viết: *Sau mười hai năm cách ly đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ “Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán”. Rồi yên phận hăm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay tròn làm nghề đập đinh, phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, gỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cạn, viết một từ gì đó lên mặt bàn”* (Phùng Quán, *Hằng Nga thức dậy*, tài liệu Talawas).

3- Về việc bản thảo và giữ gìn bản thảo, Ngô Minh thuật lại bối cảnh khi được Phùng Quán dẫn đến gặp Phùng Cung lần đầu, năm 1986:

“... rồi ông đứng lên mở ngăn kéo bàn lục tìm hồi lâu mới lấy ra một tập vở bé bằng bàn tay, bìa bọc giấy xi măng cáu bẩn, cầm đến đưa cho Phùng Quán: “Sau mười hai năm khổ ải, mình về với vợ con là mừng. Nghĩ đến tù đày là sợ lắm.” Phùng Cung trầm ngâm: “Quán ạ, mình cố quên hết văn chương. Nhưng không sao quên được. Đêm ngủ thơ nó cứ kéo về trong mộng. Thế là mình thủng thảng ghi lại từng ngày. Như là viết nhật ký. Đây là những bài thơ nho nhỏ về chuyện quê nhà. Nhưng bây giờ thì gay rồi. Hôm qua chú công an khu vực đến chơi nhà, bỗng dựng chú cười hỏi: ‘Chào bác Phùng Cung, nghe nói dạo này bác lại viết thơ nữa à?’. Chỉ câu hỏi vui thế mà làm mình nổi da gà. Sợ quá. Tập thơ này toàn hình ảnh quê, mình viết để giải khuây, không có “chuyện gì” trong đó cả. Nhưng nếu mà họ thu mất thì tiếc lắm. Nên Quán cứ giữ hộ cho mình cho chắc.” (...)

Phùng Quán đưa cho tôi xem tập thơ chép tay. Tập vở mỏng, giấy học trò đen hùn. Trong đó mỗi trang chép một đến hai bài thơ, bài nào cũng ngắn, có bài chỉ hai ba câu, bốn năm câu giống như thơ Haiku của Nhật Bản, nét chữ Phùng Cung viết bằng bút chì rất nắn nót, hoa tay, nhưng không ghi tên tác giả. Tôi liếc bài thơ hai câu đầu tiên nhan đề là “Bèo”, bỗng nổi da gà: *Thơ ghê quá, bất ngờ quá:*

Lênh đênh muôn dặm nước non

Đạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh (...)

Trên đường về lại Hồ Tây, tôi bảo anh Quán: “Anh để em giữ tập thơ này cho. Anh giữ cùng chưa chắc an toàn”. Anh Phùng Quán đồng ý. Thế là tôi mang vào Huế. (...)

Tôi đã chọn hai chùm thơ Phùng Cung và đưa tập thơ viết bút chì của Phùng Cung cho nhà văn Nguyễn Khắc Phê, lúc đó là phó Tổng biên tập Sông Hương, sau này một giai đoạn là Tổng biên tập. Tạp chí Sông Hương năm 1988 đã hai lần giới thiệu thơ Phùng Cung với những bài như “Nghiêng lụy”, “Bèo”, “Người làng”, “Chiếc lá rụng”, “Cô lái đò”, rút trong tập thơ chép tay bằng bút chì ấy. Có thể nói văn chương Phùng Cung lần đầu tiên sau 32 năm kể từ Con ngựa già Chúa Trịnh (1956) mới được xuất hiện trở lại, đã gây ấn tượng mạnh đối với độc giả Sông Hương và cả nước. Chắc chắn những ngày cuối năm 1988 ấy ông vui lắm.

Gần đây tôi mới biết, khi nhà thơ Phùng Quán còn sống, một lần nữ nhà văn Hà Khánh Linh ở Huế ra Hà Nội, anh Phùng Quán cũng dắt đến thăm nhà thơ Phùng Cung ở Bưởi. Buổi trưa hôm đó Phùng Cung, Phùng Quán và ông Nguyễn Hữu Đang mời cơm nữ sĩ Hà Khánh Linh. Tại bữa cơm ấy Phùng Cung cũng đưa cho Hà Khánh Linh một tập thơ chép tay như thế, nhưng viết bằng bút mực, chứ không phải bút chì (...) Mời hay, gửi cho bạn bè giữ hộ là cách “lưu trữ” thơ của Phùng Cung. Ông phải chép thành nhiều bản để đề phòng bị mất...” (Ngô Minh, Phùng Cung trong tôi, Huế, 3-2008, tài liệu Talawas)

Xuất hiện lại trên văn đàn

Như vậy, lần đầu tiên tác phẩm của Phùng Cung xuất hiện trở lại, là trên báo Sông Hương ở Huế năm 1988, với các bài thơ “Nghiêng lụy”, “Bèo”, “Người làng”, “Chiếc lá rụng”, “Cô lái đò”.

Nguyễn Hữu Hiệu, trong một thời gian dài, hay về nước, ông đã gặp Phùng Cung và nhiều nhà văn trong nhóm NVGP. Ông đã đem được bản thảo của Phùng Cung ra hải ngoại: Bài Dạ Ký được đăng lần đầu trên tạp chí Khởi Hành của Viên Linh (bộ mới, số 1 và 2, tháng 11 và 12/1996); tiếp đó là Ván cờ khai xuân (Khởi Hành số 4, tháng 2/1997) và Phòng tuyến truyền địa ngục (số 7 và 8, tháng 6 và 7/ 1997).

Năm 1995, nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin in tập Xem đêm của Phùng Cung, gồm 200 bài thơ. “Tập thơ Xem đêm được in ra có phần cổ vũ, trợ giúp không nhỏ về tài chính của ông Đang và sự nhiệt tình của ông Quán. Ngoài ra cũng phải kể đến sự quý trọng và can thiệp trong khâu kiểm duyệt bài của nhà thơ Quang Huy, giám đốc nhà xuất bản đồng thời là người viết tựa cho cuốn sách này” (Phùng Hà Phủ, bđd).

Năm năm sau khi Phùng Cung qua đời, Lâm Thu Vân cho in tại hải ngoại, cuốn Phùng Cung truyện và thơ (chưa hề xuất bản) (Văn Nghệ, 2003), gồm tập thơ Trăng ngục (35 bài làm trong tù, từ 1961 đến 1972) và 11 truyện ngắn (10 truyện mới và Con ngựa già của chúa Trịnh). Năm sau, sách tái bản dưới tựa Phùng Cung Trăng ngục (Trung Tâm dân chủ cho Việt nam, 2004) có thêm 74 bài thơ trích trong tập Xem đêm.

Về tập Xem đêm, Nguyễn Hữu Đang viết: “Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin đã sốt sắng nhận làm bà mẹ đỡ đẻ cho đứa con tinh thần này của Phùng Cung. Khi đón nhận nó với cái tên ngộ nghĩnh Xem Đêm, tôi nghĩ ngay đến một câu của thi hào cổ đại Horace như đã “ứng” vào trường hợp này: “Tôi sẽ không chết tất cả” (nguyên văn tiếng La Tinh Non omnis moriar), ngụ ý sau khi thi sĩ qua đời, tác phẩm của ông là một phần con người ông sẽ còn sống mãi), Phùng Cung cũng hoàn toàn tin tưởng lạc quan ở sức sống lâu dài của thơ ông như Horace nghĩ về thơ mình. Và cố nhiên bấy lâu ông hằng mong thơ ông chóng thoát ly bản thảo để sức sống kia được thử thách và cống hiến”(Nguyễn Hữu Đang, Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập Xem Đêm, Hợp Lưu số 94, tháng 4-5/2007).

Thơ Phùng Cung in được, nhờ Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang là hai bạn đồng hành và vài người “ngoài cuộc” như Quang Huy, nhóm Ngô Minh-Hà Khánh Linh và báo Sông Hương, ở Huế, ủng hộ. Còn sĩ phu Bắc Hà thì sao?

Xem đêm ra mắt độc giả trong nước từ 1995. Về mặt giá trị văn học, thơ Phùng Cung không thua gì những tập thơ khác của các bạn trong NVGP đã được in ra. Nhưng “giới sành thơ” ngoài Bắc không mấy ai nhắc đến. *Từ điển văn học* cũng không có mục từ về Phùng Cung trong khi Văn Cao, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Phùng Quán, có cả.

Phải chăng vì Phùng Cung chưa bao giờ được chính thức “xoá án”? Chưa bao giờ được công khai “hồi phục” như những thành viên khác của NVGP?

Nhưng còn một lý do nữa, có lẽ quan trọng hơn cả: là mọi người ngại, không nhắc đến Phùng Cung, không phải vì *Xem đêm*, mà vì nội dung toàn bộ tác phẩm của Phùng Cung, dù chưa in ở trong nước, nhưng đã có nhiều người biết hoặc đã đọc qua.

Cái làm cho người ta ngại, chính là tư tưởng của Phùng Cung. Một tư tưởng độc đáo và ngược hướng những người cùng thời, kể cả các thành viên NVGP và thế hệ ngày nay, trên nhiều địa hạt: ***Bảo tồn văn hoá, lòng ái quốc, cách mạng mùa thu, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh Nam-Bắc, tình nước và tình người.***

Chưa một nhà thơ, nhà văn nào dám đi xa như thế, viết những lời đả kích mãnh liệt như thế về quốc ca, quốc thiều, về cách mạng mùa thu, về chính sách văn hoá của Đảng Cộng Sản, về những tín hiệu đã mê hoặc người Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Và đó là lý do chính khiến Phùng Cung bị 12 năm tù. Rồi khi được thả, ông vẫn bị gạt ra ngoài vòng chấp nhận của nhiều người trong và ngoài đảng.

Tìm hiểu Phùng Cung là tìm hiểu dòng tư tưởng yêu nước đối lập với các quan niệm chính thống và đi ngược lại niềm tự hào dân tộc cổ hũu, nhưng sẽ là kim chỉ nam cho một con đường dân tộc mới: con đường chuyển *giáo dục chiến tranh* và *giáo dục hận thù* thành *giáo dục hoà bình* và *giáo dục văn hoá*.

Phùng Cung và lớp chỉnh huấn Thái Hà áp

NVGP bị đình bản cuối tháng 12/1956. Trong năm 1957, mọi việc “bình thường” trở lại. Đến tháng 2/1958 sự thanh trừng mới bắt đầu với hai “lớp học” ở ấp Thái Hà.

1- Một số dữ kiện được ghi lại trong nhật ký Trần Dần, về những ngày sắp dự lớp học Thái Hà: 27/2/58 *PhCung: Tự dựng học hành đến nơi mà Liên Hiệp Hội lại cho PhCung nghỉ công tác. PhCung lo. Không hiểu sao. Có phải vì các ông ấy sợ mình ở đây đâm lộ chuyện hay không? Hay là vì cái “giả giá”, các ông ấy mới cho mình là cái thằng mất dạy? Đã mất dạy thì thôi, không dạy cho nữa, để mà biết tay!*

Tôi hỏi PhCung xem cái “giả giá” ấy có gì?

PhCung cười hì hì, kể lại:

- *Cũng chả có gì hì... Có một chỗ mình bảo là cái “đảng mạ”, hì, nghĩa là cái thứ mạ, mình gọi là “đảng mạ”, dùng tiếng quê vậy cho nó vui, hì... Lại có chỗ mình định ca ngợi các đồng chí chuyên gia, thì mình cũng dùng tiếng quê, bảo là “các ông ấy béo mà phương phi như tây đoan”, “cái đê các ông ấy nằm mà bà con ta nằm thì ngủ không biết khi nào trở dậy được”, hì, mình cứ nói tiếng quê vậy, để bà con nhân dân ta đọc cho nó vui... hì...*

Tôi lo dựng tóc gáy:

Anh viết thế mà anh bảo là tiếng quê! Anh có bị đánh mất xác cũng không oan...

Về sau tôi hỏi HtLinh. Linh bảo:

- *Cái thằng, nó cứ có cái lối thế. Nó cho rằng viết phải đả cái gì một tí thì mới oai. Anh em khỏi cười.*

- *Ai bảo nó thế?*

- *Ấy thế mới khi!... Nó cứ nghĩ như thế cơ chứ! (Trần Dần ghi, Văn Nghệ, 2001, trang 238-239)*

Những dòng này chứng tỏ, trước lớp Thái Hà, Phùng Cung vẫn sáng tác đều và bút pháp của ông vẫn không hề nhụt tay trong sự châm biếm Đảng.

2- Phùng Quán, trong bài *Hàng Nga thức dậy*, cho biết về số truyện ngắn Phùng Cung viết trong thời kỳ này:

“Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng “ngựa, voi”, chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt “bảo lưu” cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt.”

Phùng Hà Phủ viết: *“Cũng khoảng thời gian này, [thời gian báo NV bị cấm] bố tôi bị đình chỉ công tác để làm kiểm thảo. Bố tôi ít đến cơ quan và chỉ viết ở nhà, một số bạn thân của bố tôi thường lui tới như Trần Dần, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng...”*

Như vậy, từ cuối năm 1956 đến 1961 (khi bị bắt) Phùng Cung vẫn sáng tác, Phùng Quán được đọc một số, ngoài Phùng Quán, nhiều người khác cũng được đọc, vì theo Tô Hoài, (trích dẫn ở dưới) bài *Dạ Ký* lúc bấy giờ, đã nổi tiếng lắm, đã đến tai ông.

3- Phùng Cung là đảng viên (vào đảng từ khi ở Việt Bắc, chưa xác định rõ năm nào). Vậy ông phải đi cả hai lớp Thái Hà (cho đảng viên và cho người ngoài đảng). Trong kỳ học tập này, chắc ông chưa bị “tổ giác”.

Hoàng Cầm viết: *“Tôi đi động viên Phùng Cung viết chuyện, và khi Phùng Cung viết “Con ngựa già của Chúa Trịnh” đưa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý kiến vào việc diễn tả: “Chỗ con ngựa vào cung Vua, nên tả cho đáng ghét hơn”. Khi Phùng Cung đưa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn tả cảnh đẹp, diễn tả con ngựa càng ngày càng béo...”* (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958)

Lê Đạt viết: *“Tôi lại viết “lời toà soạn” cho chuyện “Con ngựa già” của Phùng Cung đã kích và vu khống lãnh đạo văn nghệ không chú ý đến các nhà văn trẻ”.* (Những lời thú nhận của Lê Đạt, Văn Nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958).

Hai lời “thú nhận” trên đây chứng tỏ Hoàng Cầm, Lê Đạt đều muốn “che tội” cho Phùng Cung hơn là tố giác.

4- Thái độ của Phùng Cung ở lớp Thái Hà được Trần Dần ghi trong nhật ký như sau:

29/4/58 Phùng Cung

- Nhục lắm. Mẹ nó. Mình xin về nhà có được không nhỉ? (...) Có nên xin ra biên chế không? Tôi nhìn PhCung, ái ngại cho anh quá. Đâu như trong khi học tập, anh ta “hỗn” quá, bị đuổi khỏi lớp làm sao ấy... Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi; rằng chỉ có một con đường, “họ” là chân lý, mình đầu hàng, là phải; rằng không nên xin ra biên chế, lúc này việc ấy có thể là một sự tiến công của tư tưởng thù địch; rằng không nên coi là nhục, oan ức gì nữa, mà cứ nghĩ lại xem tổng cộng cái bỏ chữ mình đã chửi vào lãnh đạo nó to như thế nào, còn oan và nhục gì nữa? PhCung xem ý không thông gì lắm. Tôi thấy khổ! Một con người có cái gan “tử vì đạo” là PhCung, than ôi, cái đạo anh định chết vì nó chính là cái đạo phản cách mạng, sao mà anh chưa tỉnh ngộ ra hử anh?” (Trang 253)

Vậy theo nhật ký Trần Dần, ở lớp học Thái Hà, Phùng Cung đã lựa chọn thái độ cứng rắn, không đầu hàng, “tử vì đạo”. Trong khi Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi.

5- Tháng 5/58, tức là thời gian ngay sau lớp Thái Hà, Trần Dần ghi tiếp về sự phải tự tố trong các bài kiểm thảo:

Ngày 7/5/58 Kiểm thảo sáng tác.

Đảng đoàn HNVăn để cả một tuần này, để cho Nhân Văn viết lại cái phần kiểm thảo sáng tác! Theo như đồng chí NxSanh [Nguyễn Xuân Sanh] nói, thì tuần trước, phần đó viết chưa sâu, vì thiếu thời giờ, thì tuần này viết lại cho kỹ. Mà phải viết sao cho có thể dùng in công khai được. Sau khi mọi người đã nộp cái của quốc cấm, nghĩ là cả một đống những Nhân Văn Giai Phẩm rồi, thì tập trung ở cả một phòng, viết kiểm thảo. (...) Anh nào anh nấy lặn vào viết. Lắm hình dung từ, lắm tiếng tự phê dao búa! (...)

Tôi cũng không kém. Bao nhiêu hình dung từ phản cách mạng, phản động, phản Đảng, phản bội, chống chế độ, xét lại, tò-rốt-kít. Không còn thiếu chữ gì. Giặc bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản v.v... Tôi sáng tác thêm nhiều chữ nữa để mà miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể.

Chắc các đồng chí lãnh đạo đọc một loạt kiểm thảo bọn tôi lần này thì phải bật cười lăm đấy!
“Trước kia thì nói nhẹ chúng cũng không nghe. Bây giờ thì chúng lại còn tự sỉ vả gấp triệu lần sự phê bình của lãnh đạo!” (trang 257)

6- Trần Dần mô tả tâm trạng ông và các bạn trong tình hình ấy:

Ngày 12/5/58 *Tình hình*

Cuộc đấu tranh cứ lộn đi lộn lại từ B [văn nghệ sĩ] sang A [trí thức], lại A sang B, báo chí cứ xoay đi xoay lại mãi, cứ như một cái nồi khổng lồ của vô sản chuyên chính, ninh đi ninh lại cho nó dừ cái chủ nghĩa xét lại ra.

Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ. Không còn cách nào. Đây không phải là một sự trừng trị cá nhân; mà đây là “chúng ta” trừng trị một phong trào, một trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xét lại... Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn” (trang 260).

Sau cùng, Trần Dần kể lại chiến thuật của mình, ông giải thích tại sao phải tố các bạn để tìm lối thoát và tố như thế nào:

21/5/58

“Thực ra, trước khi HCầm báo cáo, tôi dự định là giữ VCao và ĐdHưng lại, như là “giữ một nửa thành phố, chỉ đầu hàng một nửa” (...). Nên báo cáo tố, bị hỏi, bị dồn, bị truy nữa, tôi vẫn giấu quanh, không chịu thú cái một nửa thành phố đó!

Đến lúc HCầm báo cáo, tức HCầm “rendre” [khai] hai ông bạn quý đó rồi. PhVũ lên tố thêm VCao. LêĐạt thì chỉ xác nhận, tố thêm tí tình, còn bao che ĐdHưng nhiều. Hơn nữa, qua báo cáo HCầm và LêĐạt, thì tôi “được” đưa lên mũi nhọn, “được” hội trường chờ đợi rất ghê!

Bảo lúc ấy châu chực trên đầu lâu tôi!

Tôi phải tính kế, vừa thoát thân, vừa thoát cho 4 thằng đang bị dồn đánh ghê gớm (TD, HC, LêĐ, TPh) [Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác] vừa để sao cho VCao, ĐdH hiểu mình, qua cái ý ngầm của bản báo cáo!

Cụ thể, tức là tôi nghĩ rằng: “Bây giờ chỉ còn con đường duy nhất, là đầu hàng Đảng. Không có con đường khác. Mà đã hàng thì hàng thực sự, về sau mới thực sự trời êm bể lặng được. Thế nào là hàng thực sự? Hàng thực sự là: mỗi người phải ra mà gánh lấy cái phần bảo, do chính trách nhiệm mình gây ra! 4 thằng đang chịu cái trận bão đó rồi, còn hai ông anh VCao, ĐdHưng thì xin nhờ đến vai hai ông, mang vác lấy cái phần của các ông! (...)

Thực tế đã chứng minh cho giá trị chủ trương đó. Quả nhiên: ngay trong lớp học, bão cũng đã ngàn đi dần dần trên đầu 4 thằng, và sau khi chuyển mạnh sang đầu 2 thằng kia ít bữa, rồi nó cũng ngàn đi.

Đến sau lớp học nữa, thằng nào cũng đều được sống trong một không khí được giải vây tương đối dễ thở. Với thời gian chắc nó sẽ càng dễ thở hơn.

Chỉ có cái là trong bộ 6 [Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Tử Phác, Đặng Đình Hưng] thì có một sự phân hoá của trách móc, hằn thù... HCầm có vẻ khổ! LêĐạt tự cho mình là oai nhất, “đúng nhất, vừa mức nhất, không vấy cho ai!”, LêĐạt cho tôi là “quá mức!”, ĐdHưng thì kể cả: “Tất nhiên có chuyện đó, nhưng đã thuộc lịch sử rồi. TPhác khó hiểu, vừa ghét HCầm, vừa ghét VCao mà vẫn nói lại một phần, còn đối tôi thì lại bảo là: “anh ghê nhất, anh giỏi nhất!” (trang 267-268).

Những trang nhật ký trên đây của Trần Dần, giải thích sự kiện tại sao những con người như ông phải đầu hàng trước hệ thống cưỡng bách thăm vấn trong chế độ toàn trị, chúng cho biết thêm về điều kiện viết những bản tự thú hoặc tố giác người khác, đồng thời vô hiệu hoá giá trị những văn bản này trong một chế độ dân chủ.

Phùng Cung bị bắt

1- Họa sĩ Trần Duy, cựu thư ký toà soạn báo Nhân Văn, trong bài “Một câu hỏi còn chưa được trả lời” đăng ngày 10/7/2009 trên Talawas, viết:

“Chính việc anh Phùng Cung bị bắt làm tôi rất lo sợ và đau buồn, vì Phùng Cung không tham gia Nhân văn ngoài bài viết “Con ngựa già của Chúa Trịnh” nhằm vào một nhân vật có tên tuổi trong Hội Nhà văn (Nguyễn Tuân). Nhưng vì anh Phùng Cung có một số bài viết đầu tay đã chuyển cho một số đàn anh xem để biết, rồi không hiểu bằng cách nào đó những bản thảo ấy lại vào tay lãnh đạo (tôi không được đọc những bài viết ấy) (...)

Tôi nhớ một cuộc họp tại trụ sở Hội Nhà văn ở đường Nguyễn Du năm 1957 dưới sự chủ tọa của Hà Minh Tuân, Nguyễn Hồng... người đến họp có đông văn nghệ sĩ, trong đó có Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần..., qua những câu hỏi, những lời xác minh của các anh Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần thì đúng Phùng Cung là tác giả của những bài viết kể trên, và như vậy bản án đã úp lên đời Phùng Cung một tội trạng. Tôi còn nhớ câu của Nguyễn Hồng nói sau khi kết thúc buổi họp: “Các anh lúc bình thường đối xử với nhau có vẻ trí thức lắm, nhưng lúc có sự việc xảy ra thì các anh đối xử với nhau không bằng lũ chăn trâu!”. Ra đến công anh Nguyễn Hồng vỗ vào vai tôi và bảo: “Đã biết sợ chưa!”.

Quả tình tôi rất sợ, tất nhiên sợ về pháp luật là chính nhưng sợ hơn nữa là nhân tâm con người, sự tàn nhẫn của những con người đã bán rẻ nhân phẩm của mình để tự cứu mình, giẫm lên sinh mạng của những người khác để tự thoát thân”.

Theo họa sĩ Trần Duy, thì việc Phùng Cung bị tố giác xảy ra năm 1957, và Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần là những người tố, việc tố này đã khiến Phùng Cung bị kết án.

Chúng tôi so sánh với những tài liệu khác thì không thấy nơi nào ghi năm 1957 đã có việc tố giác Phùng Cung. Vậy có thể họa sĩ Trần Duy đã nhớ lầm vài năm. Hầu hết đều ghi sự việc bắt đầu vào khoảng cuối năm 1960 trở đi, nghĩa là sau lớp học Thái Hà hơn một năm.

2- Phùng Hà Phủ viết: “Một buổi sáng như thường lệ, khi mẹ tôi đi làm (lúc đó hai anh em tôi còn nhỏ, chưa đến tuổi đi học), thì ở nhà, căn hộ mà gia đình tôi ở bị công an mang xe ô tô đến vây bắt khám xét. Sau khi khám nhà và tịch thu toàn bộ sách vở, tài liệu, bố tôi bị đưa ngay vào giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Đó là tháng 5/1961. Kể từ ngày đó mãi cho đến thời gian chuẩn bị ký hiệp định Paris (1973), tức là 12 năm sau, bố tôi mới được tha về nhà. Thời gian đầu bố tôi bị giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), sau đó đưa lên Bất Bạt (Sơn Tây), rồi Yên Bình (Yên Bái), Phong Quang (Lào Cai)”.

“Bố tôi bị bắt và giam giữ nhưng không có án mà gọi là đi tập trung cải tạo (...)

Sau này lúc mãn hạn tù, mẹ tôi mới biết bố tôi luôn là đối tượng bị giam cầm cố trong xà lim, bị hạn chế tôi đã tiếp xúc với thân nhân.

Nhớ lại theo bố tôi kể “khi xảy ra chuyện”, buổi sáng đó bố tôi được triệu tập tới cơ quan để họp. Đến nơi thấy mọi người xung quanh đều có ý lảng tránh mình, thậm chí không dám mời nhau uống chén nước. Ngay cả những bạn rất thân và thường lui tới nhà cũng tìm cách lánh mặt. Ngay sau đó bố tôi bị đem ra kiểm điểm trước cuộc họp, mà thực chất gần như một buổi đấu tố thời “cải cách” của liên hiệp Hội văn học nghệ thuật (gồm cả đại diện bên văn nghệ quân đội). Chủ trì cuộc đấu tố gồm các ông Võ Hồng Cương, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh... Cảm tưởng đau xót và ngỡ ngàng nhất đối với bố tôi là những bạn thường ngày chơi thân với bố tôi như vậy đều tham gia vào việc “đấu tố”. Ngày hôm đó, ông Trần Dần là người đứng lên “tố” để hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm làm chứng đối. Tội chính mà bố tôi bị “tố” là mang lòng hận thù cách mạng sau cái chết của bố mình. Lôi kéo người khác cùng về hùa để lãnh mạ lãnh đạo và còn viết nhiều chuyện chưa in khác – Tất cả nội dung đều tập trung vào lãnh tụ và Đảng cộng sản như: Dạ ký, Chiếu mũ lông, Quản thổi, Kép Nghé... Việc bố tôi bị bắt sau đó là do tham gia làm báo Nhân Văn nhưng theo mẹ tôi còn nhiều lý do khác nữa (...)

Từ ngày ra tù bố tôi sống như người bị câm, hầu như không quan hệ với ai ngay trong các bạn văn quen biết cũ. Những người trực tiếp “tố” bố tôi ngày xưa đều cảm thấy hối hận về việc làm của mình và xin lỗi bố tôi.” (Trích *Phùng Cung truyện và thơ* (Văn Nghệ 2003)
Phùng Hà Phủ, không ghi rõ ngày “xảy ra chuyện” (khi đó hai anh em mới 4 tuổi và 2 tuổi), chỉ thuật những gì nghe cha mẹ kể lại, có những chi tiết phù hợp với những điều Nguyễn Hữu Hiệu viết trên báo Khởi Hành.

3- Nguyễn Hữu Hiệu viết:

“Theo lệ thường, mỗi năm, hội viên Hội Nhà Văn phải viết bá cáo, tự thuật, tự đánh giá mình đọc trước lãnh đạo.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, tổ học tập gồm bốn người cứng đầu kia [Phùng Cung, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt] bị trực tiếp đặt dưới quyền tổ trưởng Võ Hồng Chương [chắc là Võ Hồng Cương]. Trong đợt học tập này T.D. được lãnh đạo viết bản tố cáo dài gần 40 trang viết tay chữ nhỏ như kiến. Phùng Cung bị đấu hai buổi trước đông đảo văn nghệ sĩ tại trụ sở Hội Nhà Văn; bị tố cáo là tên phản động ngoan cố nhất của “Nhân Văn Giai Phẩm”.

Chế Lan Viên, cuối cùng, mới đứng lên đề nghị phải lập tức điều Công an đến khám nhà và bắt Phùng Cung.

Nổi đau nhục bị phản bội chưa qua thì họa khám nhà đã đến. Ngày 19 tháng Chạp năm Canh Tý 1960 [thực ra ngày 19 tháng Chạp năm Canh tý là ngày 4/2/1961]. Công an vây kín ngõ, xông xộc vào nhà, lục soát, dây xéo lung tung, tịch thu toàn bộ bản thảo gồm trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ. Phùng Cung bị đưa vào Hỏa Lò Hà Nội.

Sau đó, ông bị đưa đi biệt giam qua các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái), Bảo Thắng (Lào Kai) từ đầu 1961 đến cuối 1972. Suốt trong mười một năm bị biệt giam, Phùng Cung bị lao nặng và nhiều bệnh trầm kha khác. Khi được phóng thích ông vẫn bị quản chế rất chặt tại địa phương”

Khi làn sóng Dân chủ đích thực -giác mơ đời của Phùng Cung- dâng lên đe dọa nhận chìm Liên Xô “Thành đồng của Cách Mạng” thì Phùng Cung không được làm “bất cứ việc gì liên quan đến chữ nghĩa” kể cả việc làm gia sư. Đều đặn hàng tuần Công an đến nhà thăm hỏi sức khỏe, ngồi ở trong nhà khiến không ai dám bén mảng tới. Đông Âu sụp đổ, hình thức quản chế cũng theo đà “đổi mới” theo, nghĩa là Công an vẫn đến thăm hỏi như xưa nhưng nhẹ nhàng và ít thường xuyên hơn.

Hiện Phùng Cung đang sống lây lất với gia đình tại một căn nhà âm u, lụp xụp tại vùng Quận Ngựa ngoại thành cũ”.(Nguyễn Hữu Hiệu, Phùng Cung, Khởi Hành, Bộ mới số 1, tháng 11/1996, trang 7).

Chế Lan Viên ra lệnh bắt Phùng Cung

Tổng hợp những thông tin của Phùng Hà Phủ, Nguyễn Hữu Hiệu và Trần Duy, chúng ta có thể xây dựng lại một thực tại như sau:

Trong đợt học tập cuối năm 1960, T.D. [chắc là **Trần Dần**], được chỉ định viết bản tố cáo dài gần 40 trang, [Trần Dần cũng xác nhận việc phải khai các bạn, và các bạn khai mình, để tìm lối thoát, trong nhật ký]. Sau bài tố của Trần Dần, Hoàng Cầm và Lê Đạt, phải đứng lên phụ họa, xác định các tác phẩm mà Phùng Cung viết trong mấy năm qua ngụ ý chống đảng là có thật.

Màn bi kịch này có thể đã được dàn dựng trước, với những yếu tố sau đây:

- Sau khi NVGP bị đình bản, Phùng Cung vẫn tiếp tục sáng tác và ngoài bộ ba Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt còn nhiều người được đọc các sáng tác này, vì họ vẫn công khai trao đổi văn chương ở trụ sở Hội Nhà Văn (khoảng 18 tháng, từ đầu năm 1957 đến tháng 8/58 khi Trần Dần, Lê Đạt bị đi cải tạo đợt đầu). Đặc biệt bài *Dạ Ký*, dường như đã “nổi tiếng” lắm trong giới văn học và công an đương thời:

“Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức “tay truyện ngắn nhất Đông Dương”. Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng ganh

nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm” (Tô Hoài, Cát bụi chân ai).

“Quả thật sau đợt học tập này [Thái Hà], những anh em “Nhân Văn” hầu hết đều không dám qua lại nhà nhau, có chạm mặt ở cơ quan cũng không dám chào hỏi nhau, len lén cúi đầu sợ sệt. Riêng có bọn “chúng nó bốn thằng” là Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt vẫn bất chấp, ngang nhiên quán quýt, trao đổi văn chương, chuyện trò rôm rả, nhất là khi gặp nhau tại trụ sở Hội Nhà Văn 84 Nguyễn Du. Thái độ ngông nghênh này làm gai mắt lãnh đạo. Khi nào Công an chịu bỏ qua?” (Nguyễn Hữu Hiệu).

- Cuối 1960, đầu 1961, khi Phùng Cung bị gọi lên kiểm thảo, bộ ba Trần Dần, Hoàng Cầm Lê Đạt đã bị đánh tan nát. Trần Dần, Lê Đạt, phải đi chăn bò, chăn trâu, bị cách ly. Trong hoàn cảnh như vậy, liệu họ còn có thể từ chối khi “được” chỉ định phải tố Phùng Cung hay không?

- Hay đây chỉ là sự dàn cảnh để mọi người thấy rõ “bộ mặt tởm tợ của bọn Nhân Văn”, “bọn chúng tố cáo lẫn nhau” đây, và để cho Chế Lan Viên có cơ ra lệnh khám nhà và bắt “tên phản động” Phùng Cung.

- Chế Lan Viên đã đóng đúng vai trò Tố Hữu trong việc bắt Trần Dần, nhưng một cách “đường đường chính chính”, không ám lậu như Tố Hữu.

- Ba người nắm hồ sơ và hoạt động đặc lực nhất trong vụ thanh trừng NVGP là Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông và Đào Vũ. Nhưng Chế Lan Viên khôn khéo hơn hai người kia, ông không viết bài đánh nên không có văn bản “đề đòi”.

Nhưng ông thù Phùng Cung vì bài Dạ Ký, trong đó Phùng Cung vẽ biếm họa một số chân dung văn học, đặc biệt bốn vị “tứ bất tử”: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh và Nguyễn Đình Thi, có thêm “đương kim vô địch khôn” Tô Hoài, và vẽ cả các bạn đồng hành Quang Dũng, Văn Cao, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

Tất nhiên Chế Lan Viên không thể thích bức chân dung “nhà thơ giả thiếu số” chuyên dùng khoa “Phật vận” tức là “lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay” mà Phùng Cung hoạ về mình. Bài Dạ Ký đối với bốn vị lãnh đạo văn nghệ “tứ bất tử” là không thể chấp nhận được. Đặc biệt với Chế Lan Viên, sự “phạm thượng” có thể sánh ngang vụ Việt Bắc đối với Tố Hữu.

- Phùng Cung bị bắt và bị tịch thu toàn bộ bản thảo gồm **trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ** (theo Nguyễn Hữu Hiệu). Vậy những bản thảo này hiện ở đâu? Từ khi được tha về cho đến lúc mất, Phùng Cung chỉ viết lại (hay sửa lại) được 10 truyện ngắn, in năm 2003 tại hải ngoại. Như vậy, có thể nói, bài Dạ Ký là cái họa lớn của Phùng Cung, lớn hơn *Con ngựa già của chúa Trịnh*.

Trong *Cát bụi chân ai*, viết về Phùng Cung năm 1990, giọng Tô Hoài vẫn còn cay đắng:

“Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt. Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội văn nghệ từ trên Tuyên Quang. Ở rừng những việc tẩn mẩn không tên, sổ sách công văn, giữ thư viện, làm lán mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan... Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến (...) Phùng Cung ở cơ quan nào đạt đến, không nhớ. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trong khi tôi nhờ Phùng Cung đi đưa chi Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mô anh ấy. Đọc truyện ngắn “Con ngựa già của chúa Trịnh” của Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù đại khái “thằng này viết được. Nhưng còn hộc máu ra mới nên còm cháo đấy, con a”. Cũng điều đóm tập tành như mình ngày xưa, đầu đã mà có sừng có mỏ ngay.

Phùng Cung bị bắt khi “nhân văn, nhân võ” đã được dọn dẹp êm ắng, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức “tay truyện ngắn nhất Đông Dương”. Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng gan nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm”.

Tôi không thể tưởng tượng một Phùng Cung thế nào, tôi không biết được. Tôi vẫn mơ màng chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mắt xanh xám vỏ dưa hấu về vết vết nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi gẻ hay lúi húi làm gì, con mắt đo đờ mà tinh vật, như chú mèo vờ lừ rừ rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng cháng lên

cà phê Phúc Châu phổ trên. Hình như Phùng Cung quê ở Sơn Tây và nổi nhà địa chủ phú nông thế nào đấy, cũng không bao giờ nói và tôi cũng không hỏi.

Lại bao nhiêu năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng cù rù, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được à?

- Cũng không hiểu tại sao anh ạ.

(...)

- Anh có biết tôi phải tù bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng tù biệt giam mười một năm.

Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp gỡ. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải tù.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.

- Chúng nhận để làm gì?

- Có liên tục công tác mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục ạ.

- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hồn nhiên, chào "cám ơn bác".

Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở trên Quận Ngựa. Nghe nói đã khá khá, làm nhà mới. Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký-hay tiếp tục Dạ ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời? Định có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được." (Cát bụi chân ai, Bản Hồng Lĩnh, Cali, 1993, trang 120-123).

Những dòng trên đây phản ánh khá rõ tình cảm Tô Hoài dành cho cái xóm "nhà lá" mà ông gọi mỉa là "nhân vãn, nhân vớ". Đặc biệt Phùng Cung, hồi trẻ, được ông mô tả: "anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vết vết nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghê hay lúi húi làm gì, con mắt đo đở mà tinh vật, như chú mèo vờ lù rù rình chuột". Người thanh niên này làm việc dưới quyền ông, chỉ được ông giao cho việc vặt, đại loại "công tác chạy hiệu", "Ở rừng", làm "những việc tửn tửn", "đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan"... Việc quan trọng nhất được ông sai là "đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy". Và khi đọc Con ngựa già của chúa Trịnh, ông nghĩ "thằng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ". Sau khi đi tù 12 năm, về, đến thăm, ông rửa thắm "Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù"... Thế mà vẫn không chừa, vẫn lại chứng nào tật ấy: "Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký-hay tiếp tục Dạ ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời?"

Những dòng này viết năm 1990, hơn bốn mươi năm sau khi NVGP bị dẹp, mà giọng Tô Hoài vẫn chưa thôi miệt thị và hằn học, như vậy đủ biết mấy trang Dạ Ký của Phùng Cung, nặng nợ như thế nào.

Nhưng chỉ một Dạ Ký thôi, có lẽ chưa đủ để lĩnh án 12 năm. Dạ Ký là cái có đầu tiên cho những người lãnh đạo văn nghệ bị Phùng Cung biếm họa nổi giận. Để Chế Lan Viên ra lệnh bắt. Việc tù tội tiếp sau, dựa trên toàn bộ tác phẩm thơ văn của Phùng Cung, một nội dung đào sâu vào tận gốc chính sách tiêu diệt văn hoá của đảng, áp dụng từ cách mạng tháng Tám:

"Giải thoát" và "Mộ phách" viết về sự bức tử nghề ca trù và tuồng chèo cổ.

"Biệt tích" là sự thù tiêu nghề thợ mộc chân chính.

"Mạt kiếp" là cái đói và cái chết của người cùng đinh.

"Phòng tuyên truyền địa ngục" là cơ quan dụ dỗ con người bỏ trần gian để về với thiên đường địa ngục...

II. Mộ phách – Mộ chôn văn hóa

Truyện ngắn *Mộ phách* là tiếng khóc tiễn đưa thi ca, âm nhạc về bên kia thế giới trong một thời mà nghệ thuật đích thực bị xử lý như một phạm nhân. Với *Mộ phách*, Phùng Cung đã để lại những âm giai bất tử về sự bức tử một *cây đàn* và sự tuấn tiết của một *cổ phách*, qua đó là sự tàn phá nền văn hoá cổ dân gian thời Cách mạng tháng Tám, 1945. Mười năm sau, khi *mộ phách* đã xanh cỏ, diễn ra sự triệt hạ Nhân Văn Giai Phẩm 1956. Và mười chín năm sau là sự triệt hạ Văn học miền Nam, 1975.

Chính sách chôn vùi văn hoá đã kéo dài trong nhiều thập kỷ từ 1945 đến ngày nay.

Tác phẩm của Phùng Cung chia làm hai phần: Văn xuôi và Thơ

Phần văn xuôi đã phá chính sách văn hóa của chính quyền cộng sản, đi từ gốc của vấn đề: Phùng Cung đề cập đến sự thủ tiêu văn hoá từ những ngày đầu cách mạng: việc tiêu diệt tuồng, chèo, ca trù... trên đất tổ Hùng Vương. *Mộ phách* (mồ chôn phách) là tác phẩm tiêu biểu. Chính sách văn hóa này, sau *Mộ phách*, sẽ tiếp diễn với sự chôn vùi các văn nghệ sĩ và trí thức tinh hoa của dân tộc trong phong trào NVGP, thiêu hủy Văn học miền Nam sau 1975, và vẫn còn tiếp diễn đến ngày nay, qua các việc tịch thu sách, cách chức tổng biên tập, chia đất, bán rừng, coi nhẹ di sản văn hoá của tiền nhân... Một cái nhìn rộng và xa như vậy về thời toàn trị, phải được khởi viết từ đất Tổ: Phùng Cung, người Sơn Tây- nước Văn Lang.

Đất Sơn Tây – nước Văn Lang

Sơn Tây phát sinh hai tài năng lớn trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm: Quang Dũng và Phùng Cung.

Quang Dũng sinh năm 1921, tại xã Phượng Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây, thuộc Hà Nội). Hình ảnh vùng đất tổ khắc trong lòng người Việt qua những câu thơ Quang Dũng:

Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt

Chiều xanh không thấy bóng Ba Vi”

Quang Dũng đi vào lòng người miền Nam, không qua ngã *Tây tiến* mà qua *Đôi mắt người Sơn Tây* do Phạm Đình Chương phổ nhạc. Đại gia đình Thăng Long (Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc) có một người anh chết ở Sơn Tây trong kháng chiến. Có lẽ vì vậy mà Phạm Đình Chương đã phổ thơ Quang Dũng bằng những nét nhạc tuyệt vời, với một tâm hồn đồng điệu. Nhờ bản nhạc *Đôi mắt người Sơn Tây* của Phạm Đình Chương mà nước “*sông Đáy chậm buồn qua phủ Quốc*” thấm vào hồn người nghe, dù họ chưa hề đặt chân lên đất tổ bao giờ. Những nghệ sĩ đích thực luôn luôn có khả năng truyền cảm vượt tuyến, nối tình đất và tình người trong khoảng khắc câu thơ, tiếng nhạc.

*

Còn Phùng Cung? Là người thông bác lịch sử, gắn bó với đất đai và văn hóa lâu đời của dân tộc, Phùng Cung, đã dùng ngôn ngữ quật khởi, “rừng rú” của Đường Lâm để bảo tồn nền văn hoá Việt một cách quyết liệt và toàn diện, trong thời kỳ toàn trị.

Bài của Nguyễn Hữu Hiệu có một thông tin về nguồn gốc họ Phùng: “*Quê tổ của Phùng Cung ở Đường Lâm, Sơn Tây, vốn dòng dõi Bồ Cái Đại Vương Phùng Hưng*”. Chỉ Phùng Cung mới có thể cung cấp cho Nguyễn Hữu Hiệu thông tin này. Bởi lẽ: *Đường Lâm* là một tên xưa, đã biến mất từ thời Lê, chỉ người gốc ở *Đường Lâm* mới biết, và khi Nguyễn Hữu Hiệu viết câu này năm 1996, Đường Lâm chắc chưa được “khôi phục” lại với khu “*di tích lịch sử- văn hoá Đường Lâm*”, như ngày nay (không rõ việc khôi phục này có do các nhà khảo cổ giám định, hay chỉ là sự bài trí màu mè để lôi kéo du khách). Vậy việc Phùng Cung dòng dõi Phùng Hưng là điều khả thể. Nhưng không phải cứ dòng dõi Phùng Hưng thì trở thành anh hùng. *Dòng dõi* và *đất sinh* có thể giải thích sự can trường và lòng bất khuất ở một con người như Phùng Cung. Sinh trưởng trong nôi lịch sử Sơn Tây, từ một dòng họ chống ngoại xâm lâu đời nhất, Phùng Cung tự hun đúc và tạo nên cái khí phách ấy. Bởi sự kiên cường ấy, không thể giải thích cách nào khác, ngoài đất đai, sông núi và lịch sử.

Nhưng trước hết, tại sao lại Sơn Tây?

Đất Sơn Tây có gì đáng nói?

Miền Bắc có bốn vùng đất cổ có kinh đô xưa:

- Sơn Tây là nước Văn Lang, có kinh đô của Hùng Vương, Trưng Vương, Phùng Vương và Ngô Vương.

- Ninh Bình, có kinh đô Hoa Lư của nhà Đinh, Tiền Lê, và những năm đầu nhà Lý.

- Hà Nội là kinh đô Thăng Long của nhà Lý, Trần và Hậu Lê.

- Thanh Hoá có Lam kinh còn gọi là Tây kinh (kinh đô đầu tiên của nhà hậu Lê, do Lê Thái Tổ dựng lên ở phía đông núi Lam Sơn), có cung điện nhà Lê ở phủ Yên Trường và Vạn Lại, có gò Phật Hoàng (mộ tổ nhà Lê), có Thành nhà Hồ (thành Tây đô), có Ly cung của nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc)...

Trong bốn vùng lịch sử có kinh đô xưa, *Sơn Tây lâu đời nhất*.

Sơn Tây là vùng rộng lớn, tới cuối thế kỷ XIX, bao trùm nhiều tỉnh và thị trấn ngày nay: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây và một phần các tỉnh Hoà Bình và Tuyên Quang.

Sơn Tây có hai huyện quan trọng: *Huyện Phúc Thọ* và *huyện Bạch Hạc*:

Huyện Bạch Hạc (Việt Trì) (thuộc phủ Vĩnh Tường), trung tâm Sơn Tây, là đất Phong châu, kinh đô nước Văn Lang. Sông Lô và Sông Thao gặp nhau ở Ngã ba Bạch Hạc.

Huyện Phúc Thọ (thuộc phủ Quảng Oai), đời Hán là đất Mê Linh, nơi Hai Bà sinh trưởng và đóng đô. Có Hát giang (tức sông Đáy). Có xã Cam Lâm thuộc quận *Đường Lâm* là nơi sinh của Phùng Hưng và Ngô Quyền. Có đền Phùng Vương và Ngô Vương ở xã Cam Lâm. Có miếu Hai Bà ở xã Hát Môn.

Hai huyện *Tùng Thiên* và *Bát Bạt* có núi Ba Vì (truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh), ba ngọn rất cao, hình tròn như cái tán, lớn nhất đất Bắc

Theo Ngô Thì Sĩ và Phan Huy Chú, Đường Lâm là đất hai huyện Hoài An [nay là huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây] và Mỹ Lương [nay là đất các huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây và Lương Sơn, Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình].

Vì những lẽ trên mà trải các triều Đinh, tiền Lê, Lý, Trần, hậu Lê, Nguyễn, các vua, dù có gọi là *lộ*, là *trấn*, là *thành*, là *xứ*, không vua nào dựng đến “bờ cõi” Sơn Tây, bởi đó là “bờ cõi” nước Văn Lang do vua Hùng dựng nên. Với những bia, miếu, đền... những địa danh lịch sử như Phong Châu, Mê Linh, sông Hát... Sơn Tây còn là trung tâm của nước Việt cổ, một địa điểm chiến lược và tâm lý. Vì vậy, khi dàn trận thu đông 1947, Pháp đã chiếm Tông và Sơn Tây trước, để làm bàn đạp đánh lên Việt Bắc, cũng là một đòn tâm lý đánh vào não trạng người Việt.

Sự sát nhập Sơn Tây vào Hà Nội

Năm 1965, chính quyền miền Bắc sát nhập Sơn Tây vào Hà Đông. Từ 1975 đến 1978, Sơn Tây bị nhập vào Hà Sơn Bình. Từ 1978 đến 1991, Sơn Tây bị nhập vào Hà Nội. Từ 1991, Sơn Tây bị nhập vào Hà Tây. Đến tháng 8/2007, *Thị xã Sơn Tây*, (gồm hai huyện Phúc Thọ và Minh Nghĩa, thuộc phủ Quảng Oai) được nâng cấp lên *thành phố Sơn Tây* và năm 2009, toàn bộ tỉnh Hà Tây bị sát nhập vào thủ đô Hà Nội. Đường Lâm, như vậy, ngày nay đã thuộc vào tỉnh Hà Nội.

Những “sát nhập” này, luôn luôn thay đổi, tùy tiện và lúng túng, dường như không do một chính sách địa lý, chính trị và văn hoá có nghiên cứu khoa học và lịch sử làm hậu thuẫn:

- Sự “sát nhập” toàn bộ thành phố Hà Tây (trong có thị trấn Sơn Tây) năm 2009 vào Hà Nội [cũng như việc ùi nền cổ thành Đại La để tổ chức lễ hội ngàn năm Thăng Long, bất chấp ý kiến của các chuyên viên khảo cổ mới đây] có thể hiểu như thế nào?

- Rằng để kịp thời phục vụ “lễ hội ngàn năm Thăng Long”, nên cần làm đẹp Hà Nội và “bành trướng” Hà Nội về phía đất tổ Hùng Vương chăng?

- Rằng để cho nhà, đất lên giá theo đúng đơn đặt hàng của các nhà đầu cơ bất động sản?

- Rằng để xác định sự chính thống của nhà nước Việt nam, *tự xưng* thời đại toàn trị như một triều đại “mở nước”, ngang với triều Lý, với tổ Hùng Vương?

Những thông tin mới nhất về việc nhà nước định “rời đô” về chân núi Ba Vì, bất chấp ý kiến các chuyên gia, lại càng làm cho các giả thuyết trên đây, đặc biệt giả thuyết sau cùng, thêm vững chắc.

Sự phá vỡ bờ cõi nước Văn Lang, cũng không đi ra ngoài quỹ đạo truyện ngắn của Phùng Cung. Truyện của ông xoay vào toàn bộ chính sách văn hoá của đảng cộng sản: từ việc loại trừ phần văn hóa dân gian, như chèo, tuồng, ca trù, thời kháng chiến; đến sự phá vỡ vùng đất tổ Hùng Vương hiện nay chỉ là hậu quả của chính sách phi văn hoá do Trường Chinh đề xướng từ 1943.

Người và Chó

Trong các truyện ngắn của Phùng Cung, xã hội Việt Nam được trình diện như một xã hội phân chia giai cấp theo cái nhìn của tác giả: Chó và Người.

Giai cấp mà ông gọi là *chó* thuộc thành phần những kẻ “*úp mặt hôn mê liếm lợc*”, những kẻ “*cưỡng bức ngữ ngôn*”, những kẻ “*tình nguyện trọn kiếp bút nô*”, những kẻ “*ngợi ca tội ác*”... Và trong bối cảnh, *chó* đô hộ người, các công tác dò thám, hãm hại, thủ tiêu, đạt đỉnh điểm. Sự triệt tiêu văn hoá trở thành quốc sách.

Chưa một ngòi bút nào đi xa đến thế trong việc mô tả xã hội toàn trị.

Tư tưởng chủ đạo này chi phối toàn bộ tác phẩm của Phùng Cung và mỗi truyện có nhiệm vụ biểu trưng một vấn đề mà nhà văn đưa ra. Cách nhìn xã hội chó-người này, sẽ sống lại trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, với những chiều hướng khác, sau này.

Con ngựa già của chúa Trịnh, là tác phẩm duy nhất của Phùng Cung in trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, ám chỉ đám quần thần, như những con ngựa già, suốt đời quen nhắm mắt bịt tai, cúi đầu phục vụ thế quyền.

Ngay từ *Con ngựa già của chúa Trịnh*, đất Sơn Tây đã làm nền cho tác phẩm: từ vùng đất tổ, phát xuất giống ngựa nòi, sau này sẽ bị thế quyền làm mai một, mất giống. Lão Nông là hình ảnh đầu tiên về người nông dân chân chính của vùng đất tổ.

Con ngựa già của chúa Trịnh viết về con thần mã Kim Bông của lão Nông ở Sơn Tây, có sức vượt nghìn dặm với cái thế “*cao đầu phóng vĩ*” của nòi ngựa chiến. Bất cứ cuộc đua nào, Kim Bông cũng đứng đầu. Tin đồn đến tai chúa Trịnh, nhà chúa bèn cử người đến mua con ngựa quý. Dù luyến tiếc vô cùng, lão Nông bắt buộc phải giao ngựa về kinh. “*Kim Bông phi như gió, trả lại đặng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn Tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng Long*”.

Về kinh, Kim Bông trở thành con vật sủng ái, được kéo xe hầu chúa. Sống trong nhung lụa, thần mã được ngự tại *mã đài* ngày ngày chỉ ăn và tắm. Chúa ban áo mao cân đai, đặc biệt cái mũ cánh chuồn, như hai chiếc lá đa che tai, che mắt, chỉ để lộ mỗi con người nhìn thẳng về phía trước. Rồi đến lúc can qua, chúa cần con ngựa chiến dũng mãnh ngày xưa, nhưng than ôi, con thần mã đã quen thói cung đình, bao nhiêu năm bị che tai, bịt mắt, khi tháo mũ áo ra, nó hoa mắt, đầu choáng váng, chân không phóng được nữa. Thần mã cố sức bình sinh, dốc hết tàn lực rồi ngã vật xuống đất, đứt ruột mà chết.

Kim Bông tượng trưng cho những tài năng lớn, khi đã mũ ni che tai, quỳ gối, úp mặt, phục vụ thế quyền, để tìm bổng lộc thì đều trở thành những con ngựa già, vô dụng. Kim Bông là “nhân vật” đầu tiên, từ “thần mã” xuống “chó” mà Phùng Cung mô tả.

Là một trong những truyện ngắn hay nhất thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, cùng với *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* mang tính chất ẩn dụ tế nhị, kín đáo và sâu sắc, khó có thể đưa ra để kết tội công khai tác giả.

Dạ ký là một bút ký tưởng tượng hài hước về những nhân vật chính trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, bên nguyên cũng như bên bị, mập mờ những chân dung: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Tô Hoài..., cả người thầy học cũ của tác giả cũng có mặt... đến Quang Dũng, Văn Cao, Hoàng Cầm, Tử Phác, Lê Đạt... Không chỉ từ trụ triều đình được phác họa dưới những nét châm biếm, mà cả những bạn đồng hành cũng không thoát khỏi... tất cả đều bị cuốn theo cơn lốc, dưới chân một ngọn tháp, “*trên đỉnh tháp là một tàn vàng chóc loé, hơi giống mặt trời*”

chiều lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vàng là một lá cờ đại, xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ – đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diềm cờ không dính tua kim tuyến mà là lưỡi câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra cờ bay mà tiếng gầm rú hãi hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm” (Phùng Cung truyện và thochưa hề xuất bản Văn Nghệ, 2003, trang 312).

Dạ Ký biếm họa cả một thời đại cuồng điên, mà con người người người lớp lớp phục xuống, trước một ngọn tháp vĩ đại, “chạy vòng quanh tháp-như đèn kéo quân”; “hàng ngàn cờ nhỏ – đều màu đỏ rực”, “một rừng cờ” có “lưỡi câu thép ngoại”; “cờ bay mà tiếng gầm rú hãi hùng”... Chưa có tác giả miền Bắc nào dám viết về bác Hồ, về cờ búa liềm và ngày 19/8 như thế. Dạ ký là bức tranh châm biếm hãi hùng về sự tung hoành của lá “cờ có lưỡi câu thép ngoại”, là diềm báo hiệu 12 năm tù không án của Phùng Cung.

Nhưng “tội” của Phùng Cung, không chỉ là đã nặn ra một “con ngựa già”, và vài trang “dạ ký” phạm thượng, mà còn ở những truyện ngắn sâu xa khác, tất cả viết trong khoảng 1957 đến 1960, thời kỳ NVGP bị đàn áp sôi sục nhất. Chính những tác phẩm này mới đưa đến 11 năm biệt giam. Chúng bày ra những cảnh trường bi đát của một thời đại u tối mà ngày nay chúng ta đang muốn và đang cần tìm hiểu.

Đó là số phận **Mạt kiếp** của những người như lão Thiều, suốt đời sống trong đói nhục, cuối cùng, lão đục đày cốt ngò để ăn cắp, bị ngò tươi xuống đê chết. Truyện **Mạt kiếp** là một trong những truyện ngắn thâm trầm nhất về cái đói, gián tiếp mô tả xã hội chó-người.

Vẫn trong bối cảnh Sơn Tây, Ba Vì, vẫn trên nền đất tổ. Ngay từ dòng đầu, không khí bạo lực bốc lên qua giọng văn mạnh, phũ, như một bức họa phổ nhạc, với những âm thanh loang lổ, màu sắc hoắc loạn: “Chiều xuống chơi với trên đầu làng Chu Trần. Một con chó vàng nhạt, hơi gầy đứng trên bờ đê ngẩn phía tây nam nơi mặt trời như một chậu máu, loang vãi từ đỉnh Ba Vì hắt lại. (...) Thịnh linh tiếng tù và rúc ba hồi dữ dần từ cầu Đạc Ba -điểm tuần của làng- gió tiếp âm, gom tiếng dữ trình làng. Mấy nhà gần điểm còn nghe được cả tiếng “hự hự” của kẻ phạm pháp đang chịu đòn bằng đấm đá, lên gối vào ngực, vào bụng. Nghe đủ tiếng động, đàn chó làng cất tiếng tập thể tru lên một lúc rồi im bặt, quý hồ đủ tư cách chó, bởi dẫu có mỗi mồm cũng chẳng ăn nhằm gì.” (Mạt kiếp, trang 27).

Đó là khúc chó tru dạo đầu cho thân phận lão Thiều. Thiều không phải tên của lão, lão tên là Vị, Thiều là tên đứa cháu ngoại. Lão có một quá khứ tù mù, có thể trước lão đã có thời chân đi giày săng đá, đầu đội mũ chào mào khó xanh, khó đỏ, nhưng bây giờ thân tàn ma dại, không biết vợ bỏ hay vợ chết, lão ở nhờ nhà con rể cả chục năm rồi. Ăn uống phải tự túc, gặp lúc nhà ai có việc gọi đến, lão còn được miếng no. Nhiều ngày chẳng ai đoái hoài, lão đói rã họng, đành thọt thọt trộm củ khoai, bắp ngô của làng. Bị tuần bắt được trời gô vào cột đình, đánh, lão chày mặt ra chửi đồng. Lão nghĩ bụng “no nên bụt, đói ra ma”, “ngũ cốc còn ghê hơn thuốc phiện, chưa rã họng chưa biết!”, “trên đời này ông sợ nhất cái đói, ông khinh nhất cái đói, ông căm thù nhất cái đói” (trang 31).

Ăn nói kiêu Chí Phèo, Chúa, Phật, chẳng coi ra gì, bất kỳ quỷ ma thần thánh gì lão cũng theo tuốt miễn có cái bỏ vào mồm, lão làm tất tẩn tật: đánh thần trùng, bốc mả, nhảy xuống ao cứu trẻ chết đuối, không từ một việc nào. Vì cứu trẻ ở xóm đạo, lão đã được mang tên thánh Phê Đô Vị, rồi xóm đạo hết việc, lão mon men đến chùa, giúp bà vải đốn tre, cạp rổ cạp rá... Lão đã trải hết các “thời”, vậy mà lão vẫn sống.

Cho tới cái năm ấy. Lão cố nhớ lại: “Năm ấy là năm gì nhỉ? Nước sông Hồng vua Thủy dâng to hơn mọi năm nhiều. Nước tràn lên đánh úp bờ bãi, cướp trắng hoa màu chưa đến tuổi thu hoạch, đe dọa đe điều đe dọa cả một vùng đói kém!” (trang 56).

Chẳng biết lão Thiều có ý nói kháy cái năm thần thánh ấy, cái năm quái gỡ trùng hợp đói, lụt và biến cố lịch sử vĩ đại nào không. Dám lắm, đến nước này, lão còn nể gì. Lão đổ tội cho cái năm thổ tả ấy, vì nó mà lụt lội tràn lan khắp nơi. Đói quá, lão Thiều chẳng còn nể nang gì nữa, lão chửi cái đói “Mày đang tâm biến người thành chó, chó thành người!” (trang 67). Lời chửi đồng của lão cũng mập mờ đầy ý nghĩa, chẳng biết lão chửi cái đói, chửi thần thánh, hay thoá mạ cách mạng.

Đường cùng, lão tính nước cò chót: liều chết, lội lụy vào tận đáy cọt ngô của nhà Tư Tâm, đục cọt cho ngô chảy xuống, lão hứng bằng hai ống quần, nhưng không ngờ, ngô chảy mạnh quá. “Đói, lạnh, nặng, cả ba lực giáp công, lão không sao ngóc đầu lên được. Chỉ trong chớp mắt lão ngẫm hẳn”.

Mạt kiếp được viết với bút pháp lạnh lùng gần như châm biếm, vô cảm hóa nghịch cảnh, và đó chính là nghệ thuật trình bày cái bi đát trong thân phận con người sâu sắc nhất: Từ cái *năm ấy*, Lão Thiều bị nghiền nát nhân phẩm, lão cố ngóc đầu lên để được sống làm người, sống như người, nhưng cuối cùng lão bị quật ngã, bị tiêu diệt.

Biệt tích là truyệnphó Lâm, người thợ không hội nhập được với “*đời sống mới*”. Người thợ mộc đầy lương tâm và nhân cách này không thể chấp nhận lời “*ăn thật làm dối*” của ủy ban nhân dân. “*Với phó Lâm, tua, mộng là tuyệt kỹ, khi vào mộng, không tháo ra, chêm lại làm đau gỗ!*” (trang 155), nhưng bây giờ ủy ban lại bắt Phó Lâm phải làm nhanh, bắt đóng bàn không cần tua, mộng gì cả, cứ ghép lại bằng đinh năm phân, chặt bỏ mũ, đóng ngậm là đủ. Ông chủ tịch xã còn ra lệnh:

“- *Cứ mẫu ấy mà đóng!*

Phó Lâm lo âu xoa hai bàn tay vào nhau:

- *Dạ! Thưa ủy ban không làm được ạ!*”

Phó Lâm lẩm bẩm trả lời bằng những *dạ thưa, không làm được ạ, dạ thưa, khó quá ạ...* cho tới lúc bị đuổi về. Ít lâu sau, phó Lâm đi đâu biệt tích...

Có người đồn thấy phó Phó Lâm vai vác riu, tay sách hòn đục ngược dòng sông lên núi Tản Viên, bước trên nước như đi đường vậy. Bà Lâm được tin lạnh cả người! Ở đây không ai còn lạ gì chuyện đức Thánh trên đỉnh núi Tản cứ ba năm lại một lần xuống núi tìm thợ giỏi lên sửa điện đài trên ấy. Bà Lâm chờ chồng *ba năm, sáu năm, rồi chín năm...* không thấy về, bà chọn tháng bẩy ngày rằm xá tội vong nhân làm giỗ.

Biệt tích phác những nét mơ hồ nhưng vô cùng xác thực về một thời mà những cái chết bí ẩn, những sự *mất tích, biệt tích* của con người khá thường xuyên. Thời mà những giá trị đạo đức nghề nghiệp không còn chỗ đứng. Thời mà dốt nát, cầu thả, lên ngôi. Phó Lâm, kẻ muốn bảo tồn đạo đức nghề nghiệp, đã bị gọi về *trời*. Phó về trời, như bị mất tích, như bị thủ tiêu, như tự thăng cùng thần núi Tản, để giữ mãi cái chân chất của nghề tổ, giữ trọn phong cách của một nghệ nhân chân chính.

Chủ trương của đại hội văn nghệ 1950 ở Việt Bắc: chôn sống tuồng chèo, cải lương và dân ca, được thể hiện lại trong hai tác phẩm: **Giải thoát** và **Mộ phách**. “*Từ nay cái nghề ca trù cần rỡ đông dài phải tự tay đào sâu, chôn chặt, không để nắm mồ, không luyến tiếc*” (*Mộ phách*, trang 204).

Nếu *Biệt tích* ghi lại sự thủ tiêu nghề thợ mộc, thì **Giải thoát**, viết về sự phá sản của nghề hát chèo ở làng Ô. Cái thế “cao đầu phóng vĩ” của con Kim Bông, loài ngựa chúa, được thể hiện lại trong nhân vật *Cả Miêng*, hay *Trùm Nhất* ở làng Ô, kẻ được coi là “Bố cái đại vương” của làng Vân Ô, nơi ngụ trị của thần tổ nghề hát chèo, trên “*một giải đất cao, thế đất chim Phượng*”, cạnh dòng sông Hát (sông Đáy). Giọng văn Phùng Cung luôn luôn có cái uy của *đất tổ*, cái đẹp của *nghề tổ*, cái trách nhiệm của *bố cái* (cha mẹ) trong nhiệm vụ bảo tồn văn hoá và lịch sử.

Ở thế “*cao đầu phóng vĩ*” như thế, Phùng Cung một mình một ngựa, cầm cương chống lại giai cấp mà ông gọi là “*chó*” của bọn tàn phá văn hoá dân tộc, tàn phá những nghề tổ: nghề mộc, nghề chèo, nghề ca trù... nuôi sống con người. Bỏ nghề đi, là cắt đứt cuộc sống, là tiêu diệt nghệ thuật cùng miếng cơm, manh áo.

Mộ phách

Đặc sắc nhất trong mười truyện, viết về thời kỳ cấm ca trù, đập đàn đáy, chôn phách. Bi kịch của vợ chồng kép Tư Chấn và Đào Khuê trong *Mộ Phách* cả đời gắn bó với cây đàn tiếng hát, không khỏi gọi nhớ đến Cô Tô và Chánh Thú trong *Chùa đàn* của Nguyễn Tuân. Tư Chấn có hai con, một trai một gái, chỉ mong sao cho chúng sau này lớn lên nối tiếp *nghề tổ* để được no ấm một

đòi “Thằng Thuyên, con trai độc nhất, khi nó mới biết lẫy, ông đã nắn ngấm bàn tay của nó và lấy làm mãn nguyện. Ngón tay dài, ắt hẳn dài hơn tay bố, mai ngày nhẹ nhàng nhún, vuốt dây tơ...”(trang 205).

Ngoài thằng con, Tư Chấn chỉ còn cây đàn là quý: “Đàn này của cụ Kép thân sinh của Tư Chấn để lại”, “cụ Kép chọn gỗ, thuê thợ Kim Sa đóng cây đàn này lúc Tư Chấn mới tám tuổi. Đáy đàn bằng gỗ dâu vàng, cần đàn bằng gỗ xằng chun, trục vận bằng gỗ sưa. Phần trên của đáy đàn, hai khoá gỗ đối nhau như hai con mắt. Cây đàn lên tiếng ngân vang gần một nửa thế kỷ. (...) Ba ngôi âm thanh của đàn đấy “Tiếng tông! tiếng dụng! tiếng dênh!” hợp thành dụng trong bầu đấy; nhà nghề gọi là “hồn đàn bát tử!” (trang 207)

Được hưởng một gia tài như thế, Tư Chấn, coi đàn như một người cha, một ông tổ, đàn là nguồn nghệ thuật và nguồn sống:

“Tư Chấn quan tâm đến cây đàn nằm đây như nâng giấc một người cha ốm. Trên bàn thờ sát vách bên trái, -cổ để khuất mắt người lạ- cây đàn được nằm trong tư thế, dầy, trục nghiêm trang. Trên đáy phủ tám khăn the màu hoàng yến, nay đã ngả màu lồi mít che bụi và che tất cả. Ngày nào ông cũng hai lần nâng tám khăn, nhìn kỹ toàn cây đàn. Sóc, vọng hai lần mỗi tháng; vào buổi tối, ông đều lau bụi, và bàn tay lại chạm khẽ lên dây tơ, lắng nghe tiếng xa xưa vọng lại. Ông đứng ngẩn ngơ, quên, nhớ, mông lung. Trước khi quay lưng ông không quên chấp tay thành kính vái cây đàn đủ bốn vái.” (Mộ Phách, trang 207-208).

Thế rồi thời thế thay đổi, *Thằng Thuyên* lớn lên đi bộ đội cầm súng thay đàn... Vợ chồng Tư Chấn không còn được tự do đàn hát kiếm sống như trước nữa, nhưng trong lòng vẫn “nhớ dòn thương góp”, âm thầm lấy đêm 17 tháng 8 cúng tổ tiên thu. (Ngày 17/8 có một ý nghĩa chính trị). Họ chờ lúc trăng khuya, cổng đóng then cài, tìm lại nghề cũ, tiếng đàn chen tiếng phách, nỗi chìm giọng ngâm tha thiết của những đêm xưa... “Khúc “Cung bắc” đang chơi vui như đờ chưa cập bến. Bỗng tiếng chó sủa rộ từ phía nhà thím Vương hắt sang. Đàn phách im bật. Hai linh hồn đang rong ruổi quá khứ vụt trở về thực tại. Chó vẫn sủa dai dẳng. Ngờ đâu tiếng tơ, tiếng phách đã leo rào, lọt đến tai người, va vào miệng chó”. (trang 210).

Từ đêm đàn ca vụng trộm đó, hai vợ chồng nơm nớp lo sợ, sợ người và sợ chó, sợ cả chó người. Rồi chuyện gì phải đến đã đến. Thuyên, đứa con trai duy nhất, đang đợi được kết nạp vào Đảng, dưới sự chỉ đạo của Đảng, đã ra tay xử lý cây đàn. Thuyên khẳng định: cây đàn đáy chính là “đòn địch”. Và như một chiến sĩ can trường, Thuyên xông vào tóm lấy cổ “địch”: “Thuyên hăng hái nhẩy tới bên cạnh bàn thờ, tóm lấy cây đàn đáy – Cây đàn va vào vách “Cang!” một tiếng từ đàn đáy vọng ra như tiếng kêu cứu thất thanh của một tội nhân đến giờ hành quyết”(trang 233).

Kêu cứu cũng vô ích, cây đàn không thoát khỏi định mệnh oan trái của mình. Sau khi bị đập tan tành, xác đàn bị hoá kiếp lần nữa: trở thành mớ củi nấu nước tắm cho cậu quý tử: “Lửa cháy vù vù dưới thùng nước tắm. Ông Chấn đang loạn bước ngoài ngõ, ngoài vườn, xéo nát cả luống rau mới cấy. Tai ông nghe lửa réo và người thấy mùi đàn cháy khen khét như một vật có xương có thịt. Ông thẳng thốt nghe rõ tiếng đàn từ trong cháy phi ra. [...] Ông hỏi vợ có nghe tiếng gì không? (trang 234).

Từ đây, Tư Chấn cứ trầm trầm đi tìm lại tiếng đàn, mấy tháng sau ông mất. Đào Khuê chọn ngày cúng chồng rồi tìm miếng lụa liệm cổ phách của mình, nó tên là *Kim phách*. Kim phách cũng có một sử thi lẫy lừng không kém cây đàn đáy của Tư Chấn. Đào Khuê mai táng *Kim phách* trong ngôi mộ chôn cạnh bờ ao.

Mộ phách ngân lên như tiếng khóc tiễn đưa thi ca, âm nhạc về bên kia thế giới trong một thời mà nghệ thuật đích thực bị xử lý như một phạm nhân. Với *Mộ phách*, Phùng Cung đã để lại những âm giai bát tử về sự bức tử một cây đàn và sự tuần tiết của một cổ phách. Và qua đó là sự tàn phá nền văn hoá cổ Văn Lang.

Từ bà Huyện Thanh Quan đến Phùng Cung

Sau khi thống nhất nước Nam, Nhà Nguyễn gỡ cung điện Thăng Long đem về Huế. Năm 1831, vua Minh Mạng lấy Hà Nội (tên một tỉnh nhỏ phía bắc nước Tàu) đặt cho Thăng Long. Việc gỡ

cung điện vua Lê và đổi tên Thăng Long thành Hà Nội, của nhà Nguyễn nhằm xoá tinh thần phò Lê trong lòng người dân đất Bắc, không qua mắt được nhà thơ: Bà Huyện Thanh Quan, thầy dạy con gái vua Minh Mạng, sáng tác *Thăng long thành hoài cổ* như một kiệt tác hoài Lê, một sự phản kháng âm thầm của kẻ sĩ Bắc hà “*nhớ nước đau lòng con quốc quốc, thương nhà mới miệng cái gia gia*”, tuy Gia Long không hề đốt sách, và Minh Mạng không dám lấy tên Gia Long đặt cho Bắc thành.

175 năm sau, khi thống nhất Nam-Bắc, chính quyền miền Bắc đổi tên *Sài gòn* thành *Thành phố Hồ Chí Minh*, sách lược học lại của nhà Nguyễn, kèm thêm chương trình học tập cải tạo và sự tiêu diệt gần như toàn bộ văn học miền Nam. Kết quả: 35 năm sau, cái tên “mới” của thủ đô miền Nam vẫn chưa hề thu phục được lòng người, mà đối với người dân miền Nam, nó vẫn chỉ là vết tích tủ nhục của sự bại trận, của sự “mất nước” như tình cảm bà Huyện Thanh Quan đã dành cho nhà Nguyễn.

Ở thời đại nào, chính sách văn hoá vẫn luôn luôn là cốt tuỷ. Đối xử một cách văn hoá với người bại trận là có thể chiếm được lòng người. Bởi văn hoá ở trên chính trị. Đối với văn hoá, không thể áp dụng chính sách tiêu diệt địch thủ như trong chiến tranh.

Không phải cứ loại được *Tự lực văn đoàn* ra ngoài, thì văn học xã hội chủ nghĩa sẽ trở thành lãnh đạo. Không phải cứ loại được *Nhân Văn Giai Phẩm* ra ngoài, thì những ngôi sao Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi... sẽ ngời sáng mãi mãi trên nền trời văn học Việt Nam.

Không phải cứ loại được *Văn học miền Nam* ra ngoài, thì *Văn học miền Bắc* sẽ trở thành độc nhất vô nhị.

Bởi đất văn học không phải là một vùng chiến địa, để một còn một mất, mà là đất hoà bình, sống chung, càng nhiều tác phẩm hay, nền văn học của một nước càng thêm sáng giá. Việc loại trừ những giá trị, những tác giả lớn của văn học Việt nam trong thế kỷ XX ra ngoài vì lý do chính trị, đã thu nhỏ nền văn học Việt Nam trong một bàn tay. Và bàn tay này đã cắt hết ngón, là những tinh tuý của dân tộc, chỉ còn lại những tác giả công thần, tự bịt tai, bịt mắt như những *Con ngựa già của chú Trịnh* mà Phùng Cung mô tả.

Đó là tiếng kêu tha thiết nhất mà Phùng Cung để lại trong tác phẩm, tiếng chim báo bão về nền văn hoá Việt đang bị thu gọn và tự hủy, kể từ việc bảo tồn đất tổ Hùng Vương đến giá trị tinh thần của một nền văn học nghệ thuật toàn diện của dân tộc.

(Xem tiếp Chương 3: Thơ Phùng Cung: Trường phái Đường lâm, một nền thơ chống chiến tranh và tù ngục)

*

III. Thơ Phùng Cung: *Đường Lâm thi chí*

Một nền thơ chống chiến tranh và tù ngục

Quan niệm phản chiến trong thơ Phùng Cung

Hầu như tất cả văn nghệ sĩ đều đứng lên ủng hộ phong trào toàn quốc kháng chiến. Sự quyết chí đánh Pháp trong toàn khối dân tộc, không chỉ xuất phát từ một lịch sử nghìn năm bị đô hộ, mà còn do nền giáo dục, luôn đề cao tinh thần chống ngoại xâm, coi nhẹ các giải pháp hoà bình. Những chủ trương hoà hoãn với người Pháp, để nâng cao trình độ văn hoá và dân chủ của người dân trước đã, của Phan Châu Trinh, Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Nguyễn Tường Long... đều không phát triển được, đôi khi còn bị đánh giá sai lầm, bị buộc tội phản quốc.

Tóm lại tinh thần người Việt luôn được chuẩn bị cho một thái độ chủ chiến.

Những người trong NVGP đều tham gia kháng chiến, nhưng sau chiến tranh, họ đã có những suy nghĩ khác:

- Ở Văn Cao, là niềm hăng say tuyệt đối ban đầu: vào đội trừ gian, sáng tác bài quốc ca nẩy lửa.

Sau khi hoà bình lập lại, ông không còn sáng tác ca khúc nữa.

- Ở Hoàng Cầm, chiến thắng chỉ là giấc mộng, kể cả trong giai đoạn sôi nổi nhất của *Đêm liên hoan*.

- Ở Lê Đạt, là hình ảnh hãi hùng tiêu thổ kháng chiến, là tội lỗi của kẻ đốt quê hương. Tâm tư Lê Đạt sau này thấy lại ở Phan Nhật Nam trong trận chiến Nam-Bắc.

- Ở Trần Dần là bản hùng ca lựa Việt Bắc mà đói khát và bệnh tật phủ lên xác anh hùng.
- Ở Quang Dũng là hình ảnh hãi hùng của đoàn quân không mọc tóc.
Tất cả các thi sĩ trên đây đều thấy hậu quả của chiến tranh, và rút ra bài học của mình.
Phùng Cung có một hướng đi khác hẳn: ông không nhìn hậu quả của chiến tranh để hối hận như các bạn. Ông cũng không đổ trách nhiệm trên đầu kẻ thù như phần đông người khác. Phùng Cung coi chiến tranh (chống Pháp và chiến tranh Nam-Bắc) đều phát xuất từ một căn bệnh của dân tộc: bệnh hiếu chiến. Chứng nan y này đã thấm vào máu, khó có thể chữa được.

Ở điểm này, Phùng Cung đối lập với Văn Cao trong quan niệm yêu nước. Và Phùng Cung, nhiều lần trong thơ cũng như trong văn, đem bài quốc ca ra phê bình.

Trắng ngực là bản hùng ca phản chiến, kết tội Cách mạng mùa thu, nhìn sự hiếu chiến của dân tộc như nguyên nhân sâu xa nhất của hai cuộc chiến trong thế kỷ XX: chống Pháp (46-54) và thống nhất đất nước bằng võ lực [chống Mỹ và chiếm miền Nam (54-75)].

Tập thơ *Trắng ngực* tập hợp những sáng tác trong tù. Vì không có giấy bút, không thể viết truyện nhằm, nên Phùng Cung “bắt buộc” phải làm thơ.

Tập thơ *Trắng ngực* biểu hiện những tư tưởng đối lập khác lạ, đầy bất khuất, trong những dòng chữ bị cầm tù suốt đời của tác giả. Tác phẩm chứa đựng những lời thơ mạnh, khẳng khái, đanh thép, như những mũi dao nhọn, đục thủng màng lưới của vẫy nhà thơ, đánh sục bức tường tù, để lộ diện con người tự do, sẵn sàng chịu trả giá cho hành động và tư tưởng của mình, chống lại toàn bộ hệ tinh thần yêu nước chủ chiến.

Vào đầu là bài *Biển cả*, làm tại trại biệt giam Bất Bạt năm 1961, ngục tù tại chính Sơn Tây, vùng đất tổ. Nhà thơ ví chế độ toàn trị như biển cả:

Biển cả khoác triều phục đại dương

Họm mình – uy nghi đồ sộ

Song đòi phen

Nghiêng ngửa – đáng thương (...)

Hỡi biển cả!

Diện tuy rộng

Nhưng thiếu những giác quan cần thiết

Lòng tuy xanh – sâu

Xanh sâu đầy mặn chát....

Nộ cuồng sóng vỗ

Trống trải bơ vơ

Chiều quả phụ

Bình minh vô vọng phương mờ...

Ôi! Bao yên lặng thanh cao

Đều chìm

Trong thét gào man rợ...

Khi *Bố Cái* đã bị bắt, bị tù trên đất *Đường Lâm*: tất cả đều đã sụp đổ.

Dân tộc, bây giờ không đứng trước quân nhà Đường phương Bắc, mà phải đối diện với biển cả mệnh mông của chế độ cực quyền.

Người dân hỏi ý cha. *Bố Cái* trả lời:

Biển cả mệnh mông

Như biển cả

Trước mắt trẻ thơ

Mỗi tinh cầu

Chỉ là chấm nhỏ

Càng tối đen càng nhìn rõ xa xanh.

Nhà thơ trình bày trước mắt chúng ta hai thực thể, một bên là cái thế quyền lồng lộng, khoác “Triều phục Đại dương”; một bên là sinh linh “trăm họ”, những con người.

Đại dương ấy có đầy đủ phương tiện để vùi lấp trăm vạn sinh linh trong một trận thủy triều. Còn con người, con người lấy gì chống lại? Con người chỉ có ánh mắt. Và mắt trẻ thơ.

Dưới ánh mắt của đứa bé, cái thế quyền lồng lộng ấy là gì?

Nhà thơ trả lời: Chẳng là gì cả, nó chỉ là con số không.

Bởi vì, dưới mắt đứa bé: “*mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ, càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh*”.

Vẫn giọng *bố cái*, nhà thơ chỉ cho dân, cách đối phó với bạo lực cách mạng:

Thì nhắm mắt

Thì bưng tai

Nhưng phải đâu khiếp sợ

Chỉ điếc đui vừa đủ

Để làm ngơ.

Bài *Biển cả* tung trên trang đầu tập thơ *Trắng ngực* như một thách đố trí tuệ, gói gọn triết lý tương đối và trung dung của tác giả. Phùng Cung đòi hỏi sự hài hoà trong vũ trụ, đòi hỏi quyền sống cho những cái nhỏ, cái lớn, đòi hỏi sự bình đẳng không những về mặt chính trị văn hóa mà cả về thiên nhiên môi trường.

Bài *Trắng ngực* rất ngắn, tập trung những tái tê bất hạnh của một đời tù:

Trắng qua song sắt

Trắng thăm ngục

Bỗng ta chợt tỉnh – sững sờ

Trên vai áo tù

Trắng vá lụa

Ngày xưa ơi!

Xa mãi đến bao giờ...

Trong tù, chỉ có vàng trắng, chỉ còn vàng trắng. Trắng quán quýt. Trắng là áo. Trắng là ngày xưa. Trắng là vợ. Trắng là tri kỷ.

Trên vai áo tù trắng vá lụa là một câu tuyệt bút, là sự hài hoà giữa *mềm* và *cứng*, giữa *tù* và *lụa*, giữa *trắng* và *áo*, giữa *xa* và *gần*, giữa *xót xa* và *âu yếm*, giữa *tự do* và *tù tội*. Nhà thơ đã kêu gọi sự hài hoà đó trong bài *biển cả*, nhưng không thấy biển cả trả lời, chỉ có *vàng trắng* đáp lại.

Ai liêu tảo mộ chiều nay

Phản chiến là tư tưởng chủ yếu trong tập *Trắng ngực*. Phản chiến toàn diện, bất cứ “thể loại chiến tranh” nào, vì đối với Phùng Cung “*đấu tích tàn phá của chiến tranh vệ quốc hay xâm lược*” cũng như nhau. “*Tất cả chỉ là sự bày đặt, buôn bán máu xương của ma vương quỷ dữ!*” (Dạ ký, trang 286).

Trong bài *Gãi đất* Phùng Cung gọi những kẻ chủ chiến là bọn:

Lái buôn binh lửa

Ôi! binh lửa triền miên

Tuổi trẻ gái – trai

Bị lôi đi – hết

Dờ dật sức già gãi đất.

Bởi chiến tranh nào cũng chôn sạch tuổi trẻ, chỉ để lại những người già ngồi *gãi đất*.

Thu xa là bài chinh phụ ca mới, phản bác những anh hùng ca chính thống của Tố Hữu, Chính Hữu... và cả những anh hùng ca bàng thống của Trần Dần, Phùng Quán...

Thu xa là giấc mơ phản chiến chống lại *Cách mạng mùa thu*, là sự kết án chiến tranh, kêu gọi con người hãy làm tình yêu, làm hoà bình, đừng làm chiến tranh, hãy thôi chém giết:

Gió vàng đếm lá vàng rơi

Mười hai bến nước

Em ngồi quay xa

Xa quay gấp

Làn tơ vôi dứt
 Em nhủ lòng
 Tơ đứt vì xa
 Tơ vương vó ngựa quan hà
 Xa in dấu ngựa
 Canh gà gọi thu
 Quan hà lộng gió chinh phu
 Rừng thu tắm máu
 Máu thu gọi chiều
 Tơ vàng nhỏ giọt lệ điều
 Đăm đăm tay vẫn chiều chiều quay xa
 Xa quay nhẹ
 Làn tơ vẫn dứt
 Em hỏi lòng
 Tơ đứt vì đâu
 Sông ngân lở bắc nhịp cầu
 Mà người trần thế
 Mang sầu thiên cung.

Trong các thi sĩ miền Bắc, chưa ai dám dấn động đến “chính nghĩa” của cuộc “Cách mạng Mùa thu” như thế, bởi đó là “chân lý tuyệt đối” được “tất cả mọi người” công nhận. Trừ Phùng Cung. Phùng Cung không. Phùng Cung đi ra ngoài quỹ đạo. Phùng Cung là người đầu tiên dám dùng những hình ảnh kinh hoàng như “Rừng thu tắm máu, máu thu gọi chiều” để viết về *Cách mạng mùa thu*.

Rồi hai chữ *quay xa*, tại sao lại *quay xa* mà không *quay tơ*? Chữ *xa* nhập nhoè nhiều ý nghĩa: *xa* vừa là guồng tơ, guồng cửi; nhưng *xa* còn là bánh xe chiến tranh như *chiến xa*; *xa* còn là *xa lià* đứt đoạn. Người chinh phụ ở đây, không chỉ là nạn nhân của chiến tranh, chịu hậu quả của chiến tranh như những người chinh phụ thời xưa nữa, mà chính nàng cũng góp phần vào bộ máy chiến tranh, nàng đang quay bánh chiến xa, nàng đang “*tắm máu rừng thu*” như chồng. Ông kính độc đáo của nhà thơ, quay cảnh toàn thể dân tộc lao vào cuộc chiến tàn khốc: ông kính duy nhất của thi ca Việt nam đã chụp bắt được trách nhiệm mỗi cá nhân trong chiến tranh, nam cũng như nữ.

Nhưng Phùng Cung không chỉ dừng lại ở đấy, ông còn đi sâu hơn, để truy lùng thủ phạm chiến tranh, ông đã đụng đến cả những biểu tượng được tôn sùng nhất:

Cờ máu rợp trời
 Lọm gió!
 Tiếng quốc thiều tăng âm
 Cực đại thét gào
 ...”Thề phanh thấy uống máu!...”
 Ta lòng trong kho nhớ
 Nhảm biên niên sử
 Xin hỏi loài người
 Có quốc thiều nào man rợ thế không?

Hỏi tội cách mạng mùa thu chưa đủ, nhà thơ còn hỏi tội quốc ca, quốc kỳ.

Chưa nhà thơ nào dám đưa ra những lời buộc tội gay gắt về những biểu tượng “thiên liêng” như thế: *Có quốc thiều nào man rợ thế không?*

Bên cạnh những hình ảnh dễ sợ của “*cờ máu rợp trời lọm gió*”, bên cạnh những lời buộc tội không khoan nhượng, rằng trong “*kho nhớ của loài người*”, không thấy có cái “*quốc thiều nào man rợ*” như thế; là những lời thơ trữ tình đẫm lệ gửi cho *Quê hương* tan nát vì chiến tranh, lầy máu và nước mắt:

Quê hương ơi!
Đường quan lầy nước mắt
Điện sáo hết du dương
Mây chìm
Gió ngủ (...)
Sông sâu bật tiếng gọi đờ
Chim hãy cùng ta
Gọi cành xanh góc dậu
Để một lần
Quê hương thấy lại quê hương
Ráng chiều ngụy tạo bình minh
Lá thuyền tình
Chỉ lênh đênh giữa dòng.

Phùng Cung là người chủ duy nhất ở đất Bắc, đối với hai cuộc chiến, đã nhìn thấy và đã dám nói ra cái giá quá đắt phải trả cho hòa bình đã mất. Dưới mắt nhà thơ, chiến tranh không chỉ là những thúc giục lên đường, không chỉ là những tiếng hô xung phong, mà đằng sau tất cả cờ xí rợp trời là bộ mặt kinh hoàng của thần chết:

Phát lệnh chia bồi...
Ngọn gió giao liên
Gửi tiếng xa gần
Trống phát dẫn
Gia nô thần chết cầm dùi
Dám dúi vùi nông
Chiều bạc mệnh
Khói hương ơi!
Đền miếu tan rồi!...
Năm tận tháng cùng
Hòng hồng mong thư tuyến lửa.

Những hình ảnh “gia nô thần chết” trong thơ Phùng Cung, hoà cùng những xác “người chết hai lần” trong ca từ Trịnh Công Sơn, đã hợp thành dòng máu của anh em chém giết.

Trong buổi liên hoan mừng chiến thắng, Phùng Cung âm thầm đếm lại những đốt xương tàn:

Tiếng gia tiên
Thở thức dưới mồ
Những lúc chim về
Tím lịm chân mây
Ai liều tảo mộ chiều nay
Mà hương tảo mộ bay đầy hoàng hôn.

Hương về những linh hồn quá trẻ đã bị vay tuổi để xuất trận, Phùng Cung tảo mộ con và liệt hồn mẹ, những người mẹ bạc đầu hương khói trên những nghĩa trang giả không có xác trong mồ:

Con vừa mười sáu tuổi đời
Nửa đêm vay tuổi lấy người chiến tranh
Đèn con tiến đến cổng đình
Quay về hụt bước ngõ mình chiêm bao
Khe Sanh – Dốc miếu là đâu
Vắng con nhớ đến bạc đầu cô đơn
Máu chiều gọi đờ hoàng hôn
Nghĩa trang mồ giả, nắm xương không mồ

*Đông chiều gió tím mấp mô
Nén hương đèn khói, mấy mùa khóc vầy.*

Và dưới mồ tiếng Phùng Cung nhẩn lên, ngược dòng với Văn Cao, Lưu Hữu Phước: Này thanh niên ơi! Đừng bao giờ chọn giải pháp chiến tranh cho dân tộc.

*

Xem đêm là tập thơ của người Việt cổ, “người Rừng”, thơ *Đường Lâm thi chí*, của Bồ Cái bị cầm tù trên Bất Bạt. Tất cả đã bị tàn phá, từ thân cây ngọn cỏ, đến cả đợt sương, đến cả tâm hồn, đến cả khổ đau và hạnh phúc, cũng không còn như xưa...

Xem đêm là một hình tượng mới, một hành động chữ mới, mỗi chữ là tinh cầu, chỉ cần vài câu đã gói trọn bầu trời nhật nguyệt thực, sau Nhân Văn. Ở Hoàng Cầm là những *đêm kim, đêm mộc, đêm thủy, đêm hoả, đêm thổ*. Ở Phùng Cung là *nghe đêm, xem đêm*...

Xem đêm là một vũ trụ không ánh sáng của những số kiếp bọ bèo, những người bị tù chung thân vì tội chữ.

Lênh đênh muôn dặm nước non

Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh (Bèo)

Xem đêm là sự đậm đặc của những con chữ nguyên chất, những con chữ què mùa, chưa bị văn minh xâm lấn, chưa bị lừa lọc tấn công, chưa bị chủ nghĩa nhiễm độc, chưa bị chuẩn hoá theo một mẫu mực nào.

Trong *đêm* miên viễn ấy, người và vật nhập quyện vào nhau trong một trạng thái dung hợp vật chất, tinh thần. Thơ cô đọng như Đường thi, một vài chữ đủ gánh cả phận người. Sự giao thoa giữa *vật thể, tiếng động, không gian* là đặc tính của *Đường Lâm thi chí*:

Đêm về khuya

Trăng ngả màu hoa lý

Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông (Đò khuya)

Đêm, trăng, hoa lý, tiếng gọi đò, sông... là những yếu tố của một *cảnh đêm* có thể chất hoàn toàn khác nhau. Nhờ một hành động chữ, chúng đã hoá mộng. Để được sống lại trong một không gian khác, để tạo ra nghịch cảnh của một đời người.

Sự cô đơn tuyệt đối của con người bị cô lập suốt đời, được nhà thơ biểu hiện dưới một màn trăng *đêm* không người, mà có “tiếng gọi đò” như “con nhện vô hình” giăng nối hai bờ xa cách.

Hai quang cảnh, một cửa thiên nhiên hiện thực, diễm ảo: *Đêm về khuya trăng ngả màu hoa lý* và một cửa tâm thức cô đơn tuyệt đối *Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông*, của kẻ bị cách ly, lưu đầy, bị đoạt tự do và cướp ánh sáng mà Nguyễn Mạnh Tường gọi là *un excommunié, kẻ bị khai trừ*.

Nhưng tất cả nghịch cảnh, cách ly, đều đã có mà đều đã *không*. Đã xảy ra và đã không còn nữa: *sắc sắc không không*, như một sự giao thoa triết học đồng tây phi thường, mới lạ.

Một bài thơ khác:

Quất mãi nước sôi

Trà đau nát bã

Không đổi giọng Tân Cương (Trà)

Đây chính là thơ Đường Lâm nói chí.

Chỉ có ba “nhân vật”: Trà, nước, giọng, ba yếu tố thuần khiết của một cuộc thiết trà.

Bổn chữ quất hiện lên như một hung thần và chữ Tân Cương sừng sững như một người Rừng, một chí lớn, một sự cương cường mới bị giam hãm ở đất Tân Cương, trại tập trung các trí thức Trung Hoa bị Mao Trạch Đông đày đi gánh phân; biến cuộc thiết trà thành một cuộc tra vấn tàn phũ, mà kẻ thẩm tra quất trà đến nát bã nhưng trà sữ vẫn không khai, không đổi giọng bất khuất.

Thơ Phùng Cung có chí Phùng Hưng.

Một bài thơ về mẹ:

Mồ hôi mẹ

Tháng ngày dăm dăm

nhỏ giọt

*Con níu giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người (Mẹ)*

Một giọt mồ hôi mẹ, đủ tác thành khí phách con. Chữ đi từ núi Tản, mỗi chữ là một giọt thếp. Đọc thơ ấy, sẽ hiểu tại sao con người ấy bị biệt giam 11 năm. Bởi không có phép gì “cải tạo” được tâm hồn và chí khí của ngọn Ba Vì.

Vấn về người phụ nữ, lần này là người vợ:

Lưng áo em

Ngoang vôi trắng xóa

Cái trắng này vắt tận trong xương (Mồ hôi xương)

Chân dung người vợ cũng toát ra cái can trường trắng của đất Mê Linh. Sự can trường dũng cảm hàng ngày của người vợ phải đương đầu với miếng cơm manh áo, để nuôi con, để tồn tại.

Và một tinh thần phản chiến, kiên cường và dứt khoát, rùng rợn, trong cung cách Đường thi:

Mỗi chiến thắng

Một lần gương tắm rượu

Ruồi vẫn qua lưng máu

sa trường (Gương báu)

Bài *Nghe đêm* gói trọn nỗi cô đơn cuối đời của con người bị lưu đày, vì chữ nghĩa, từ tuổi thanh niên đến lúc đầu bạc:

Đêm chọt nghe

Trong gói vọng tiếng ru

Lắng tai mới rõ

Tiếng tóc mình chuyển bạc

(Nghe đêm)

Đó là sự cô đơn của kẻ *một mình một ngựa* trên hành trình mở nước và dựng nước về phía văn hóa, tình nước và tình người.

Phụ đính III:

Biên niên vụ việc Nhân văn Giai phẩm (*)

Thái Kế Toại

1- Biên niên sự kiện

Năm 1953:

- Stalin qua đời ngày 5 – 3 – 1953

- Ngày 17- 6 – 1953 dân chúng biểu tình tại Cộng hòa dân chủ Đức. B. Brecht và J. R Becher phê phán chính sách văn nghệ chuyên chính của Đảng và nhà nước.

- Trần Dần bị phê bình giảng sai chính sách văn nghệ của Đảng trong khóa đào tạo cán bộ văn công do ông phụ trách.

- Luật Cải cách ruộng đất được ban hành từ tháng 12-1953 nhưng trước đó ĐCSVN đã tổ chức cuộc chỉnh huấn lớn kéo dài sang tới 1954 để đưa khí thế CCRĐ của Trung Quốc vào cán bộ trí thức. Một số nơi đã tiến hành thí điểm. Ở miền Nam Lê Duẩn phản đối chủ trương CCRĐ và đã tiến hành theo cách của mình.

Năm 1954:

- Chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Cải cách ruộng đất. Sau đó cán bộ và dân chúng còn bàn luận đến ngày nay về việc xử bắn địa chủ đầu tiên ở chiến khu là bà Nguyễn Thị Năm một người có nhiều con tham gia kháng chiến có

người là chính ủy trung đoàn, đã hiến 100 lạng vàng cho chính phủ, đã nuôi Hồ Chí Minh, Bộ chính trị và nhiều đơn vị quân đội. Sự kiện này tạo ra ấn tượng kinh hãi về sự bất nhân, lật lọng của Hồ Chí Minh và các cộng sự của ông.

Cải cách ruộng đất đã xử lí đầu tó, xử bắn gần nửa triệu địa chủ, gần trăm ngàn đảng viên, gây điều khủng khiếp cho hàng triệu người là con em của những gia đình này. Điều quan trọng là CCRĐ đã tàn phá các quan hệ đạo đức, xã hội truyền thống của làng xóm miền Bắc.

- Hiệp định Giơ-ne-vơ. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thành lập tại Sài Gòn.

- 700.000 ngàn người miền Bắc di cư vào Nam trong đó có nhiều trí thức văn nghệ sĩ có tên tuổi. Đó là một cuộc lựa chọn-nhận đường, phân hóa có ý nghĩa lịch sử với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, còn có ý nghĩa văn học lâu dài. Vũ Khắc Khoan viết các truyện ngắn *Thần Tháp Rùa*, *Trương Chi*, *Thiên Thai*, *Người Đẹp Trong Tranh* với chủ đề về sự phân vân của trí thức Hà Nội đi tìm một căn bản tư tưởng. Tại sao lại cứ bắt tôi phải hoặc là đen hoặc là trắng.

- Tháng 7 Hồ Phong công bố thư ngỏ gửi BCH TƯ ĐCS TQ phê phán *năm lưỡi dao đâm vào óc các nhà văn cách mạng*.

- 10- 10 Chính phủ kháng chiến tiếp quản Hà Nội

- Trần Dần và Đỗ Nhuận, Hoàng Xuân Tỳ được cử đi Trung Quốc viết lời bình cho phim tài liệu về Điện Biên Phủ. Đến 12- 12 trở về Hà Nội. Có thể không khí yêu cầu cải cách dân chủ ở Trung Quốc đã có ảnh hưởng đến Trần Dần và Đỗ Nhuận.

Năm 1955:

- Tháng 1 Hồ Phong công khai tự phê bình, đến tháng 5 thì bị bắt và bị kết án cải tạo.

- 63 nhà văn Hung Ga Ry lên tiếng phản đối chế độ độc quyền.

- Ngày 4-3-1955 Phòng Văn nghệ quân đội do Trần Dần, Tử Phác cùng Hoàng Cầm Lê Đạt tổ chức Thảo luận phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

- 11-3-1955 Báo Văn Nghệ số 65 công bố mở " tự do diễn đàn" thảo luận về tập thơ Việt Bắc. Mở đầu bằng việc đăng bài *Tập thơ " Việt Bắc" có hiện thực không?* Của Hoàng Yến. Tranh luận kéo dài đến tháng 8-1955 với sự căng thẳng của hai nhóm. Nhóm Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Hoàng Yến... cho thơ Tố Hữu nghèo vốn sống thực tế, đơn điệu, ủy mị. Nhóm của Nguyễn Đình Thi, Tú Mỡ, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông... ca ngợi thơ Tố Hữu là ngọn cờ đầu của thơ kháng chiến Việt Nam. Tháng 3-1956 tập thơ Việt Bắc vẫn được Giải Nhất Giải thưởng văn học của Hội Văn Nghệ Việt Nam 1954-1955. Cuộc thảo luận này sau được coi như là một cái mốc mở đầu cho phong trào NVGP. Nhóm phản đối thơ Tố Hữu sau trở thành lực lượng chủ chốt của phong trào NVGP, nhóm ủng hộ Tố Hữu trở thành lực lượng nòng cốt đánh NVGP. Còn Tố Hữu thì đã nhân việc NVGP thắng tay với những kẻ đã dám hạ bệ mình.

- Tháng 4 Trần Dần cùng Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Tử Phác, Hoàng Cầm, Trúc Lâm... đệ trình Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hóa lên Tổng cục chính trị *yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ, thủ tiêu hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, sửa đổi chính sách văn nghệ trong quân đội*.

- Bị phê bình Trần Dần viết đơn xin ra khỏi Đảng, xin giải ngũ đồng thời quyết định kết hôn với bà Bùi Thị Khuê gia đình Thiên chúa giáo di cư bất chấp sự phản đối của quân đội.

- Trần Dần bị giam tại doanh trại tù 13- 6 đến 14- 9 để kiểm thảo, sau đó tham gia cải cách ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh.

- Ngày 2- 9- 1955 tuần báo *Trăm Hoa* do Nguyễn Mạnh Phác làm Chủ nhiệm ra số 1, báo tồn tại đến tháng 5 – 1956. Báo này có đăng 3 bài phê bình tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu.

- Mãi đến 20- 9- 1955 Chính phủ mới thành lập Bộ Văn hóa trên cơ sở Bộ Tuyên truyền.

Năm 1956:

- Tháng 1 Hoàng Cầm, Lê Đạt chủ trương xuất bản sách dạng tạp chí Giai Phẩm Mùa Xuân với các tác phẩm: *Làm thơ và Mối – Gửi Vũ, Mỗi ngày mỗi lớn- Gửi kế hoạch nhà nước 1956* của Lê Đạt, *Mùa xuân đến rồi đây, Thơ qua đài phát thanh* của Hoàng Cầm, *Anh có nghe thấy không* của Văn Cao, *Nhất định thắng, Lão Rông* của Trần Dần, *Thi sĩ và công nhân* của Phùng Quán, *Hoa đào vẫn nở* của Nguyễn Sáng, *Sổ tay* của Sỹ Ngọc và sự cộng tác của Tô Vũ...

- Ngay lập tức GPMX bị tịch thu.

- Lê Đạt bị gọi lên Ban Tuyên huấn kiểm điểm.
- Hội Văn nghệ tổ chức Hội nghị phê bình bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dần với 150 văn nghệ sĩ tham dự. Trần Dần bị kết án là đồ đệ của Hồ Phong, mất lập trường giai cấp, đi ngược lại đường lối văn nghệ của Đảng.
- Trần Dần và Tử Phác bị giam ba tháng tại Hỏa Lò Hà Nội. Trần Dần dùng dao lam cứa cổ tự tử, được tướng Nguyễn Chí Thanh can thiệp thả hai người.
- Hoài Thanh viết bài *Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ Nhất định thắng của Trần Dần* đăng trên báo Văn Nghệ số 110 ra ngày 7- 3- 1956.
- Ngày 24- 2- 1956 Đại hội XX ĐCSLX công bố các tội ác của Stalin. Chủ tịch Hội nhà văn Liên Xô Pha đề ép tự sát. Liên Xô phục hồi danh dự cho các văn nghệ sĩ bị kết án và bị giết dưới thời Stalin. Văn nghệ Liên Xô gọi thời kỳ này là *luồng gió ấm*, sinh ra một thế hệ văn nghệ sĩ tài năng xuất sắc như Paxtechnac, Xônjenitsin, Êp tu senko, Tru khơ rai, Bôn đa suc, Vôznêxenky, Rôdextvenky, Aimatôp... với các tác phẩm như *Bác sĩ Jivago, Đàn sếu bay qua, Hai người lính, Người thứ 41, Không thể sống bằng bánh mì, Ngày của binh nhất Ivan...*
- Dư luận văn nghệ sĩ bất bình về việc trao Giải thưởng văn nghệ 1954- 1955. Một số nhà văn cho là chấm giải theo bè phái, những người trong Ban giám khảo tự chấm giải cho mình, nhiều tác phẩm chưa xứng đáng với giải, trong đó có tác phẩm của Tố Hữu, Xuân Diệu, Hoài Thanh, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Kim Trắc, Hồ Khải Đại... Có nhiều tác phẩm có tiếng vang rộng rãi trong kháng chiến không được giải.
- Vấn đề sai lầm CCRĐ đang được đặt ra, trở thành bức xúc lớn của xã hội, nhất là làm sôi sục bầu không khí ở nông thôn.
- Ngày 26- 5 Mao Trạch Đông phát động phong trào Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng.
- Ngày 28- 6 các cuộc biểu tình ở Ba Lan.
- Tại Việt Nam ĐCS ngả theo khuynh hướng nới rộng tự do. Nguyễn Hữu Đang lúc đó là Biên tập của tạp chí Văn Nghệ được giao tổ chức lớp học dân chủ 18 ngày của Hội Văn nghệ. Văn nghệ sĩ chỉ trích gay gắt đường lối lãnh đạo văn nghệ của Đảng. Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sửa chữa. Hoài Thanh viết bài nhận lỗi tả khuynh trong phê bình Trần Dần. Sau đó đến tháng 10 Thường vụ Hội Văn Nghệ Việt Nam ra thông báo nhận sai lầm trong việc phê bình bài thơ *Nhất định thắng*.
- Tháng 7- 1956 kết thúc CCRĐ.
- Tháng 9 Hội nghị lần thứ 10 BCH TƯ' đánh giá di hại cuộc CCRĐ rất nặng nề, bàn về sửa chữa sai lầm trong CCRĐ, nhấn mạnh việc tăng cường mở rộng tự do dân chủ cho nhân dân. Trường Chinh từ chức Tổng bí thư ĐCSVN. Kỷ luật Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng... Võ Nguyên Giáp thay mặt Hồ Chí Minh xin lỗi nhân dân về sai lầm trong CCRĐ.
- Ngày 29- 8 Giai phẩm Mùa thu tập I ra đời với các bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi, *Tinh giác chiêm bao* của Nguyễn Bính, *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, *Nhật ký đêm hè* của Huy Phương, *Bức thư gửi một người bạn cũ* của Trần Lê Văn...
- Ngày 15- 9 ra mắt báo Nhân Văn ra số 1 do Phan Khôi làm Chủ nhiệm, Trần Duy làm Thư ký tòa soạn, Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Lê Đạt làm Biên tập. Có bài Phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường về vấn đề *nỗ lực mở rộng tự do và dân chủ, Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt, *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm, *Chống bè phái trong văn nghệ* của Trần Công, tranh minh họa của Nguyễn Sáng.
- Báo Nhân Văn 15 ngày một kỳ ra tiếp số 2 vào ngày 30- 9- 1956 với các bài *Phỏng vấn Đào Duy Anh về mở rộng tự do dân chủ, Phấn đấu cho Trần hoa đua nở* của Trần Duy, *Trả lời Nguyễn Chương và báo Nhân dân* của Nguyễn Hữu Đang...
- Giai phẩm Mùa thu tập II với các bài *Bệnh sùng bái cá nhân* của Trương Tửu, *Ông bình vôi* của Phan Khôi, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán...
- Tập thơ Cửa Biển xuất bản có các trường ca *Tiếng hát quan họ* của Hoàng Cầm, *Những ngày trên cửa biển* của Văn Cao, *Cách mạng Tháng Tám* của Trần Dần và các bài thơ *Máy, Đụng long mạch, Cha tôi ...* của Lê Đạt .
- Ngày 8- 10 tái bản Giai phẩm Mùa xuân.

- Ngày 15- 10 Báo Nhân Văn ra số 3. Kỷ niệm ngày Vũ Trọng Phụng mất và các bài *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* của Trần Đức Thảo, *Phỏng vấn bác sĩ Đặng Văn Ngữ về mở rộng tự do và dân chủ...*
- Tướng Nguyễn Sơn người bạn của văn nghệ sĩ kháng chiến Khu Bốn qua đời.
- Ngày 20- 10 báo Trăm Hoa bộ mới do nhà thơ Nguyễn Bính làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ra số 1, phát hành được 11 số, đến tháng 1- 1957 thì đình bản. Trên báo này có bài *Vi những sai lầm nghiêm trọng cần phải xét lại toàn bộ Giải thưởng văn học 1954- 1955* của chính Nguyễn Bính, bài bênh vực bài thơ *Chiếc lược* của Thụy An sáng tác theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch mà các báo không nhận đăng, bài *Chúng tôi đề nghị bỏ lệ khai báo trong chính sách quản lý hộ khẩu, Thông báo của Hội nghị TƯ 10 về sai lầm trong CCRĐ*, bài *Để phát triển chế độ ta, phải bảo đảm cho nhân dân được tham gia quản lý kiểm soát tích cực mọi công việc của nhà nước...*
- Ngày 30- 10 Giai Phẩm Mùa Thu tập III với các bài *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu, *Muốn phát triển học thuật* của Đào Duy Anh và bài của Phan Khôi, Phùng Quán, Chu Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường...
- Cũng ngày này Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài tham luận rất quan trọng *Qua những sai lầm trong cái cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo* tại cuộc họp của Trung ương Mặt trận Tổ quốc, Hà Nội.
- Tháng 11 nổ ra bạo loạn của giáo dân Thiên chúa giáo tại Quỳnh Lưu Nghệ An.
- Bạo loạn tại Hưng Ga Ri, Chính phủ dân chủ Nagy tuyên bố Hưng Ga Ry trung lập. Liên Xô đưa quân vào Hưng Ga Ry, cuộc tắm máu phong trào dân chủ xảy ra ở Bu đa pet. Các nhà văn cộng sản có tên tuổi ở Châu Âu Laxness, Sartre, Beauvoir, Vercors... lên tiếng phản đối Liên Xô.
- Tại Sài Gòn, ra đời nhóm văn học Sáng Tạo gồm Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ... Nhóm này chủ yếu gồm các nhà văn trẻ từ miền Bắc vào đã làm thành công cuộc cách mạng ngôn ngữ thơ ca hiện đại ở Việt Nam thế kỷ XX.
- Ngày 5- 11 báo Nhân Văn số 4 với bài *Cần chính quy hơn nữa* của Nguyễn Hữu Đang, *Thành thật đấu tranh cho dân chủ* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* của Phùng Cung, *Những ngày báo hiệu mùa xuân* của Văn Cao, *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa* của Người Quan sát...
- Cũng ngày này xuất hiện thêm tờ *Sáng Tạo*, báo Điện ảnh- Sân khấu của nhóm Sáng Tạo với Ban biên tập gồm Hoàng Tích Linh, Trần Công, Cao Nhị, Thanh Châu, Năng Mai Hồng, Trúc Lâm, Phan Vũ, Phan Tại, Nguyễn Đình Phúc, Sỹ Ngọc, Phạm Kỳ Nam, Trung Sơn, Vũ Phạm Từ, Anh Tâm, Lửa Mới, Nguyễn Sáng.
- Ngày 10- 11 Tập san Đất mới tập I – Chuyện sinh viên được NXB Minh Đức xuất bản với bài *Phê bình lãnh đạo sinh viên* của Q. Ngọc và T. Hồng, các bài của Dương Viết Á, Nguyễn Bao, Bùi Quang Đoài, Thúc Hà, Văn Tâm, Lê Tự Gia, Nguyễn Đức Tiểu.
- Ngày 20- 11 báo Nhân Văn số 5 với các bài *Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* của Nguyễn Hữu Đang, *Bài học Ba Lan và Hưng Ga Ri* của Lê Đạt kí Người Quan Sát...
- Tháng 12- 1956 Ra mắt *Giai Phẩm Mùa Đông* tập I với các bài : *Tư tưởng tự do của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn- sê- vích* của Trương Tửu, *Nội dung xã hội và hình thức tự do* của Trần Đức Thảo và bài của Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Sĩ Ngọc, Trúc Lâm, Hữu Loan, Trần Công, Nguyễn Mạnh Tường.
- Ngày 24- 1- 1957 Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa I thông qua các *Luật về quyền tự do hội họp, Luật về quyền tự do lập hội, Luật quyền tự do báo chí...* Đến kỳ họp thứ 7 tháng 9- 1957 lại thông qua *Luật về quyền tự do xuất bản...* Các luật này một mặt thể hiện tinh thần tự do tư tưởng, văn học nghệ thuật báo chí, thừa nhận tự do báo chí xuất bản tự nhân nhưng mặt khác lại có những điều cấm kỵ để các cơ quan quyền lực dựa vào hành xử với những người muốn mở rộng giới hạn của tự do dân chủ.
- Ngày 15- 12- 1956 báo Nhân Văn số 6 đang in bị đình chỉ. Ngày 18- 12 chỉ thị ngừng phát hành báo Nhân Văn và Giai phẩm cùng các ấn phẩm khác của nhóm NVGP, đóng cửa NXB Minh Đức, tịch thu các số báo cũ, cảnh cáo những người còn lưu giữ và phân phối các báo này. Một chiến

dịch báo chí đã được tung ra để hạ uy tín các tờ báo và những người trong nhóm NVGP.

- Cuối tháng 12- 1956 Tập san Tự do diễn đàn do NXB Minh Đức phát hành bị cấm. TDDĐ có các bài *Qua sai lầm của Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo* của Nguyễn Mạnh Tường, *Tại sao quần chúng nhân dân tha thiết với cuộc đấu tranh văn nghệ?* Của Nguyễn Hữu Đang, *Nhiệm vụ của văn học không phải là giải thích chính sách* của Phan Ngọc, *Chú bé làm văn* của Trần Dần, *Vài ý nghĩ sau khi đọc bài thơ Động Long Mạch* của Hoàng Cầm, *Sinh hoạt văn hóa* của Trương Tửu- Trần Đức Thảo.

Năm 1957:

- Trong dịp Tết 1957 NXB Minh Đức còn xuất bản cuốn *Sách Tết* coi như tiếp tục của Giai Phẩm với các tác phẩm của *Quang Dũng, Trần Lê Văn, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Hoàng Tích Linh, Tô Vũ, Tử Phác, Thanh Châu, Hữu Loan, Lưu Quang Thuận, Trần Công, Trần Dần, Hồng Lược, Trần Thịnh, Trúc Lâm, Tạ Hữu Thiện, Lộng Chương, Hoàng Huế, Phan Khôi, Sỹ Ngọc, Cao Nhị, Trần Huyền Trân, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Khắc Dực, Nguyễn Sáng, Hoàng Cầm.*

- Ngày 20 đến 28- 2- 1957 Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II tại Hà Nội với gần 500 đại biểu.

Trường Chinh sau thất bại của CCRĐ đang muốn tìm một sự kiện để lật lại thế cờ trong Đảng, kêu gọi đấu tranh đập nát luận điệu phản động Nhân Văn Giai phẩm. Thành lập Hội Liên hiệp văn học Nghệ thuật Việt Nam. Trong Ban chấp hành vẫn có một số người tham gia, liên quan NVGP như hai Phó Tổng thư ký Văn Cao, Lương Xuân Nhị... Ở nhiều Hội khác các ông Nguyễn Sáng, Nguyễn Văn Tý, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Nguyễn Văn Tý,... vẫn trúng Ban chấp hành.

- Riêng Hội Nhà văn Việt Nam, nhà văn Tô Hoài làm Tổng thư ký. Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh vẫn trúng BCH. Báo *Văn* cơ quan ngôn luận của Hội Nhà văn ra số I từ 10- 5 do Nguyễn Công Hoan làm Chủ bút, Nguyễn Tuân là Phó Chủ bút, Nguyễn Hồng làm Tổng thư ký tòa soạn. *Nhà xuất bản Hội Nhà văn* cũng được thành lập do Tô Hoài làm Giám đốc, Hoàng Cầm làm Phó Giám đốc.

Như vậy việc đánh NVGP đợt II đã kết thúc nhưng chưa có kết quả khả quan. Tại các Hội VHNT một số người có vai trò tích cực trong NVGP vẫn còn được đồng nghiệp tín nhiệm bầu vào các vị trí cao, bất chấp những tai tiếng họ đã gây ra trên mặt các số Nhân Văn và Giai Phẩm và sức ép từ lời kêu gọi của Trường Chinh. Bản thân Trường Chinh cũng không thể đẩy cao hơn tốc độ cuộc chiến chống NVGP vì ông ta không còn đầy đủ quyền lực như trước nữa. Mặt khác Liên Xô và Trung Quốc sau khi dẹp xong vụ Ba Lan- Hung Ga Ry vẫn chưa tiến đến đỉnh dao động, chưa dứt khoát tiến công vào những văn nghệ sĩ trí thức bị gọi là phái hữu. Bản thân những người NVGP vẫn còn được sự ủng hộ của lãnh đạo báo Văn, họ vẫn có thể tiếp tục đăng các sáng tác mới trên báo này. Vào tháng 7 tháng 8- 1957 khi tạp chí Học Tập, cơ quan ngôn luận của ĐCSVN lên tiếng phê phán báo Văn, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài còn đứng ra tranh luận bảo vệ quan điểm dân chủ của mình.

- Ảnh hưởng của trào lưu NVGP còn lan sang một tờ báo nhà nước vừa ra đời là tờ bán nguyệt san *Điện Ảnh*, số 1 ra ngày 20- 7- 1957. Trong 10 số đầu báo Điện Ảnh vẫn còn phê phán bệnh công thức sơ lược của phim Liên Xô và Trung Quốc để phải kiểm điểm công khai trong số Tết 1958.

- Ngày 27- 9 báo Văn số 21 in bài *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán.

- Ngày 15- 11 báo Văn số 28 in bài thơ *Hãy đi mãi* của Trần Dần

- Trong thời gian này tại Trung Quốc, chiến dịch chống phái hữu đã bắt đầu. Một số nhà văn bị phê phán: Trần Xí Hà, Đặng Thác... Nữ nhà văn Đinh Linh người được Giải thưởng văn học Stalin với tiểu thuyết *Mùa xuân trên sông Tang Càn* bị khai trừ khỏi ĐCSTQ, sau đó bà bị ngồi tù cho tới năm 1975.

- Trong thời gian này Hồ Chí Minh đi thăm Liên Xô, Mông Cổ, CHDCND Triều Tiên có ghé thăm Bắc Kinh, chứng kiến và có thể học hỏi các kinh nghiệm tổ chức phong trào đánh phái hữu. Việt Nam cử Tố Hữu, Huy Cận và Hà Xuân Trường sang học tập kinh nghiệm, chính sách của Trung Quốc.

- Các chiến dịch chỉnh huấn văn nghệ diễn ra ở Liên Xô, Ba Lan, CHDC Đức.

- Tại Sài Gòn nhóm trí thức *Bách Khoa* của Võ Phiến, Vũ Hạnh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngụ

Ý...ra đời.

Năm 1958:

- Ngày 6- 1- 1958 ĐCSVN ra *Nghị quyết 30 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ*. Nghị quyết này là một điển hình cho tình trạng cực đoan về lãnh đạo văn nghệ của ĐCSVN, sau này nó gần như bị loại bỏ không thấy đưa vào các tập văn kiện lãnh đạo văn hóa văn nghệ của Đảng.

- Ngày 10- 1- 1958 báo Văn số 36 in truyện ngắn *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi. Đây là số báo Văn làm giọt nước tràn ly. Đến số 37 báo bị đình bản. Từ đây kết thúc thời kỳ phát ngôn công khai của nhóm NVGP. Năm 1958 là năm đen tối của họ, đấu tố, kỷ luật, ngồi tù, cải tạo lao động...

- Từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 2- 1958 Lớp học đấu tranh tư tưởng lần thứ 1 tại Thái Hà áp với 272 văn nghệ sĩ đảng viên tham dự.

- Từ 3- 3 đến 14- 4 Lớp học đấu tranh tư tưởng lần 2 cũng tại Thái Hà áp với 304 cán bộ văn hóa văn nghệ tham dự. Trong khi họp thì ngày 10-4 công an Hà Nội bắt giam Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiệu Bảo..

Cách tổ chức hai lớp học này là dùng thủ đoạn đấu tố và áp lực tâm lý tập thể, sự vu cáo bịa đặt tội lỗi cho những thành viên nhóm NVGP. Kết quả là không cần điều tra người ta đã có đầy đủ tội trạng của các nhân vật để quyết định bắt họ, kỷ luật họ.

- Ngày 4- 6 Hội nghị Ban chấp hành Hội Liên hiệp VHNTVN họp tổng kết cuộc đấu tranh chống NVGP. Tố Hữu đọc báo cáo *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn- Giai Phẩm trên mặt trận văn nghệ* (15). Bản báo cáo này là nhát gươm chính thức kết liễu số phận Nhân Văn Giai Phẩm trên công luận với sự hằn học ghê gớm của một tên đao phủ chứ không phải của một nhà thơ với đồng nghiệp của mình. Ông ta viết: *Đường lối thứ hai, là đường lối văn nghệ của những phần tử phản động mà đại biểu là bọn cầm đầu nhóm phá hoại Nhân Văn Giai Phẩm . Đó là đường lối làm đòi truy văn nghệ sĩ, đường lối đen tối phản cách mạng.*

- Ngày 5- 6 Nghị quyết với chữ ký của 800 văn nghệ sĩ nhưng không có danh sách hoan nghênh kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh chống NVGP.

- Ngày 2- 7 Ban chấp hành mới của Hội Nhà văn Việt Nam bầu Tổng thư ký mới là Nguyễn Đình Thi. Chủ tịch BCH Nguyễn Công Hoan, Phó Chủ tịch Tú Mỡ, Tổng thư ký Tô Hoài chỉ còn là Ủy viên Ban thường vụ. Phó Tổng thư ký Nguyễn Xuân Sanh , Ủy viên thường vụ Nguyễn Hồng, Tế Hanh, Đoàn Giỏi chỉ còn là Ủy viên BCH. Hoài Thanh được bổ xung vào Ban chấp hành và vào thẳng Ban thường vụ. NXB Hội Nhà văn sáp nhập vào NXB Văn học của Bộ Văn hóa. NXB này cũng bị kết tội đã xuất bản một số tác phẩm bị coi là non yếu về tư tưởng, một số tác phẩm từ trước 1945 thiếu chọn lọc, hoặc xuất bản một số tác phẩm nước ngoài có ý tuyên truyền cho tư tưởng trái với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

- Ngày 7- 7 Thông báo kỷ luật các văn nghệ sĩ đã tham gia NVGP. Hoàng Cầm bị cảnh cáo, khai trừ khỏi BCH HNV, khai trừ 1 năm khỏi HNV. Cho Hoàng Tích Linh rút khỏi BCH. Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An bị khai trừ vĩnh viễn khỏi HNV. Khai trừ trong thời hạn 3 năm đối với Lê Đạt, Trần Dần. Khai trừ 1 năm khỏi HNV đối với Phùng Quán. Cảnh cáo một số người:

- Hội Mỹ thuật cảnh cáo Sĩ Ngọc, cho Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng rút khỏi BCH. Khai trừ Trần Duy khỏi HMT.

- Hội Nhạc sĩ cho Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi BCH. Khai trừ 3 năm Tửu Phác, Đặng Đình Hưng ra khỏi HNS.

- Tại các đợt học tập chỉnh huấn tại các trường Sư phạm và Tổng hợp Hà Nội các Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Trần Đức Thảo cũng bị đưa ra cho giáo viên và sinh viên đấu tố, bị miễn nhiệm thời giảng dạy. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng chịu kỷ luật như Cao Xuân Hạo, Phan Ngọc, Cao Xuân Huy, ... Một số sinh viên cũng bị kỷ luật như Bùi Quang Đoài (Thái Vũ), Văn Tâm, Phan Kế Hoành, Hà Thúc Chỉ (Thúc Hà)...

- Một số trí thức là nhân sĩ đã có thái độ ủng hộ NVGP cũng chịu các hình thức đối xử như Dương Đức Hiền, Vũ Đình Hòe, Đỗ Đức Dục, Hoàng Văn Đức, Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Tấn Gi Trọng... Ngoài ra tại các địa phương những giáo viên, cán bộ , học sinh có hưởng ứng NVGP mua báo NVGP đều bị xử lý với nhiều hình thức.

- Trong vòng ba đến sáu tháng các VNS đi cải tạo lao động tại các nhà máy, nông trường, hợp tác

xã...Một số người phải cư trú lâu dài tại các địa phương như Hoàng Tố Nguyên, Nguyễn Bình, Hải Bằng, Trần Lê Văn, Nguyễn Khắc Dực...

Năm 1959:

- Tiếp tục các đợt lao động cải tạo
- Phan Khôi từ trần ngày 16 tháng Giêng 1959 thọ 73 tuổi.
- Sau khi báo Văn bị đình bản, báo Văn Học ra đời do Nguyễn Đình Thi làm Chủ nhiệm. Báo Văn Học không thuộc Hội Nhà văn quản lí mà do HLHVHNTVN. Hội NVVN bị tước hết cơ quan ngôn luận xuất bản cho tới sau 1975.
- Nhà xuất bản Hội Nhà văn bị sáp nhập vào Nhà xuất bản Văn Học của Bộ Văn hóa.
- Nhất Linh thành lập nhóm *Văn Hóa Ngày Nay* ở Sài Gòn.
- Mao Trạch Đông phát động chiến dịch *Đại nhảy vọt*.
- Pasternak nhà văn xô viết đầu tiên được Giải thưởng văn học Nobel, không được sang Thụy Điển nhận giải.
- Ngày 10- 12- 1959 Tòa án nhân dân Hà Nội khai mạc phiên tòa xử *Vụ án gián điệp hoạt động phá hoại hiện hành*.
- Nội dung bản án kết tội như sau:
Chúng là những tên gián điệp phản cách mạng, phá hoại hiện hành, hoạt động có tổ chức, thực hiện âm mưu của địch, tiến hành những hoạt động chiến tranh tâm lý đê hèn nhất, những hoạt động phá hoại thâm độc nhất, để cuối cùng lật đổ chế độ chúng ta ở miền Bắc.

- Kết quả tuyên án như sau:

Nguyễn Hữu Đang 15 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Lưu Thị Yến tức Thụy An 15 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù,

Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức 10 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Phan Tại 6 năm tù giam, 3 năm quản chế.

Lê Nguyên Chí 5 năm tù giam, 3 năm quản chế.

Năm 1960:

– Bắt đầu xung đột hai nước lớn trong phe XHCN Liên Xô và Trung Quốc.

– Đại hội ĐCSVN lần thứ III. Lê Duẩn được bầu làm Tổng bí thư. Trường Chinh chỉ còn phụ trách công tác lý luận và Tạp chí Học Tập.

Năm 1961:

- Phùng Cung bị bắt. Lý do: Tiếp tục sáng tác các truyện ngắn có nội dung bất mãn, chống đối, phản động.

Năm 1968:

- Vụ án xét lại chống Đảng. Bắt giam Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Trần Minh Việt, Trần Thư, Vũ Thư Hiên, Lê Trọng Nghĩa, Huy Văn...Nhiều văn nghệ sĩ nhất là những người đi học ở Liên Xô về hoặc có quan hệ với Liên Xô bị đưa vào diện phân biệt đối xử.

Năm 1973:

-Thụy An, Nguyễn Hữu Đang ra tù.

– Phùng Cung ra tù.

Năm 1982:

-Hoàng Cầm bị bắt cùng Hoàng Hưng vì việc định đưa tập thơ *Về Kinh Bắc* ra nước ngoài. Hoàng Cầm bị giam 18 tháng, Hoàng Hưng bị giam 39 tháng.

Năm 1986:

- Đại hội ĐCSVN lần thứ VI với đường lối đổi mới, cởi trói cho VHNT.

- Trần Độ được cử làm Trưởng ban Văn hóa văn nghệ trung ương.

- Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ văn nghệ sĩ, trí thức tiêu biểu, với lời phát biểu nổi tiếng: Hãy tự cứu mình trước khi trời cứu. Có một số người đặt vấn đề xem xét lại vụ NVGP.

- Nghị quyết 05 Bộ Chính trị ĐCSVN : *Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới.*

- Công an và các ban ngành liên quan tiến hành làm chính sách cho các đối tượng NVGP. Tác giả viết báo cáo về tình hình các đối tượng NVGP và đề xuất phương hướng giải quyết chế độ chính sách.
- Phục hồi hội tịch cho Trần Duy, Trần Dần, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt, Phùng Quán. Giải quyết chế độ lương hưu cho Nguyễn Hữu Đang, Phùng Cung.
- Năm 1987:
 - Hoàng Cầm in tập thơ trở lại đầu tiên *Mưa Thuận Thành*, NXB Văn hóa.
 - Phùng Quán in trở lại công khai đầu tiên trên báo Quảng Nam- Đà Nẵng Trường ca *Cây Cà*.
- Năm 1988:
 - Văn Cao xuất bản tập thơ *Lá*, NXB Tác phẩm mới, với sự ủy nhiệm cho các thi hữu đàn em Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha, Thanh Thảo tuyển chọn biên tập.
 - Nguyễn Hữu Đang được chuyển lên Hà Nội, được cấp nhà.
- Năm 1991:
 - Tháng 4 , BCH TƯ ĐCSVN ra thông báo về hai vụ án NVGP và Xét lại chống Đảng. Quan điểm của Đảng là không thừa nhận sai lầm, vẫn đánh giá hai vụ án như trước đây.
 - Trần Dần xuất hiện trở lại với tập thơ *Bài thơ Việt Bắc*, NXB Hội Nhà văn
 - Từ 23-11 đến 10- 12 Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam mở *Triển lãm tranh Trần Duy* tại Nhà triển lãm tranh 16 Ngô Quyền Hà Nội.
- Năm 1992:
 - Lần đầu tiên in Kỷ yếu nhà văn Việt Nam , danh sách có tên Phan Khôi
 - Hoàng Cầm xuất bản kịch thơ *Kiều Loan*
- Năm 1993:
 - Hoàng Cầm xuất bản *Bên kia sông Đuống*, NXB Văn hóa
- Năm 1994:
 - Lê Đạt xuất bản tác phẩm trở lại đầu tiên *Bóng chữ*, NXB Hội Nhà văn.
 - Hoàng Cầm in được tập thơ *Về Kinh Bắc*, NXB Văn Học.
 - NXB Văn Học in *Tuyển tập Văn Cao*
 - Trần Dần in Tiểu thuyết thơ *Cổng Tỉnh*, NXB Hội Nhà văn.
- Năm 1995:
 - Phùng Cung xuất hiện trở lại lần đầu tiên với tập thơ *Xem Đêm*, NXB Văn hóa – Thông tin.
 - NXB Hội Nhà văn in *Tuyển tập thơ Phùng Quán*.
- Năm 1996: Tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Đặng Văn Ngữ, Cao Xuân Huy, Văn Cao, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng.
- Năm 1997:
 - Bắt đầu in lại các tác phẩm cũ trước 1945 của Phan Khôi. Đáng chú ý là Lại Nguyên Ân đã sưu tầm và cho xuất bản *Tác phẩm đăng báo* hàng năm của Phan Khôi, các tập 1928, 1929, 1930, 1931...
 - Bắt đầu in một vài tác phẩm mới của Trần Đức Thảo.
- Năm 2000: Trao Giải thưởng Hồ Chí Minh cho Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Bính, Nguyễn Văn Tý, Nguyễn Sỹ Ngọc, Lộng Chương, Nguyễn Văn Tý.
- Năm 2001- 2002 :
 - NXB hội Nhà văn in *Hoàng Cầm Tác phẩm* 3 tập.
- Năm 2003:
 - NXB Văn hóa- Thông tin xuất bản cuốn *Nguyễn Bách Khoa- Khoa học văn chương*. (NBK là một bút danh của Trương Tửu).
- Năm 2007:
 - Tặng Giải thưởng Nhà nước cho Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Yên Lan, Phạm Kỳ Nam.
 - NXB Lao Động xuất bản *TRƯỜNG TỬU- Tuyển tập nghiên cứu phê bình* 1088 trang khổ 16-24.
- Năm 2008:
 - Tuyển tập *Trần Dần Thơ* 492 trang khổ 15-23 được NXB Đà Nẵng xuất bản. Gồm tất cả những

bài thơ tiêu biểu của ông, kể cả các bài đã in trong báo NV- GP. Cơ quan chức năng can thiệp, bị công luận phản đối, sau xử phạt vi phạm hành chính.

- Tại Ngày Thơ Việt Nam ở Văn Miếu có Cây Thơ Thanh Tâm Tuyền.

Năm 2009:

- Tuyển tập thơ Lê Đạt *Đường Chữ* 644 trang khổ 16-24 do NXB Hội Nhà văn in. Cũng gồm tất cả các bài thơ đã in và bị cấm trong thời kỳ NVGP.

Năm 2010:

- Tháng 4 tại Đại hội cơ sở các Chi hội Điện ảnh lực lượng vũ trang các đại biểu Nguyễn Thành Lập, Lê Thị, Thái Kế Toại lên tiếng đề nghị xem xét tới những nghệ sĩ điện ảnh đã tham gia NVGP như Phạm Kỳ Nam, Phan Vũ, Hồng Lược, Trần Công, Trần Thịnh, Cao Nhị, Vũ Phạm Từ, Năng Mai Hồng...

- Chuẩn bị cho Đại hội lần thứ VIII Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức viết Biên niên sự kiện và Lịch sử Hội bàn đến việc viết về NVGP như thế nào.

- Trước Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ VIII BCH khóa VII ra quyết định kết nạp lại nhà văn Trương Tửu. Trước đó, từ Kỷ yếu 1992 nhà văn Phan Khôi đã mặc nhiên có tên trong danh sách hội viên HNVTN. Còn Thụy An chưa được phục hồi hội viên HNVTN.

2- Nhận xét nhân sự

Số người gọi là tham gia NVGP tại Hà Nội do Bộ Công an và Công an Hà Nội quản lý do tác giả thống kê được gồm khoảng 170 người. Số bị xử lý nặng khoảng gần 100 người, còn số bị đưa vào danh sách để phân loại xử lý tính trên toàn miền Bắc ở tất cả các lĩnh vực phải tới hàng ngàn người (16). Bởi vì các ấn phẩm của phong trào NVGP đã được đón nhận nồng nhiệt, được hưởng ứng không chỉ ở Hà Nội, mà xuống đến tận các vùng nông thôn miền núi. Tác giả ở Tiền Hải Thái Bình có người thầy học là ông Trịnh Hồng Phát con cả của nhà nho Trịnh Đình Rự là sinh viên văn ĐHTH HN do hưởng ứng tập san Đất Mới phải về Tiền Hải dạy cấp II. Tác giả có người cậu thứ hai dạy cấp I thời đó là Tô Nhật Mỹ đã cho đọc báo Văn, cho đến nay tác giả vẫn còn giữ ấn tượng về số báo Văn in truyện Ông Năm Chuột.

Đa số họ là trí thức văn nghệ sĩ có tài năng đã tham gia tích cực trong kháng chiến chống Pháp, nhiều người còn tham gia hoạt động cách mạng từ thời Văn hóa Cứu quốc.

Theo thống kê của tác giả trong số 64 đối tượng chính là văn nghệ sĩ có tên tuổi chỉ riêng trong lĩnh vực VHNT, chưa tính số trí thức bên ngành giáo dục đã có :

- 23 người là hội viên Hội Nhà văn
- 4 người là Hội viên Hội Sân khấu
- 6 người sau là Hội viên Hội Điện ảnh
- 12 người là Hội viên Hội Mỹ thuật
- 4 người là hội viên Hội nhạc sĩ

3- Nhận xét nội dung tư tưởng các tác phẩm của nhóm NVGP

Có người nói rằng cách thức tiến hành đánh NVGP mô phỏng lại cách Trung Quốc đấu tố phái hữu. Có thể chính Hồ Chí Minh đã chứng kiến việc này ở Bắc Kinh và Tố Hữu, Huy Cận, Hà Xuân Trường mang các bài học của Trung Quốc về áp dụng ở Việt Nam. Đặc biệt là hình thức chỉnh huấn đấu tố tập thể, tra tấn tinh thần để đối tượng tự nhận tội. Các văn bản phê phán đều mang màu sắc CCRĐ rất rõ với các quan điểm tả khuynh về chính trị, nặng về mặt sát mạ lỵ, quy kết chụp mũ, thậm chí có chỗ vu khống, bịa đặt trắng trợn. Trong các bài tham luận, phát biểu trích dẫn văn bản thì cất xén, suy luận xuyên tạc ý nghĩa chủ quan của tác phẩm. Các bản tự kiểm điểm do sức ép nặng nề về tâm lý và để nhanh chóng thoát khỏi các hình thức tra tấn về tinh thần đều nhận tội quá lên, tự xỉ vả mình và đồng nghiệp. Vì thế khi người ta muốn tìm hiểu sự thật trong các văn bản này nên thận trọng và phải đối chiếu với các nguồn thông tin khác.

Kết tội nhóm NVGP có 3 nguồn chính thức như sau:

- Nghị quyết 30 của BCTĐCSVN ngày 6- 1- 1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ.
- Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn- Giai Phẩm của Tố Hữu tại

Hội nghị Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam ngày 4- 6- 1958.

- Bản án của Tòa án nhân dân Hà Nội ngày 19- 1- 1960 xử vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đang, Thụy An.

Dù có cách đánh lạc hướng nhưng cáo trạng đều toát lên tinh thần các đối tượng dùng báo chí, văn nghệ sĩ kích động tư tưởng chống chế độ tức là tinh thần của một vụ án văn học chứ chưa phải là một vụ án hình sự về an ninh quốc gia.

Gác lại một bên, các quy kết, trào lưu tư tưởng NVGP có những gì?

Cốt lõi của NVGP vẫn là vấn đề dân chủ, câu hỏi muôn thuở đối với các xã hội toàn trị. Nhu cầu về một cuộc sống có tự do dân chủ lúc ấy là khát vọng chung cho tất cả các tầng lớp nhân dân miền Bắc, nhưng nó được biểu hiện một cách mãnh liệt ở những trí thức có nhiều ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản, ở những văn nghệ sĩ công thần, nhạy cảm, dũng cảm và lãng mạn.

Rõ rệt nhất là ở các lĩnh vực sau:

Về chính trị :

Mấy dòng ra mắt báo Nhân Văn số 1 viết:

Vào lúc Đảng và Chính phủ đang có kế hoạch phát triển văn hóa, cải thiện sinh hoạt xã hội, chúng tôi cho ra tờ báo Nhân Văn để đóng góp một phần nhỏ mọn vào công việc đó.

Vì vậy nên phần ngôn luận chủ yếu của nó được nêu lên là: văn hóa và xã hội.

Ngoài ra, trong nước nay mai sẽ có Đại hội Văn nghệ toàn quốc. Báo Nhân Văn cũng coi trọng việc ấy, dành một phần tờ báo cho việc thảo luận các vấn đề văn nghệ để góp phần xây dựng Đại hội.

Tóm lại, báo Nhân Văn đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác- Lênin với tinh thần thực tiễn, để xúc tiến công cuộc củng cố miền Bắc, thống nhất nước nhà, để dọn đường đi đến thực hiện chủ nghĩa xã hội, theo như ý muốn của Đảng cũng là ý muốn của nhân dân cả nước.

Nguyễn Hữu Đang viết trong bài *Cần phải chính quy hơn nữa*, báo Nhân Văn số 4:

Hòa bình lập lại đã hai năm, dù cuộc đấu tranh thống nhất đất nước có phức tạp, gay go thế nào thì cũng không thể coi miền bắc như ở một hoàn cảnh bất thường để duy trì mãi một nền pháp trị hẫng hoi.

...Do pháp trị thiếu sót mà Cải cách Ruộng đất hồng to đến thế. Do pháp trị thiếu sót mà quân đội chưa có chế độ binh dịch hợp lý, công an hỏi giá thú đôi vợ chồng ngồi ngắm cảnh trăng lên ở bờ hồ, hộ khẩu rình bên cửa sổ khiến người ta mất ăn mất ngủ, cán bộ thuế tụt tiền vào khám nhà người kinh doanh, ở khu phố có chuyện đuổi nhà lung tung hoặc ép buộc người ở nhà rộng phải nhường một phần cho cán bộ hay cơ quan ở. Do pháp trị thiếu sót mà nhiều cơ quan bóc xem thư của nhân viên và một ngành rất quan trọng nói đòi thông qua những bài báo nói đến mình, làm như một bộ phận của Nhà nước lại có quyền phục hồi chế độ kiểm duyệt mà chính nhà nước đã bãi bỏ. Do pháp trị thiếu sót, người ta đã làm những việc vu cáo và đe dọa chính trị trắng trợn, ngăn cản việc mua đọc báo Nhân Văn, hành hung báo Trăm hoa v.v...

Tường đã đến lúc nhân dân phải tích cực bảo vệ chế độ bằng cách tố cáo những hành động phi pháp ở bất cứ trường hợp nào đã có luật lệ rồi.

Về mặt xúc tiến xây dựng ngay một chế độ pháp trị đầy đủ tinh vi, chúng tôi đề nghị:

1- Thi hành Hiến pháp (hoặc là Hiến pháp 1946 sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh ngày nay, hoặc là Hiến pháp mới sẽ đặt ra), Trên cơ sở Hiến pháp, Quốc hội sẽ biểu quyết các đạo luật thay cho các sắc lệnh và nhiều văn kiện khác.

2- Quốc hội họp đều sáu tháng một kỳ. Không có lý do trong hoàn cảnh hòa bình mà công việc của Quốc hội vẫn khoán trắng cho một Ban thường trực gần như không hoạt động gì.

3-Chấn chỉnh ngành tư pháp, chủ yếu là tăng quyền hành thực sự của Bộ tư pháp.

Trong bài Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào? Ông lại viết:

Hiến pháp 1946 của ta sau khi được Quốc hội thông qua liền bị hoãn thi hành vì tình hình trong nước nghiêm trọng. Nhưng từ sau Hiệp định Giơ ne vợ, tình hình miền Bắc, mặc dầu còn nhiều

khó khăn kinh tế và cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất gau go phức tạp, cũng phải coi là đã trở lại bình thường rồi. vậy chúng ta có thể đề ra hoặc việc thi hành Hiến pháp 1946 sửa đổi lại, hoặc việc đặt một Hiến pháp mới.

... Ở đây tôi chỉ muốn cả quyết một điều là dù Hiến pháp sẽ được ban bố có nội dung thế nào đi nữa, cái phần bảo đảm tự do dân chủ của nó về căn bản vẫn không thể thay đổi so với Hiến pháp 1946. Vì đó là một điều kiện " không có không được" của một chính thể dân chủ.

...Chúng ta thấy các quyền tự do dân chủ bị hạn chế quá nhiều. Và chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh nghị quyết của hội nghị lần thứ 10 của Trung ương Đảng Lao động đã nhấn mạnh sự cần thiết phải mở rộng tự do dân chủ.

...Chuyên chính với địch thì bao nhiêu cũng chưa đủ và từ trước đến nay chúng ta có lúc nào buông lỏng đâu mà phải hô hào? Còn chuyên chính với nhân dân thì cần xét kỹ. Nếu không hậu quả sẽ tai hại lớn. Nguyên nhân sâu xa của những biến cố ở Ba Lan và Hung ga ri là vì thiếu dân chủ, tại sao lại hiểu ra là vì thiếu chuyên chính?

Giáo sư Trần Đức Thảo viết trong bài *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ*, báo Nhân Văn số 3 :
Sau khi chúng ta đã đánh bại đế quốc và hoàn thành Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc, chính bệnh quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân là những di tích của chế độ cũ trong tổ chức mới. Đấu tranh chống những bệnh ấy là nhiệm vụ của nhân dân và đường lối của Đảng, một trọng tâm công tác để đẩy mạnh công cuộc kiến thiết kinh tế và văn hóa, nhanh chóng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

...Trong nhiệm vụ thực hiện phương châm của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, đảng hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam, hưởng ứng phong trào phát triển tự do dân chủ trong những nước dân chủ nhân dân anh em, người trí thức Việt Nam có phần trách nhiệm quan trọng. Người trí thức hoạt động văn hóa, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời cũng là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân.

Trong bài *Nội dung xã hội và hình thức tự do*, Giai phẩm Mùa Đông tập I ông viết cụ thể hơn về nguồn gốc của căn bệnh sai lầm như sau:

...Cơ cấu của bộ máy lãnh đạo có hướng một chiều, rất nặng về tổ chức và phương tiện đã thông, cưỡng bách, mà những ý kiến phê bình của nhân dân hay cấp dưới thì lại hoàn toàn để cho cấp trên quyết định có nên xét đến và thảo luận hay không, cho nên những bệnh quan liêu, bè phái, sùng bái cá nhân trong tổ chức lãnh đạo đã có điều kiện khách quan để phát triển, đẩy mạnh tác phong đàn áp tư tưởng, phớt qua quy tắc dân chủ, biến những ý kiến chủ quan thành lập trường bất di bất dịch. Nhờ những sự kiện ấy mà những phần tử lạc hậu bảo thủ, đã ngăn cản ý kiến của quần chúng, cản trở việc sửa chữa sai lầm, cho đến lúc tác hại lớn quá, cơ sở đã bị tổn thương nặng nề, chính đồn tổ chức ở huyện và tỉnh phát triển theo một thứ chủ nghĩa nông dân lưu manh hóa. Rõ ràng những phần tử quan liêu bè phái đã lấy thành kiến của họ làm đường lối lịch sử, biến những sai lầm của họ thành bánh xe vô tình của lịch sử. Một bộ máy hùng mạnh, xây dựng để diệt kẻ thù, đến lúc không thấy thù thì lại quay về bạn, lấy bạn làm thù mà đập phá bừa bãi.

...Không có lý do gì mà không tin tưởng ở nhân dân, không tin tưởng rằng những thắc mắc đề ra, những ý kiến phê bình căn bản là nhằm phục vụ mục đích chung, lấy kinh nghiệm thực tiễn mà sửa chữa sai lầm, chấn chỉnh tổ chức, cải tiến chính sách. Những ý kiến ấy phát biểu tự do có thể phạm vào địa vị, thành kiến hoặc thói quen của một số người trong tổ chức lãnh đạo, nhưng nhất định đây không phải là thoát ly lãnh đạo, mà chính là củng cố lãnh đạo.

Về pháp luật :

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường qua bài phát biểu rất quan trọng trước Mặt trận Tổ quốc Hà Nội ngày 30- 10- 1956 đã phân tích những sai lầm của chính quyền đi từ sai lầm CCRĐ ở nông thôn sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành,, tất cả nằm trong bản chất thiếu dân chủ. Ông chỉ ra nguồn gốc các sai lầm đó và trình bày những nguyên tắc để sửa sang lại bộ máy pháp luật, chính trị của đất nước (17).

Ông phê phán khẩu hiệu Thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch không những quá tả một cách vô lý mà còn phản lại cách mạng.

Ông nhắc lại những nguyên tắc cơ bản của pháp lý đã không được áp dụng trong CCRĐ:

-Không phạt các tội đã lâu ngày mà bây giờ mới khám phá ra.

- Chỉ một mình phạm nhân chịu trách nhiệm của việc mình làm, không có trách nhiệm chung của vợ con, gia đình.

- Muốn kết án một người phải có bằng cứ xác đáng.

- Thủ tục điều tra xét xử phải đảm bảo quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình.

Sở dĩ có sai lầm như vậy vì 3 nguyên nhân:

Quan điểm ta- địch, thù-bạn mơ hồ

Bất chấp pháp luật

Bất chấp chuyên môn.

Nguyễn Mạnh Tường cho rằng lẽ ra Quốc hội là cơ quan lập pháp nhưng lại bị quan niệm rằng đó chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi.

Ông đề nghị hướng sửa chữa sai lầm là phải xây dựng một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự. Ông khẳng định :

Một chế độ dân chủ thực sự trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến pháp mà cả trong thực tế nữa.

Lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay, chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong trào quần chúng đòi tự do dân chủ.

Về Văn hóa, văn học nghệ thuật :

Đào Duy Anh , Đặng Văn Ngữ trả lời phỏng vấn của báo Nhân Văn (18) nhấn mạnh đến việc thực hành dân chủ cho đội ngũ những người nghiên cứu, giảng dạy ở các trường đại học, đội ngũ bác sĩ, trí thức cần được đầu tư phù hợp, cần có quan niệm đúng về vai trò chuyên môn, có phương pháp đánh giá đúng thực chất người trí thức, tránh lãnh đạo thô bạo bằng chính trị. Các ông đòi công tác chuyên môn cơ bản phải do những người chuyên môn phụ trách (19).

Làn sóng phê bình sai lầm trong lãnh đạo văn nghệ vô cùng mạnh mẽ. Những phát súng đầu tiên lại xuất phát từ Phòng văn nghệ Quân đội , nơi quản lý cả một đội ngũ VNS hùng hậu bằng chế độ chính ủy.

Từ tháng 4- 1955 Trần Dần cùng với Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Hoàng Cầm, Tử Phác, Trúc Lâm... gửi Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hóa lên Tổng cục chính trị. Bản Dự thảo yêu cầu để cho văn nghệ sĩ tự do sáng tác, trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, đòi thành lập một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội Văn nghệ không qua Cục tuyên huấn và Tổng cục chính trị, bỏ hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, bỏ mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội. Sau đó là sự kiện Tử Phác, Trần Dần bị bắt giam, Trần Dần dùng dao lam cứa cổ tự tử, viết thư gửi Nguyễn Chí Thanh. Ông Thanh phải ra lệnh thả hai người. Việc bắt giam hai người, Hoàng Cầm chứng kiến Tố Hữu ra lệnh cho Văn Phác: *Bắt nó về, tổng giam nó!*

Với bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* (20) Phan Khôi không ngần ngại phê phán tác phong lãnh đạo văn nghệ quan liêu, hách dịch, bè phái, sùng bái cá nhân của Trường Chinh, Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi.

Khan Khôi cho rằng từ khi về Hà Nội trong văn nghệ đã hình thành hai phe *lãnh đạo văn nghệ* và *quần chúng văn nghệ* mà *Lãnh đạo văn nghệ* đã *xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ* đặc biệt là việc ép buộc văn nghệ sĩ một cách nghiệt ngã phải phục vụ đúng đường lối chính trị. Với việc Hồ Chí Minh viết truyện mẫu cho các nhà văn viết theo, ông nhận xét:

Nhược bằng bắt mọi người phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.

Ông chất vấn việc Hội Văn nghệ tổ chức phê phán bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dần mang tính ấu trĩ quy chụp, đàn áp.

Phan Khôi được mời tham gia Ban giám khảo Giải thưởng văn học 1954- 1955 để làm vì. Ông tố cáo sự thối nát của Ban Giám khảo, những người như Hoài Thanh, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng có tác phẩm dự thi mà đều ở Ban sơ khảo và Ban chung khảo, đều được giải thưởng mà chất lượng tác phẩm của họ không xứng đáng với giải.

Cùng với Khan Khôi, Trương Tửu cũng quyết liệt phê phán *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* (21). Xin nói rõ hơn là trong nghị quyết của Hội nghị TƯ 10 tháng 10-1956 cũng nhấn mạnh việc chống sùng bái cá nhân đang rất nặng nề trong đảng, trong đó có việc sùng bái Hồ chí Minh.

Trương Tửu xác định *bệnh sùng bái cá nhân là một bệnh phổ biến trong giới lãnh đạo văn nghệ...Tôi không nói đó là bệnh của văn nghệ sĩ, vì rằng hôm qua cũng như hôm nay, người văn nghệ sĩ tự trọng không bao giờ thừa nhận sự sùng bái cá nhân. Nghệ thuật là sáng tạo, là tự do. Sùng bái cá nhân là phục tùng mù quáng, là nô lệ. Hai thứ đó như nước với lửa, có cái này thì không có cái kia được.*

Trương Tửu nêu lên tám gương không chịu sùng bái cá nhân của Tô Ngọc Vân, Sĩ Ngọc đối với Trường Chinh. Ông quy tội cho số lãnh đạo văn nghệ:

Giống như bọn thầy bùa phong kiến, các nhà lãnh đạo văn nghệ của chúng ta muốn yểm tất cả tâm hồn cứng rắn và tự do cho đến trở thành những hòn đất thó tròn méo mặc dầu tay kẻ nạn. Những lá bùa của họ chế tạo ra kể cũng đã khá nhiều: mất lập trường, phạm chính sách, phá đoàn kết, phá tổ chức, vô kỷ luật, chống Đảng, địch lợi dụng, có vấn đề, bắt mẫn cá nhân, óc địa vị, v.v... còn gì nữa?

Theo ông chính lãnh đạo đã tạo ra một tình trạng u ám trong văn nghệ:

Một số văn nghệ sĩ non gan...biến thành những tên thư lại văn nghệ xu nịnh trực lợi. Một số khác trốn vào thái độ tiêu cực, chán nản công tác, tâm tư trĩu nặng hờn oán và uất ức. Một số khác nữa cất kín cá tính và nghệ thuật xuống đáy ba lô, yên lặng làm bổn phận một người công dân kháng chiến bằng bút, bằng màu sắc, bằng dây đàn, bằng sân khấu- đánh giặc đã! Còn một số không khuất phục, kịch liệt phê phán tác phong và đường lối lãnh đạo của thường vụ Hội thi bị chụp mũ, bị chèn ép, bị trừ, bị hành hạ, bị gạt sang một bên...

Trương Tửu đề nghị:

Đã đến lúc phải sa thải những nhà lãnh đạo thiếu tư cách mà quần chúng tuyệt đối không tin tưởng nữa để quần chúng văn nghệ tự tay mình điều khiển công việc chuyên môn của mình một cách thực sự dân chủ.

Đã đến lúc phải thanh toán lối đàn áp tự do tư tưởng, khinh miệt quần chúng, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái chủ nghĩa do bệnh sùng bái cá nhân đẻ ra, để mở đường cho trăm hoa đua nở, trăm nhà đua nói.

Trương Tửu kêu gọi trả lại sự tự do cho văn nghệ sĩ:

Muốn sáng tạo ra một thế giới độc đáo, văn nghệ sĩ phải có một cái nhìn độc đáo, một nhận thức độc đáo về thực tại, một trí tưởng tượng độc đáo, một lối nói độc đáo. Phải duy trì bảo vệ tính độc đáo ấy không để một sức mạnh bên ngoài nào xâm phạm đến hay làm cho mất đi. Phải tự do nhìn sự thực, tự do xúc cảm, tự do suy nghĩ, tự do tưởng tượng, tự do vận dụng ngôn ngữ nghệ thuật- để có thể phản ánh hiện thực một cách trung thành. Tự do ở đây có nghĩa là: chống lại mọi áp bức tư tưởng, mọi mệnh lệnh, mọi công thức, mọi quyền uy bắt mình nói điều mình không muốn nói, nghĩ điều mình không muốn nghĩ, nhận là đúng điều mình cho là sai, không yêu những cái mà mình ghét, không ca tụng những cái mà mình phản đối. Không có tự do ấy, sự sáng tác của văn nghệ sĩ sẽ giả tạo.

Cũng với tinh thần phê phán các sai lầm của lãnh đạo văn nghệ, đề nghị các giải pháp cho tự do sáng tác còn có các bài của:

Hoàng Huế : *Một bản đề án về Đại hội Văn nghệ lần thứ hai.*

Trần Duy: *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở. Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ. Góp ý kiến về phần tự do dân chủ trong Nghị quyết T.Ư lần thứ mười.*

Chu Ngọc: *Nguyễn Sơn, người đi đầu trong đường lối văn nghệ rộng rãi.*

Sĩ Ngọc: *Làm cho hoa nở bốn mùa.*

Q. Ngọc và T. Hồng: *Phê bình lãnh đạo sinh viên.*

Dương Viết Á: *Những bóng mây đen đã bay qua. Chúng ta hãy giữ lấy ánh sáng mới.*

Văn Tâm: *Những người ấy muốn gì.*

Bùi Quang Đoài: *Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị*

H.L: *Không có lí gì mà không tán thành Trăm hoa đua nở.*

Trần Công: *Chống bè phái trong văn nghệ.*

Trần Công: *Mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo ở Phòng văn nghệ quân đội.*

Người Quan sát: *Một đợt học tập và đấu tranh của giới văn nghệ. Bài học Ba Lan và Hung ga ri.*

Trần Lê Văn: *Chúng ta đã bàn tới những vấn đề gì trong Đại hội?. Cần mở rộng phê bình để đẩy văn nghệ tiến lên.*

Còn một số bài về điện ảnh của Cao Nhị, Vũ Phạm Từ, Phạm Kỳ Nam, Phan Vũ, Chu Ngọc, Trần Công, Năng Mai Hồng, Trần Thịnh...

Trần Công: *Tiến tới thành lập Hội của những người công tác điện ảnh.* (ST1)

Năng Mai Hồng: *Cần xét lại quan niệm của những người lãnh đạo nghệ thuật điện ảnh.* (ST 1+2)

Cao Nhị: *Nửa tháng liên hoan phim Liên Xô: Máy bộ phim dở.* (NV 5)

Như vậy sau văn học những phản ứng mạnh mẽ ở trên đã làm nóng diễn đàn điện ảnh. Lúc đó Ban vận động thành lập Hội

Điện ảnh đã hoạt động nhưng mãi đến năm 1970 những người làm điện ảnh mới có hội nghề nghiệp của mình. Có hai lí do :

Thứ nhất các ĐCS theo lí thuyết của Lê nin đề cao điện ảnh là vũ khí số một của nghệ thuật vô sản. Họ luôn luôn nắm chặt vũ khí này cho đến hiện nay cả về chỉ đạo và cả về đầu tư.

Thứ hai là sau NVGP điện ảnh phải hứng chịu tiếp cơn bão thứ hai lớn hơn là Vụ án xét lại. Hầu hết các nghệ sĩ và quản lý điện ảnh đều được đào tạo ở Liên Xô về, nhiều người đã bị coi là có tư tưởng xét lại. Chỉ sau khi giải quyết xong vụ án xét lại 1968 thì đến tháng 1- 1970 Hội Điện Ảnh mới được thành lập.

Trên lĩnh vực sáng tác phong trào NVGP còn có các tác phẩm tiêu biểu như sau:

Thụy An: Truyện ngắn *Trường hợp tòng quân của thiếu úy Lâm, Bích xu ra.*

Nguyễn Bính: Thơ *Tỉnh giấc chiêm bao.*

Văn Cao: Trường ca *Những người trên cửa biển.* Thơ *Anh có nghe thấy không.*

Hoàng Cầm: Bút kí *Con người Trần Dần.* Trường ca *Tiếng hát quan họ.* Kịch thơ *Tiếng hát.*

Phùng Cung: Truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*

Trần Dần: Trường ca *Nhất định thắng. Hãy đi mãi.*

Trần Duy: Truyện ngắn *Những người khổng lồ.* *Tiếng sáo tiền kiếp.*

Lê Đạt: Thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử.* *Cửa hàng Lê Đạt.*

Minh Hoàng: Truyện ngắn *Đống máy*

Phan Khôi: Tạp văn *Ông bình voi.* Truyện ngắn *Ông Năm Chuột.*

Hữu Loan: Thơ *Những thằng nịnh hót.*

Như Mai: Truyện ngắn *Thi sĩ máy*

Phùng Quán: Thơ *Chống tham ô lãng phí. Lời mẹ dặn.*

Trần Lê văn: Tùy bút *Bức thư gửi một người bạn cũ.*

Vậy đặc điểm của cuộc cách mạng văn học NVGP là gì?

Về nội dung:

Trong lúc đa số văn nghệ sĩ đang băn khoăn không biết viết về cuộc sống hiện tại như thế nào để không trái với yêu cầu tuyên truyền, viết tiếp về kháng chiến thì khó viết, các tác giả NVGP chủ trương sáng tác của mình trực tiếp phản ánh những vấn đề cấp thiết của xã hội với thái độ thẳng thắn, trung thực. Họ cho rằng nếu với thái độ đó văn học sẽ giúp ích nhiều cho nhân dân, cho Đảng, cho nhà nước. Họ không né tránh sự đau khổ của nhân dân, nghèo túng, oan ức trong cải cách ruộng đất, sự bế tắc của người nghệ sĩ. Họ lên án các tật xấu của cán bộ, nạn tham ô lãng phí, trong đó có cán bộ lãnh đạo văn nghệ, chỉ đạo chính trị thô bạo, sùng bái cấp trên, bè

phái, áp bức cấp dưới và nhân dân, làm ảnh hưởng đến sáng tạo, đến chất lượng nghệ thuật. Họ góp ý thẳng thắn về các chủ trương chính sách không hợp với lòng dân đang làm tổn thương lòng tin vào chế độ mới. Họ tố cáo với Đảng những kẻ thù mới đó, những con người đang làm hại sự nghiệp của Đảng, khẳng định đây là một cuộc đấu tranh mới đầy quyết liệt:

*Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bé cổ bé chân đeo tội ác cho người
Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở những điều thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân cô gái
Từng con đường bãi cỏ bóng tối
Mắt quàng thâm còn nhớ mãi đêm*

*Chúng nó còn ở lại
Trong những tuổi bốn mươi
Đang đi vào cuộc sống
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục
Văn Cao- (Anh có nghe thấy không)
Trong những ngày khó khăn chông chát
Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ*

*Những con bói cá
Đậu trên những dây buồm
Đang đo mực nước
Những con bạch tuộc
Bao tay chân cổ dim một con người*

*Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm tròn trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỗi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rộng những con người lụi dần niềm hy vọng
Héo dần mầm sáng tạo mất phẩm giá con người
Chúng nó ở bên ta trong ta lén lút
Đào rỗng từng kho tiền gạo thuốc men
Tôi đã thấy từng mặt từng tên xấu chuối
Tôi sẽ vạch mặt từng tên
Văn Cao- (Trường ca Những người trên cửa biển)
Họ cũng sớm lên án sự can thiệp thô bạo vào đời sống riêng tư con người:*

*Chế độ ta không cấm họ yêu nhau
Mà sao họ chết?
Người công an đứng ngã tư
đường phố
Chỉ huy*

bên trái
bên phải
Xe chạy
Xe dừng
Rất cần cho việc giao thông
Nhưng đem bực công an
máy móc
đặt giữa tim người
Bất tình cảm ngược xuôi
Theo đúng luật đi đường nhà nước
Có thể gây rất nhiều chua xót
ngoài đời

Lê Đạt- (Nhân câu chuyện máy người tự tử)

Với ngày nay những câu thơ trên là rất bình thường nhưng vào lúc đó nó bị cắt xén, suy diễn gán ghép kết tội, làm cho những người lãnh đạo cả tin vào đội ngũ thơ lại mất bình tĩnh. Cũng như vậy, kể cả câu *Tôi bước đi . Không thấy phố , không thấy nhà. Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.* đã bị cắt ra khỏi kết cấu của bài thơ dài Nhất định thắng và gán cho ý nghĩa phản động. Câu thơ này là tâm trạng tác giả lúc cuộc sống khó khăn nhất. Cuối bài thơ lúc miền Bắc vượt qua khó khăn, với tinh thần nhất định thắng tác giả lại thấy :

*Nặng lên đồ phố đồ cờ
Đỏ cả buồng tim lá phổi.*

Trong nội dung các tác phẩm này, có thể thấy tính chất thật, cuộc sống thật của đời sống nhân dân. Các sáng tác NVGP cũng giống như lời các bài hát của Phạm Duy trong giai đoạn đầu kháng chiến như *Bà mẹ Gio Linh, Nương chiều, Đường về miền Trung...* đầy hơi thở cuộc sống không chung chung như các bài thơ, các nhạc phẩm của các văn nghệ sĩ kháng chiến khác.

Hiện thực mà văn học NVGP biểu hiện rõ ràng trái ngược với thứ hiện thực của văn học kháng chiến, nó là cho văn học trở lại với đời sống nhân dân, làm nên nhựa sống cho người nghệ sĩ.

Về Nghệ thuật:

Các nhà văn NVGP muốn tạo ra sự chuyển biến về hình thức sáng tạo. Trước hết về thể thơ họ tiếp tục mở rộng thể thơ tự do mà trong kháng chiến Nguyễn Đình Thi đã từng bị phê phán nhưng Hoàng Cầm đã thành công rực rỡ với *Bên kia sông Đuống*. Mạnh mẽ hơn họ còn thể nghiệm lối thơ bậc thang của Maiacopski. Mức độ thành công có khác nhau, nhưng ở Trần Dần có lúc đã có thành công, nhất là với *Trường ca Việt Bắc*.

*Đây!
Việt Bắc!
Sông Lô
nước xanh
tròng trành mảnh nguyệt!
Bình Ca
Sương xuống
lạc
con đò!*

Cần thấy ở việc học tập thơ Maia ngoài ý đồ cách tân nghệ thuật, Trần Dần, Lê Đạt còn muốn thơ phải có tính chiến đấu quyết liệt như Maia.

Ở một hướng cách tân khác Văn Cao, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Phùng Quán cũng có nhiều thành công.

Về bút pháp, văn xuôi NVGP đã không còn là lối văn tả thực, tường thuật đơn giản. Nó thực sự đã có những ẩn dụ, biểu tượng có ý nghĩa sâu sắc mà trong văn học kháng chiến còn vắng bóng.

Các hình tượng nghệ thuật của họ đã tiến tới sự khái quát nghệ thuật, đa nghĩa, mang ẩn dụ tư tưởng. Đó là các truyện ngắn *Tiếng sáo tiền kiếp*, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi, *Con ngựa già của Chúa Trịnh* của Phùng Cung, *Em bé làm văn* của Trần Dần, tiểu luận *Ông bình vôi* của Phan Khôi, *Thi sĩ máy* của Như Mai...

Từ các ẩn dụ của NVGP người ta nhận ra thái độ phê phán đường lối lãnh đạo văn nghệ của ĐCSVN, các căn bệnh của bộ máy lãnh đạo văn nghệ, của cán bộ chính trị, bắt cập của các chính sách cộng sản trại lính áp dụng vào đời sống thời bình, tinh thần dũng cảm chống cái xấu, cái ác, khát vọng tự do dân chủ và cả sự thất vọng về bi kịch tiền định của thân phận nghệ sĩ.

Trong thời kỳ đấu tranh với NVGP, các đồng nghiệp đã tấn công quyết liệt vào bút pháp của NVGP. Họ kết tội NVGP xò xiên *mượn xưa nói nay*, *mượn thú vật nói người*, *lấy cũ nói mới*... Sự quy kết này đã được lấy làm chuẩn mực trong một thời gian dài cho phương pháp phê bình gọi là *hiện thực xã hội chủ nghĩa*, tạo ra các vụ phát hiện phê phán nhiều tác phẩm *tiêu cực* trong các thời kỳ tiếp theo đã làm thui chột các ý tưởng thể nghiệm nghệ thuật, ý tưởng sáng tạo hình thức thể hiện của một thể hệ văn nghệ sĩ trên tất cả các thể loại văn học nghệ thuật văn chương, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh...

Như vậy các nhà văn NVGP đã có ý thức làm mới một nền văn học đã bị xơ cứng vì chủ trương phục vụ tuyên truyền, vì bị lãnh đạo quan liêu gò ép mệnh lệnh trong 9 năm kháng chiến. Nhìn lại sáng tác của các nhà thơ tiền chiến như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Sanh, Anh Thơ... trong thời kỳ này dễ nhận thấy họ vẫn còn bế tắc còn chưa viết lại được nhuần nhuyễn.

Vào thời điểm đó trên thế giới cũng bước vào một cuộc cách mạng văn học với sự xuất hiện của các trào lưu hiện đại mới. Ở Sài Gòn, những văn nghệ sĩ trẻ di cư từ Hà Nội vào đã lập nên nhóm văn học Sáng Tạo, nhóm trí thức Bách Khoa đã tạo ra cuộc cách mạng ngôn ngữ thơ ca trùu tượng và văn học hiện sinh. Phải nói rằng ngôn ngữ văn học miền Nam đã đi trước hiện đại hóa so với ngôn ngữ văn học miền Bắc mấy chục năm. Phải chăng đó là hậu quả của việc thủ tiêu cuộc cách mạng văn học của NVGP?

Thành quả của cuộc cách mạng văn học của NVGP tiếc rằng chưa gây được ảnh hưởng rộng lớn trong một thời gian ngắn ngủi. Nó tạo ra sự hoang sợ ở những văn nghệ sĩ bảo thủ quen viết theo chỉ thị cấp trên. Nó đã đặt ra cho nền văn học miền Bắc những tiền đề quan trọng, để lại ảnh hưởng đến nhiều thế hệ văn nghệ sĩ mặc dù ngay sau đó nó bị che phủ trong bóng tối. Những nhà văn chủ chốt của nó vẫn không chịu thoái lui. Họ cố thủ trong lô cốt cá nhân của riêng mình, vật lộn với nghèo túng, đói khát, vẫn tiếp tục thể nghiệm và đã biến ý tưởng thành hiện thực, cuối cùng dù muộn màng đã được ghi nhận là những nhà cách tân thành công thơ hiện đại Việt Nam. Đó là những Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng...

Cũng như các trào lưu dân chủ ở các nước XHCN khác tất cả các tư tưởng sáng tác của NVGP đều bị quy kết ám chỉ, đá kích, là phá hoại phản động. Cũng như Hồ Phong, Đinh Linh, cũng như Tru khơ rai, Paxternac, Xonjênitxin, Lu cat, Owen, Kót slo... mà sau này đến thời kỳ cải tổ, đổi mới người ta phải trả lại danh dự cho họ.

Tư tưởng của họ phù hợp với các tiêu chí chung về tiến bộ xã hội của nhân loại, của một xã hội văn minh, một xã hội con người được tự do tư tưởng, một nền nghệ thuật được tự do sáng tạo...

4-Tính chất và hình thái hoạt động

Trong các văn bản và phát biểu cá nhân người ta kết tội NVGP là tổ chức phản động, hoạt động gián điệp, nhận tiền và được chỉ đạo của nước ngoài, dùng văn học nghệ thuật hoạt động phản tuyên truyền, kích động quần chúng nổi loạn lật đổ chính quyền. Về tư tưởng thì ở trên đã trình bày cho chúng ta thấy rõ những đòi hỏi cải cách dân chủ của họ là phù hợp với tiến trình lịch sử. Nếu ĐCSVN đi theo con đường đó thì có thể khủng hoảng đã không thể xảy ra, đất nước không ở tình trạng như hiện nay. Có người lấy việc giải phóng miền Nam để biện minh cho việc đàn áp NVGP là chính đáng. Nhưng sau khi có sự sụp đổ của phe XHCN, sau khi nước Đức thống nhất thì lý do này khó đứng vững.

Về tập thể hàng trăm trí thức, văn nghệ sỹ với nhân thân đã biết ở trên và nhất là đa số là những trí tuệ tài năng hàng đầu ở miền Bắc thì không thể nói rằng họ là một tập thể mù quáng. Bây giờ thì lịch sử đã chứng minh rằng những điều họ dám nói ra lúc đó đã đi trước 30 năm.

Qua các tài liệu và các cuộc phỏng vấn sau này có thể đánh giá như sau:

NVGP không phải là một tổ chức vì thực sự không có một ngọn cờ nào chỉ đạo, điều khiển NVGP. Nó là một xu thế, cùng bùng lên ở nhiều lĩnh vực, được nhiều người hưởng ứng quy tụ xung quanh nhóm sáng tác chính của báo Nhân Văn và tạp chí Giai Phẩm. Theo lời các chủ chốt thì dường như chỉ có hai người là Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt có tính chất thủ lĩnh về tinh thần, còn trong công việc thì thường xuyên họ mâu thuẫn với nhau. Họ không có một nghị quyết, một chương trình hành động cụ thể, một mô hình tổ chức nào. *Theo ông Trần Duy họ luôn luôn trong tình trạng cãi nhau về chủ trương, không ai bảo được ai (22).*

NVGP không hoạt động gián điệp. Cái tội gọi là hoạt động gián điệp ở đây là sự gán ghép suy diễn buộc tội. Nguyễn Hữu Đang không liên quan gì đến những người Pháp còn ở Hà Nội. Còn Thụy An thì được một cơ quan giao nhiệm vụ nắm ý đồ của mấy người Pháp đối với tình hình Hà Nội lúc đó. Sau đó những lời báo cáo của bà trở thành chứng cứ buộc tội bà hoạt động gián điệp. Họ cũng không có tài liệu bí mật để chuyển giao cho cái gọi là cơ quan tình báo Pháp.

NVGP không nhận tiền của nước ngoài

Có một nguồn giúp đỡ cho tạp chí Giai Phẩm là NXB Minh Đức. Chủ nhân của nó là Trần Thiếu Bảo con một gia đình khá giả ở Thái Bình, trước 1945 có nhà in ở Hà Nội. Ông Bảo có tham gia VHCQ, tản cư về Thái Bình sau tháng 12- 1946 là Ủy viên BCH HVHCQ Khu III, sau tản cư vào vùng tự do Thanh Hóa lại lập Nhà xuất bản Minh Đức có Nguyễn Hữu Đang giúp, xuất bản sách kháng chiến cho đến 1954 thì mang nhà xuất bản này về Hà Nội.

Còn nguồn tài chính cho báo Nhân Văn thì do các cá nhân tự vay góp tiền để làm báo. Ông Trần Duy, Thư ký tòa soạn báo cho biết:

Có người nói rằng tôi nhận tiền của Durand, tôi có nói với mọi người là tôi không biết ông Durand. Hơn nữa nếu nói ông Durand là một nhà trí thức thì người trí thức Pháp không bao giờ làm mật thám đâu. Trí thức Pháp là trí thức Pháp nhiều khi họ còn chống cả mật thám. Tôi không tin ông Durand, một nhà nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam, về cổ học Việt Nam mà lại là mật thám.

Có người lại cho rằng tôi nhận tiền của Ủy Ban Quốc Tế. Tôi bảo tôi không biết Ủy Ban Quốc Tế nằm ở đâu mà tôi nhận tiền. Trong quá trình làm báo tôi không tiếp xúc với một người châu Âu nào cả, một người ngoại quốc nào hết... Nghĩa là Nhân Văn tay trắng không có một đồng xu nào cả, từ khi nó lên là tay trắng, và khi đổ thì cũng chẳng có một đồng xu nào trong quỹ cả.(23)

5-Kết luận về bản chất NVGP. Niềm tin của tác giả

Vậy bản chất của NVGP là gì?

NVGP là một đợt bột phát trào lưu tư tưởng dân chủ ở miền Bắc Việt Nam có tiền đề ngay từ khi hình thành nhà nước VNDCCH lưỡng sinh giữa DCTS và toàn trị cộng sản tiến dần đến mô hình kiểu chủ nghĩa Mao, phát sinh trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội nhưng mạnh mẽ nhất là lĩnh vực ngôn luận mà lực lượng hăng hái nhất là trí thức khoa học xã hội và văn nghệ sỹ, tập trung xung quanh hai ấn phẩm là báo Nhân Văn và tạp san Giai Phẩm.

Có lẽ cần phải cho mọi người nghe ý kiến của Ông Nguyễn Hữu Đang trả lời Thụy Khuê ngày tháng 9- 1995 khi bà hỏi thực chất của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là gì :

Thực chất phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, nếu đứng về mặt chính trị, thì đó là một cuộc đấu tranh của một số người trí thức, văn nghệ sỹ và một số đảng viên về chính trị nữa, là chống, không phải chống đảng cộng sản đâu, mà là chống cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng- nói là chuyên chính thì chưa đủ- phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm...Nó gay gắt ghê lắm!

Tác giả là người đã được đọc lại toàn bộ hồ sơ nghiệp vụ chuyên án NVGP, tiếp xúc với hầu hết thành viên chủ chốt của vụ án, một số văn nghệ sỹ tham gia vào đấu tranh với NVGP, tiếp xúc sớm nhất với các tài liệu nghiên cứu, các bài viết về NVGP từ nước ngoài, tiếp xúc tương đối đầy đủ các bài viết về các nhân vật NVGP ở trong nước từ sau đổi mới. Tác giả tin rằng NVGP không phải là một vụ án gián điệp phản động. Các văn nghệ sỹ trí thức NVGP không có mục đích lật đổ chế độ. Họ chỉ mong muốn ĐCSVN, chính phủ sửa chữa những sai lầm và xây dựng ngay một nền dân chủ pháp trị, một đời sống tinh thần có tự do tư tưởng, một đời sống văn học nghệ thuật tự do sáng tạo.

Còn vụ án được đem xét xử công khai có thể nói đây là một vụ án xử vì mục đích chính trị chưa đủ chứng cứ cấu thành tội danh hoạt động gián điệp mà động cơ của nó có thể có sự lợi dụng để khuấy lấp tai tiếng và bảo vệ vị trí của chính những người lãnh đạo Đảng đã mắc sai lầm trong CCRĐ.

6-Nhận xét về các biện pháp đấu tranh chống NVGP, những người đấu tranh

Các biện pháp áp dụng để đấu tranh chống NVGP được gọi là biện pháp tổng hợp, là chế độ thông thường đối với các vụ án chính trị có quy mô lớn của các nước XHCN.

Gồm như sau:

-Huy động hầu hết các phương tiện thông tin đại chúng của chính quyền tham gia phê phán. Báo Nhân Dân, Hà Nội Mới, Quân Đội Nhân dân, Tạp chí Học Tập, Tạp chí Văn Nghệ, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Văn Nghệ Quân Đội, Tạp chí Điện Ảnh... Đặc trưng của các cơ quan ngôn luận cộng sản là chỉ cho phép sự phê bình chính thống, không cho phép người bị phê bình được nói lại.

-Huy động các cơ quan quản lý trí thức, văn nghệ sỹ tổ chức các cuộc kiểm thảo, phê bình đấu tố những người tham gia NVGP, sau khi đấu tố đương sự phải viết bản tự thú tội để công khai hóa trên các phương tiện truyền.

-Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ của hệ thống công an.

-Sử dụng các biện pháp quản lý hành chính như khai trừ Đảng, khai trừ BCH khai trừ hội viên các hội VHNT, treo bút không cho xuất bản tác phẩm có thời hạn hoặc vĩnh viễn, cách chức, chuyển công tác, hạ lương, đưa ra khỏi biên chế, bắt buộc cư trú ở những vùng xa Hà Nội, đưa đi cải tạo bằng lao động chân tay ở nông trường, nhà máy, hợp tác xã nông nghiệp...

- Ngoài ra gia đình các đối tượng còn phải chịu sự đối xử khắc nghiệt của các cơ quan quản lý xã hội và toàn xã hội như việc học hành, thi cử, phân công công tác, lấy vợ lấy chồng...

Đáng lẽ có những hình thức kỷ luật chỉ có thời hạn vài ba năm nhưng cuối cùng kéo dài cho tới thời kỳ đổi mới. Các đối tượng hết hạn tù và quản chế đang là công dân bình thường nhưng vẫn bị quản lý như người mất quyền công dân.

Nói chung là cái biện pháp tổng hợp ấy có một mãnh lực vô hình ghê gớm, nó làm tê liệt mòn mỏi sức lực và tinh thần của một bộ phận trí thức tinh hoa trong thời gian dài 30 năm.

Việc đấu tranh đã tạo ra nhiều bi hài kịch cho các trí thức văn nghệ sỹ, tạo ra những vết thương đau đớn giữa thầy và trò (24), giữa những người bạn thân cùng chiến đấu trong một chiến hào ngày hôm qua (25), giữa vợ chồng, cha con, anh em (26), giữa con cháu với chú bác ruột (27). Những vết thương ấy cũng kéo dài suốt ba mươi năm, cá biệt tổn thương còn tới ngày nay.

Trong số các quan hệ làm cho vấn đề NVGP phức tạp lên, nghiêm trọng hơn có thể còn có sự thù ghét cá nhân như quan hệ Trường Chinh- Nguyễn Hữu Đang, quan hệ Tố Hữu- Hữu Loan, Tố Hữu- Phùng Quán, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt...và các tham vọng cá nhân như đã nói ở phần trên...(28)

Một đảng viên cộng sản châu Âu đã có nhiều năm sống ở Việt Nam trong cả kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã ví rằng vụ NVGP và vụ án Xét lại sau này là hai *con bão lớn quét qua bầu trời trí thức Việt Nam*.

IV- Hậu Nhân Văn Giai Phẩm

Nhân văn Giai Phẩm tuy bị dập tắt nhưng nó có sức sống bất diệt, cứ âm thầm thao thiết chảy dưới bề mặt của chế độ toàn trị. Những gì tinh túy của nó đã kết tinh lại để rồi đến khi cởi trói các bảo vật ấy lại được sống tiếp cuộc sống công khai giữa xã hội.

1-Thời kỳ 1960- 1986

Trong thời gian dài các tác phẩm của các thành viên chủ chốt NVGP không được in ấn công khai trên mặt sách báo. Họ được trả một chút lương để làm công việc dịch thuật. Các văn bản do họ thực hiện không được mang tên thật. Tranh vẽ mang tên người khác, thơ và truyện nếu phù hợp với đường lối tuyên truyền có thể xuất bản được thì mang tên một người cụ thể khác. Đó là sáng tác thuê, họ chỉ được một phần nhuận bút. Nguyễn Hữu Đang thì được trợ cấp lĩnh qua đơn vị nghiệp vụ công an. Người nào ra khỏi biên chế thì tự kiếm sống. Có như như Tử Phác đã rơi vào hoàn cảnh cực kỳ thê thảm.

Tuy vậy họ vẫn sáng tác , tất nhiên là cảm hứng sáng tác bị thu hẹp và gắn liền với tâm trạng cá nhân. Đáng chú ý nhất là các trường hợp Phùng Cung, Hoàng Cầm, Phùng Quán.

Phùng Cung sinh năm 1928 tại Vĩnh Yên, tham gia kháng chiến chống Pháp, sau hòa bình bố ông bị quy sai địa chủ bị chết trong tù, ông công tác ở Văn phòng Hội Nhà văn. Khi có phong trào NVGP ông cho đăng truyện ngắn *Con ngựa già của Chúa Trịnh* trên báo Nhân Văn số 4. Thời gian này ông bị đình chỉ công tác, kiểm điểm. Tháng 5- 1961 ông bị bắt , bị giam đến đầu 1973 mới được thả ra. Trong các bản thảo của Phùng Cung có khoảng chục truyện ngắn mang nội dung phê phán gay gắt CCRĐ, cuộc sống hiện tại, tha nhân của cán bộ, văn nghệ sĩ... Năm 2003 tuyển tập tác phẩm của ông được xuất bản tại Mỹ gồm tập thơ *Xem Đêm* đã xuất bản trong nước, 10 truyện ngắn và tập thơ *Trăng Ngục* với những bài thơ ông viết trong 12 năm tù đầy. Ông đã mất năm 1997.

Sau thời gian đi cải tạo lao động, Hoàng Cầm trở về Bắc Ninh quê hương ông. Vượt qua những dằn vặt đau đớn di chấn của vụ NVGP ông sống đắm mình vào văn hóa Kinh Bắc cái mạch nguồn đã cho ông làm nên *Bên kia sông Đuống*. Tập thơ liên hoàn *Về Kinh Bắc* có thể nói là một lâu đài thơ ca tráng lệ có không gian văn hóa cổ kính hòa trộn với tâm linh hiện đại, những ẩn ức về thân phận con người cùng với khát vọng sống của nó. *Về Kinh Bắc* là đỉnh cao trong sự nghiệp thơ ca của Hoàng Cầm, tiếc rằng 35 năm sau nó mới được ra mắt bạn đọc, sau khi Hoàng Cầm phải ngồi tù 1 năm rưỡi cùng người bạn thơ Hoàng Hưng ngồi tù 39 tháng vì hệ lụy tập thơ. Trong thời gian 35 năm ấy một vài bài của *Về Kinh Bắc*, đặc biệt là *Lá diêu bông* đã được giới yêu thơ, thanh niên Hà Nội chuyền tay nhau cùng bản nhạc phổ lời bài thơ, tôi biết chính xác có bài của nhạc sĩ Ngọc Thanh, nhạc sĩ Lê Yên, sau này có bài của nhạc sĩ Phạm Duy. Chuyện tình của *Lá diêu bông* cũng như *Quả vườn ổi*, *Cây tam cúc*, *Cỏ Bồng thi* chỉ là một phương tiện thể hiện, đặt các bài thơ ấy trong bối cảnh 1958- 1960 mới hiểu được chủ nghĩa nhân văn, ám ảnh thân phận người nghệ sĩ, nỗi thất vọng to lớn giữa lý tưởng và cuộc đời của một thế hệ nhà văn... Ông vừa mới mất ngày 6- 5- 2010.

Hành trình tư tưởng của Phùng Quán thực ra đơn giản. Suốt đời ông ca ngợi lý tưởng, kêu gọi người ta chiến đấu cho độc lập dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân. Nhưng tính bộc trực, lòng nhiệt thành khi đăng bài trên NVGP đã làm ông chịu nhiều oan ức. Vừa câu cá trộm ở hồ Tây để sống ông phải viết hàng trăm truyện thiếu nhi, truyện tranh cho các nhà xuất bản với bút danh mới hoặc mượn tên người khác.

Trong nhiều năm ông đã hoàn thành bộ tiểu thuyết 3 tập gần 1000 trang về quãng đời niên thiếu chiến đấu trong đơn vị độ đội do Đàm Quang Trung chỉ huy với tên *Tuổi thơ dữ dội* xuất bản lần đầu ở Huế với bút danh Đào Phương. Tuổi thơ dữ dội được Giải thưởng của Hội Nhà văn năm 1987. Ông đã mất năm 1995.

Văn Cao gần như không công bố thơ của mình trên báo, chỉ chuyên làm bìa sách và vẽ minh họa cho các báo. Bắt đầu đổi mới ông công bố bài thơ dài *Năm buổi sáng không có trong sự thật* trên tạp chí Sông Hương tạo ra sự ngạc nhiên của dư luận. Ông đã mất năm 1995.

Đăng Đình Hưng cũng âm thầm thể nghiệm một thể thơ hiện đại trên chất liệu chính cuộc sống mòn mỏi, tù túng của ông, sau này in thành tập *Ô Mai* và *Bến Lạ*.

Tôi lại đi...

Jiữa cái nông hình dáng lưng tôi, một bảng đen trước mặt, một vòng phấn dưới chân, zính zính... những con 8 lộn zọc nhẵn thín nam châm gói tronghatj thóc zống của không biết

... Tôi hề biết

/ kể cả quả mít nứt

Tôi đã tìm ở sau cái gương/ cũng không có gì hết

Tôi đã tiếp đau thương những nhỏ nhỏ

thường thường

Đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt

mềm mềm

,và rất ngon

Ông đã mất năm 1990 tại thành phố HCM.

Trần Duy từ bỏ văn chương tuy không phải nghề chính nhưng ông cũng được đánh giá cao với truyện ngắn *Tiếng sáo tiền kiếp* trên Giai phẩm Mùa Thu tập I. Ông chuyên tâm với tranh lụa mà đề tài là các di tích văn hóa lịch sử, các danh thắng và có được một bộ sưu tập có giá trị. Ông được khôi phục Hội viên Hội nghệ sĩ tạo hình năm 1988, mở Triển lãm tranh năm 1991. Gần đây ông lại tái xuất giang hồ với vài truyện ngắn và đoạt ngay giải thưởng truyện hay trong năm của báo Văn Nghệ.

Nguyễn Hữu Đăng ra tù từ năm 1973 nhưng bị quản chế kéo dài ở quê ông Vũ Thư Thái Bình. Ông nghiên cứu về triết học Trung Quốc, đặc biệt là Lão Trang, về Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô. Ông có viết, đăng một số bài báo về Hội truyền bá quốc ngữ, về Văn hóa Cứu quốc, về điện ảnh trước 1945 và một vài truyện ngắn. Ông đã mất năm 2007.

Thụy An cũng ra tù từ 1973, an trí tại quê làng Hòa Xá Hà Tây, sau chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sống với con cháu. Có nguồn nói rằng trong thời gian ở tù bà có làm được một số bài thơ nhưng chưa thấy công bố. Con trai của bà là Bùi Thụy Băng ở Ca Na Đa đã công bố cuốn hồi ký về bà. Bà đã mất năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nói thêm về Thụy An: Bà đã có mặt trong Nhà văn hiện đại của Vũ Ngọc Phan xứng đáng với tư cách là một nhà văn nữ viết tiểu thuyết. Bà còn là một nhà báo có năng lực, dũng cảm đấu tranh cho nữ quyền, từng là Chủ nhiệm báo Đoàn bà mới, Quyền Tổng Giám đốc Việt tấn xã, là hội viên HNVTN khóa I 1957.

Trần Dần là người tỏ ra bền bỉ và dẻo dai kiên trì với đường lối thơ cách tân siêu thực theo một kế hoạch nghiêm túc. Ông có nhiều tập thơ sau này đã in trong *Trần Dần Thơ* năm 2008, tiểu thuyết thơ *Công Tĩnh* xuất bản 1994 được Giải thưởng HNVTN năm 1995, tiểu thuyết *Những ngã tư, những cột đèn, Một ngày Cẩm Phả...* Ông đã mất năm 1997.

Lê Đạt sau thời gian dịch sách và đọc sách phương Tây đã tập trung vào cách tân hình thức thơ mà sau đổi mới ông đã in thành tập *Bóng chữ* gây nhiều tranh cãi. Đồng thời ông còn sáng tác truyện ngắn phần lớn mượn đề tài lịch sử hoặc phương Tây. Ông đã mất năm 2008.

Các nhà văn, họa sĩ, nghệ sĩ khác bị xử lý nhẹ hơn vẫn tiếp tục sáng tác và công bố tác phẩm như bộ tứ Nguyễn Tư Nghiêm – Dương Bích Liên- Nguyễn Sáng – Bùi Xuân Phái, Nguyễn Bính, Trần Lê Văn, Huy Phương, Thái Vũ (Bùi Quang Đoài), Phan Vũ, Quang Dũng, Hoàng Tố Nguyên, Yên Lan, Nguyễn Thành Long, Hải Bằng, Nguyễn Văn Tý, Phạm Kỳ Nam, Văn Tâm, Hoàng Yến ...

Có một số người sau NVGP không hoặc hầu như không sáng tác hoặc không công bố tác phẩm cho đến thời kỳ đổi mới như Nguyễn Khắc Dực, Chu Ngọc, Sĩ Ngọc, Lê Đại Thanh, Hữu Loan, Thanh Châu, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Hoàng Huế, Thúc Hà, Trương Tữu...

Trong thời gian này có một sự kiện đáng chú ý là ở Hà Nội xuất hiện một nhóm văn nghệ sĩ trẻ lấy tên là nhóm *Văn nghệ chân đất* với tuyên ngôn nêu gương các đàn anh NVGP, đòi tự do sáng tác và thể nghiệm nghệ thuật. Nhóm này chỉ sinh hoạt bí mật, tùy hứng chưa có tổ chức nhưng đến năm 1983 một thành viên là Diệu Tô Minh làm việc ở Đài Phát thanh TNVN vượt biên và công bố trước một tòa án nhân quyền ở Paris bản *Tuyên ngôn của nhóm Văn Nghệ Chân đất*,

tài liệu *Một nền thơ ly khai chủ nghĩa xã hội ở Hà Nội*, trong đó có nhiều người sau này đã trở thành hội viên HNVHN, HNVVN như Lê Huy Quang, Chu Hoạch, Phan Đan, Lương Vĩnh...(29)

2-Thời kỳ 1987 đến nay

Sau khi có Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị ĐCSVN *Về đổi mới công tác quản lý văn học nghệ thuật trong tình hình hiện nay* vấn đề NVGP đã được đặt ra ở góc độ xem xét phục hồi hội tịch cho số người bị khai trừ có thời hạn nhưng kéo dài vô thời hạn, đồng thời giải quyết chế độ chính sách như cấp nhà, nâng lương cho một số người. Nguyễn Hữu Đang được tự do đi lại, được bố trí chuyển lên Hà Nội được cấp nhà ở. Tất cả những người tham gia NVGP được công bố tác phẩm nếu như tác phẩm của họ không vi phạm các điều cấm theo quy định. Họ tham gia vào các sinh hoạt văn học nghệ thuật bình thường. Và không thấy trong hoạt động của họ có vấn đề gì phức tạp như thời kỳ NVGP trước đây.

Các ông Văn Cao, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Hữu Loan, Lê Đại Thanh, Phùng Cung, Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo Trần Duy... lần lượt cho in tác phẩm tại các nhà xuất bản trong nước. Có quy mô và bề thế là tuyển tập của các ông Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Trương Tửu, Phan Khôi...

Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT đã được trao cho các ông Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên, Nguyễn Sĩ Ngọc, Nguyễn Văn Tý, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Nguyễn Bính, Lộng Chương, Đặng Văn Ngữ...

Giải thưởng Nhà nước về VHNT đã được trao cho các ông Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán, Yến Lan, Phạm Kỳ Nam, Nguyễn Thành Long ... và nhiều ông khác.

Dư luận đòi hỏi ĐCSVN, Nhà nước không nên mập mờ mà phải bày tỏ công khai việc đánh giá lại vụ NVGP cùng những sai lầm trong xử lý vụ án này.

Việc chiêu tuyết cho các nhân vật còn lại vẫn được tiếp tục như đối với Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường, Hữu Loan, Thụy An, Tử Phác, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại...

3-Nguồn tư liệu và các kết quả nghiên cứu về NVGP

Đã sinh ra một tập quán kỳ lạ trong giới VHNT và NCKHXH là người ta né tránh NVGP suốt thời gian dài đến 55 năm. Cho đến nay tôi chưa thấy trong nước có bất cứ bài viết có hệ thống hoặc công trình nghiên cứu nào về NVGP đã được công bố. Vì thế tài liệu về các ấn phẩm NVGP bị rơi rụng gần hết. Tài liệu của các cá nhân NVGP thì đã bị tịch thu hoặc đem giao nộp, các gia đình không dám tàng trữ, chỉ các thư viện quốc gia mới được bảo quản và cũng không phục vụ bạn đọc. Chỉ còn trong hồ sơ công an một số ấn phẩm và một số bản thảo thời kỳ NVGP và sau NVGP. Ví dụ khi tác giả đang phụ trách công tác về chuyên đề NVGP đã trao lại cho ông Lê Đạt bản thảo bài *Cửa hàng Lê Đạt*, trao lại cho ông Nguyễn Hữu Đang bức ảnh có ông đứng trên lễ đài Độc Lập cùng Hồ Chủ tịch ngày 2- 9- 1945, trao lại cho Trần Dần bản thảo tiểu thuyết thơ *Cổng Tỉnh*, bản thảo tiểu thuyết *Những ngã tư, những cột đèn*...

Mới đây ông Lại Nguyên Ân đi tìm dấu vết của tờ *Sáng Tạo* cũng cho biết rằng tại Thư viện Quốc gia cũng không tìm thấy 2 số báo hiếm hoi này. Mà nội dung của nó hầu như không được đề cập đến trong các bài nghiên cứu ở nước ngoài.

Vậy có thể một số ấn phẩm NVGP còn nằm rải rác trong một số các nhân, người chơi sách, bán sách cũ từ thời NVGP.

Tại miền Bắc cuốn *Bọn Nhân Văn Giai phẩm trước tòa án dư luận* là tài liệu duy nhất tập hợp các bài tổng kết phê phán chính thống về NVGP. Một số người nghiên cứu do không có tư liệu thường dựa viết theo cuốn này khi phải nói về giai đoạn 1954- 1960. Tiếc rằng hầu hết các bài trong tập sách đều viết theo lối tố khổ CCRĐ, rất thiếu tinh thần khách quan khoa học.

Tại miền Nam, công trình sớm nhất về NVGP là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí, một người cháu rể của Phan Khôi. Cuốn này có một bài tổng quan và tuyển tập các bài văn cơ bản của NVGP nhưng trừ ra 4 người quan trọng là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Lê Đạt. Bên cạnh cuốn này một vài tuyển thi ca chung có một số bài của các nhà

thơ NVGP. Các sách này trước 1975 lưu hành ở miền Nam, còn sau 1975 thì được coi là sách cấm trong cả nước.

Như vậy trong nước chưa có một cơ quan nghiên cứu nào, một nhà nghiên cứu nào thực sự bắt tay nghiên cứu về NVGP. Hầu như toàn bộ các thế hệ sau không biết mặt mũi các ấn phẩm NVGP là thế nào, người ta chỉ lặp lại các luận điệu chính thống mỗi khi nói về nó.

Gần đây Ngành Điện ảnh đã biên soạn xong và phát hành cuốn *Lịch sử Điện ảnh Việt Nam* tương đối công phu dày hơn 1000 trang, nhưng coi như không có hiện tượng NVGP trong làng điện ảnh thời kỳ 1955- 1958.

Cũng may là trong số các hàng binh châu Âu khi hồi hương có người đã mang được một số ấn phẩm NVGP về Paris. Trong điều kiện đó, ở Đài RFI, BBC một vài nhà nghiên cứu văn học, sử học đã kết hợp các tài liệu này với các cuộc phỏng vấn bằng điện thoại hoặc trực tiếp tại Paris, mới bắt đầu công bố những phác thảo gương mặt NVGP hoặc đánh giá về giai đoạn này.

Cho đến nay đã có các công trình và các tác phẩm của những người tham gia NVGP xuất bản ở nước ngoài như sau:

- *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam)* của Georges Boudarel xuất bản năm 1991. Trước đó năm 1987 đầu 1988 ông đã viết bài tựa đề *Disidences intellectuelles au Vietnam L'áfaire Nhân Văn- Giai Phẩm (Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn – Giai Phẩm)* in trên hai số tập san ở Paris *Sudestasia* và *Politique Aujourd'hui en Europe*. Boudarel là hàng binh đã tham gia công tác cho kháng chiến chống Pháp, sau hòa bình ông làm biên dịch buổi phát thanh tiếng Pháp ở Đài Tiếng nói Việt Nam đến năm 1966 thì hồi hương. Ông là bạn của nhiều nhân vật NVGP trong quân đội.

- Thụy Khuê ở Paris cuối năm 2004 có bài *Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm* và công bố loạt bài phỏng vấn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Duy. Từ giữa năm 2009 bà công bố từng phần trên website đài RFI như một công trình nghiên cứu tương đối hoàn chỉnh với tựa đề *Tìm hiểu Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm*. Đặc biệt sau phần nghiên cứu chung bà đã dựng lại chân dung tinh thần NVGP từng cá nhân trí thức văn nghệ sĩ tiêu biểu của phong trào.

- Công trình mới nhất xuất bản năm 2009 tại Berlin *Funfzig Jahre danach: Hundert Blumen in Vietnam 1954- 1960(Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam 1954- 1960)* của nhà nghiên cứu Heinz Schutte giảng dạy tại Khoa Đông Nam Á Đại học Hamburger. Độ đáo của công trình này là tác giả đã khai thác được hồ sơ của Sứ quán Đông Đức tại Hà Nội phản ánh sự kiện NVGP, đồng thời tác giả đã vào Việt Nam nhiều lần và kiểm chứng tư liệu cũng như đánh giá của mình qua rất nhiều nhân vật chính khách, văn nghệ sĩ thời kỳ đó.

- Năm 1992 tại Paris nhà xuất bản Quê mẹ của Võ Văn Ái in cuốn hồi ký bằng tiếng Pháp của Luật sư Nguyễn Mạnh Tường Un *Excommunie (Kể bị khai trừ)* với tiểu tựa *Hanoi 1954- 1991: Proces d'ún intellectuel (Hà Nội 1954- 1991: Kết án một nhà trí thức)*.

- Năm 2001 Nhà xuất bản Văn Nghệ California Hoa Kỳ xuất bản cuốn nhật kí của Trần Dần tên là *Trần Dần ghi* trích những ghi chép của Trần Dần trong hai thời kỳ CCRĐ và NVGP 1954- 1960. Đặc biệt đây là một cuốn sách thật nhất về NVGP, về cuộc sống thời kỳ này của dân tộc mà người ta không thể tìm thấy các hình ảnh rớm máu ấy trong các tác phẩm tuyên truyền công khai ở miền Bắc.

- Ngoài ra còn có một số cuốn khác đề cập đến NVGP như : Hồi ký *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thư Hiên do NXB Văn nghệ ở Hoa Kỳ, của Nguyễn Minh Cần, Trần Trung Phụng, Bùi Tín, Hoàng Giang, Kim.N.B. Ninh, Website của Trần Hữu Dũng, Talawas, một số bài viết trong nước, ngoài nước về các nhân vật chủ chốt NVGP và bài viết của chính họ về họ.

- Để hiểu thấu đáo bối cảnh xã hội của phong trào NVGP còn có một số tài liệu lịch sử nước ngoài nghiên cứu về Việt Nam giai đoạn 1945- 1954 đặc biệt là quan hệ giữa chủ nghĩa Mao và cách mạng Việt Nam của Vũ Ngự Chiêu (30), Vũ Tường (31), Trình Ánh Hồng (32), Davis Mar (33), Huỳnh Kim Khánh , Ninh Kim N. B (34),...

Tuy nhiên do điều kiện thiếu tư liệu và khả năng kiểm chứng, kể cả Schutte, trong các tác phẩm nói trên có một số chi tiết không chính xác. Cũng do động cơ đánh giá chưa thật sự khách quan các tác giả thường nhìn toàn bộ phong trào Nhân Văn Giai Phẩm qua hệ quy chiếu đối kháng với ĐCSVN, với chính quyền Việt Nam. Điều này có thể làm sai lệch nội dung các văn bản và gây mất thiện cảm đối với một thể hệ độc giả trong nước.

- Cũng nên nói thêm ở trong nước đã có người đang tập hợp hồ sơ về NVGP. Đó là nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân. Ông đã công bố một phần sưu tập này trên Talawas và một vài bài viết về các tờ báo Trăm hoa, Sáng Tạo, về Hội Nhà văn Việt Nam trong thời kì này (35).

- Ở các ấn phẩm khác mới xuất bản gần đây, đặc biệt là các tuyển tập của các nhà văn có vai trò nhất định trong thời kì NVGP người ta đã cắt bỏ những bài viết về NVGP, còn trong tuyển tập của các nhà văn NVGP vẫn còn có những trường hợp loại bỏ tác phẩm mặc dù nó không sai trái theo quan điểm hiện nay như của Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Duy. Ở một số cuốn hồi kí khi đến giai đoạn này người ta chỉ lướt qua một vài dòng, kể cả hồi kí của Đào Duy Anh, Vũ Đình Hòe, Gia đình Khan Khôi, Vũ Ngọc Phan, Tố Hữu, . Nghĩa là việc nói lại một cách rành mạch về NVGP vẫn còn là một việc cấm kỵ hoặc ít ra là khó nói!

4-Món nợ với lịch sử

Công cuộc đổi mới của đất nước đã đem lại những thay đổi to lớn về tinh thần cho nhân dân và văn nghệ sĩ. Nghị quyết 05 của Bộ chính trị khóa VI với các tiêu chí dân chủ không những đã cho các nhà nghiên cứu và văn nghệ sĩ tư tưởng tự do trong sáng tác mà còn định hình lại những giá trị tinh thần của dân tộc đã bị bỏ qua. Các di sản văn hóa khoa học đóng góp vào hành trình hiện đại hóa ngôn ngữ, tư duy dân tộc của Tự Lực Văn Đoàn, của Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Hồ Biểu Chánh, Lan Khai ... đã được xem xét đánh giá lại.

Đáng lí ra những vụ án chính trị trong quá khứ của nước ta sau một thời gian dài đã phải được công khai về tư liệu, minh bạch về kết luận. Nếu ĐCSVN và chính quyền sai lầm thì phải sửa chữa các sai lầm đó như Liên Xô, Nga, các nước Đông Âu và Trung Quốc đã làm. Nhưng tất cả vẫn mù mờ. Những người tham gia đấu tranh và các đối tượng hầu hết đã chết mà những người lãnh đạo hiện nay vẫn im lặng, các nhà nghiên cứu không dám khai thác tài liệu hoặc phỏng vấn các nhân chứng. Hầu hết các bài viết cơ bản của NVGP trước đây bị quy kết là có tư tưởng phản động đều đã được in lại trong các tuyển tập văn học, tuyển tập cá nhân của họ, trên một số trang mạng và báo viết. Họ được ca ngợi, được giải thưởng HCM, GTNN nhưng công khai thì không ai dám nói NVGP là vụ án gì?

Trong lần trả lời phỏng vấn RFI lão họa sỹ Trần Duy nói:

Cái gì trong cuộc đời cũng dở dang, con người mình cũng dở dang, năm nay 90 tuổi rồi, không biết mình đi đúng hay mình đi sai, mình đi đúng thì sống đến 90 tuổi rồi, mà mình đi sai thì đã chết từ 50 tuổi rồi. Bây giờ sống đến 90 tuổi thì cũng không biết con đường đã đi là con đường nào. Ai ghét mình? Ai yêu mình? Mình nên yêu ai, nên ghét ai? Thực tế ra sống đến chừng này tuổi tôi không nghĩ là tôi ghét ai cả, nhưng yêu ai thì cũng rất khó.(36)

Ở bài Tưởng niệm Phan Khôi ông viết:

Ông Phan Khôi không còn nữa, nỗi oan khuất của đời ông vẫn chưa có lời giải! Nỗi oan của nàng Đậu Nga trong Kinh dịch nổi tiếng của Trung Quốc đã được minh oan. Nỗi oan của gia đình Nguyễn Trãi – Thị Lộ đã được minh giải. Nguyễn Du chưa đến ba trăm năm sau đã được đồng bào mình thấu hiểu. Riêng nỗi oan của Phan Khôi, cái mà ông quý nhất, gìn giữ nhất là phẩm giá thì đã bị bôi nhọ, bị chà đạp. Ai là người minh giải?

Tiếng thở dài và tiếng chép miệng của ông trong những ngày cuối cùng như còn vọng lại. Sinh thời mỗi lần ông nói đến nỗi oan khuất nào đó của người đời, ông vẫn thường nhắc đến tiếng cóc kêu với trời! Gió mưa là do chuyển hóa Đông- Tây của thời tiết, nhưng vẫn có người tốt bụng tin rằng: Trời mưa là nhờ có cóc kêu. (37)

Còn Phùng Quán sau đổi mới có viết :

Tôi chết giữa Hồng Hà sóng đỏ

Ba mươi năm sau

Tôi hồi sinh giữa xanh thẳm Hàn giang. (38)

Trong tư liệu của tác giả có lá thư Trần Dần viết gửi một người lãnh đạo ngay sau chiến thắng 1975. Đó là một cái giọng rất tội nghiệp kiểu Trần Dần, không thể nghĩ là tâm tư của một kẻ phản trắc.

Rồi đám cháy tắt. Đất nước dập tắt cái đám cháy ngoại xâm ấy. Mỹ rút...Tôi hy vọng...vấn đề cuộc đời tôi lại đặt ra, ít nhất cũng với tôi, vợ con, gia đình, ở ngưỡng cửa của Đất nước chiến thắng... Tôi vẫn hy vọng. Tôi còn ít nhiều năm tháng. Còn một phần đời. Một phần đời, một ngày cũng đáng sống. Dù một buổi chiều. Nhất là trong khi ngày ấy, buổi chiều ấy, phần đời ấy dù bé bỏng nhưng nằm ở ngưỡng cửa Khải hoàn môn... Tôi hy vọng. Tôi còn một phần đời. Để sống nó. Để làm việc. Con cái. Sự gây dựng. Sự chuộc lại...Tôi xin sự giúp đỡ. Sự rộng lượng. Ở các anh. Ở tổ chức. (39)

Đáng tiếc là lời kêu cứu của Trần Dần, cũng là nguyện vọng chung của các nạn nhân NVGP đã rơi vào im lặng. Họ phải đợi thêm 12 năm nữa mới có ngọn gió đổi mới.

Trần Dần từ trần tại Hà Nội ngày 17- 1- 1997. Mười năm sau 2007 ông được truy tặng *Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật*.

Dù sao Trần Dần, cũng như Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán còn được may mắn hơn nhiều người khác.

Cần có câu trả lời cho tất cả những người đã làm *Bông hồng nở sớm* (40) cho mùa xuân của đất nước.

V- Phần kết

Trong một xã hội đã kéo dài hơn nửa thế kỷ về sự mê muội dân trí, về sự độc tài về chính trị, sự lừa dối, sự đầu độc để có sự đồng thuận về vụ NVGP và các nhân vật của nó thật khó như đáy bể mò kim...Nhưng trong đêm tối không phải không có những người đã nhìn thấy ánh sáng của chân lý. Sẽ có nhiều người phản đối tôi. Nhưng chẳng lẽ cứ im lặng mãi. Mỗi người chỉ là một góc của thế giới, và người ta bị thôi miên nữa, người ta cả tin. Tôi nghĩ đau khổ nhất của con người là đánh mất lý trí, là không hiểu, không thấy được thế giới thật đang ở bên mình. Họ đã sống và tàn sát đồng loại và tự biện minh bằng một cái mục đích hảo huyền vô nhân tính. Vào những năm đầu đổi mới tôi đã viết trong bài thơ *Thế giới đang tồn tại*:

Bi kịch thay cho những dân tộc chỉ tin vào những thần tượng, những tín điều.

Người ta đã trả giá

Một tuổi thanh xuân, một đời người, một thế hệ, một thiên niên kỷ để hiểu ra cái giản đơn giữa bao mê cung rắc rối: Con người.

Cắt thế giới ra từng khúc, từng đoạn ư? Hay để nguyên nó mà trầm tưởng, mà chiêm ngưỡng.

Tôi là một phần không thể chia cắt khỏi thế giới.

Tôi hiểu:

Cần phải đối xử với thế giới như nó đang tồn tại. (41)

Cuộc đời của các nhân vật NVGP cho tôi cảm hứng viết bài thơ *Bông hồng nở sớm*. Bài thơ được in trong Tuyển tập Văn học hiện đại Việt Nam 1945- 1993. NXB VH 1993.

Hai mươi lăm năm qua tôi đã cố gắng hóa thân vào hàng nghìn trang tài liệu, vào hàng trăm con người để hiểu một câu hỏi duy nhất NVGP là cái gì?

Nay tôi thấy cần phải lên tiếng về sự kiện này. Nếu không thì đã quá chậm trễ, là có tội với vong linh những người đã khuất. Cả những người là NVGP. Cả những người đã vùi dập NVGP vì cuồng tín ngây thơ hoặc nhờ đàn áp NVGP mà tiến thân. Họ có thể cần nói một lời sám hối với

các bạn bè đồng nghiệp oan khuất của mình, những người bị mình sát hại *một cách lương thiện* mà vẫn còn bị ám ảnh bởi *nỗi sợ hãi vô hình*, đã nhắm mắt mà vẫn chưa nói được.

Với chức nghiệp éo le của mình, tôi đã cứu được nhiều người, đã giữ bình yên cho nền VHNT nhiều năm nhưng tôi đã trả giá cuộc đời mình cho những nhà văn đã dám đốt mình lên trước vận mệnh của đất nước, của nhân dân.(42)

Tôi không may may ân hận, luyến tiếc về việc đã làm.

Chú thích

- 1-Tổ Hữu: *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta thời đại ta*, Nxb Văn học 1973, trang 132-219.
- 2- Hoàng Tiến: *Nhìn lại vụ án Nhân Văn Giai Phẩm cách đây 40 năm*, tài liệu nghiên cứu 1997.
- 3- Vũ Tường: *Ngày nay cách mạng Đông Dương phải hiện nguyên hình: Bước ngoặt dẫn đến cuộc đấu tranh giai cấp và nội chiến Việt Nam vào năm 1948*. Journal of Southeast Asian Studies, 40, 3 (10- 2009), 519- 542. Bản dịch tiếng Việt trên Talawas số Mùa Thu chuyên đề *Bao nhiêu chủ nghĩa dân tộc là đủ?*
- 4- Nhà thơ, sinh năm 1939 quê Hải Phòng, sống ở Hà Nội bị bắt năm 1980 vì đưa tập thơ *Tiếng vọng từ đáy vực* gồm 400 bài vào Sứ quán Anh. Trước đó đã bị bắt và đi tù 2 lần vì tội phản tuyên truyền. Được trả tự do năm 1991, tổng cộng ngồi tù 27 năm, được nhập cư vào Mỹ năm 1995. Tập thơ của ông với có tựa đề *Bản Chúc thư của Một Người Việt Nam – Hoa Địa Ngục* được Văn Bút Quốc Tế tặng Giải thưởng Thơ ca Quốc tế năm 1985. Ông còn có tập truyện *Hỏa Lò* do Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ xuất bản năm 2001 và *Tuyển tập thơ Nguyễn Chí Thiện* 700 bài xuất bản năm 2006.
- 5- Các bài *Tuyên ngôn của nhóm Văn nghệ Chân đất, Hợp báo về phong trào ly khai ở Hà Nội, Lá thư của người Hà Nội, Hà Nội một mối buồn dài, 30 năm văn học ly khai ở miền Bắc* in trong tạp chí văn học *Quê Mẹ* của người Việt Hải ngoại ở Paris số 40- 41- 42, 1980.
- 6- Nam Dao: *Hoàng Cẩm (1922 – 2010)*. Talawas tháng 10- 2010
- 7- Trình Ánh Hồng: *Không chỉ có Moskva: Ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Âu và Bắc Việt thời kỳ hậu Stalin*. Bản dịch Lê Quỳnh, Talawas. Tham khảo thêm ở *Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam 1954 – 1960* của Heinz Schutte, Berlin 2009.
- 8- Vũ Tường, Bđd.
- 9- Trình Ánh Hồng, Bđd.
- 10- Vũ Tường, Bđd.
- 11- Hoàng Giang: *La Révolte des Intellectuels au Viêt- Nam en 1956*, The Vietnam Forum 13. Georges Boudarel, Université de Paris VII: *Intellectual dissidence in the 1950s THE NHÂN- VĂN GIAI- PHẢM AFFAIR*.The Vietnam Frum 13.
- 12- Sau đổi mới tài liệu này đã phát hành công khai trên Bản tin Thông tấn xã Việt Nam. Có thể tham khảo thêm trong *Hồi ký Khơ rút Sốp*, trên mạng.
- 13- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9+10 BCH TƯ ĐCSVN khóa II. Văn kiện Đảng.
- 14- Vũ Tường, Trình Ánh Hồng Bđd.
- 15- Tổ Hữu: Sđd.
- 16- Thái Kế Toại: *Luận văn tốt nghiệp ĐHAN HN Về các đối tượng NVGP và giải pháp trong tình hình đổi mới hiện nay*, năm 1987.
- 17- Nguyễn Mạnh Tường: *Hồi ký bản tiếng Việt Kể bị mất phép thông công – Hà Nội 1954- 1991: Bản án cho một trí thức*. Trên mạng.
- 18- Phòng văn Đào Duy Anh, Đặng Văn Ngữ với chủ đề *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ*, báo Nhân Văn số 2 – 3.
- 19- Đào Duy Anh: *Muốn phát triển học thuật*. Giai phẩm Mùa Thu tập III.
- 20- Phan Khôi: *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*, Giai phẩm Mùa Thu tập I.
- 21- Trương Tửu: *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ*, Giai phẩm Mùa Thu tập II.
- 22- Thụy Khuê: *Nói chuyện với họa sĩ Trần Duy*. Website Thụy Khuê.

23- Thụy Khuê: Bđd.

24- Nguyễn Mạnh Tường có nhắc đến việc bị học trò đầu tổ trong hồi kí *Kể bị mất phép thông công...*

25- Nguyễn Huệ Chi trong bài viết *Trao đổi cùng Nguyễn Văn Hoàn* trên Talawas về thắc mắc của ông trường hợp *Toàn tập Trần Thanh Mại* không có bài đấu tranh trong thời kì NVGP, cho biết bố ông nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi bị ép viết bài phê phán Phan Khôi coi đó là một việc vẫn lấy làm xấu hổ, một vết nhơ không gột nổi. Khi chết ông dặn con tìm cơ hội gột rửa giúp mình. Tác giả được nghe từ các nhân vật NVGP nhiều chuyện khôi hài về sự quay quắt trá trở của tình bạn văn nghệ sĩ thời NVGP.

26- Trong bài trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê, Trần Duy cho biết em ruột mình, một sĩ quan quân đội khai lý lịch đổi tên lót truyền thống của dòng họ, không khai tên ông và chỉ nhận là con nuôi bố ông.

27- Trong bài phỏng vấn của Thụy Khuê với các ông Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhắc trường hợp vợ chồng Vũ Ngọc Phan- Hằng Phương. Hằng Phương gọi Phan Khôi là bác ruột anh mẹ, khi xảy ra NVGP họ viết bài đầu tổ Phan Khôi, không dám đi đưa ma Phan Khôi. Một trường hợp nữa là quan hệ Tố Hữu – Phùng Quán, Tố Hữu là anh cùng cha khác mẹ với mẹ Phùng Quán. Phan Thao là con Phan Khôi vẫn phải ký tên vào tuyên bố lên án NVGP.

28- Trong phỏng vấn của Thụy Khuê với Lê Đạt, Trần Duy.

29- Tạp chí Quê Mẹ đã dẫn.

30- Vũ Ngự Chiêu: *Hồ Chí Minh nhà ngoại giao 1945- 1946.*

Chuyến đi cầu viện bí mật năm 1950 của Hồ. Tạp chí Hợp Lưu

31- Vũ Tường, Bđd.

32- Trình Ánh Hồng, Bđd.

33- David G. Marr: Vietnam 1945 The quest for Power

34- Ninh Kim N.B: A World Transformed: The Politics of Culture in Revolutionary Vietnam, 1945-1965. University of Michigan Press 2002.

35- Lại Nguyên Ân có các bài: *Hội Nhà văn Việt Nam: Sự thành lập và hai năm đầu tiên tồn tại (1957- 1958)*. *Đi tìm dấu tích tờ Sáng Tạo (Hà Nội, 1956)*. *Nguyễn Bính và tuần báo Trăm Hoa (1955- 1957)*. *Xuân Diệu trong những năm 1954 – 1958*.

36- Trần Duy trả lời phỏng vấn Thụy Khuê.

37- Trần Duy: *Tưởng niệm Phan Khôi*. Talawas.

38- Trong trường ca *Cây Cà* báo Đà Nẵng tháng 1- năm 1987. Tên Phùng Quán lần đầu tiên trở lại công khai trên mặt báo.

39- Thái ké Toại: Bđd.

40- Bông hồng nở sớm:

Sau mùa giông bão xác xơ

Hàng cây thu mình trong gió rét

Đón anh về sáng nay

Vườn mẹ nở bông hồng.

Màu đỏ thắm chạm vào nỗi đau của mẹ

Suốt một đời mòn mỏi lo âu

Màu đỏ thắm đánh thức nỗi buồn của đất

Bao năm mặt đất khô cằn

Màu đỏ cháy lên ký ức của anh

Một tình yêu vụt mất hai mươi năm

Bao mộng mơ khao khát âm thầm.

Có ai nói với anh:

*Ngày mai thôi bông hồng sẽ chết
Nhưng hề chi
Màu đỏ kiêu sa cứ cháy trong gió rét
Và ở chân trời
Đang thì thào cơn gió mùa xuân.*

1988

41- Tập thơ *Thế giới đang tồn tại*, Nxb Văn học 1994

42- Đó là việc tác giả và nhà văn Ma Văn Kháng bảo vệ cuốn tiểu thuyết *Chúa Trời ngủ gật* của Nguyễn Dậu in ở Nhà xuất bản Lao Động năm 1993 bị cơ quan Tổng công đoàn lao động quyết định nghiền hủy làm bột giấy. Ma Văn Kháng đã viết lại một phần vụ này, nhưng gì có thể viết được công khai nhưng bị kiểm duyệt cắt bỏ một số đoạn trong hồi kí *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương*, NXB Hội Nhà văn xuất bản năm 2009, trang 385- 400.

Qua vụ này có thể rút ra vài điều :

Bộ máy văn nghệ Việt Nam và Luật xuất bản Việt Nam đã tạo ra rất nhiều cơ quan cảnh sát văn hóa với tư cách là cơ quan chủ quản của nhà xuất bản. Một khi sức ép trực tiếp với nhà xuất bản của A25 và Ban Tuyên giáo không thành, người ta dùng quyền lực của cơ quan chủ quản ép nhà xuất bản tiêu hủy cuốn sách. Trong trường hợp của *Chúa Trời ngủ gật* Bộ VH TT do nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm Thứ trưởng đã có công văn ủng hộ gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng xin vẫn cho sách được xuất bản. Nhưng các phần tử chủ chốt của A25 vẫn gây được sức ép buộc Tổng công đoàn lao động Việt Nam bóp chết cuốn sách.

Làng Mọc Tháng Ba năm Canh Dần